

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 04/NQ-HĐND

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Về Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2026-2030 của thành phố Hà Nội

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ NHẤT

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thủ đô số 39/2024/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 265/2025/QH15 của Quốc hội về kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa XV;

Căn cứ Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030 được sửa đổi bởi Nghị quyết số 120/2026/UBTVQH15;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 275/2025/NĐ-CP;

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu lần thứ XVIII Đảng bộ thành phố Hà Nội nhiệm kỳ 2025-2030;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội tại Tờ trình số 69/TTr-UBND ngày 26 tháng 3 năm 2026, Báo cáo số 98/BC-UBND ngày 26 tháng 3 năm 2026 về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 của Thành phố; Báo cáo thẩm tra số 16/HĐND-BKTNS ngày 26 tháng 3 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân Thành phố khóa XVI; Báo cáo bổ sung, giải trình số 105/BC-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của các đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Mục tiêu, định hướng đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách Thành phố giai đoạn 2026-2030

1. Mục tiêu:

a) Mục tiêu tổng quát

Phát huy vai trò dẫn dắt của đầu tư công, coi đây là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế - xã hội của Thủ đô. Sử dụng vốn đầu tư công hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên các dự án trọng điểm quốc gia, đường sắt đô thị, các dự án then chốt có tác động lan tỏa lớn, các dự án có quy mô lớn, có tính chiến lược và tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của vùng, địa phương, liên kết vùng; các dự án giải quyết triệt để các điểm nghẽn về hạ tầng kỹ thuật, các dự án phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, giáo dục đào tạo, y tế chất lượng cao, văn hóa,... và các dự án có tính đột phá thực hiện các Nghị quyết của Đảng, Bộ Chính trị. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong quản lý đầu tư công, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

b) Mục tiêu cụ thể

- Đầu tư công chiếm khoảng 20% tổng chi đầu tư phát triển toàn xã hội.
- Phấn đấu hoàn thành giải ngân 100% kế hoạch vốn đầu tư công hàng năm.

2. Định hướng đầu tư

Kế hoạch đầu tư công trung hạn được xây dựng trên cơ sở kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, kế hoạch tài chính 5 năm, quy hoạch và các chỉ đạo của Trung ương, Thành ủy, bảo đảm đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải, gắn với khả năng cân đối nguồn lực và nâng cao hiệu quả đầu tư.

Việc phân bổ vốn phải rõ các nhóm, các lĩnh vực ưu tiên theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật chuyên ngành, các định hướng phát triển của Thủ đô theo Nghị quyết số 02-NQ/TW và các Nghị quyết chiến lược của Bộ Chính trị; định hướng quy hoạch tầm nhìn 100 năm và đóng góp tích cực vào tăng trưởng chung của Thành phố. Ưu tiên phát triển các dự án quan trọng, cấp bách có sức lan tỏa lớn; tháo gỡ các “điểm nghẽn”; phát triển hạ tầng giao thông đồng bộ, có tính liên vùng, liên tỉnh, liên xã; chú trọng đầu tư lĩnh vực đề điều, thủy lợi theo hướng đa mục tiêu, thích ứng biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh đầu tư khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; phát triển giáo dục, y tế chất lượng cao; hoàn thiện thiết chế văn hóa, thể thao; bảo đảm quốc phòng, an ninh và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước.

Ngân sách Thành phố hỗ trợ các xã, phường khó khăn về nguồn lực thực hiện dự án có ý nghĩa về phát triển kinh tế - xã hội, góp phần thực hiện hoàn thành một số mục tiêu, chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ

XVIII gắn với thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và phù hợp khả năng cân đối ngân sách Thành phố. Hỗ trợ đầu tư các dự án thuộc ngành dọc quốc phòng, an ninh, tư pháp nhằm đảm bảo mục tiêu an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, củng cố quốc phòng, hệ thống tư pháp.

Cấp xã chủ động quyết định đầu tư theo quy hoạch, khả năng cân đối nguồn lực và phân cấp của pháp luật, bảo đảm phục vụ tốt nhất các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh trên địa bàn theo tinh thần "*địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm*".

Điều 2. Tổng mức vốn và phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 5 năm 2026-2030 của Thành phố

Tổng mức vốn đầu tư công trung hạn 5 năm 2026-2030 của Thành phố là 864.682,067 tỷ đồng, trong đó:

1. Tổng mức vốn đầu tư công trung hạn 5 năm 2026-2030 cấp Thành phố là 691.759,067 tỷ đồng được phân bổ cho các nhiệm vụ, dự án tại các Phụ lục kèm theo, trong đó dự phòng đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách cấp Thành phố là 21.675,590 tỷ đồng.

2. Tổng mức vốn đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách cấp xã giai đoạn 2026-2030 là 172.923 tỷ đồng.

Điều 3. Nguyên tắc, thứ tự ưu tiên trong phân bổ kế hoạch vốn ngân sách Thành phố giai đoạn 2026-2030

Nguyên tắc và thứ tự ưu tiên phân bổ kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030 của Thành phố xác định trên cơ sở quy định của Luật Đầu tư công, văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV, văn kiện Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XVIII, Nghị quyết số 79/NQ-TW ngày 06 tháng 01 năm 2026 của Bộ Chính trị, Nghị của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030.

1. Nguyên tắc, thứ tự ưu tiên chung về phân bổ vốn ngân sách nhà nước:

a) Bố trí đủ vốn theo tiến độ cho các dự án đầu tư công đặc biệt, đầu tư công khẩn cấp, các dự án chuyển tiếp của các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2030, các dự án quan trọng quốc gia.

b) Bố trí đủ vốn để hoàn trả vốn ứng trước, dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn;

c) Bố trí vốn cho các Chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài, bao gồm cả vốn đối ứng. Việc bố trí vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài phải phù hợp với nội dung của Hiệp định, cam kết với nhà tài trợ, khả năng cân đối nguồn vốn đối ứng, năng lực của chủ

chương trình, dự án, tiến độ thực hiện dự án và các chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương.

d) Bố trí vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo phương thức đối tác công tư; bồi thường, chấm dứt hợp đồng dự án PPP trước hạn được cấp có thẩm quyền quyết định, chi trả phần giảm doanh thu các dự án PPP thuộc trách nhiệm của Nhà nước, thanh toán theo hợp đồng dự án BT bằng tiền.

đ) Bố trí vốn cho các dự án chuyển tiếp hoàn thành trong kỳ kế hoạch, dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được duyệt.

e) Bố trí vốn cho nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư;

g) Bố trí vốn để thanh toán toàn bộ nợ đọng xây dựng cơ bản theo quy định của Luật Đầu tư công (nếu có);

h) Bố trí vốn cho cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng khác theo quyết định của Chính phủ hoặc quyết định của Thủ tướng Chính phủ trong phạm vi khả năng cân đối ngân sách nhà nước;

i) Bố trí vốn cho các dự án khởi công mới đủ thủ tục đầu tư, sắp xếp theo thứ tự ưu tiên:

- Các dự án tại Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV; Văn kiện Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XVIII, trong đó ưu tiên: các dự án giải quyết các điểm nghẽn lớn của Thành phố; các dự án cụ thể hoá các định hướng, mục tiêu đầu tư tại Quy hoạch tổng thể Thủ đô và Nghị quyết của Bộ Chính trị về phát triển Thủ đô trong thời gian tới.

- Các dự án đường sắt đô thị, dự án trọng điểm, liên vùng, các dự án có tính chất đột phá về phát triển kinh tế - xã hội; có tính lan tỏa lớn; các chương trình, dự án phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số;

- Các chương trình, nhiệm vụ, dự án giáo dục, đào tạo nhân lực chất lượng cao, bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân,... thực hiện các Nghị quyết của Bộ Chính trị, Chương trình, Kế hoạch của Thành phố góp phần hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế - xã hội.

- + Các chương trình, nhiệm vụ, dự án bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, sạt lở bờ sông, hạn hán,...;

- + Các dự án để thực hiện nhiệm vụ chính trị của Thành phố; phù hợp với các nghị quyết của các cấp Đảng, các chỉ đạo, kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Thành ủy, Lãnh đạo Thành phố, đảm bảo phù hợp với quy hoạch ngành, quy Thành phố được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Đối với phân bổ vốn ngân sách Trung ương: Đảm bảo theo đúng mức phân bổ của Trung ương giao và tuân thủ nguyên tắc, thứ tự ưu tiên phân bổ ngân sách theo quy định pháp luật, chỉ đạo của Trung ương, hướng dẫn của Bộ, ngành và các nguyên tắc chung, thứ tự ưu tiên bố trí vốn nêu trên.

3. Đối với phân bổ vốn ngân sách Thành phố hỗ trợ mục tiêu cấp xã: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Mục C Nghị quyết số 28/2025/NQHĐND ngày 29/9/2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chỉ giữa các cấp ngân sách của Thành phố, đảm bảo bố trí vốn cho các dự án chuyển tiếp để hoàn thành. Trên cơ sở khả năng cân đối ngân sách các cấp, Ngân sách Thành phố hỗ trợ mục tiêu cho các xã, phường có khó khăn về nguồn lực phát triển kinh tế xã hội gắn với việc thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia sau khi tiêu chí, định mức, nguyên tắc phân bổ ngân sách địa phương được cấp có thẩm quyền thông qua.

Điều 4. Các giải pháp triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030

1. Tiếp tục phát huy và triển khai quyết liệt các giải pháp, bài học kinh nghiệm hiệu quả quản lý, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 như:

a) Đầu tư phải tập trung, trọng điểm, đúng mục tiêu định hướng phát triển kinh tế - xã hội mới mục tiêu phát huy vai trò đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư nhân, huy động tối đa nguồn lực xã hội, tạo động lực mới cho phát triển bền vững;

b) Lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, hành động mạnh mẽ, năng động, sáng tạo; kịp thời tháo gỡ điểm nghẽn, vướng mắc đặc biệt trong công tác giải phóng mặt bằng; đề cao trách nhiệm người đứng đầu;

c) Cải cách hành chính mạnh mẽ: điều hành vốn linh hoạt, bố trí kịp thời cho dự án khả thi, giải ngân tốt; kiên quyết cắt giảm vốn dự án chậm để tập trung vào dự án hiệu quả cao. Chấp hành nghiêm kỷ luật, kỷ cương; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với nguồn lực, nâng cao năng lực cấp dưới; tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực.

2. Tập trung các giải pháp huy động nguồn lực để đảm bảo vốn đầu tư công giai đoạn 2026-2030 như:

a) Khai thác hiệu quả nguồn thu nội tại và mở rộng các nguồn thu mới từ kinh tế số, tài sản công, đất đai, kinh tế xanh,... theo Luật Thủ đô (sửa đổi). Tăng cường huy động vốn PPP và xã hội hóa dịch vụ công trong các lĩnh vực: y tế, giáo dục, văn hóa, môi trường....

b) Khai thác hiệu quả các tài sản công để tránh lãng phí và tối ưu nguồn lực chiến lược từ khai thác các quỹ đất dự trữ, các khu TOD quanh metro, giá trị đất tăng thêm theo quy hoạch của Thành phố.

c) Ưu tiên nguồn tăng thu, thường vượt thu hàng năm để bổ sung vốn thực hiện các dự án, công trình trọng điểm, quan trọng của Thành phố, các Chương trình

mục tiêu quốc gia; tiếp tục đề xuất Trung ương tăng cường hỗ trợ mục tiêu cho Hà Nội để thực hiện các dự án lớn, quan trọng, hạ tầng chiến lược.

3. Tập trung chỉ đạo quyết liệt để hoàn thành giải phóng mặt bằng, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án. Nâng cao trách nhiệm và quyết liệt trong chỉ đạo điều hành giải phóng mặt bằng từ cấp Thành phố đến cấp xã. Tại các cấp, phân công các đồng chí lãnh đạo theo dõi, đôn đốc tiến độ thực hiện, giải ngân từng dự án theo từng ngành, lĩnh vực trách và chủ động tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của các dự án; kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố đối với các nội dung vượt thẩm quyền. Tập trung quyết liệt công tác giải phóng mặt bằng cho các dự án trọng điểm, tích cực tháo gỡ khó khăn, giải quyết kịp thời các vướng mắc về cơ chế chính sách trong giải phóng mặt bằng. Đẩy mạnh công tác phát triển quỹ nhà tái định cư. Vận dụng kinh nghiệm Vành đai 4, Vành đai 1; nghiên cứu khung chính sách bồi thường thống nhất, đặc thù theo Nghị quyết 258/2025/QH15.

4. Quyết liệt chỉ đạo điều hành, nâng cao chất lượng chuẩn bị dự án và thực hiện dự án

a) Chi phê duyệt chủ trương đầu tư khi đã thẩm định kỹ nguồn vốn, khả năng cân đối, hiệu quả; nâng cao chất lượng khảo sát, thiết kế, xác định tổng mức đầu tư, tránh điều chỉnh sau phê duyệt.

b) Hàng năm, các cấp chính quyền chủ động rà soát nguồn lực, xây dựng phương án triển khai kế hoạch đầu tư công phù hợp với khả năng thu ngân sách thực tế; kịp thời rà soát, báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp điều chỉnh vốn từ các dự án giải ngân chậm sang các dự án có khả năng hấp thụ vốn tốt. Các chủ đầu tư phải xây dựng tiến độ thực hiện chi tiết từng hạng mục và kế hoạch giải ngân theo tháng, quý để kiểm soát chặt chẽ tiến độ và phân đấu hoàn thành kế hoạch giải ngân vốn được giao.

c) Ủy ban nhân dân các xã, phường tăng cường:

- Đẩy nhanh tiến độ giải quyết thủ tục đầu tư theo phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố; chủ động có giải pháp cụ thể tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và các thủ tục khác để đẩy nhanh tiến độ thi công các dự án trên địa bàn.

- Chỉ đạo các chủ đầu tư, ban quản lý dự án đẩy mạnh thi công xây dựng các dự án cấp xã; phối hợp chặt chẽ với các chủ đầu tư thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách cấp Thành phố trên địa bàn, góp phần thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công.

d) Định kỳ tổ chức giao ban xây dựng cơ bản định kỳ (hàng tuần/tháng) để kiểm điểm tiến độ, giải ngân, tháo gỡ khó khăn tại chỗ; cập nhật tiến độ trên Hệ thống quản lý dự án.

5. Quản lý chặt chẽ việc sử dụng nguồn vốn dự phòng đầu tư công trong kế hoạch đầu tư công trung hạn theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Đầu công và các Nghị định hướng dẫn thi hành.

6. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong công tác quản lý đầu tư công. Đề cao trách nhiệm người đứng đầu, bảo đảm “6 rõ” (*rõ việc, rõ người, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền, rõ tiến độ, rõ kết quả*), đi đôi với tăng cường giám sát, kiểm tra và đánh giá hiệu quả đầu tư; lấy kết quả giải ngân, chất lượng công trình, đóng góp vào tăng trưởng, phát triển kinh tế làm thước đo chủ yếu trong tổ chức thực hiện.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố:

a) Tổ chức thực hiện nghị quyết; triển khai đồng bộ, quyết liệt các giải pháp thực hiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030, tổ chức kiểm tra, giám sát.

b) Tiếp tục rà soát, đánh giá và trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2026-2030 của Thành phố khi Quốc hội phê duyệt chính thức Kế hoạch đầu tư công trung hạn quốc gia và Trung ương thông báo nguồn vốn trung hạn 5 năm 2026-2030 cho

Thành phố, trong đó:

- Rà soát, hoàn thiện nhu cầu kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2026-2030 trên cơ sở đánh giá hiệu quả đầu tư, sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực của từng dự án, bao gồm cả dự án chuyển tiếp và dự án mới đã được bố trí kế hoạch vốn trung hạn và danh mục dự án mới đã được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, dự kiến đầu tư.

- Kiên quyết dừng triển khai các dự án không phù hợp với quy hoạch, mục tiêu phát triển của Thành phố, hiệu quả thấp; chậm triển khai không khắc phục được để ưu tiên nguồn lực cho các dự án trọng điểm, tạo động lực phát triển góp phần thực hiện các nhiệm vụ, dự án trọng điểm, liên vùng, liên tỉnh, liên xã, có ý nghĩa phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo văn kiện Đại hội Đảng các cấp.

- Rà soát, đánh giá lại tổng thể các nguồn lực sau khi Luật Thủ đô, Quy hoạch Thủ đô 100 năm được phê duyệt để đảm bảo nguồn lực đầu tư toàn xã hội và đầu tư công giai đoạn 2026-2030.

c) Trình Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp gần nhất quyết nghị nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Thành phố và tỷ lệ vốn

đối ứng của ngân sách cấp xã để thực hiện tất cả các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2030 đã được Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư; trong đó xác định rõ: Thứ tự ưu tiên đầu tư, nguồn vốn thực hiện các chương trình, cơ chế lồng ghép nguồn vốn đầu tư giữa các chương trình mục tiêu quốc gia đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm, đồng bộ, tránh chồng chéo giữa các chương trình và đảm bảo sự công bằng giữa các đơn vị và gắn với việc thực hiện chỉ tiêu, mục tiêu của các chương trình và chỉ tiêu kinh tế - xã hội.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố chịu trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội tham gia giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XVII, kỳ họp thứ nhất thông qua ngày 28 tháng 3 năm 2026./. ĐW

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội;
- Ủy ban Kinh tế và Tài chính của Quốc hội;
- VP Quốc hội, VP Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Thành ủy Hà Nội;
- TT HĐND TP; UBND TP; UBND TP;
- Đoàn ĐBQH TP Hà Nội;
- Đảng ủy các cơ quan Đảng TP;
- Đảng ủy UBND Thành phố;
- Các vị đại biểu HĐND TP;
- VP Thành ủy, các Ban Đảng TU;
- Các Ban của HĐND TP;
- Văn phòng Đảng ủy UBND TP;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND TP, VP UBND TP;
- Các Sở, ban, ngành thuộc TP;
- TT HĐND, UBND các xã, phường thuộc TP;
- Trang TTĐT của Đoàn ĐBQH&HĐND TP;
- Trung tâm TT, DL và CNS TP;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Phùng Thị Hồng Hà



DANH MỤC CÁC PHỤ LỤC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2026-2030 CỦA THÀNH PHỐ

STT	Nội dung	Số phụ lục	Ghi chú
1	TỔNG NGUỒN VỐN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 05 NĂM 2026-2030 CỦA THÀNH PHỐ	Phụ lục 1	Phụ lục tổng
2	PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 05 NĂM 2026-2030 CẤP THÀNH PHỐ CHO CÁC NHIỆM VỤ, CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN	Phụ lục 2	Phụ lục tổng
3	CƠ CẤU ĐẦU TƯ THEO NGÀNH, LĨNH VỰC GIAI ĐOẠN 2026-2030 NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ	Phụ lục 3	Phụ lục tổng
4	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2026-2030 CẤP THÀNH PHỐ CÓ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG TRONG NƯỚC		
-	Danh mục dự án chuyển tiếp	Phụ lục 4.1	
-	Danh mục dự án khởi công mới	Phụ lục 4.2	
5	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2026-2030 ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN ĐƯỜNG SẮT ĐÔ THỊ, CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA CẤP THÀNH PHỐ		
-	Danh mục dự án chuyển tiếp	Phụ lục 5.1	
-	Danh mục dự án khởi công mới	Phụ lục 5.2	
6	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2026-2030 CÁC DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP CẤP THÀNH PHỐ SỬ DỤNG 100% NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ		
-	Danh mục các dự án khối Hạ tầng, đô thị	Phụ lục 6.1	
-	Danh mục các dự án khối Kinh tế ngành	Phụ lục 6.2	
-	Danh mục các dự án khối Khoa giáo, Văn xã	Phụ lục 6.3	
-	Danh mục các dự án hỗ trợ ngành dọc (tòa án)	Phụ lục 6.4	
-	Danh mục các dự án hỗ trợ ngành dọc (quốc phòng)	Phụ lục 6.5.1	Chế độ mật
-	Danh mục các dự án hỗ trợ ngành dọc (an ninh)	Phụ lục 6.5.2	Chế độ mật
7	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2026-2030 CÁC DỰ ÁN MỚI ĐỦ ĐIỀU KIỆN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN THEO QUY ĐỊNH		
-	Danh mục các dự án khối Hạ tầng, đô thị	Phụ lục 7.1	
-	Danh mục các dự án khối Kinh tế ngành	Phụ lục 7.2	
-	Danh mục các dự án khối Khoa giáo, Văn xã	Phụ lục 7.3	
-	Danh mục các dự án hỗ trợ ngành dọc (tòa án, kiểm sát, dự án khác)	Phụ lục 7.4	
-	Danh mục các dự án hỗ trợ ngành dọc (quốc phòng)	Phụ lục 7.5.1	Chế độ mật
-	Danh mục các dự án hỗ trợ ngành dọc (an ninh)	Phụ lục 7.5.2	Chế độ mật
8	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2026-2030 NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ HỖ TRỢ MỤC TIÊU ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP CẤP XÃ		
-	Danh mục các dự án khối Hạ tầng, đô thị	Phụ lục 8.1	
-	Danh mục các dự án khối Kinh tế ngành	Phụ lục 8.2	
-	Danh mục các dự án khối Khoa giáo, Văn xã	Phụ lục 8.3	
-	Danh mục các dự án ban chỉ huy quân sự xã	Phụ lục 8.4	
9	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2026-2030 NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ HỖ TRỢ MỤC TIÊU ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN MỚI CẤP XÃ		
-	Danh mục các dự án khối Khoa giáo, Văn xã	Phụ lục 9	
10	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ (CHO CÁC DỰ ÁN PPP, DỰ ÁN SỬ DỤNG XDCB ĐẦU TƯ CÔNG CẤP THÀNH PHỐ)	Phụ lục 10	
11	GHI THU GHI CHI NGUỒN TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT ĐỐI ỨNG CÁC DỰ ÁN BT ĐANG TRIỂN KHAI	Phụ lục 11	
12	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2026-2030 VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CỦA CÁC XÃ, PHƯỜNG	Phụ lục 12	



Phụ lục 1

TỔNG NGUỒN VỐN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 05 NĂM 2026-2030 CỦA THÀNH PHỐ

(Kèm theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 28 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2026-2030						Ghi chú
		Tổng Kế hoạch vốn	Cơ cấu (%)	Trong đó				
				Cấp Thành phố	Cơ cấu (%)	Cấp xã	Cơ cấu (%)	
	TỔNG CỘNG	864.682.067	100,0%	691.759.067	80,0%	172.923.000	20,0%	
I	Vốn ngân sách trung ương	172.702.392	20,0%	172.702.392	20,0%			
1	Ngân sách trong nước	162.593.070	18,8%	162.593.070	18,8%			
2	Ngân sách nước ngoài (ODA cấp phát)	10.109.322	1,2%	10.109.322	1,2%			
II	Ngân sách địa phương	691.979.675	80,0%	519.056.675	60,0%	172.923.000	20,0%	
II.1	Ngân sách địa phương trong nước	621.960.047	71,9%	449.037.047	51,9%	172.923.000	20,0%	
1	Vốn ngân sách địa phương	490.137.243	56,7%	317.214.243	36,7%	172.923.000	20,0%	
	Trong đó:							
	Vốn đầu tư công nguồn NSDP không bao gồm số thu sử dụng đất, xổ số kiến thiết, bội chi ngân sách địa phương	219.897.243	25,4%	143.489.286	16,6%	76.407.957	8,8%	
	Nguồn thu tiền sử dụng đất	267.875.000	31,0%	171.359.957	19,8%	96.515.043	11,2%	
	Xổ số kiến thiết Thủ đô	2.365.000	0,3%	2.365.000	0,3%			
2	Vốn khác	131.822.804	15,2%	131.822.804	15,2%			
2.1	Nguồn tăng thu, thường vượt thu	67.359.776		67.359.776				
2.2	Nguồn vay trong nước	64.463.028	7,5%	64.463.028	7,5%			
II.2	Nguồn ODA vay lại	70.019.628	8,1%	70.019.628	8,1%			



Phụ lục 2

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 05 NĂM 2026-2030 CỦA THÀNH PHỐ

(Kèm theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 28 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2026-2030			Ghi chú
		Số dự án	Kế hoạch vốn	Cơ cấu (%)	
I	2	3	4	5	6
	TỔNG CỘNG (KẾ HOẠCH 2026-2030)	2.755	864.682.067		
-	Vốn ODA cấp phát		10.109.322		
-	Vốn ODA vay lại		70.019.628		
-	Vốn NSTW trong nước		162.593.070		
-	Vốn Ngân sách Thành phố:		621.960.047		
+	Từ nguồn trái phiếu Thủ đô		64.463.028		
+	Từ ngân sách Thành phố (ngoài vốn vay)		557.497.019		
A	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN CẤP THÀNH PHỐ	2.755	691.759.067	100,00%	
I	Nhiệm vụ quy hoạch; chuẩn bị đầu tư; thanh quyết toán; hoàn trả quỹ phát triển đất, ngân sách quận ứng trước; hỗ trợ địa phương bạn;... dự phòng		43.635.190	6,31%	
1	Hoàn trả vốn ứng Quỹ phát triển đất ủy thác qua Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố		1.000.000	0,14%	
2	Nhiệm vụ quy hoạch		100.000	0,01%	
3	Chuẩn bị đầu tư (cho các dự án PPP, dự án sử dụng XDCB đầu tư công cấp Thành phố)		2.000.000	0,29%	
4	Thanh quyết toán dự án hoàn thành		2.000.000	0,29%	
5	Bổ sung cho các quỹ và vốn ủy thác qua ngân hàng Chính sách xã hội cho vay giải quyết việc làm....		7.575.200	1,10%	
-	Bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ hỗ trợ phát triển HTX thành phố Hà Nội		330.000	0,05%	
-	Bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ Hỗ trợ nông dân		300.000	0,04%	
-	Bổ sung vốn ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác		6.000.000	0,87%	
-	Chi hỗ trợ lãi suất cho vay của Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội thành phố Hà Nội		5.700	0,00%	
-	Hỗ trợ lãi suất đối với khoản vay Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội của dự án đầu tư xây dựng nhà B Khu nhà ở cho người lao động thuê tại Khu công nghiệp Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, Hà Nội theo Văn bản số 6659/UBND-KT ngày 10/8/2011 của UBND Thành phố		200	0,00%	
-	Hỗ trợ lãi suất đầu tư mua sắm xe buýt điện, năng lượng xanh và hệ thống hạ tầng (trạm biến áp, trạm sạc, trạm nạp khí) phục vụ xe buýt điện, năng lượng xanh theo Nghị quyết số 37/2025/NQ-HĐND ngày 29/9/2025 của HĐND Thành phố		939.300	0,14%	
6	Ghi thu ghi chi nguồn tiền sử dụng đất đối ứng các dự án BT đang triển khai		3.000.000	0,43%	
7	Hỗ trợ các địa phương bạn		2.000.000	0,29%	

Handwritten signature in blue ink.

TT	Nội dung	Kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2026-2030			Ghi chú
		Số dự án	Kế hoạch vốn	Cơ cấu (%)	
8	Tiết kiệm 5% dự toán chi đầu tư ngân sách để bổ sung nguồn đầu tư công trình đường sắt Lào Cai – Hà Nội – Hải Phòng theo chỉ đạo của Trung ương.		4.284.400	0,62%	
9	Dự phòng đầu tư công		21.675.590	3,13%	
II	Kế hoạch vốn bố trí cho các ngành, lĩnh vực để thực hiện các Nghị quyết của Bộ Chính trị, các Chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình/kế hoạch của Thành phố	943	97.429.563	14,08%	
II.1	Chương trình về khoa học công nghệ đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	8	30.642.563	4,43%	4% so với Tổng trung hạn ngân sách địa phương của Thành phố. Trong đó gồm nguồn vốn NSTW trong nước dự kiến.
1	Các nhiệm vụ, chương trình		681.000	0,10%	
-	Vốn góp Quỹ Đầu tư mạo hiểm Thành phố		600.000	0,09%	
-	Trong đó phân bổ đầu năm kinh phí hỗ trợ lãi suất theo quy định tại Nghị quyết số 35/2025/NQ-HĐND ngày 29/9/2025 của HĐND Thành phố		11.000	0,00%	
-	Vốn góp thành lập Công ty cổ phần Trung tâm đổi mới sáng tạo Hà Nội		70.000	0,01%	
2	Các dự án chi tiết	8	12.312.563	1,78%	
-	Các dự án lĩnh vực an ninh có tính chất khoa học công nghệ	1	9.194.000	1,33%	
+	01 Dự án mới đã phê duyệt	1	650.000	0,09%	Phát hành theo chế độ mật
+	02 Dự án mới dự kiến triển khai thực hiện		8.544.000	1,24%	
-	Các dự án cấp Thành phố	7	3.118.563	0,45%	
+	01 Dự án chuyển tiếp	3	663.020	0,10%	Trong đó gồm 508,02 tỷ đồng NSTW trong nước
+	Dự án dự kiến triển khai	4	2.455.543	0,35%	Toàn bộ là vốn NSTW trong nước
-	Các dự án ngân sách Thành phố hỗ trợ cấp xã				
3	Dự nguồn cho lĩnh vực (phân bổ khi đủ điều kiện)		17.649.000	2,55%	
II.2	Chương trình về văn hóa, thể thao	426	20.762.000	3,00%	4% so với Tổng trung hạn ngân sách địa phương cấp Thành phố
1	Phân bổ chi tiết cho các dự án	426	8.169.492	1,18%	
*	Dự án cấp Thành phố	19	1.759.200	0,25%	
-	Dự án chuyển tiếp	12	435.900	0,06%	
-	Dự án mới đã phê chủ trương đầu tư, chưa phê duyệt dự án	7	1.323.300	0,19%	
*	Dự án ngân sách Thành phố hỗ trợ cấp xã	407	6.410.292	0,93%	
-	Dự án chuyển tiếp	386	5.981.712	0,86%	

TT	Nội dung	Kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2026-2030			Ghi chú
		Số dự án	Kế hoạch vốn	Cơ cấu (%)	
-	Dự án mới đã phê duyệt dự án	21	428.580	0,06%	
2	Dự nguồn cho lĩnh vực (phân bổ khi đủ điều kiện)		12.592.508	1,82%	
II.3	Chương trình về giáo dục, đào tạo và giáo dục dạy nghề	426	25.953.000	3,75%	5% so với Tổng trung hạn ngân sách địa phương cấp Thành phố
1	Phân bổ chi tiết cho các dự án	426	20.752.836	3,00%	
*	Dự án cấp Thành phố	84	8.551.757	1,24%	
-	Dự án chuyển tiếp	68	4.472.757	0,65%	
-	Dự án mới đã phê duyệt dự án	8	1.904.000	0,28%	
-	Dự án mới đã phê chủ trương đầu tư, chưa phê duyệt dự án	8	2.175.000	0,31%	
*	Dự án ngân sách Thành phố hỗ trợ cấp xã	342	12.201.079	1,76%	
-	Dự án chuyển tiếp	328	11.355.579	1,64%	
-	Dự án mới đã phê duyệt dự án	14	845.500	0,12%	
2	Dự nguồn cho lĩnh vực (phân bổ khi đủ điều kiện)		5.200.164	0,75%	
II.4	Chương trình về y tế	40	13.572.000	1,96%	2% so với Tổng trung hạn ngân sách địa phương cấp Thành phố
1	Phân bổ chi tiết cho các dự án	40	8.967.100	1,30%	
*	Dự án cấp Thành phố	26	8.853.000	1,28%	
-	Dự án chuyển tiếp	17	4.144.000	0,60%	
-	Dự án mới đã phê duyệt dự án	4	1.121.500	0,16%	
-	Dự án mới đã phê chủ trương đầu tư, chưa phê duyệt dự án	5	3.587.500	0,52%	
*	Dự án ngân sách Thành phố hỗ trợ cấp xã	14	114.100	0,02%	
-	Dự án chuyển tiếp	13	107.500	0,02%	
-	Dự án mới đã phê duyệt dự án	1	6.600	0,00%	
2	Dự nguồn cho lĩnh vực (phân bổ khi đủ điều kiện)		4.604.900	0,67%	
II.5	Dự nguồn cho Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	43	6.500.000	0,94%	
*	Dự án ngân sách Thành phố hỗ trợ cấp xã thực các Chương trình MTQG chuyển tiếp giai đoạn 2021-2025 (không bao gồm các dự án lĩnh vực giáo dục, văn hóa, y tế... do đã tính trong các lĩnh vực nêu trên)	43	1.296.600	0,19%	
*	Dự nguồn cho các dự án (phân bổ khi đủ điều kiện)		5.203.400	0,75%	
III	Ngân sách Thành phố bố trí trực tiếp cho các dự án thuộc các lĩnh vực khác	560	523.634.008	75,70%	
*	Phân theo nguồn vốn:				
-	Vốn trong nước ngân sách cân đối địa phương		280.911.988	40,61%	

TT	Nội dung	Kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2026-2030			Ghi chú
		Số dự án	Kế hoạch vốn	Cơ cấu (%)	
+	Từ nguồn trái phiếu Thủ đô		64.463.028	9,32%	
+	Từ ngân sách Thành phố (ngoài vốn vay)		216.448.960	31,29%	
-	Vốn trong nước ngân sách trung ương		162.593.070	23,50%	
-	Vốn nước ngoài (ODA)		80.128.950	11,58%	
	+ ODA cấp phát		10.109.322	1,46%	
	+ ODA vay lại		70.019.628	10,12%	
*	<i>Phân theo nhóm dự án</i>				
III.1	Các dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương trong nước cấp Thành phố	6	51.053.276	7,38%	(Không bao gồm 2.963,563 tỷ đồng NSTW thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ)
-	Dự án chuyển tiếp	5	45.449.894	6,57%	
-	Dự án mới đã phê duyệt dự án	1	5.603.382	0,81%	
-	Dự án mới đã phê chủ trương đầu tư, chưa phê duyệt dự án				
III.2	Các dự án đường sắt đô thị và các dự án sử dụng vốn ODA cấp Thành phố	20	310.191.125	44,84%	
-	Dự án chuyển tiếp	7	89.932.828	13,00%	
-	Dự án mới đã phê chủ trương đầu tư, chưa phê duyệt dự án	13	220.258.297	31,84%	
III.3	Các dự án cấp Thành phố khác	495	149.109.255	21,56%	
-	Dự án chuyển tiếp	323	93.968.720	13,58%	
-	Dự án mới đã phê duyệt dự án	53	29.708.972	4,29%	
-	Dự án mới đã phê chủ trương đầu tư, chưa phê duyệt dự án	119	25.431.563	3,68%	
III.4	Các dự án hỗ trợ ngành dọc	39	13.280.352	1,92%	
III.4.1	Các dự án lĩnh vực quốc phòng	10	4.024.044	0,58%	Phát hành theo chế độ mật
-	Dự án chuyển tiếp	7	826.190	0,12%	
	Trong đó: Dự án Trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã	1	9.000	0,00%	Phát hành theo chế độ không mật
-	Dự án mới đã phê duyệt dự án	2	688.800	0,10%	
-	Dự án mới đã phê chủ trương đầu tư, chưa phê duyệt dự án	1	163.200	0,02%	
-	Dự nguồn cho các dự án chưa đủ điều kiện		2.345.854	0,34%	
III.4.2	Các dự án lĩnh vực an ninh (trừ 03 dự án có tính chất khoa học, công nghệ)	26	7.515.308	1,09%	Phát hành theo chế độ mật
-	Dự án chuyển tiếp	24	1.251.558	0,18%	
-	Dự án mới đã phê duyệt dự án	1	13.750	0,00%	
-	Dự án mới đã phê chủ trương đầu tư, chưa phê duyệt dự án	1	2.000.000	0,29%	
-	Dự nguồn cho các dự án chưa đủ điều kiện		4.250.000	0,61%	
III.4.3	Các dự án hỗ trợ ngành dọc (tòa án, kiểm sát)	3	1.741.000	0,25%	
-	Dự án chuyển tiếp	1	48.000	0,01%	
-	Dự án mới đã phê duyệt dự án	1	800.000	0,12%	
-	Dự án mới đã phê chủ trương đầu tư, chưa phê duyệt dự án	1	31.000	0,00%	
-	Dự nguồn cho các dự án chưa đủ điều kiện		862.000	0,12%	

TT	Nội dung	Kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2026-2030			Ghi chú
		Số dự án	Kế hoạch vốn	Cơ cấu (%)	
IV	Ngân sách Thành phố thực hiện các dự án thuộc các Chương trình, Đề án.... khác ngoài các lĩnh vực y tế, giáo dục, di tích, các chương trình mục tiêu quốc gia chuyển tiếp (xây dựng nông thôn mới; phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi...)	1.252	27.060.306	3,91%	
-	Dự án chuyển tiếp	1.247	26.985.006	3,90%	
-	Dự án mới đã phê duyệt dự án	5	75.300	0,01%	
C	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN CẤP XÃ		172.923.000		

Ph ✓



PHỤ LỤC 3

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH VỐN TRUNG HẠN 5 NĂM 2026-2030 THEO NGÀNH, LĨNH VỰC

(Kèm theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 28 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2026-2030						Ghi chú
		Tổng kế hoạch vốn		Trong đó				
		Số dự án	Tổng kế hoạch vốn	Kế hoạch vốn các dự án cấp Thành phố		Kế hoạch vốn ngân sách Thành phố hỗ trợ		
				Số dự án	KHV	Số dự án	KHV	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
*	TỔNG SỐ	2.755	602.192.905	696	555.101.528	2.059	47.091.377	
a	Dự án chuyển tiếp từ trước năm 2025	2.484	286.919.264	466	241.183.867	2.018	45.735.397	
b	Các dự án mới khởi công giai đoạn 2026-2030	271	315.273.641	230	313.917.661	41	1.355.980	
b.1	Dự án mới phê duyệt dự án	112	41.846.384	71	40.490.404	41	1.355.980	
b.2	Dự án mới phê duyệt chủ trương đầu tư	155	254.969.860	155	254.969.860			
b.3	Dự án mới giao nhiệm vụ		862.000		862.000			
b.4	Dự án dự kiến đầu tư	4	17.595.397	4	17.595.397			
1	Lĩnh vực quốc phòng	10	4.024.044	9	4.015.044	1	9.000	
a	Dự án chuyển tiếp từ trước năm 2025	7	826.190	6	817.190	1	9.000	
b	Các dự án mới khởi công giai đoạn 2026-2030	3	3.197.854	3	3.197.854			
b.1	Dự án mới phê duyệt dự án	2	688.800	2	688.800			
b.2	Dự án mới phê duyệt chủ trương đầu tư	1	163.200	1	163.200			
b.4	Dự án dự kiến đầu tư		2.345.854		2.345.854			
2	Lĩnh vực an ninh và trật tự, an toàn xã hội	27	16.709.308	27	16.709.308			
a	Dự án chuyển tiếp từ trước năm 2025	24	1.251.558	24	1.251.558			
b	Các dự án mới khởi công giai đoạn 2026-2030	3	15.457.750	3	15.457.750			
b.1	Dự án mới phê duyệt dự án	2	663.750	2	663.750			
b.2	Dự án mới phê duyệt chủ trương đầu tư	1	2.000.000	1	2.000.000			
b.4	Dự án dự kiến đầu tư		12.794.000		12.794.000			
3	Lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục dạy nghề	426	20.752.836	84	8.551.757	342	12.201.079	
a	Dự án chuyển tiếp từ trước năm 2025	396	15.828.336	68	4.472.757	328	11.355.579	
b	Các dự án mới khởi công giai đoạn 2026-2030	30	4.924.500	16	4.079.000	14	845.500	

TT	Nội dung	Kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2026-2030						Ghi chú
		Tổng kế hoạch vốn		Trong đó				
		Số dự án	Tổng kế hoạch vốn	Kế hoạch vốn các dự án cấp Thành phố		Kế hoạch vốn ngân sách Thành phố hỗ trợ		
				Số dự án	KHV	Số dự án	KHV	
b.1	Dự án mới phê duyệt dự án	22	2.749.500	8	1.904.000	14	845.500	
b.2	Dự án mới phê duyệt chủ trương đầu tư	8	2.175.000	8	2.175.000			
4	Lĩnh vực khoa học công nghệ đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	7	3.118.563	7	3.118.563			
a	Dự án chuyển tiếp từ trước năm 2025	3	663.020	3	663.020			
b	Các dự án mới khởi công giai đoạn 2026-2030	4	2.455.543	4	2.455.543			
b.4	Dự án dự kiến đầu tư	4	2.455.543	4	2.455.543			
5	Lĩnh vực y tế, dân số và gia đình	40	8.967.100	26	8.853.000	14	114.100	
a	Dự án chuyển tiếp từ trước năm 2025	30	4.251.500	17	4.144.000	13	107.500	
b	Các dự án mới khởi công giai đoạn 2026-2030	10	4.715.600	9	4.709.000	1	6.600	
b.1	Dự án mới phê duyệt dự án	5	1.128.100	4	1.121.500	1	6.600	
b.2	Dự án mới phê duyệt chủ trương đầu tư	5	3.587.500	5	3.587.500			
6	Lĩnh vực văn hóa thông tin	414	7.527.692	16	1.632.200	398	5.895.492	
a	Dự án chuyển tiếp từ trước năm 2025	388	5.833.812	9	308.900	379	5.524.912	
b	Các dự án mới khởi công giai đoạn 2026-2030	26	1.693.880	7	1.323.300	19	370.580	
b.1	Dự án mới phê duyệt dự án	19	370.580			19	370.580	
b.2	Dự án mới phê duyệt chủ trương đầu tư	7	1.323.300	7	1.323.300			
6.1	Lĩnh vực văn hóa thông tin (du lịch) - Lĩnh vực văn hóa thông tin khác	13	464.500	3	135.000	10	329.500	
a	Dự án chuyển tiếp từ trước năm 2025	13	464.500	3	135.000	10	329.500	
6.2	Lĩnh vực văn hóa thông tin (du lịch) - Nhà văn hóa thôn	64	428.030			64	428.030	
a	Dự án chuyển tiếp từ trước năm 2025	61	363.450			61	363.450	
b	Các dự án mới khởi công giai đoạn 2026-2030	3	64.580			3	64.580	
b.1	Dự án mới phê duyệt dự án	3	64.580			3	64.580	
6.3	Lĩnh vực văn hóa thông tin (du lịch) - Lĩnh vực di tích	337	6.635.162	13	1.497.200	324	5.137.962	
a	Dự án chuyển tiếp từ trước năm 2025	314	5.005.862	6	173.900	308	4.831.962	
b	Các dự án mới khởi công giai đoạn 2026-2030	23	1.629.300	7	1.323.300	16	306.000	
b.1	Dự án mới phê duyệt dự án	16	306.000			16	306.000	
b.2	Dự án mới phê duyệt chủ trương đầu tư	7	1.323.300	7	1.323.300			

TT	Nội dung	Kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2026-2030						Ghi chú
		Tổng kế hoạch vốn		Trong đó				
		Số dự án	Tổng kế hoạch vốn	Kế hoạch vốn các dự án cấp Thành phố		Kế hoạch vốn ngân sách Thành phố hỗ trợ		
				Số dự án	KHV	Số dự án	KHV	
7	Lĩnh vực phát thanh, truyền hình, thông tấn	5	69.106			5	69.106	
a	Dự án chuyển tiếp từ trước năm 2025	3	22.306			3	22.306	
b	Các dự án mới khởi công giai đoạn 2026-2030	2	46.800			2	46.800	
b.1	Dự án mới phê duyệt dự án	2	46.800			2	46.800	
8	Lĩnh vực thể dục, thể thao	12	641.800	3	127.000	9	514.800	
a	Dự án chuyển tiếp từ trước năm 2025	10	583.800	3	127.000	7	456.800	
b	Các dự án mới khởi công giai đoạn 2026-2030	2	58.000			2	58.000	
b.1	Dự án mới phê duyệt dự án	2	58.000			2	58.000	
9	Lĩnh vực môi trường	28	9.318.900	16	9.103.200	12	215.700	
a	Dự án chuyển tiếp từ trước năm 2025	21	3.499.700	9	3.284.000	12	215.700	
b	Các dự án mới khởi công giai đoạn 2026-2030	7	5.819.200	7	5.819.200			
b.1	Dự án mới phê duyệt dự án	1	1.700.000	1	1.700.000			
b.2	Dự án mới phê duyệt chủ trương đầu tư	6	4.119.200	6	4.119.200			
10	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế	1.531	517.320.164	458	494.676.256	1.073	22.643.908	
a	Dự án chuyển tiếp từ trước năm 2025	1.373	244.742.650	300	222.098.742	1.073	22.643.908	
b	Các dự án mới khởi công giai đoạn 2026-2030	158	272.577.514	158	272.577.514			
b.1	Dự án mới phê duyệt dự án	48	32.670.754	48	32.670.754			
b.2	Dự án mới phê duyệt chủ trương đầu tư	110	239.906.760	110	239.906.760			
10.1	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế - Lĩnh vực đề điều	33	2.757.139	19	2.083.000	14	674.139	
a	Dự án chuyển tiếp từ trước năm 2025	33	2.757.139	19	2.083.000	14	674.139	
10.2	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế - Lĩnh vực thủy lợi	107	9.880.850	37	8.482.500	70	1.398.350	
a	Dự án chuyển tiếp từ trước năm 2025	94	7.083.350	24	5.685.000	70	1.398.350	
b	Các dự án mới khởi công giai đoạn 2026-2030	13	2.797.500	13	2.797.500			
b.1	Dự án mới phê duyệt dự án	4	791.500	4	791.500			
b.2	Dự án mới phê duyệt chủ trương đầu tư	9	2.006.000	9	2.006.000			
10.3	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế - Lĩnh vực nông nghiệp	107	1.552.900	2	321.000	105	1.231.900	
a	Dự án chuyển tiếp từ trước năm 2025	105	1.231.900			105	1.231.900	
b	Các dự án mới khởi công giai đoạn 2026-2030	2	321.000	2	321.000			
b.1	Dự án mới phê duyệt dự án	1	111.000	1	111.000			

TT	Nội dung	Kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2026-2030						Ghi chú
		Tổng kế hoạch vốn		Trong đó				
		Số dự án	Tổng kế hoạch vốn	Kế hoạch vốn các dự án cấp Thành phố		Kế hoạch vốn ngân sách Thành phố hỗ trợ		
				Số dự án	KHV	Số dự án	KHV	
b.2	Dự án mới phê duyệt chủ trương đầu tư	1	210.000	1	210.000			
10.5	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế - Lĩnh vực thương mại	12	121.700			12	121.700	
a	Dự án chuyển tiếp từ trước năm 2025	12	121.700			12	121.700	
10.6	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế - Lĩnh vực giao thông	1.012	488.879.152	371	474.582.526	641	14.296.626	
a	Dự án chuyển tiếp từ trước năm 2025	885	226.483.680	244	212.187.054	641	14.296.626	
b	Các dự án mới khởi công giai đoạn 2026-2030	127	262.395.472	127	262.395.472			
b.1	Dự án mới phê duyệt dự án	31	25.860.712	31	25.860.712			
b.2	Dự án mới phê duyệt chủ trương đầu tư	96	236.534.760	96	236.534.760			
10.7	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế - Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật, cấp, thoát nước	100	10.404.287	24	8.080.342	76	2.323.945	
a	Dự án chuyển tiếp từ trước năm 2025	86	4.254.745	10	1.930.800	76	2.323.945	
b	Các dự án mới khởi công giai đoạn 2026-2030	14	6.149.542	14	6.149.542			
b.1	Dự án mới phê duyệt dự án	11	5.157.542	11	5.157.542			
b.2	Dự án mới phê duyệt chủ trương đầu tư	3	992.000	3	992.000			
10.12	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế - Lĩnh vực quy hoạch	14	12.355			14	12.355	
a	Dự án chuyển tiếp từ trước năm 2025	14	12.355			14	12.355	
10.13	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế - Lĩnh vực công trình công cộng tại các đô thị	146	3.711.781	5	1.126.888	141	2.584.893	
a	Dự án chuyển tiếp từ trước năm 2025	144	2.797.781	3	212.888	141	2.584.893	
b	Các dự án mới khởi công giai đoạn 2026-2030	2	914.000	2	914.000			
b.1	Dự án mới phê duyệt dự án	1	750.000	1	750.000			
b.2	Dự án mới phê duyệt chủ trương đầu tư	1	164.000	1	164.000			
11	Lĩnh vực hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể (bao gồm trụ sở)	20	414.200	4	230.000	16	184.200	
a	Dự án chuyển tiếp từ trước năm 2025	19	319.200	3	135.000	16	184.200	
b	Các dự án mới khởi công giai đoạn 2026-2030	1	95.000	1	95.000			
b.2	Dự án mới phê duyệt chủ trương đầu tư	1	95.000	1	95.000			
12	Lĩnh vực xã hội (lao động thương binh và xã hội)	23	222.780	3	35.000	20	187.780	

TT	Nội dung	Kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2026-2030						Ghi chú
		Tổng kế hoạch vốn		Trong đó				
		Số dự án	Tổng kế hoạch vốn	Kế hoạch vốn các dự án cấp Thành phố		Kế hoạch vốn ngân sách Thành phố hỗ trợ		
				Số dự án	KHV	Số dự án	KHV	
a	Dự án chuyển tiếp từ trước năm 2025	20	194.280	3	35.000	17	159.280	
b	Các dự án mới khởi công giai đoạn 2026-2030	3	28.500			3	28.500	
b.1	Dự án mới phê duyệt dự án	3	28.500			3	28.500	
13	Lĩnh vực khác	212	13.106.412	43	8.050.200	169	5.056.212	
a	Dự án chuyển tiếp từ trước năm 2025	190	8.902.912	21	3.846.700	169	5.056.212	
b	Các dự án mới khởi công giai đoạn 2026-2030	22	4.203.500	22	4.203.500			
b.1	Dự án mới phê duyệt dự án	6	1.741.600	6	1.741.600			
b.2	Dự án mới phê duyệt chủ trương đầu tư	16	1.599.900	16	1.599.900			
b.3	Dự án mới giao nhiệm vụ		862.000		862.000			
13.1	Lĩnh vực khác - Lĩnh vực HTKT tái định cư	209	11.365.412	40	6.309.200	169	5.056.212	
a	Dự án chuyển tiếp từ trước năm 2025	189	8.854.912	20	3.798.700	169	5.056.212	
b	Các dự án mới khởi công giai đoạn 2026-2030	20	2.510.500	20	2.510.500			
b.1	Dự án mới phê duyệt dự án	5	941.600	5	941.600			
b.2	Dự án mới phê duyệt chủ trương đầu tư	15	1.568.900	15	1.568.900			
13.2	Lĩnh vực khác - Lĩnh vực tòa án	2	494.000	2	494.000			
a	Dự án chuyển tiếp từ trước năm 2025	1	48.000	1	48.000			
b	Các dự án mới khởi công giai đoạn 2026-2030	1	446.000	1	446.000			
b.2	Dự án mới phê duyệt chủ trương đầu tư	1	31.000	1	31.000			
b.3	Dự án mới giao nhiệm vụ		415.000		415.000			
13.3	Lĩnh vực khác - Lĩnh vực kiểm sát	1	1.247.000	1	1.247.000			
b	Các dự án mới khởi công giai đoạn 2026-2030	1	1.247.000	1	1.247.000			
b.1	Dự án mới phê duyệt dự án	1	800.000	1	800.000			
b.3	Dự án mới giao nhiệm vụ		447.000		447.000			

Ph

Phụ lục 4.1

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2026-2030 CÁC DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP CẤP THÀNH PHỐ CÓ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG TRONG NƯỚC

(Kèm theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 28 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	 Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025			KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	CTHT giai đoạn 2026- 2030	Chủ đầu tư	Ghi chú	
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân	Trong đó						
									Lũy kế giải ngân 2021- 2024	KHV năm 2025					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
	TỔNG CỘNG	6				103.552.353		15.535.497	5.615.989	10.002.823	45.957.914	5			
-	Ngân sách trung ương trong nước							9.711.347	1.405.548	8.419.113	18.506.507				
-	Ngân sách Thành phố							4.831.244	3.252.534	1.548.710	27.451.407				
1	Lĩnh vực giao thông	5				102.930.888		15.535.497	5.574.275	9.931.223	45.449.894	5			
a	Dự án chuyên tiếp cận bổ trợ vốn để hoàn thành	5				102.930.888		15.535.497	5.574.275	9.931.223	45.449.894	5			
1	Xây dựng tuyến đường cao tốc Đại lộ Thăng Long đoạn nối từ QL 21 đến cao tốc Hà Nội - Hòa Bình	1	Yên Xuân, Hòa Lạc	2022-2026	2114/QĐ-UBND ngày 21/6/2022	5.249.353		567.271	547.271	20.000	3.844.000	1	Ban QLDA ĐTXDCT Dân dụng		
-	Ngân sách trung ương trong nước							323.891	323.891		1.344.000				
-	Ngân sách Thành phố							243.380	223.380	20.000	2.500.000				
2	Cổng trình trọng điểm 2021-2025: Đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 - Vùng Thủ đô Hà Nội	1	Xã Kim Anh, Xã Nội Bái, Xã Mê Linh, Xã Quang Minh, Xã Tiến Thắng, Xã Ô Diên, Xã Đan Phượng, Xã Hoài Đức, Xã Dương Hoà, Xã Sơn Đồng, Xã An Khánh, Phường Yên Nghĩa, Phường Phú Lương, Xã Bình Minh, Xã Tam Hưng, Xã Thường Tín, Xã Hồng Vân.	2022-2028	56/2022/QH15 16/6/2022	75.043.541		10.947.103	4.009.590	6.907.513	23.559.989	1			
-	Ngân sách trung ương trong nước								6.392.456	389.943	6.002.513	12.150.487			
-	Ngân sách Thành phố								3.561.740	2.661.740	870.000	11.409.502			
2.1	Dự án thành phần 1.1: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (bao gồm hệ thống đường cao tốc, đường song hành (đường đô thị), hạ tầng kỹ thuật và hành lang dự trữ đường sắt quốc gia) thuộc địa phận thành phố Hà Nội			2022-2025	1012/QĐ-UBND 16/02/2023	13.362.000		693.214	663.214		72.833		Ban QLDA ĐTXD Công trình Giao thông		
-	Ngân sách trung ương trong nước								229.943	229.943					
-	Ngân sách Thành phố								463.271	433.271		72.833			
2.2	Dự án thành phần 2.1: Xây dựng đường song hành (đường đô thị) địa phận thành phố Hà Nội			2022-2027	1072/QĐ-UBND 20/02/2023	5.388.000		3.021.600	2.151.600	870.000	2.366.400		Ban QLDA ĐTXD Công trình Giao thông		
-	Ngân sách trung ương trong nước														
-	Ngân sách Thành phố								3.021.600	2.151.600	870.000	2.366.400			
2.3	Dự án thành phần 3: Đầu tư xây dựng đường cao tốc theo phương thức đối tác công tư			2022-2027	6479/QĐ-UBND 20/12/2023	56.293.541		6.239.382	236.869	6.002.513	20.849.618		Ban QLDA ĐTXD Công trình Giao thông		
-	Ngân sách trung ương trong nước							6.162.513	160.000	6.002.513	12.150.487				
-	Ngân sách Thành phố							76.869	76.869		8.699.131				

ST T	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025			KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	CTHT giai đoạn 2026- 2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân	Trong đó					
									Lũy kế giải ngân 2021- 2024	KHV năm 2025				
3	Dự án xây dựng cầu Ngọc Hồi và đường dẫn 02 đầu cầu thuộc địa phận Hà Nội	1		2025- 2028		10.749.781		2.972.746		2.972.746	7.755.254	1		
-	Ngân sách trung ương trong nước							2.345.000		2.345.000	2.754.000			
-	Ngân sách Thành phố							627.746		627.746	5.001.254			
3.1	Dự án TP 2: Đầu tư xây dựng hệ thống đường song hành trên địa phận thành phố Hà Nội và địa phận tỉnh Hưng Yên		Hà Nội-Hưng Yên	2025- 2028	248/QĐ-UBND ngày 16/01/2026	551.781					530.000		Ban QLDA ĐTXD CTGT TP HN	
-	Ngân sách trung ương trong nước													
-	Ngân sách Thành phố										530.000			
3.2	Dự án TP 3: Xây dựng cầu Ngọc Hồi và đường dẫn 2 đầu cầu.		Xã Thanh Trì; xã Nam Phú; xã Bát Tràng (Hà Nội) Xã Phụng Công; Xã Văn Giang (Hưng Yên)	2025- 2028	Số 2878/QĐ-UBND 10/6/2025	10.198.000		2.972.746		2.972.746	7.225.254		Ban QLDA ĐTXD CTGT TP HN	
-	Ngân sách trung ương trong nước							2.345.000		2.345.000	2.754.000			
-	Ngân sách Thành phố							627.746		627.746	4.471.254			
4	Công trình trọng điểm 2021-2025: Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 6: đoạn Ba La - Xuân Mai	1			23/NQ-HĐND 23/9/2021; 969/QĐ- UBND 18/3/2022; 62/NQ-UBND	9.590.822		1.043.637	1.013.200	30.438	7.998.000	1		
-	Ngân sách trung ương trong nước							650.000	650.000		950.000			
-	Ngân sách Thành phố							393.637	363.200	30.438	7.048.000			
4.1	Dự án thành phần 1.1 Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, thực hiện giải phóng mặt bằng trên địa bàn quận Hà Đông		Các phường: Yên Nghĩa, Dương Nội, Phủ Lương, Kiến Hưng	2022- 2026	2027/QĐ - UBND 17/4/2024	3.886.225		806	368	438	3.885.000		Ban QLDA ĐTXD CTGT TP HN	
-	Ngân sách Thành phố							806	368	438	3.885.000			
4.2	Dự án thành phần 1.2 Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, thực hiện giải phóng mặt bằng trên địa bàn huyện Chương Mỹ		Phường chương Mỹ; xã Phú Nghĩa; Xuân Mai	2022- 2027	1334/QĐ-UBND 11/3/2024	2.688.523		74.359	44.359	30.000	2.613.000		Ban QLDA ĐTXD CTGT TP HN	
-	Ngân sách Thành phố							74.359	44.359	30.000	2.613.000			
4.3	Dự án thành phần 2 đầu tư xây dựng Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 6 đoạn Ba La - Xuân Mai		Phường : Dương Nội, Kiến Hưng, Yên Nghĩa, Phú Lương, Chương Mỹ; Các xã: Phú Nghĩa; xã Xuân Mai	2022- 2027	969/QĐ-UBND ngày 18/3/2022; 431/QĐ- UBND ngày 22/01/2024	3.016.074		968.472	968.472		1.500.000		Ban QLDA ĐTXD CTGT TP HN	

ST T	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025			KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	CTHT giai đoạn 2026- 2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân	Trong đó					
									Lũy kế giải ngân 2021- 2024	KHV năm 2025				
-	Ngân sách trung ương trong nước							650.000	650.000		950.000			
-	Ngân sách Thành phố							318.472	318.472		550.000			
5	Cải tạo, nâng cấp tuyến Quốc lộ 32, đoạn từ Sơn Tây đến cầu Trung Hà	1	Ba Vì	2021- 2027	23/NQ-HĐND 23/9/2021; 14/NQ- HĐND 04/7/2023	2.297.391		4.741	4.215	526	2.292.651	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT TP HN	
-	Ngân sách trung ương trong nước										800.000			
-	Ngân sách Thành phố							4.741	4.215	526	1.492.651			
5.1	Dự án TP2: Cải tạo, nâng cấp tuyến Quốc lộ 32, đoạn Sơn Tây đến cầu Trung Hà (từ Km 47+500 - Km 53+500), huyện Ba Vì		Xã Sơn Tây, Quảng Oai	2024- 2027	23/NQ-HĐND 23/9/2021; 14/NQ- HĐND 04/7/2023; 3375/QĐ-UBND 29/6/2024	1.023.580		2.846	2.320	526	1.020.734			
-	Ngân sách trung ương trong nước										400.000			
-	Ngân sách Thành phố							2.846	2.320	526	620.734			
5.2	Dự án TP1: Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 32 đoạn từ Sơn Tây đến cầu Trung Hà (Km55+200 đến Km62+500)		Xã Việt Lại	2025- 2028	NQ 14/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	1.273.811		1.894	1.894		1.271.917			
-	Ngân sách trung ương trong nước										400.000			
-	Ngân sách Thành phố							1.894	1.894		871.917			
II	Lĩnh vực khoa học công nghệ đổi mới sáng tạo và	1				621.465			41.714	71.600	508.020	1		
1	Dự án hoàn thiện hạ tầng Khu Công nghệ cao Hòa Lạc	1	Khu CNC Hòa Lạc	2023- 2026	2375/QĐ-BKHCN 24/9/2021; 154/QĐ- CNCHL 15/11/2023	621.465			41.714	71.600	508.020	1	Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp TP	
-	Ngân sách trung ương trong nước					621.465			41.714	71.600	508.020			
-	Ngân sách Thành phố													

Phụ lục 4.2

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2026-2030 CÁC DỰ ÁN MỚI CẤP THÀNH PHỐ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG TRONG NƯỚC

(Kèm theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 28 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Quyết định dự án đầu tư được duyệt		KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	CTHT giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	TỔNG CỘNG	5				8.058.925		5.603.382	8.058.925	1		
	Ngân sách trung ương trong nước								7.955.543			
	Ngân sách Thành phố								103.382			
I	Lĩnh vực giao thông	1				5.603.382		5.603.382	5.603.382	1		
-	Ngân sách trung ương trong nước								5.500.000			
-	Ngân sách Thành phố								103.382			
a	Dự án đã phê duyệt dự án	1				5.603.382		5.603.382	5.603.382	1		
1	Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư, giải phóng mặt bằng thực hiện đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối sân bay Gia Bình với Thủ đô Hà Nội	1			428/NQ-HĐND ngày 28/6/2025	5.603.382		5.603.382	5.603.382	1		
+	Ngân sách trung ương trong nước								5.500.000			
+	Ngân sách Thành phố								103.382			
-	Dự án TP1: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thuộc địa phận xã Thuận An, xã Phú Đồng, thành phố Hà Nội và địa phận phường Từ Sơn và phường Phú Khê, tỉnh Bắc Ninh		Các xã Thuận An, xã Phú Đồng, thành phố Hà Nội và phường Từ Sơn và phường Phú Khê, tỉnh Bắc Ninh	2025-2026			6146/QĐ-UBND ngày 11/12/2025	4.404.708	4.404.708		UBND xã Phú Đồng	
+	Ngân sách trung ương trong nước								4.400.000			
+	Ngân sách Thành phố								4.708			
-	Dự án TP2: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thuộc địa phận xã Đông Anh, Thụ Lâm, thành phố Hà Nội		Các xã Đông Anh, Thụ Lâm thành phố Hà Nội	2025-2026			5219/QĐ-UBND ngày 20/10/2025	1.198.674	1.198.674		UBND xã Đông Anh	
+	Ngân sách trung ương trong nước								1.100.000			
+	Ngân sách Thành phố								98.674			

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Quyết định dự án đầu tư được duyệt		KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	CTHT giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
II	Lĩnh vực khoa học công nghệ đổi mới sáng tạo	4				2.455.543			2.455.543	4		
	Ngân sách trung ương trong nước					2.455.543			2.455.543			
	Ngân sách Thành phố											
c	Dự án đã được giao nhiệm vụ (dự nguồn ngân sách Trung ương)	4				2.455.543			2.455.543	4		
1	Dự án Hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật, công trình công cộng và cảnh quan, cây xanh tập trung	1	Khu CNC Hòa Lạc	2026-2028		1.226.000				1	Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp TP	
	Ngân sách trung ương trong nước					1.226.000						Dự nguồn 1.226 tỷ đồng
	Ngân sách Thành phố											
2	Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật các khu chức năng Khu Giáo dục và Đào tạo	1	Khu CNC Hòa Lạc	2027-2028		397.000				1	Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp TP	
	Ngân sách trung ương trong nước					397.000						Dự nguồn 397 tỷ đồng
	Ngân sách Thành phố											
3	Dự án xây dựng hạ tầng thông minh Khu Công nghệ cao Hòa Lạc	1	Khu CNC Hòa Lạc	2026-2028		350.000				1	Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp TP	
	Ngân sách trung ương trong nước					350.000						Dự nguồn 350 tỷ đồng
	Ngân sách Thành phố											
4	Dự án xây dựng Hoàn thiện Vườn ươm doanh nghiệp công nghệ cao	1	Khu CNC Hòa Lạc	2026-2028		482.543				1	Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp TP	
	Ngân sách trung ương trong nước					482.543						Dự nguồn 482,543 tỷ đồng
	Ngân sách Thành phố											



Phụ lục 5.1

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2026-2030 ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP ĐƯỜNG SẮT ĐÔ THỊ VÀ CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA CẤP THÀNH PHỐ

(Kèm theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 28 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	 Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025			KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân	Trong đó					
									Lũy kế giải ngân 2021-2024	KHV năm 2025				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	TỔNG CỘNG (A+B+C)	7				85.928.814	17.588.509	16.760.157	13.095.516	3.664.641	89.932.828	7		
	ODA cấp phát					33.312.698	8.777.831	7.238.143	5.742.691	1.495.452	10.109.322			
	ODA vay lại					30.001.104	5.598.109	5.091.684	4.662.684	429.000	12.859.860			
	Ngân sách cấp Thành phố					22.615.012	3.212.569	4.430.329	2.690.140	1.740.189	41.963.646			
	Ngân sách trung ương trong nước										25.000.000			
A	CÁC DỰ ÁN ĐƯỜNG SẮT ĐÔ THỊ (GỒM CẢ CÁC DỰ ÁN CÓ SỬ DỤNG VỐN ODA)	5				143.201.273	15.414.577	11.718.174	9.520.276	2.197.898	87.840.828	5		
a	Dự án chuyển tiếp cần bố trí vốn để hoàn thành	5				143.201.273	15.414.577	11.718.174	9.520.276	2.197.898	87.840.828	5		
1	Công trình trọng điểm giai đoạn 2021-2025: Dự án Xây dựng tuyến đường sắt đô thị thí điểm TP Hà Nội, đoạn Nhôn - Ga Hà Nội	1	Hà Nội	2008-2027	1970/QĐ-UBND 27/4/2009; 5456/QĐ-UBND 02/11/2010; 4007/QĐ-UBND 28/6/2013; 4036/QĐ-UBND 26/7/2019; 3785/QĐ-UBND 25/7/2023	34.826.049	14.522.439	10.707.307	9.408.183	1.299.124	9.596.303	1	Ban QLĐSĐT	
-	ODA cấp phát					12.127.963	6.439.067	3.247.052	2.682.619	564.433	2.441.844			
-	ODA vay lại					12.654.076	5.557.909	4.965.737	4.566.437	399.300	2.130.430			
-	Ngân sách cấp Thành phố					10.044.010	2.525.463	2.494.518	2.159.127	335.391	5.024.029			
2	Tuyến đường sắt đô thị TPHN (tuyến 2) đoạn Nam Thăng Long - Trần Hưng Đạo.	1	Hà Nội	2008-2031	2054/QĐ-UBND 13/11/2008;	35.588.000	853.404	820.485	82.714	737.771	27.840.000	1	Ban QLĐSĐT	
-	ODA cấp phát					12.758.960	614.031	403.627	5.060	398.567	7.297.000			
-	ODA vay lại					16.913.040					9.673.000			
-	Ngân sách cấp Thành phố					5.916.000	239.373	416.858	77.654	339.204	10.870.000			
3	Dự án đầu tư xây dựng đường sắt đô thị thành phố Hà Nội, tuyến số 5, Văn Cao - Ngọc Khánh -Láng - Hòa Lạc	1	Hà Nội	2025-2030		72.299.636		111.000		111.000	50.035.053	1	Ban QLĐSĐT	
3.1	Dự án thành phần 1: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, thu hồi đất, di chuyển công trình hạ tầng kỹ thuật và san nền Depot Sơn Đồng thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường sắt đô thị thành phố Hà Nội, tuyến số 5, Văn Cao - Ngọc Khánh - Láng - Hòa Lạc			2025-2027	5565/QĐ-UBND ngày 12/11/2025	2.570.530		111.000		111.000	2.459.530		Ban QLĐSĐT	
	Ngân sách cấp Thành phố					2.570.530		111.000		111.000	2.459.530			

✓

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025			KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân	Trong đó					
									Lũy kế giải ngân 2021-2024	KHV năm 2025				
3.2	Dự án thành phần 2: Đầu tư xây dựng đường sắt đô thị thành phố Hà Nội, tuyến số 5, Văn Cao - Ngọc Khánh - Láng - Hòa Lạc thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường sắt đô thị thành phố Hà Nội, tuyến số 5, Văn Cao - Ngọc Khánh - Láng - Hoà Lạc.			2026-2030	6263/QĐ-UBND 16/12/2025	69.729.106					47.575.523		Ban QLĐSĐT	
-	Ngân sách trung ương trong nước										25.000.000			
-	Ngân sách cấp Thành phố										22.575.523			
4	Hỗ trợ chủ đầu tư quản lý dự án tuyến đường sắt đô thị thí điểm thành phố Hà Nội, đoạn Nhôn - Ga Hà Nội	1	Hà Nội	2008-2031	5141/QĐ-UBND 9/10/2015; 843/QĐ-UBND 19/02/2019; 4051/QĐ-UBND 05/8/2024	145.446	38.734	41.562	29.069	12.493	65.150	1	Ban QLĐSĐT	
-	ODA cấp phát													
-	ODA vay lại					62.296	38.734	23.562	23.562					
-	Ngân sách cấp Thành phố					83.150		18.000	5.507	12.493	65.150			
5	Chuẩn bị dự án đầu tư Tuyến đường sắt đô thị số 3, đoạn ga Hà Nội đến Hoàng Mai và Hỗ trợ nghiên cứu xây dựng hệ thống giao thông đô thị tích hợp cho các dự án đường sắt đô thị	1	Hà Nội	2022-2027	14/NQ-HĐND 04/7/2023 (phê duyệt văn kiện); 10/NQ-HĐND 29/3/2024	342.142		37.820	310	37.510	304.322	1	Ban QLĐSĐT	
-	Vốn ODA cấp phát (gồm cả ODA không hoàn lại của ADB và EU)					293.142		37.234		37.234	255.908			
-	ODA vay lại													
-	Ngân sách cấp Thành phố					49.000		586	310	276	48.414			
B	CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA KHÁC	2				12.456.647	2.173.932	5.041.983	3.575.240	1.466.743	2.092.000	2		
I	Lĩnh vực Giao thông	1				1.259.797	15.810	347.432	244.732	102.700	190.000	1		
1	Dự án Tăng cường giao thông đô thị bền vững cho dự án Đường sắt đô thị số 3 Hà Nội	1	Phường: Tây Tựu, Xuân Phương, Phú Diễn, Cầu Giấy, Nghĩa Đô, Láng, Giảng Võ, Ngọc Hà, Ba Đình, Hoàn Kiếm	2014-6/2026	số 3291/QĐ-UBND ngày 23/7/2014; số 5754/QĐ-UBND ngày 25/10/2018; số 2297/QĐ-UBND ngày 25/5/2021; số 3250/QĐ-UBND ngày 08/9/2022; số 5139/QĐ-UBND ngày 14/10/2025	1.259.797	15.810	347.432	244.732	102.700	190.000	1	Ban QLDA ĐTXD CT Giao thông TP	
-	Vốn nước ngoài (ODA)					754.647	2.976	207.873	147.573	60.300	114.570			
-	Vốn nước ngoài (ODA vay lại)					371.692	1.466	102.385	72.685	29.700	56.430			
-	Vốn trong nước					133.458	11.368	37.173	24.473	12.700	19.000			
II	Lĩnh vực Môi trường	1				11.196.850	2.158.122	4.694.551	3.330.508	1.364.043	1.902.000	1		

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025			KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân	Trong đó					
									Lũy kế giải ngân 2021-2024	KHV năm 2025				
1	Công trình trọng điểm giai đoạn 2016-2020: Hệ thống xử lý nước thải Yên Xá Thành phố Hà Nội	1	Phường Thanh Liệt	2013-2027	7051/QĐ-UBND 20/11/2013	11.196.850	2.158.122	4.694.551	3.330.508	1.364.043	1.902.000	1	Ban QLDA ĐTXD CT HTKT&NN	
-	ODA cấp phát				7574/QĐ-UBND 31/10/2017	7.377.986	1.721.757	3.342.357	2.907.439	434.918				
-	ODA vay lại				4855/QĐ-UBND 05/12/2022						1.000.000			
-	Ngân sách cấp Thành phố				2695/QĐ-UBND 28/5/2025	3.818.864	436.365	1.352.194	423.069	929.125	902.000			

2

Phụ Lục 5.2

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2026-2030 ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN MỞI ĐƯỜNG SẮT ĐÔ THỊ, CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA CẤP THÀNH PHỐ

(Kèm theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 28 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định giao nhiệm vụ		Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	CTHT giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Dự kiến tổng mức đầu tư	Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	TỔNG CỘNG (A+B+C)	13				562.609.317		746.715.665	220.258.297	4		
-	ODA cấp phát											
-	ODA vay lại							28.682.225	57.159.768			
-	Vốn trong nước					84.718.500		240.142.623	163.098.529			
+	Ngân sách trung ương trong nước					59.369.331		84.555.472	111.131.020			
+	Ngân sách cấp Thành phố					25.349.169		155.587.151	51.967.509			
1	Dự án đầu tư xây dựng ĐSDT, ĐSDT theo mô hình TOD Tuyến 1: Đoạn Ngọc Hồi - Yên Viên (Tuyến 1A)	1	Hà Nội	2025-2032	2955/QĐ-UBND ngày 14/06/2025	84.718.500	188/2025/QH15 ngày 19/02/2025	84.718.500	59.369.331		Ban QLĐSDT	
-	ODA cấp phát											
-	ODA vay lại											
-	Vốn trong nước					84.718.500		84.718.500	59.369.331			
+	Ngân sách trung ương trong nước					59.369.331		59.369.331	59.369.331			
+	Ngân sách cấp Thành phố					25.349.169		25.349.169				
2	Dự án đầu tư Tuyến đường sắt đô thị số 3, đoạn ga Hà Nội đến Hoàng Mai	1	Hà Nội	2025-2030	2955/QĐ-UBND ngày 14/06/2025		188/2025/QH15 ngày 19/02/2025		38.067.575	1	Ban QLĐSDT	
-	ODA cấp phát											
-	ODA vay lại								28.477.542			
-	Vốn trong nước								9.590.033			
+	Ngân sách trung ương trong nước								9.136.648			
+	Ngân sách cấp Thành phố								453.385			
3	Dự án đầu tư xây dựng ĐSDT, ĐSDT theo mô hình TOD, tuyến số 2A kéo dài (Hà Đông - Xuân Mai)	1	Hà Nội	2025-2030	2955/QĐ-UBND ngày 14/06/2025		188/2025/QH15 ngày 19/02/2025	38.939.391	38.586.509	1	Ban QLĐSDT	
-	ODA cấp phát											
-	ODA vay lại							28.682.225	28.682.226			
-	Vốn trong nước							10.257.166	9.904.283			
+	Ngân sách trung ương trong nước							8.716.620	8.716.620			
+	Ngân sách cấp Thành phố							1.540.546	1.187.663			

✓

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định giao nhiệm vụ		Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	CTHT giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Dự kiến tổng mức đầu tư	Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
4	Dự án đầu tư xây dựng ĐSĐT, ĐSĐT theo mô hình TOD, tuyến số 2.2 (Trần Hưng Đạo - Thượng Đình)	1	Hà Nội	2025-2030	2955/QĐ-UBND ngày 14/06/2025		188/2025/QH15 ngày 19/02/2025	36.218.864	35.948.256	1	Ban QLĐSĐT	
-	ODA cấp phát											
-	ODA vay lại											
-	Vốn trong nước							36.218.864	35.948.256			
+	Ngân sách trung ương trong nước							6.030.581	14.750.031			
+	Ngân sách cấp Thành phố							30.188.283	21.198.225			
5	Dự án đầu tư xây dựng ĐSĐT, ĐSĐT theo mô hình TOD, tuyến số 2.3 (Nam Thăng Long - Nội Bài)	1	Hà Nội	2025-2030	2955/QĐ-UBND ngày 14/06/2025		188/2025/QH15 ngày 19/02/2025	47.425.723	46.913.389	1	Ban QLĐSĐT	
-	ODA cấp phát											
-	ODA vay lại											
-	Vốn trong nước							47.425.723	46.913.389			
+	Ngân sách trung ương trong nước							10.438.940	19.158.390			
+	Ngân sách cấp Thành phố							36.986.783	27.754.999			
6	Dự án đầu tư xây dựng ĐSĐT, ĐSĐT theo mô hình TOD, tuyến số 3.3 (Trôi - Nhón và kéo dài đi Sơn Tây)	1	Hà Nội	2025-2035	2955/QĐ-UBND ngày 14/06/2025		188/2025/QH15 ngày 19/02/2025	61.522.370	1.373.237		Ban QLĐSĐT	
-	ODA cấp phát											
-	ODA vay lại											
-	Vốn trong nước							61.522.370	1.373.237			
+	Ngân sách trung ương trong nước											
+	Ngân sách cấp Thành phố							61.522.370	1.373.237			
7	Dự án đầu tư xây dựng ĐSĐT Tuyến 1: Đoạn Gia Lâm - Dương Xá (Tuyến 1B)	1	Hà Nội	2025-2035		17.821.750	188/2025/QH15 ngày 19/02/2025	17.821.750			Ban QLĐSĐT	
-	ODA cấp phát											
-	ODA vay lại											
-	Vốn trong nước											
+	Ngân sách trung ương trong nước											
+	Ngân sách cấp Thành phố											
8	Dự án đầu tư xây dựng ĐSĐT Tuyến 2: Đoạn kéo dài đi Sóc Sơn	1	Hà Nội	2025-2035		18.185.025	188/2025/QH15 ngày 19/02/2025	18.185.025			Ban QLĐSĐT	
-	ODA cấp phát											
-	ODA vay lại											
-	Vốn trong nước											
+	Ngân sách trung ương trong nước											
+	Ngân sách cấp Thành phố											

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định giao nhiệm vụ		Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	CTHT giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Dự kiến tổng mức đầu tư	Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
9	Dự án đầu tư xây dựng ĐSDT Tuyến 4: Mê Linh - Sài Đồng - Liên Hà	1	Hà Nội	2025-2035		127.110.851	188/2025/QH15 ngày 19/02/2025	127.110.851			Ban QLĐSDT	
	- ODA cấp phát											
	- ODA vay lại											
	- Vốn trong nước											
	+ Ngân sách trung ương trong nước											
	+ Ngân sách cấp Thành phố											
10	Dự án đầu tư xây dựng ĐSDT Tuyến 6: Nội Bài - Ngọc Hồi	1	Hà Nội	2025-2035		80.498.935	188/2025/QH15 ngày 19/02/2025	80.498.935			Ban QLĐSDT	
	- ODA cấp phát											
	- ODA vay lại											
	- Vốn trong nước											
	+ Ngân sách trung ương trong nước											
	+ Ngân sách cấp Thành phố											
11	Dự án đầu tư xây dựng ĐSDT Tuyến 7: Mê Linh - Hà Đông	1	Hà Nội	2025-2035		57.582.646	188/2025/QH15 ngày 19/02/2025	57.582.646			Ban QLĐSDT	
	- ODA cấp phát											
	- ODA vay lại											
	- Vốn trong nước											
	+ Ngân sách trung ương trong nước											
	+ Ngân sách cấp Thành phố											
12	Dự án đầu tư xây dựng ĐSDT Tuyến 8: Sơn Đồng - Mai Dịch - Vành đai 3 - Lĩnh Nam - Dương Xá	1	Hà Nội	2025-2035		123.381.175	188/2025/QH15 ngày 19/02/2025	123.381.175			Ban QLĐSDT	
	- ODA cấp phát											
	- ODA vay lại											
	- Vốn trong nước											
	+ Ngân sách trung ương trong nước											
	+ Ngân sách cấp Thành phố											
13	Dự án đầu tư xây dựng ĐSDT Tuyến kết nối các đô thị vệ tinh: Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai (Tuyến 10A)	1	Hà Nội	2025-2035		53.310.435	188/2025/QH15 ngày 19/02/2025	53.310.435			Ban QLĐSDT	
	- ODA cấp phát											
	- ODA vay lại											
	- Vốn trong nước											
	+ Ngân sách trung ương trong nước											
	+ Ngân sách cấp Thành phố											

Phụ lục 6.1

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2026-2030 CÁC DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP CẤP THÀNH PHỐ SỬ DỤNG 100% NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ

(Kèm theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 28 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố)

KHÔI HẠ TĂNG ĐỘ THỊ

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025			KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân	Trong đó					
									Lũy kế giải ngân 2021-2024	KHV năm 2025				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	TỔNG CỘNG	276				197.950.575	29.533.137	46.515.371	26.094.415	20.420.956	86.130.720	254		
1	Lĩnh vực môi trường	8				7.265.583	2.639.517	1.822.749	1.359.365	463.384	1.382.000	6		
1	Cải tạo môi trường vệ sinh khu dân cư xung quanh mương thoát nước Thụy Khuê đoạn từ dốc La Phò đến Cổng Đờ	1	Tây Hồ	2015-2026	7079/QĐ-UBND ngày 23/12/2015; Quyết định số 7079/QĐ-UBND ngày 23/12/2015; 621/QĐ-UBND 01/02/2023	421.764	299.698	53.305	53.305		17.000	1	UBND phường Tây Hồ	
2	Dự án Xây dựng nhà máy xử lý nước thải tại xã Sơn Đồng, huyện Hoài Đức	1	Xã Sơn Đồng	2014-2026	5118/QĐ-UBND 26/8/2013; 1464/QĐ-UBND 28/3/2019; 1988/QĐ-UBND 13/5/2020; 1044/QĐ-UBND 03/3/2021; 2263/QĐ-UBND 30/6/2022; 1078/QĐ-UBND 27/02/2024; 2718/QĐ-UBND 29/5/2025	231.523	173.708	14.706	8.706	6.000	10.000		Ban QLDA ĐTXD CT HTKT&NN	
3	Di dân vùng ảnh hưởng môi trường (Bán kính 500m) của bãi chôn lấp rác thải huyện Ba Vì (5,6ha) kết hợp trồng cây tạo hành lang cách ly	1	xã Suối Hai	2021-2025	3852/QĐ-UBND 25/7/2024	398.054		72.074	71.690	384	15.000		UBND xã Suối Hai	
4	Di dân vùng ảnh hưởng môi trường (bán kính 500m từ Khu XLCT Sóc Sơn) kết hợp trồng cây xanh tạo hành lang cách ly	1	xã Trung Giã	2021-2026	2354 21/4/2023 6315 06/12/2024	3.470.000	1.144.596	1.300.000	1.100.000	200.000	500.000	1	UBND xã Trung Giã	
5	Công trình trọng điểm 2016-2020: Xây dựng Khu LHXLT Sóc Sơn giai đoạn II tại huyện Sóc Sơn, Hà Nội	1	Xã Trung Giã	2012-2026	4910/QĐ-UBND 24/10/2011; 5633/QĐ-UBND 10/10/2016; 7785/VP-ĐT 03/10/2018; 3472/QĐ-UBND 28/6/2019; 957/QĐ-UBND 04/3/2020; 1009/QĐ-UBND 01/3/2021; 2005/QĐ-UBND 15/6/2022; 1021/QĐ-UBND 23/02/2024; 5787/QĐ-UBND 30/10/2015;	1.487.018	1.016.888	142.373	117.373	25.000	15.000	1	Ban QLDA ĐTXD CT HTKT&NN	
6	Dự án Cải tạo, công hóa mương Vĩnh tuy (đoạn phía Bắc đường Minh Khai từ đường Minh Khai đến phố Vĩnh Tuy)	1	Phường Vĩnh Tuy	2016-2026	4082/QĐ-UBND 31/7/2019; 1360/QĐ-UBND 03/4/2020; 3141/QĐ-SXD 24/11/2025;	16.640	4.627				10.000	1	Ban QLDA ĐTXD CT HTKT&NN	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025			KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân	Trong đó					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
7	Dự án Đầu tư xây dựng hệ thống thu gom và nhà máy xử lý nước thải Kiển Hưng, quận Hà Đông	1	Phường Hà Đông, Kiển Hưng, Phú Lương	2025-2027	2018/QĐ-UBND 14/4/2025	739.672		128.837	1.837	127.000	485.000	1	Ban QLDA ĐTXD CT HTKT&NN	
8	Dự án Đầu tư xây dựng hệ thống thu gom và nhà máy xử lý nước thải Sơn Tây, Thị xã Sơn Tây	1	Phường Tăng Thiện, Sơn Tây	2025-2027	1973/QĐ-UBND 10/4/2025	500.912		111.454	6.454	105.000	330.000	1	Ban QLDA ĐTXD CT HTKT&NN	
II	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế - Lĩnh vực giao thông	233			315.695	173.920.578	24.809.413	39.389.439	22.730.250	16.659.189	78.706.332	213		
1	Dự án đầu tư xây dựng cầu Tứ Liên và đường hai đầu cầu (từ nút giao Nghi Tầm đến nút giao với đường Trường Sa)	1												
-	Dự án thành phần 1.1: GPMB trên địa bàn Tây Hồ thuộc Dự án đầu tư xây dựng Cầu Tứ Liên và đường hai đầu cầu (từ nút giao với đường Nghi Tầm đến nút giao với đường Trường Sa)		Hồng Hà	2025-2026	2422/QĐ-UBND ngày 14/05/2025	2.907.812		21.346		21.346	2.886.000		UBND phường Hồng Hà	
-	Dự án thành phần 1.2: Giải phóng mặt bằng trên địa bàn Long Biên thuộc Dự án đầu tư xây dựng cầu Tứ Liên và đường hai đầu cầu (từ nút giao Nghi Tầm đến nút giao với đường Trường Sa)		P Bồ Đề	2025-2027	2651 26/5/2025	332.025		3.231		3.231	295.000	1	UBND P Bồ Đề	
-	Dự án thành phần 1.3: GPMB trên địa bàn Đông Anh thuộc Dự án đầu tư xây dựng Cầu Tứ Liên và đường hai đầu cầu (từ nút giao với đường Nghi Tầm đến nút giao với đường Trường Sa)	1	xã Đông Anh	2025-2026	PDDA: 2752/QĐ-UBND ngày 02/6/2025	41.706					38.000	1	UBND xã Đông Anh	
-	Dự án TP 2: Đầu tư xây dựng cầu Tứ Liên và đường dẫn hai đầu cầu (từ nút giao với đường Nghi Tầm đến nút giao với đường Trường Sa)		Phường Tây Hồ; phường Hồng Hà; phường Bồ Đề;	2025-2027	1850/QĐ-UBND 01/4/2025	15.498.119		3.060.000		3.060.000	8.940.000	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT TP HN	
2	Dự án đầu tư xây dựng cầu Trần Hưng Đạo	1												
-	Dự án thành phần 1.1: Giải phóng mặt bằng trên địa bàn Hoàn Kiếm (nay là các phường: Hồng Hà, Cửa Nam) thuộc Dự án đầu tư xây dựng cầu Trần Hưng Đạo		Hồng Hà	2025-2027	4964/QĐ-UBND ngày 02/10/2025	5.667.577					4.800.000		UBND phường Hồng Hà	
-	Dự án thành phần 1.2: Giải phóng mặt bằng trên địa bàn Hai Bà Trưng (nay là các phường: Hai Bà Trưng, Hồng Hà) thuộc Dự án đầu tư xây dựng cầu Trần Hưng Đạo		Hồng Hà	2025-2027	4864/QĐ-UBND ngày 25/09/2025	672.894		34.095		34.095	530.000		UBND phường Hồng Hà	
-	Dự án thành phần 1.3: Giải phóng mặt bằng trên địa bàn Long Biên (nay là các phường: Bồ Đề, Long Biên) thuộc Dự án đầu tư xây dựng cầu Trần Hưng Đạo	1	P Bồ Đề	2025-2027	5034 07/10/25	1.455.105					873.000	1	UBND P Bồ Đề	
-	Dự án TP 2: Đầu tư xây dựng cầu Trần Hưng Đạo thuộc Công trình trọng điểm 2021-2025; Dự án đầu tư xây dựng cầu Trần Hưng Đạo		Phường Bồ Đề	2025-2027	10/NQ-HĐND ngày 25/02/2025; 473/NQ-HĐND ngày 13/11/2025; 3213/QĐ-UBND 26/6/2025	50.940		33.800		33.800	15.000	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT TP HN	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025			KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân	Trong đó					
									Lũy kế giải ngân 2021-2024	KHV năm 2025				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
3	Dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp đường 70 đoạn Hà Đông - Văn Điển - nút giao Tứ Hiệp	1										1		
-	Dự án thành phần 1.1: Bồi thường, hỗ trợ tái định cư và di dời hạ tầng kỹ thuật xây dựng tuyến đường 70 đoạn Hà Đông-Văn Điển-nút giao Tứ Hiệp trên địa bàn quận Hà Đông	1	Phường Kiến Hưng	2025-2026	QĐ số 6239/QĐ-UBND ngày 15/12/2025	681.141					408.000		UBND phường Kiến Hưng	
-	Dự án thành phần 2: Cải tạo, nâng cấp đường 70 đoạn Hà Đông - Văn Điển - nút giao Tứ Hiệp thuộc Công trình trọng điểm giai đoạn 2021-2025: Dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp đường 70 đoạn Hà Đông - Văn Điển - nút giao Tứ Hiệp	1	Các phường: Hà Đông, Kiến Hưng, Thanh Liệt và các xã: Đại Thanh, Thanh Trì	2024-2027	10/NQ-HĐND 29/3/2024; 3936/QĐ-UBND ngày 25/7/2025	2.119.210		18.830	5.600	13.230	1.800.000		Ban QLDA ĐTXD CTGT TP HN	
4	Dự án Đầu tư xây dựng cầu Thượng Cát và đường hai đầu cầu	1												
-	Dự án thành phần 1.1: Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện giải phóng mặt bằng trên địa bàn huyện Đông Anh thuộc dự án Đầu tư xây dựng cầu Thượng Cát và đường hai đầu cầu		Thiên Lộc	2025-2027	41/NQ-HĐND của TP. Hà Nội ngày 8/12/2023	522.393		5.574	384	5.190	417.000	1	UBND xã Thiên Lộc	
-	Dự án thành phần 1.2: Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện giải phóng mặt bằng trên địa bàn quận Bắc Từ Liêm			2025-2027	2184/QĐ-UBND ngày 24/4/2025	404.298		323	323		343.000		UBND phường Thượng Cát	
-	Dự án thành phần 2: Đầu tư xây dựng cầu Thượng Cát và đường hai đầu cầu thuộc Dự án xây dựng cầu Thượng Cát và đường hai đầu cầu		Phường Thượng Cát, xã Thiên Lộc	2024-2027	41/NQ-HĐND 08/12/2023; 6771/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	7.302.955		1.717.159	17.159	1.700.000	4.160.000	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT TP HN	
5	Dự án xây dựng cầu Ngọc Hồi và đường dẫn 2 đầu cầu thuộc địa phận Hà Nội	1												
-	Dự án thành phần 1.1: Bồi thường, hỗ trợ GPMB, tái định cư phục vụ dự án xây dựng cầu Ngọc Hồi và đường dẫn 2 đầu cầu thuộc địa phận Hà Nội		xã Thanh Trì, xã Nam Phú	2025-2026	27/NQ-HĐND 29/5/2025; 5682/QĐ-UBND ngày 17/11/2025	267.000		65.712		65.712	160.000		UBND xã Thanh Trì	
-	Dự án TP 1.2: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện giải phóng mặt bằng trên địa bàn huyện Gia Lâm thuộc Dự án xây dựng cầu Ngọc Hồi và đường dẫn 02 đầu cầu thuộc địa phận Hà Nội		Bát Tràng	2025-2026	3944 ngày 25/7/2025	322.000		122.500		122.500	150.000	1	UBND xã Bát Tràng	
6	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Mỹ Đình - Ba Sao - Bái Đình huyện Ứng Hòa	1												
-	Dự án thành phần 1.1 Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện GPMB trên địa bàn huyện Ứng Hòa thuộc dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Mỹ Đình - Ba Sao - Bái Đình huyện Ứng Hòa		xã Ứng Hòa, xã Hòa Xá	2023-2026	2963-07/6/2024	289.362		124.288	60.000	64.288	120.000	1	UBND xã Hòa Xá	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025			KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân	Trong đó					
									Lũy kế giải ngân 2021-2024	KHV năm 2025				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
-	Dự án thành phần 1.2: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện giải phóng mặt bằng trên địa bàn huyện Mỹ Đức thuộc dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Mỹ Đình - Ba Sao - Bái Đình (đoạn nối từ đường trục phía Nam đến đường Hương Sơn - Tam Chúc) huyện Mỹ Đức, huyện Ứng Hoà		xã Hương Sơn	2024-2026	Quyết định số 2964/QĐ-UBND ngày 07/6/2024	194.208		147.000	125.000	22.000	40.000	1	UBND xã Hương Sơn	
-	Dự án thành phần 2 đầu tư xây dựng tuyến đường Mỹ Đình - Ba Sao - Bái Đình (đoạn nối từ đường trục phía Nam đến đường Hương Sơn - Tam Chúc), huyện Mỹ Đức, huyện Ứng Hòa thuộc Công trình trọng điểm 2021-2025: Đầu tư xây dựng tuyến đường Mỹ Đình - Ba Sao - Bái Đình (đoạn nối từ đường trục phía Nam đến đường Hương Sơn - Tam Chúc), huyện Mỹ Đức, huyện Ứng Hòa		xã Hòa Xá, xã Hương Sơn, xã Ứng Hòa	2023-quý IV/2027	QĐ số 5730/QĐ-UBND ngày 09/11/2023; số 5505/QĐ-UBND ngày 21/10/2024	2.080.356		439.900	24.900	415.000	1.255.000	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT TP HN	
7	Xây dựng tuyến đường 30m theo quy hoạch từ phố Ngõ Gia Khâm đến ô đất A.3/CCTP1 và tuyến đường 30m từ ô đất A.4/CCKO2 đến đường 30m, tại các phường Thượng Thanh, Gia Thụy, Ngọc Lâm	1	P Bồ Đề	2024-2026	3588 12/09/2024	407.983		13.900		13.900	332.000	1	UBND P Bồ Đề	
8	Dự án đầu tư xây dựng đường kết nối cầu Tứ Liên từ nút giao cầu Tứ Liên với đường Trường Sa đến đường cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên	1	xã Đông Anh	2025-2027	4110/QĐ-UBND ngày 04/8/2025	4.966.216		402.500		402.500	3.800.000	1	UBND xã Đông Anh	
9	Xây dựng tuyến đường nối từ đường Cầu Giấy đến khu đô thị mới Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội	1	Cầu Giấy	hết năm 2026	7587/QĐ-UBND 21/10/2017; 375/QĐ-UBND 18/01/2021; 120/QĐ-09/01/2026	1.337.990	798.328	66.289	33.676	32.613	239.000	1	UBND phường Cầu Giấy	
10	Cải tạo, mở rộng ngõ 381 đường Nguyễn Khang (từ phố Thành Thái đến phố Nguyễn Khang)	1	Cầu Giấy	hết năm 2026	1657/QĐ-UBND 08/4/2019; 6686/QĐ-UBND 29/12/2023; 684/QĐ-UBND 02/12/2025; 174/QĐ-UBND 28/01/2026	453.691	17.186	293.619	211.696	81.923	80.000		UBND phường Cầu Giấy	
11	Cải tạo, nâng cấp mở rộng và chỉnh trang tuyến đường Quốc lộ 6, đoạn Km19+920 đến Km22+220, qua địa phận thị trấn Chúc Sơn	1	Chương Mỹ	2017-2024	5757/QĐ-UBND ngày 12/12/2011; 3274/QĐ-UBND ngày 26/05/2017	612.320	507.259	5.782		5.782	800		UBND phường Chương Mỹ	
12	Hoàn thiện các tuyến đường xung quanh khu đất dự án xây dựng bệnh viện và trung tâm thương mại tại phường Dương Nội quận Hà Đông	1	Dương Nội	2018-2025	3691/QĐ-UBND ngày 20/07/2018	219.485		143.054	143.054		30.000		UBND P. Dương Nội	
13	Xây dựng 04 cầu BTCT theo quy hoạch trên địa bàn quận Hoàng Mai	1	Phường Định Công, Hoàng Mai và Trương Mai	2023-2026	1300/QĐ-UBND ngày 08/3/2024; 1482/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	144.794		95.703	9.503	86.200	34.000		UBND phường Định Công	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025			KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân	Trong đó					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
14	Xây dựng tuyến đường từ đường Tổ Hữu đến đường 70 kéo dài (Từ làng Vạn Phúc quận Hà Đông đến tổ dân phố Thập), phường Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm	1	Đại Mỗ	2016-2026	Các Quyết định: - 4952/QĐ- UBND 30/10/2015; 5343/QĐ-UBND 03/12/2018; 1387/QĐ- UBND 11/6/2021; 5279/QĐ- UBND 29/12/2022; 2932/QĐ- UBND 10/12/2024	581.064	174.234	63.891	63.191	700	67.000	1	UBND phường Đại Mỗ	
15	Cải tạo, mở rộng tuyến đường từ Đại lộ Thăng Long đến đường 70 (đoạn qua vị trí cầu Đồi, phường Đại Mỗ)	1	Đại Mỗ	2016-2025	Quyết định số: 4954/QĐ- UBND 30/10/2015; 5940/QĐ- UBND 03/12/2018; 1388/QĐ- UBND 11/6/2021; 5206/QĐ- UBND 26/12/2022; 2173/QĐ- UBND 24/4/2024; 2933/QĐ- UBND 10/12/2024	247.617	120.480	22.504	21.004	1.500	8.500	1	UBND phường Đại Mỗ	
16	Xây dựng đường từ đường Tổ Hữu đến khu nhà ở Trung Văn và đến nút giao đường Lương Thế Vinh đường hồ Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm	1	Đại Mỗ	2019-2026	Quyết định số: 2326/QĐ- UBND 08/6/2020; 5204/QĐ- UBND 26/12/2022; 2934/QĐ- UBND 10/12/2024	156.416	987	14.579	14.579		117.000	1	UBND phường Đại Mỗ	
17	Xây dựng tuyến đường vào Trường Đại học Ngoại ngữ	1	Đại Mỗ	2022-2026	Quyết định số: 193/QĐ- UBND 12/01/2011; 2168/QĐ- UBND 23/6/2022	127.535	86	15.898	13.898	2.000	92.000	1	UBND phường Đại Mỗ	
18	Đầu tư xây dựng tuyến đường Lê Quang Đạo kéo dài (Đoạn từ Đại lộ Thăng Long, quận Nam Từ Liêm đến vị trí ranh giới khu đô thị Dương Nội, quận Hà Đông)	1	Đại Mỗ	2022-2026	Quyết định số: 2167/QĐ- UBND 23/6/2022; 6387/QĐ-UBND ngày 23/12/2025	705.831		454.762	421.262	33.500	40.000	1	UBND phường Đại Mỗ	
19	Xây dựng tuyến đường Lương Thế Vinh (đoạn từ nút giao đường hồ Mễ Trì đến đường Tổ Hữu)	1	Đại Mỗ	2018-2026	Quyết định số: 5165/QĐ- UBND 31/10/2018; 3512/QĐ- UBND 12/11/2021	259.305	755	100	100		219.000	1	UBND phường Đại Mỗ	
20	Nâng cấp tuyến đường Tựu Liệt, xã Tam Hiệp, huyện Thanh Trì	1	Phường Hoàng Liệt	2021-2027	118/QĐ-UBND ngày 08/01/2021; 14/NQ- HĐND ngày 04/07/2023; 636/QĐ-UBND ngày 25/11/2025 của UBND phường Hoàng Liệt	257.997	76	23.474	19.974	3.500	199.000	1	UBND phường Hoàng Liệt	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025			KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân	Trong đó					
									Lũy kế giải ngân 2021-2024	KHV năm 2025				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
21	Xây dựng 1/2 cầu Đền Lũ và tuyến đường 2,5 đoạn phía Bắc Khu công nghiệp Vĩnh Tuy, quận Hoàng Mai	1	Hoàng Mai	2013-2024	4889/QĐ-UBND ngày 29/10/2012; 1513/QĐ-UBND ngày 28/3/2018; 3724/QĐ-UBND ngày 24/8/2020; 160/QĐ-UBND ngày 13/01/2022; 1645/QĐ-UBND ngày 27/3/2024 của UBND Thành phố	152.485	30.959	54.950	54.875	75	5.000	1	UBND phường Hoàng Mai	
22	Xây dựng tuyến đường nối tiếp từ khu Đền Lũ II đến đường Trương Định - Giáp Bát	1	Hoàng Mai	Hết 2026	số 1985/QĐ-UB ngày 06/04/2004, số 2589/QĐ-UBND ngày 16/12/2008, số 1760/QĐ-UBND ngày 18/4/2011, số 4254/QĐ-UBND ngày 13/09/2011, số 3739/QĐ-UBND ngày 10/10/2022, số 3960/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của UBND Thành phố	716.199	540.275	18.945	18.945		34.000	1	UBND phường Hoàng Mai	
23	Xây dựng đường Tam Trinh	1	Hoàng Mai	2016-2026	5504/QĐ-UBND 28/11/2012; 6444/QĐ-UBND 18/12/2023	3.354.223	508.442	1.950.224	905.134	1.045.090	400.000	1	UBND phường Hoàng Mai	
24	Xây dựng tuyến đường nối từ Khu đô thị Đồng Tàu đến đường Giải Phóng, phường Hoàng Liệt, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai	1	Hoàng Mai	2024-2026	3991/QĐ-UBND ngày 08/08/2023	437.436		100.804	36.804	64.000	270.000	1	UBND phường Hoàng Mai	
25	Xây dựng tuyến đường Minh Khai – Vĩnh Tuy – Yên Duyên nối tiếp, đoạn từ đường Vành đai 2,5 đến đường Vành đai 3	1	Hoàng Mai	2023-2026	5447/QĐ-UBND ngày 26/10/2023; số 697/QĐ-UBND ngày 05/11/2025	370.023		96.500	8.500	88.000	270.000	1	UBND phường Hoàng Mai	
26	Xây dựng 03 cầu Bailey trên địa bàn các phường Thịnh Liệt, Đại Kim, Mai Động, quận Hoàng Mai	1	Hoàng Mai	2023-2026	3662/QĐ-UBND ngày 22/7/2024, số 697/QĐ-UBND ngày 05/11/2025	48.954		12.442	442	12.000	30.000	1	UBND phường Hoàng Mai	
27	Xây dựng hầm đường bộ có kết hợp cho người đi bộ nối từ phố Trần Nguyên Hãn sang phố Chương Dương Độ, quận Hoàn Kiếm	1	Hồng Hà	2022-2026	2169/QĐ-UBND ngày 29/08/2024	96.502		10.164		10.164	80.000	1	UBND phường Hồng Hà	
28	Đầu tư xây dựng đường Vành đai 2,5 đoạn từ Nguyễn Trãi (Quốc lộ 6) đến Đầm Hồng, quận Thanh Xuân	1	Phường Khương Đình	2022-2026	5908/QĐ-UBND ngày 20/11/2023; 1337/QĐ-UBND ngày 22/5/2024	2.432.640		11.559	5.559	6.000	2.000.000	1	UBND phường Khương Đình	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025			KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân	Trong đó					
29	Xây dựng tuyến đường 17,5m, 22m khớp nối với khu đô thị Thạch Bàn và khu đấu giá Thạch Bàn, phường Thạch Bàn	1	Phường Long Biên	2023-2027	805 07/03/2023 1920 07/11/2025	350.969		95.039	60.059	34.980	203.000	1	UBND phường Long Biên	
30	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch từ đường Huỳnh Tấn Phát đến đường Thạch Bàn, quận Long Biên	1	Phường Long Biên	2022-2027	4135 28/6/2022 1920 07/11/2025	101.978		11.435	6.435	5.000	75.000	1	UBND phường Long Biên	
31	Xây dựng tuyến đường Xuân Đỗ theo quy hoạch 13,5m từ đê sông Hồng đến đường gom cầu Thanh Trì, phường Cự Khối, quận Long Biên	1	Phường Long Biên	2024-2027	2456 13/6/2023	408.978		1.080	850	230	346.000	1	UBND phường Long Biên	
32	Xây dựng tuyến đường 40m; 30m theo quy hoạch từ Nguyễn Thời Trung đến Đường cô Linh, quận Long Biên	1	Phường Long Biên	2024-2026	773 01/3/2024	256.673		37.640	640	37.000	180.000	1	UBND phường Long	
33	Cải tạo, chỉnh trang, sửa chữa tuyến đường Phú Diễn - Trại Gà, phường Phú Diễn	1	Phú Diễn	2019-2026	6098/QĐ-UBND 31/10/2018; 836/QĐ-UBND ngày 02/12/2025	73.057	14.043	20.490	12.790	7.700	27.000	1	UBND phường Phú Diễn	
34	Xây dựng tuyến đường từ Quốc lộ 1B đến khu đô thị mới Việt Hưng (bao gồm cả hạ tầng kỹ thuật các ô đất 2 bên đường).	1	Phúc Lợi	2011-2025	4138 25/8/2010 3974 27/6/2013 6124 29/8/2016	713.340	631.369	15.000	15.000		15.000	1	UBND phường Phúc Lợi	
35	Mở rộng tuyến đường Vũ Xuân Thiều	1	Phúc Lợi	2022-2029	4134 28/6/2022 699 14/11/2025	362.992		24.310	8.687	15.623	284.000	1	UBND phường Phúc Lợi	
36	Xây dựng tuyến đường Ngô Quyền - Phùng Hưng	1	Phường Sơn Tây	2024-2027	471/QĐ-UBND ngày 23/4/2024	522.355		334.471	154.471	180.000	100.000	1	UBND phường Sơn	
37	Xây dựng tuyến đường Đặng Thai Mai -giai đoạn 1, phường Quảng An, quận Tây Hồ	1	Tây Hồ	2023-2026	1434/QĐ-UBND ngày 26/08/2024	552.697		367.696	456	367.240	102.000	1	UBND phường Tây Hồ	
38	Mở rộng tuyến đường Tô Ngọc Vân theo quy hoạch	1	Tây Hồ	2021-2026	1194/QĐ-UBND ngày 06/05/2022	195.169		30.712	712	30.000	135.000	1	UBND phường Tây Hồ	
39	Dự án đầu tư, nâng cấp mở rộng đường 70 (đoạn từ Trịnh Văn Bô đến hết địa phận quận Nam Từ Liêm)	1	Phường Tây Mỗ, Xuân phương và xã	2022-2027	1438/QĐ-UBND ngày 15/3/2024	3.377.300		216.744	46.744	170.000	2.600.000	1	UBND phường Tây Mỗ	
40	Cải tạo, nâng cấp tỉnh lộ 413 đoạn từ Km0+000-Km5+900, thị xã Sơn Tây	1	Phường Tùng Thiện	2021-2026	2592- 14/6/2021	556.019		328.000	211.021	116.979	144.000		UBND phường Tùng thiện	
41	Cải tạo, nâng cấp tỉnh lộ 414 (đoạn từ ngã ba Vị Thủy đi Xuân Khanh), thị xã Sơn Tây	1	Phường Tùng Thiện	2021-2026	2593- 14/6/2021	460.129		253.500	199.082	54.418	137.000		UBND phường Tùng thiện	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025			KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân	Trong đó					
									Lũy kế giải ngân 2021-2024	KHV năm 2025				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
42	Cải tạo, nâng cấp tuyến phố Tùng Thiện, từ Km2+700,2 đến Km4+700,2 QL21A- Thị xã Sơn Tây	1	Phường Tùng Thiện	2011-2025	5252-22/10/2010	246.945	214.697	1.229	1.229		4.250		UBND phường Tùng Thiện	
43	Cải tạo mở rộng theo quy hoạch đường Nguyễn Tuấn, quận Thanh Xuân	1	Phường Thanh Xuân	2018 - 2026	3854/QĐ-UBND ngày 31/10/2018; 496/QĐ-UBND ngày 08/3/2024	399.110	3.107	118.612	90.451	28.161	38.000		UBND phường Thanh Xuân	
44	Xây dựng tuyến đường 40m và 48m nối từ khu đô thị Việt Hưng ra đường Ngô Gia Tự, quận Long Biên	1	Việt Hưng	2020-2027	6121 31/10/2019; 4865 18/9/2024	686.982	21.000	69.624	7.005	62.619	320.000	1	UBND phường Việt Hưng	
45	Xây dựng 03 tuyến đường B=17,5m (L=1.050m, B=22m (L=356m), B=40m (L=830m) từ Ngô Gia Tự đến khu đô thị Thượng Thanh	1	Việt Hưng	2021-2026	126/QĐ-UBND 11/01/2021; 4852/QĐ-UBND 17/9/2024	382.610		109.031	58.985	50.046	114.000		UBND phường Việt Hưng	
46	Nâng cấp mở rộng đường Lĩnh Nam theo quy Hoạch	1	Vĩnh Tuy, Vĩnh Hưng, Tương Mai, Hoàng Mai, Lĩnh Nam	Hết năm 2027	716/QĐ-UBND 01/02/2013; 4769/QĐ-UBND 5/9/2019; 4322/QĐ-UBND 19/8/2024	2.493.213		737.633	737.633		1.380.000		UBND phường Vĩnh Hưng	
47	Xây dựng tuyến đường từ nút giao thông đường Tam Trinh đến điểm giao cắt với tuyến đường Minh Khai - Vĩnh Tuy - Yên Duyên quận Hoàng Mai	1	Phường Vĩnh Tuy	2024-2027	5889/QĐ - UBND 11/11/2024	516.015		840		840	437.800	1	UBND Phường Vĩnh Tuy	
48	Đường liên khu vực 8 (từ Đại lộ Thăng Long đến đường tỉnh 423), huyện Hoài Đức.	1	xã An Khánh	2019-2026	5388/30/10/2019; 5111; 24/8/2020	421.503	169.770	71.999	39.999	32.000	20.000	1	UBND xã An Khánh	
49	Dự án Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Thạch Bích đến nút giao đường tỉnh 427 và đoạn từ nút giao ngã tư Vác đến hết địa phận huyện Thanh Oai	1	Xã Bình Minh-xã Dân Hòa	2021-2026	số 2719/QĐ-UBND ngày 24/6/2021; 6027/QĐ-UBND ngày 25/10/2021;	382.300		344.000	344.000		38.000	1	UBND xã Bình Minh	
50	Đường Quốc lộ 21B từ ngã ba Thạch Bích đi Chương Mỹ (Giai đoạn 2), huyện Thanh Oai	1	xã Bình Minh	2022-2026	3134/QĐ-UBND ngày 18/6/2021	48.000		33.599	18.294	15.305	7.200	1	UBND xã Bình Minh	
51	Đường giao thông liên xã Bình Minh - Thanh Cao- Cao Viên (từ đường 21B đến đường nối từ QL21B đi huyện Chương Mỹ)	1	xã Bình Minh	2023-2026	QĐ 1368/QĐ-UBND ngày 05/02/2024	250.000		1.000		1.000	211.000	1	UBND xã Bình Minh	
52	Đường Giao thông liên xã Bình Minh - Thanh Cao Thanh Mai đi thị trấn Kim Bài (từ đường 427 đi đường trục phát triển kinh tế huyện Thanh Oai)	1	xã Bình Minh	2023-2027	QĐ 1367/QĐ-UBND ngày 05/02/2024	258.000		1.000		1.000	218.000	1	UBND xã Bình Minh	
53	Nâng cấp đường tỉnh 428A đoạn từ cầu Cổng Thần đến cầu Giẽ, huyện Phú Xuyên	1	Xã Chuyên Mỹ	2023-2026	6266/QĐ-UBND 07/12/2023; 1375/QĐ-UBND 31/12/2025	125.778		35.189	25.189	10.000	71.000	1	UBND xã Chuyên Mỹ	
54	Nâng cấp tuyến tỉnh lộ 428 (từ Quốc lộ 1A đi Minh Tân, Quang Lăng)	1	xã Đại Xuyên	2019-2026	275/QĐ-UBND 14/01/2020; 1069/QĐ-UBND 27/02/2025	766.488	92.000	230.806	219.374	11.432	328.000	1	UBND xã Đại Xuyên	
55	Xây dựng mở rộng đường gom đoạn qua khu công nghiệp hỗ trợ Nam Hà Nội, huyện Phú Xuyên, thành phố	1	xã Đại Xuyên	2025-2027	288/QĐ-UBND 15/01/2025	185.400		60.000		60.000	98.000	1	UBND xã Đại Xuyên	
56	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường Dân Di đến tuyến đường Võ Nguyên Giáp, huyện Đông Anh	1	xã Đông Anh	2023-2026	CT-25/NQ-HĐND ngày 04/12/2019; DA-6386/QĐ-UBND ngày 14/12/2023	709.870		177.089	149.963	27.126	426.000	1	UBND xã Đông Anh	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025			KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân	Trong đó					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
57	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Cao Lỗ đoạn từ UBND xã Uy Nỗ đến đường sắt Hà Nội – Thái Nguyên, huyện Đông Anh (theo quy hoạch)	1	xã Đông Anh	2024-2027	9995/QĐ-UBND; 03/10/2024	128.520		40.487	487	40.000	68.000	1	UBND xã Đông Anh	
58	Dự án Hạ tầng ngoài CNC Hòa Lạc (đường từ đường TL420 – Đường E công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch	1	xã Hạ Bằng	2024-2026	6208/QĐ-UBND ngày 02/12/2024	168.894		20.000		20.000	123.000	1	UBND xã Hạ Bằng	
59	Cải tạo, mở rộng đường Đỗ Xuân Hợp và công hóa thành mương kín tuyến mương Nguyễn Cơ Thạch đến hết đường Đỗ Xuân Hợp	1	Từ Liêm	2019-Quý II/2026	878/QĐ-UBND 08/3/2019; 2794/QĐ-UBND 20/11/2024; 6346/QĐ-UBND ngày	293.866	257.702				35.000	1	UBND phường Từ Liêm	
60	Công hóa thành mương kín để làm đường giao thông tuyến mương Đồng Bông	1	Từ Liêm	2019-2025	879/QĐ-UBND 08/3/2019; 2793/QĐ-UBND 20/11/2024	185.676	158.546				25.000	1	UBND phường Từ Liêm	
61	Xây dựng tuyến đường Dịch vọng - Phú Mỹ - Cầu Diên, quận Nam Từ Liêm	1	Từ Liêm	2009-2018	4869/QĐ-UBND 15/7/2005; 3386/QĐ-UBND 31/8/2012, 6588/QĐ-UBND 09/12/2014	183.383	168.685	6.760	231	6.529	7.000	1	UBND phường Từ Liêm	
62	Xây dựng tuyến đường từ đường Phạm Hùng đến đường Lê Đức Thọ, quận Nam Từ Liêm	1	Từ Liêm	2016-2026	4962/QĐ-UBND 30/10/2015; 5942/QĐ-UBND 03/12/2018; 1821/QĐ-UBND 28/5/2020; 1418/QĐ-UBND 11/6/2021; 5221/QĐ-UBND 26/12/2022; 2930/QĐ-UBND 10/12/2024	518.979	395.646	21.419	21.419		24.000	1	UBND phường Từ Liêm	
63	Xây dựng đường nối từ đường Đỗ Đức Dục đi đường Mễ Trì	1	Từ Liêm	2016-2026	4963/QĐ-UBND 30/10/2015; 5941/QĐ-UBND 03/12/2018; 1417/QĐ-UBND 11/6/2021; 5217/QĐ-UBND 26/12/2022; 2931/QĐ-UBND 10/12/2024;	264.707	81.929	40.146	40.141	4	103.000	1	UBND phường Từ Liêm	
64	Xây dựng tuyến đường từ đường Vũ Quỳnh đến đường Lê Đức Thọ - Phạm Hùng (đoạn sau Khu trung tâm thể thao dưới nước)	1	Từ Liêm	2018-2026	5164/QĐ-UBND 31/10/2018; 1578/QĐ-UBND 15/6/2021; 1232/QĐ-UBND 12/4/2022; 2175/QĐ-UBND 24/4/2024; 5891/QĐ-UBND ngày 26/11/2025	603.367	117.153	29.227	28.899	328	366.000	1	UBND phường Từ Liêm	
65	Xây dựng tuyến đường từ đường 2,5 đến UBND phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai	1	Tương Mai	2021-2026	3895/QĐ-UBND ngày 10/8/2021, 4318/QĐ-UBND ngày 29/8/2023 của UBND TP	107.156	456	47.632	21.331	26.301	17.000		UBND phường Tương Mai	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025			KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân	Trong đó					
									Lũy kế giải ngân 2021-2024	KHV năm 2025				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
66	Xây dựng tuyến đường nối từ đường vào khu công nghiệp Nam Thăng Long đến đường vành đai 3,5	1	Thượng Cát	2025-2026	1136/QĐ-UBND ngày 28/2/2025	780.048		85.399		85.399	577.000		UBND phường Thượng Cát	
67	Xây dựng đường vào KCN Nam Thăng Long (qua Viện chăn nuôi đến sông Nhuệ, Thụy Phương), quận Bắc Từ Liêm	1	Thượng Cát	2022-2026	717/QĐ-UBND, 3/4/2023	98.413		39.069	25.900	13.169	55.000		UBND phường Thượng Cát	
68	Xây dựng tuyến đường nối từ đường Hoàng Tăng Bí đi khu công nghiệp Nam Thăng Long (Cổng Liên Mạc 2)	1	Thượng Cát	GD1:2023-2026 GD2:2025-2027	1074/QĐ-UBND, 8/4/2024	357.177		40.528	29.876	10.652	263.000		UBND phường Thượng Cát	
69	Xây dựng đường từ khu công nghiệp Nam Thăng Long đi đề Hữu Hồng, phường Liên Mạc (Đoạn 2)	1	Thượng Cát	2024-2026	1076/QĐ-UBND, 8/4/2024	112.080		30.070	15.070	15.000	65.000		UBND phường Thượng Cát	
70	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch quanh phố Tân Phong đến đường Hoàng Quốc Việt kéo dài	1	Thượng Cát	GD1:2022-2026 GD2:2024-2026	3128/QĐ-UBND ngày 5/10/2023	113.968		22.549	8.749	13.800	74.000		UBND phường Thượng Cát	
71	Xây dựng tuyến đường nối từ cầu Mới đến đường quy hoạch	1	Thượng Cát	2025-2027	5011/QĐ-UBND ngày 02/12/2024	149.598		10.062	62	10.000	117.000		UBND phường Thượng Cát	
72	Đầu tư xây dựng tuyến đường từ phố Trịnh Văn Bô kéo dài nối với phố Kiều Mai (đến hết địa phận quận Nam Từ Liêm)	1	Phường Xuân Phương	2023-2026	Quyết định số: 921/QĐ-SXD 13/12/2023; 1421/QĐ-UBND ngày 22/11/2025	64.331		41.598	9.098	32.500	13.000	1	UBND Phường Xuân Phương	
73	Xây dựng tuyến đường từ trạm bơm Cầu Ngà qua đường 70 đến hết địa phận quận Nam Từ Liêm (tuyến đường ven sông Cầu Ngà)	1	Phường Xuân Phương	2018-2026	Quyết định số: 5171/QĐ-UBND 31/10/2018; 2691/QĐ-UBND 15/7/2020; 1231/QĐ-UBND 12/4/2022; 5207/QĐ-UBND 26/12/2022; 1954/QĐ-UBND 09/4/2025	486.854	176.530	144.685	129.685	15.000	85.000	1	UBND Phường Xuân Phương	
74	Xây dựng tuyến đường từ trạm bơm Cầu Ngà đến Đại lộ Thăng Long	1	Phường Xuân Phương	2018-2027	Quyết định số: 5168/QĐ-UBND 31/10/2018; 1576/QĐ-UBND 15/6/2021; 1205/QĐ-UBND 08/4/2022; 2539/QĐ-UBND 14/5/2024 (TP);1422/QĐ-UBND ngày 22/11/2025	230.747	55.076	17.144	17.144		30.000	1	UBND Phường Xuân Phương	
75	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch 20,5m từ đường Đề tá Hồng đến đường Đồng Dư - Dương Xá, xã Đa Tốn, huyện Gia Lâm	1	Bát Trảng	2023-2026	1046/QĐ-UBND ngày 23/3/2025	212.986		1.607	662	945	180.000	1	UBND xã Bát Trảng	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025			KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân	Trong đó					
76	Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ thị trấn Kim Bài tới nút giao ngã tư Vác	1	Dân Hòa	2023-2025	2290/QĐ-UBND ngày 04/6/2020; 5281/QĐ-UBND ngày 18/10/2023	386.154	100.000	97.868	97.798	70	100.000	1	UBND xã Dân Hòa	
77	Cải tạo, nâng cấp tuyến tỉnh lộ 429A đoạn từ ngã tư Vác đến nhà lưu niệm Bác Hồ, huyện Thanh Oai	1	Dân Hòa	2024-2025	2829/QĐ-UBND ngày 22/5/2023; 4425/QĐ-UBND ngày 29/5/2024	147.248		31.398	31.398		93.000	1	UBND xã Dân Hòa	
78	Xây dựng đường liên xã Thanh Liệt - Tam Hiệp - thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì	1	Xã Đại Thanh-Phường Thanh Liệt	2023-2025	4027/QĐ-UBND ngày 10/8/2023; 3088/QĐ-UBND ngày 19/6/2025	336.433		60.827	3.526	57.301	225.000	1	UBND xã Đại Thanh	
79	Xây dựng tuyến đường Tá Thanh Oai - Đại Áng - Liên Ninh, huyện Thanh Trì	1	Đại Thanh - Ngọc Hồi	2020-2026	3553/QĐ-UBND ngày 14/06/2018, 557/QĐ-UBND ngày 03/3/2022	461.400		21.523	20.299	1.224	167.000	1	UBND xã Đại Thanh	
80	Xây dựng đường ven sông (Thanh Liệt – Tam Hiệp – Thị trấn Văn Điển), huyện Thanh Trì	1	Thanh Liệt, Đại Thanh	2024-2027	5185/QĐ-UBND ngày 08/01/2021	216.205		34.799	1.599	33.200	150.000	1	UBND xã Đại Thanh	
81	Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ thị trấn Văn Đình đến đường tỉnh lộ 424 (76 cũ), địa phận huyện Ứng Hòa	1	xã Văn Đình, xã Hòa Xá	2021-2026	2718/QĐ-UBND ngày 24/6/2021	651.987		365.270	315.270	50.000	189.000	1	UBND xã Hòa Xá	
82	Đường tỉnh lộ 425 từ Quốc lộ 21B đi vào khu thắng cảnh di tích chùa Hương, huyện Ứng Hòa	1	xã Hòa Xá	2024 - 2028	3537/ QĐ-UBND ngày 30/6/2025	175.146		35.000		35.000	113.000	1	UBND xã Hòa Xá	
83	Đường liên khu vực 1 (đoạn từ Đức Thượng đến Song Phương), huyện Hoài Đức	1	Hoài Đức, Dương Hòa, Sơn Đồng	2019-2025	12.NQ-HĐND ngày 05/12/2018;5352/QĐ-UBND 30/10/2019; 7120/QĐ-UBND 04/11/2020; 472/QĐ-UBND 24/01/2024	1.027.629	514.054	126.139	120.339	5.800	200.000	1	UBND xã Hoài Đức	
84	Xây dựng đường vành đai 3,5: Đoạn từ Đại lộ Thăng Long đến QL32	1											UBND xã Hoài Đức	
	Các đoạn Km1+700 - Km2+050; Km2+550 - Km3+340		Hoài Đức, Sơn Đồng	2015-2025	5795; 30/10/2015; 6611; 30/11/2016; 864; 09/3/2022	379.572	176.473	33.595	13.595	20.000	20.000	1		
	Xây dựng tuyến đường vành đai 3,5 (Các đoạn Km0+600-Km1+700; Km2+050-Km2+550; Km3+340-Km5+500), huyện Hoài Đức		Hoài Đức, Sơn Đồng	2016-2025	7586; 31/10/2017; 7105; 16/12/2019; 5713; 29/12/2020; 4995; 26/11/2021; 2452; 26/4/2023	1.355.454	742.226	206.133	136.133	70.000	30.000	1		

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025			KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân	Trong đó					
									Lũy kế giải ngân 2021-2024	KHV năm 2025				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
85	Đường vành đai 3,5 (đoạn Km0+000 + Km0+600) huyện Hoài Đức	1	Hoài Đức, Sơn Đồng	2023-2025	30/NQ-HĐND ngày 08/12/2021; 3068/QĐ-UBND ngày 06/08/2022; 3697/QĐ-UBND ngày 17/04/2023	198.010		90.120	89.323	797	50.000	1	UBND xã Hoài Đức	
86	Đường ĐH-02, huyện Hoài Đức	1	Hoài Đức	2019-2025	12/NQ-HĐND ngày 5/12/2018; 5344/QĐ-UBND ngày 30/10/2019; 7160/QĐ-UBND ngày 5/11/2020	219.607	98.135	5.163	163	5.000	80.000	1	UBND xã Hoài Đức	
87	Dự án Cải tạo, nâng cấp tuyến tỉnh lộ 424 đoạn từ Đổ Xá Quan Sơn (ngã 5 Tề Tiều) đến cầu đập tràn Cầu Dặm, huyện Mỹ Đức	1	xã Hồng Sơn	2024-2026	Số 4223/QĐ ngày 15/8/2024	293.839		99.912	21.912	78.000	150.000	1	UBND xã Hồng Sơn	
88	Dự án cải tạo, nâng cấp tuyến đường tỉnh lộ 419 đoạn Km51+55 đến Km53+552 (đoạn đi trùng tuyến đường trục phát triển kinh tế Miếu Môn - Hương Sơn), huyện Mỹ Đức	1	xã Hồng Sơn	2025-2028	QĐ số 1885/QĐ-UBND ngày 02/4/2025	330.036		65.000		65.000	215.000	1	UBND xã Hồng Sơn	
89	Đường tránh tỉnh lộ 419 đi khu du lịch Chùa Hương (đoạn từ cầu Đồng Bình đến bến xe Hội Xá), huyện Mỹ Đức	1	xã Hương Sơn	2020-2026	số 638/QĐ-UBND ngày 05/02/2020	127.182		76.500	76.500		3.000	1	UBND xã Hương Sơn	
90	Tuyến đường tránh TL419 đi đến Trinh và xây dựng cảnh quan, tuyến phố đi bộ tại bến Yên khu du lịch Chùa Hương, huyện Mỹ Đức	1	xã Hương Sơn	2024-2026	29/NQ-HĐND ngày 08/12/2022; 1646/QĐ-UBND ngày 27/3/2024	220.000		104.568	52.000	52.568	30.000	1	UBND xã Hương Sơn	
91	Đường giao thông kết hợp hệ thống thoát nước khu du lịch Chùa Hương, huyện Mỹ Đức.	1	xã Hương Sơn	2019-2026	7103/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 ; QĐ3315/QĐ-UBND	48.640		25.000	25.000		3.464	1	UBND xã Hương Sơn	
92	Xây dựng các tuyến đường giao thông khu vực tiếp cận dự án Bệnh viện Phụ sản Trung ương cơ sở 2, Bệnh viện Nhi Trung ương cơ sở 2, huyện Quốc Oai	1	Xã Kiều Phú	2024-2026	6015/QĐ-UBND 19/11/2024	299.273		56.000	2.000	54.000	200.000	1	UBND xã Kiều Phú	
93	Cải tạo, nâng cấp mở rộng đường tỉnh 417 (Tỉnh lộ 83 cũ) đoạn Km3+700 đến Km6+200, huyện Đan Phượng	1	xã Liên Minh	2023-2027	5729/QĐ-UBND 01/11/2023; 719/QĐ-UBND 17/11/2025	117.225		33.000	20.000	13.000	66.000	1	UBND xã Liên Minh	
94	Xây dựng tuyến đường nối từ Trung tâm văn hóa - thể thao huyện Mê Linh đến đường đê tả sông Hồng, huyện Mê Linh	1	xã Mê Linh	2023-2026	2761/QĐ-UBND 08/7/2024	79.057		70.600	20.600	50.000	2.000	1	UBND xã Mê Linh	
95	Xây dựng tuyến đường Tiên Phong – Tự Lập, huyện Mê Linh (giai đoạn 1)	1	xã Mê Linh	2022-2026	4812/QĐ-UBND ngày 01/12/2022; 6317/QĐ-UBND ngày 06/12/2024	790.830		351.800	251.800	100.000	320.000	1	UBND xã Mê Linh	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025			KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân	Trong đó					
									Lũy kế giải ngân 2021-2024	KHV năm 2025				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
96	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường Ngũ Hiệp đi Đông Mỹ, huyện Thanh Trì	1	Thanh Trì, Nam Phú	2020-2026	04/NQ-HĐND 09/4/2019; 5497/QĐ-UBND 08/12/2020; 4566/QĐ-UBND 21/11/2022; 42/NQ-HĐND ngày 04/10/2024; 6250/QĐ-UBND ngày 04/12/2024	445.064	421	183.942	160.942	23.000	209.200	1	UBND xã Nam Phú	
97	Xây dựng tuyến đường Tây Thăng Long (đoạn từ đường vành đai 3,5 đến đường kênh Đan Hoài), huyện Đan Phượng	1	Xã Đan Phượng, xã Ô Diễn	2021-2026	30/NQ-HĐND 08/12/2021; 5841/QĐ-UBND 15/11/2023; 6297, ngày 18/12/2025 (đ/c thời gian thực hiện)	1.298.596		466.000	263.000	203.000	640.000	1	UBND xã Ô Diễn	
98	Đường giao thông nối đê Tiên Tân với đê Hữu Hồng huyện Đan Phượng	1	xã Ô Diễn	Từ 2008	254/QĐ-UBND ngày 30/01/2008 phê duyệt dự án; 5886/QĐ-UBND ngày 26/11/2010 phê duyệt điều chỉnh	61.000	40.352				11.500	1	UBND xã Ô Diễn	
99	Dự án Đường nối đường Hoàng Quốc Việt kéo dài đoạn qua địa phận xã Tân Lập, huyện Đan Phượng, tỉnh Hà Tây	1	xã Ô Diễn	KC 2009	* QĐ số 705/QĐ-UBND ngày 27/04/2007 TMDT: 112,021 tỷ đồng; * QĐ số 2759/UBND ngày 24/7/2008 TMDT: 171,091 tỷ đồng; * QĐ số 450/QĐ-UBND ngày 25/01/2011 TMDT: 258,245 tỷ đồng	258.245	116.092				103.000	1	UBND xã Ô Diễn	
100	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh lộ 422 đoạn từ đê Liên Hà đến QL32, huyện Đan Phượng	1	xã Ô Diễn	2024-2026	04/NQ-HĐND ngày 09/4/2019; 10/NQ-HĐND ngày 29/3/2024; 2937/QĐ-UBND ngày 13/6/2025	156.306		12.000		12.000	120.000	1	UBND xã Ô Diễn	
101	Xây dựng tuyến đường từ đường Hạ Mỗ (N01) đi Nam Sông Hồng	1	Xã Ô Diễn	2025-2028	2257, ngày 10/4/2025	41.747		10.050	50	10.000	25.000	1	UBND xã Ô Diễn	
102	Đường Lại Yên – Văn Canh (từ Đường Liên khu vực 2 đến đường Vành đai 3.5), huyện Hoài Đức	1	Sơn Đồng	2019-2026	12.NQ-HĐND ngày 05/12/2018; 5343/QĐ-UBND 30/10/2019; 1622/QĐ-UBND 13/5/2022; 524/QĐ-UBND 26/01/2024	469.886	192.635	165.119	125.119	40.000	30.000	1	UBND xã Sơn Đồng	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025			KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân	Trong đó					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
103	Đường liên khu vực 6 (đoạn từ đường liên khu vực 1 đến đường vành đai 3,5)	1	Sơn Đồng	2022-2026	12.NQ-HĐND ngày 05/12/2018; 6060/QĐ-UBND 15/11/2021; 3361/QĐ-UBND ngày 12/08/2022	1.095.000	1.616	488.350	438.350	50.000	440.000	1	UBND xã Sơn Đồng	
104	Đường vành đai Khu công nghiệp Bắc Phú Cát (nay là đường vành đai khu công nghệ cao Hòa Lạc), huyện Quốc Oai	1	Phú Cát	2020-2026	6062/QĐ-UBND 31/10/2019; 1063/QĐ-UBND 28/3/2022; 175/QĐ-UBND 09/01/2023	482.536	90.000	194.739	194.739		125.000	1	UBND xã Phú Cát	
105	Xây dựng đường đê tá Đuông đoạn từ cầu Phú Đồng, huyện Gia Lâm	1	Xã Phú Đồng	2021-2027	9008/QĐ-UBND 31/10/2018; 2285/QĐ-UBND 10/5/2021; 221/QĐ-UBND 17/01/2022; 173/QĐ-UBND 09/01/2023; 346/QĐ-UBND 18/01/2024	511.247	176.980	179.936	179.936		29.000	1	UBND xã Phú Đồng	
106	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch từ đường Phan Đăng Lưu đến Yên Thường, huyện Gia Lâm	1	Xã Phú Đồng	2019-2026	7887/QĐ-UBND 25/10/2019; 318/QĐ-UBND 21/01/2022; 189/QĐ-UBND 09/01/2023; 344/QĐ-UBND 18/01/2024	287.737	19.561	88.356	88.356		50.000	1	UBND xã Phú Đồng	
107	Xây dựng tuyến đường quy hoạch 24,5m từ đê Đuông đến đường Dốc Lã - Ninh Hiệp	1	Xã Phú Đồng	2018-2026	9012/QĐ-UBND 31/10/2018; 2286/QĐ-UBND 10/5/2021; 1176/QĐ-UBND 06/4/2022; 908/QĐ-UBND 13/02/2023	348.477	51.594	188.671	188.671		60.000	1	UBND xã Phú Đồng	
108	Xây dựng tuyến đường Yên Viên - Đình Xuyên - Ninh Hiệp, huyện Gia Lâm	1	Xã Phú Đồng	2021-2026	6666 /QĐ-UBND 11/9/2020; 174/QĐ-UBND 09/01/2023; 341/QĐ-UBND	242.836	450	128.298	128.298		69.000	1	UBND xã Phú Đồng	
109	Đường giao thông trục phát triển phía đông huyện Phú Xuyên (nối tỉnh lộ 428 đến tỉnh lộ 429)	1	Xã Phú Xuyên	2019-2025	3539/QĐ-UBND 03/7/2019; 1375/QĐ-SGTVT 28/4/2020	283.795	130.000	130.140	128.922	1.218	10.000	1	UBND xã Phú Xuyên	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025			KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân	Trong đó					
									Lũy kế giải ngân 2021-2024	KHV năm 2025				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
110	Dự án cải tạo, chỉnh trang đoạn đường Quốc lộ 1A (đoạn Km207+250 - Km208) và hạ tầng khu trung tâm hành chính huyện Phú Xuyên	1	Xã Phú Xuyên	2019-2025	5482/QĐ-UBND 12/10/2018; 5133/QĐ-UBND 16/11/2020; 1467/QĐ-UBND 29/4/2022; 120/QĐ-UBND 09/01/2024	156.156	55.000	55.937	55.073	864	22.000	1	UBND xã Phú Xuyên	
111	Xây dựng đường gom phía Đông đường cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ đoạn qua địa phận huyện Thường Tín, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội	1	Xã Phú Xuyên	2023-2025	4021/QĐ-UBND' 10/8/2023	1.267.469	3.828	325.596	51.000	274.596	748.000	1	UBND xã Phú Xuyên	
112	Dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường Vành đai 3 đoạn qua địa bàn huyện Đông Anh	1											UBND xã Đông Anh	
-	Dự án thành phần 1: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện giải phóng mặt bằng Dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường Vành đai 3 đoạn qua địa bàn huyện Đông Anh		Xã Phúc Thịnh	2025-2028	6013/QĐ-UBND ngày 19/11/2024	2.277.000		148.649	12.725	135.924	1.786.000	1	UBND Xã Phúc Thịnh	
-	Dự án thành phần 2: Đầu tư xây dựng tuyến đường Vành đai 3 đoạn qua địa bàn huyện Đông Anh		Xã Phúc Thịnh	2025-2028	QĐ số 1880/QĐ-UBND ngày 01/4/2025 của UBND Thành phố.	5.413.000		418.265	8.485	409.780	4.182.000	1	UBND Xã Phúc Thịnh	
113	Đầu tư xây dựng tuyến đường trục trung tâm (TC21) đoạn từ đường Vành đai 3 đến hết địa phận huyện Đông Anh	1	Xã Phúc Thịnh	2025-2028	QĐ số 11881/QĐ-UBND ngày 24/6/2025 của UBND huyện Đông Anh	1.118.449		3.707		3.707	947.000	1	UBND Xã Phúc Thịnh	
114	Xây dựng tuyến đường nối trục từ đường Quốc lộ 3 (cũ) đến tuyến đường Võ Nguyên Giáp, huyện Đông Anh	1	Xã Phúc Thịnh	Hết quý IV/2026	2736/QĐ-UBND ngày 24/6/2021 của UBND Thành phố Hà Nội	281.482	200	221.600	166.440	55.160	3.000	1	UBND Xã Phúc Thịnh	
115	Cải tạo nâng cấp đường tỉnh 418 (tỉnh lộ 82 cũ) đoạn Km3-Km4+500 địa bàn huyện Phúc Thọ	1	xã Phúc Thọ	Hết 2026	147/QĐ-KH&ĐT ngày 19/6/2016; 873/UBND-ĐT ngày 05/3/2018, 1296/QĐ-UBND ngày 12/11/2025	49.393	23.694	10.862	4.500	6.362	7.000	1	UBND xã Phúc Thọ	
116	Đường nối quốc lộ 32 với quốc lộ 21A thuộc địa bàn huyện Phúc Thọ và thị xã Sơn Tây, tỉnh lộ 416	1	xã Phúc Thọ	2024-2027	08/NQ-HĐND 08/7/2019; 10/NQ-HĐND 29/3/2024; 6110/QĐ-UBND 26/11/2024	572.388	951	100.000		100.000	385.000	1	UBND xã Phúc Thọ	
117	Cải tạo hệ thống thoát nước và chỉnh trang hai bên tuyến đường quốc lộ 32 và tỉnh lộ 418 đoạn khu trung tâm huyện Phúc Thọ	1	xã Phúc Thọ	2024-2026	10/NQ-HĐND ngày 29/3/2024; QĐ số 5143/QĐ-UBND ngày 25/10/2024	223.821		79.743		79.743	110.000	1	UBND xã Phúc Thọ	
118	Nâng cấp tuyến đường tỉnh 429 (đoạn qua các xã Phương Dục, Hồng Minh, Phú Túc), huyện Phú Xuyên	1	Xã Phương Dục	2023-2025	23/NQ-HĐND 23/9/2021; 3463/QĐ-UBND 03/7/2023	350.995		303.393	73.393	230.000	47.600	1	UBND xã Phương Dục	
119	Đầu tư xây dựng tuyến đường 48m đoạn từ Yên Vĩnh đến đường 36 khu công nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh	1	Quang Minh	2022-2026	863/QĐ-UBND 09/3/2022	640.917		434.659	371.380	63.279	120.000	1	UBND xã Quang Minh	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025			KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân	Trong đó					
									Lũy kế giải ngân 2021-2024	KHV năm 2025				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
120	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường tỉnh lộ 412 (đoạn qua thị trấn Tây Đằng đi hồ Suối Hai), huyện Ba Vì	1	xã Quảng Oai	Hết 2026	6067/QĐ-UBND 31/10/2019; 2131/QĐ-UBND 26/5/2020; 76/QĐ-UBND 05/01/2023; 41/NQ-HĐND 08/12/2023; QĐ 246/QĐ-UBND ngày 16/01/2026	277.260	50.000	190.225	187.725	2.500	34.500	1	UBND xã Quảng Oai	
121	Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 32 trên địa bàn huyện Ba Vì - giai đoạn 1 (đoạn qua thị trấn Tây Đằng), huyện Ba Vì	1	xã Quảng Oai	Hết 2026	3989/QĐ-UBND 23/8/2021; 1175/QĐ-UBND 04/3/2024; 6108/QĐ-UBND ngày 03/12/2025	511.166		179.999	154.999	25.000	254.000	1	UBND xã Quảng Oai	
122	Mở rộng Quốc lộ 3 theo quy hoạch (Đoạn từ nút giao đường 18 đến Ngã ba đường vào Đền Sóc), huyện Sóc Sơn	1	Xã Sóc Sơn	2024-2027	3520/QĐ-UBND ngày 05/7/2024	1.482.131		284.500	47.000	237.500	975.000		UBND xã Sóc Sơn	
123	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh lộ 414C đi xã Thuận Mỹ (nối khu du lịch Suối Hai với khu du lịch nước khoáng nóng Thuận Mỹ), huyện Ba Vì	1	xã Suối Hai	2021-2025	4062/QĐ-UBND ngày 01/9/2021	276.732		207.853	182.950	24.903	27.000		UBND xã Suối Hai	
124	Xây dựng đường trục 42m kết nối từ đường vành đai du lịch Tuần Châu, huyện Quốc Oai đến đường tỉnh 419 (tỉnh lộ 80 cũ), huyện Thạch Thất	1	các xã: Tây Phương, Quốc Oai	2023-2026	2677/QĐ-UBND ngày 12/5/2023	372.830		11.800	2.500	9.300	103.700		UBND xã Tây Phương	
125	Xây dựng đường trục phát triển kinh tế xã hội Bắc-Nam đoạn qua huyện Thạch Thất (giai đoạn 1 từ Km14+200 đến Km18+500)	1	xã Tây Phương	2022-2026	30/NQ-HĐND ngày 08/12/2021	715.418		159.300	150.000	9.300	490.000	1	UBND xã Tây Phương	
126	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 420 đoạn từ Km0+00 đến Km7+428 (ngã ba Hòa Lạc - ngã ba thị trấn Liên Quan), huyện Thạch Thất	1	các xã: Hòa Lạc, Hạ Bằng, Thạch	2019-2026	6058/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; 15/QĐ-UBND ngày 05/01/2022; 51/QĐ-UBND ngày 14/01/2024	385.017	120.000	145.005	129.254	15.751	62.000	1	UBND xã Thạch Thất	
127	Xây dựng tuyến đường nối từ đường 23B đi cảng Chu Phan, huyện Mê Linh	1	xã Tiên Thắng, Yên Lãng	2023-2025	2828/QĐ-UBND ngày 22/5/2023; 5718/QĐ-UBND 19/11/2025	723.158		380.051	172.000	208.051	234.000	1	UBND xã Tiên Thắng	
128	Nâng cấp, mở rộng quốc lộ 21B đoạn từ đầu đường tỉnh lộ 427 tới thị trấn Kim Bài, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội	1	Thanh Oai, Bình Minh	2020-2026	6021/QĐ-UBND ngày 30/10/2019; 5365/QĐ-UBND ngày 30/12/2022; 5501/QĐ-UBND ngày 30/10/2023	345.492	105.000	195.139	195.000	139	20.000	1	UBND xã Thanh Oai	
129	Xây dựng tuyến đường ngoài hàng rào kết nối với khu công nghiệp Bắc Thăng Long, huyện Đông Anh (tuyến 3)	1	Thiên Lộc	2024-2026	QĐ số 6236/QĐ-UBND ngày 24/6/2024	125.141		23.182	17.941	5.241	83.000	1	UBND xã Thiên Lộc	
130	Xây dựng tuyến đường ngoài hàng rào kết nối với khu công nghiệp Bắc Thăng Long, huyện Đông Anh (tuyến 1)	1	Thiên Lộc	2025-2027	6235/QĐ-UBND ngày 24/6/2024	215.757		64.986	2.087	62.899	118.000	1	UBND xã Thiên Lộc	
131	Xây dựng tuyến đường ngoài hàng rào kết nối với khu công nghiệp Bắc Thăng Long, huyện Đông Anh (tuyến 2)	1	Thiên Lộc	2025-2027	12433/QĐ-UBND ngày 27/11/2024	473.651		45.530	1.599	43.931	357.000	1	UBND xã Thiên Lộc	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025			KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân	Trong đó					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
132	Đầu tư xây dựng tuyến đường gom chân đê tả sông Hồng đoạn từ ngã 3 đường Hải Bối đến hết địa phận huyện Đông Anh đi Mê Linh	1	Thiên Lộc	2025-2028	ĐA-7596/QĐ-UBND ngày 20/5/2025	557.237		58.066	950	57.116	415.000	1	UBND xã Thiên Lộc	
133	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch từ đường Ý Lan qua sông Thiên Đức đến hết thôn Đẻ Trạ 7, xã Dương Xá, Dương Quang, huyện Gia Lâm	1	Xã Thuận An	2022-2026	1226/QĐ-UBND ngày 27/3/2025	180.451		12.470	555	11.915	140.000	1	UBND xã Thuận An	
134	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ ngã tư Nguyễn Khê nối với đường bệnh viện Đông Anh đi đến Sái tại ngã ba Kim, huyện Đông Anh	1	huyện Đông Anh	2018-2026	QĐĐCCT 3615/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 QĐ ĐC BCNCKT số 6355/QĐ-UBND ngày 22/12/2025	454.338		338.486	305.136	33.350	115.851		UBND xã Thụ Lâm	
135	Xây dựng 02 tuyến đường gom dọc theo Quốc lộ 3 mới (đoạn từ nút giao giữa đường Vành Đai 3 với đường Quốc lộ 3 mới) đến hết địa phận huyện Đông Anh	1	huyện Đông Anh	2024-2027	QĐPDDA 6426/QĐ-UBND ngày 15/12/2023	712.444		340.215	285.506	54.709	372.228		UBND xã Thụ Lâm	
136	Xây dựng tuyến đường từ đường gom Quốc Lộ 3 (mới) qua Ủy ban nhân dân xã Vân Hà đến hết địa phận huyện Đông Anh	1	Vân Hà	2025-2028	QĐPDDA 3624/QĐ-UBND ngày 21/03/2025	278.100		71.761	193	71.568	206.339		UBND xã Thụ Lâm	
137	Nâng cấp tuyến tỉnh lộ 428 từ Km 6+585 - Km14+780 (tỉnh lộ 75 cũ) từ cầu Quảng Tài (xã Trung Tú) đến Cổng Thần (xã Minh Đức), huyện Ứng Hòa.	1	Xã Ứng Hòa	2019-2025	6057-31/10/2019; 5282-18/10/2023	246.207	73.000	126.190	126.190		40.000	1	UBND xã Ứng Hòa	
138	Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh lộ 426 Quan Xá đến Thái Bàng, huyện Ứng Hòa	1	Xã Ứng Hòa	2024-2027	3128/QĐ-UBND ngày 07/6/2023	560.275		360.000	210.000	150.000	116.000	1	UBND xã Ứng Hòa	
139	Đường Đỗ Xá - Quan Sơn (từ Quốc lộ 21B đến đường trục kinh tế phía Nam) thuộc địa bàn huyện Ứng Hòa	1	Xã Ứng Hòa	2024-2027	3190/QĐ-UBND 21/6/2024	400.058		2.360	2.000	360	338.000	1	UBND xã Văn Đình	
140	Nâng cấp, mở rộng đường trục kinh tế phát triển phía Nam, huyện Ứng Hòa (Cần Thơ -Xuân quang) giai đoạn I	1	Xã Ứng Hòa	2019-2025	2526/QĐ-UBND 25/10/2019; 2686-22/5/2023	357.724	140.300	140.318	139.440	879	65.000	1	UBND xã Ứng Hòa	
141	Xây dựng đường tỉnh 429B kéo dài về phía Tây (đoạn từ QL21B đến đê tả Đáy), huyện Ứng Hòa	1	xã Ứng Thiên	2023-2026	3173/QĐ-UBND ngày 09/06/2023; 6595/QĐ-UBND ngày 02/11/2023; 6581/QĐ-UBND ngày 31/12/2025	362.066		237.475	131.000	106.475	70.000	1	UBND xã Ứng Thiên	
142	Đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xá Kiêu, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Văn Đình, xã Liên Bột, huyện Ứng Hòa	1	xã Ứng Thiên	2024-2027	3190/QĐ-UBND ngày 21/6/2024; 7816/QĐ-UBND ngày 15/11/2024	844.985		203.000	113.000	90.000	515.000	1	UBND xã Ứng Thiên	
143	Nâng cấp tuyến đường tỉnh lộ 429B (đoạn từ quốc lộ 21B đến đường trục phát triển phía Nam, huyện Ứng Hòa	1	xã Ứng Thiên	2024-2026	3883/QĐ-UBND ngày 26/7/2024; 6840/QĐ-UBND ngày 16/9/2024; 6901/QĐ-UBND 20/9/2024	275.183		57.493	37.000	20.493	176.000	1	UBND xã Ứng Thiên	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025			KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân	Trong đó					
									Lũy kế giải ngân 2021-2024	KHV năm 2025				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
144	Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh lộ 429A từ Ba Thá xã Viên An, huyện Ứng Hòa đi huyện Thanh Oai	1	xã Ứng Thiển	2024-2027	1381/QĐ-UBND ngày 13/3/2024; 7633/QĐ-UBND ngày 12/11/2024; 149/QĐ-UBND ngày 12/01/2026	225.000		60.000	36.200	23.800	131.000	1	UBND xã Ứng Thiển	
145	Đường nối từ Tỉnh lộ 429A đến tỉnh lộ 429B, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	1	xã Ứng Thiển	2021-2026	1050/QĐ-UBND 25/10/2021; 1231/QĐ-UBND 31/10/2022; 1437/QĐ-UBND ngày 8/11/2025	147.290		113.330	77.622	35.708	28.000	1	UBND xã Ứng Thiển	
146	Nâng cấp tuyến tỉnh lộ 428 từ KM0 đến Km6+585 (tính lộ 75 cũ) đoạn từ Quốc lộ 21B thị trấn Văn Đình đến cầu Quảng Tái xã Trung Tú, huyện Ứng Hòa.	1	xã Văn Đình	Đến hết 2026	3540-3/7/2019; 2888-24/5/2023; 3668-15/7/2024; 6590-31/12/2025	262.545	171.794	50.943	35.943	15.000	25.500	1	UBND xã Văn Đình	
147	Nâng cấp, cải tạo đường tỉnh lộ 429C đoạn từ Cầu Bàu đến cầu Hậu Xá, huyện Ứng Hòa	1	xã Văn Đình	Đến hết 2026	6066/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; 2887/QĐ-UBND ngày 24/5/2023; 6589-31/12/2025	329.682	145.000	75.302	75.302		12.750	1	UBND xã Văn Đình	
148	Đường tránh quốc lộ 21B, huyện Ứng Hòa	1	xã Văn Đình	Hết quý I/2027	7368/QĐ-UBND ngày 24/10/2024; 6407-24/12/2025	593.096		221.000	131.000	90.000	297.500	1	UBND xã Văn Đình	
149	Đường trục kinh tế phía Bắc huyện Ứng Hoà	1	xã Văn Đình	hết năm 2027	827/QĐ-UBND 24/08/2021; 654/28/6/2022; 167-21/3/2023; 644-11/11/2025	267.380		206.001	169.800	36.201	52.000	1	UBND xã Văn Đình	
150	Xây dựng tuyến đường nối đường 100 Trục trung tâm đô thị Mê Linh qua bệnh viện Đa khoa huyện đến đường đê tả sông Hồng, huyện Mê Linh	1	Xã Yên Lãng	2023-2026	5066/QĐ-UBND 20/11/2021	179.458		150.900	143.900	7.000	15.000		UBND xã Yên Lãng	
151	Đầu tư xây dựng đường Vành đai I đoạn Hoàng Cầu - Voi Phục, thành phố Hà Nội	1	P Giảng Võ, Ô Chợ Dừa	2019-2026	5757/QĐ-UBND ngày 25/10/2018; 1322/QĐ-UBND 21/3/2019; 1742/QĐ-UBND 14/4/2021; số 5598/QĐ-UBND ngày 02/11/2023; 6295/QĐ-UBND 06/12/2024; 6032/QĐ-UBND ngày 04/12/2025	7.210.958	177.855	4.649.579	3.520.579	1.129.000	600.000	1	Ban QLDA ĐTXDCT Dân dụng	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lấy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lấy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025			KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lấy kế giải ngân	Trong đó					
152	Đầu tư xây dựng tuyến đường số 8 và một số tuyến đường kết nối khu vực Bắc Cổ Nhuế -Chèm	1	P Đông Ngạc	2020-2026	4141/QĐ-UBND ngày 16/9/2020; 4570/QĐ-UBND ngày 21/11/2022; 6181/QĐ-UBND ngày 12/12/2025	570.974	6.647	171.220	170.827	393	290.000	1	Ban QLDA ĐTXDCT Dân dụng	
153	Dự án đầu tư xây dựng nút giao khác mức giữa đường Vành đai 3,5 với Đại lộ Thăng Long, huyện Hoài Đức	1	P Tây Mỗ, X An Khánh, Sơn Đồng	2022-2026	4563/QĐ-UBND ngày 19/11/2022	2.384.242		806.516	616.516	190.000	760.000	1	Ban QLDA ĐTXDCT Dân dụng	
154	Xây dựng tuyến đường số 3 vào trung tâm khu đô thị mới Tây Hồ Tây	1	P Nghĩa Đô, Xuân Đình	2.026	2148/QĐ-UBND ngày 02/5/2019; 5442/QĐ-UBND ngày 16/10/2015; 2155/QĐ-UBND ngày 02/5/2019; 4204/QĐ-UBND ngày 17/9/2021; 25/QĐ-SXD ngày 12/01/2026	127.273	27.194	141	141		75.000	1	Ban QLDA ĐTXDCT Dân dụng	
155	Xây dựng tuyến đường số 5 vào trung tâm khu đô thị mới Tây Hồ Tây	1	P Xuân Đình	2.026	4882/QĐ-UBND ngày 26/10/2012; 2080/QĐ-UBND ngày 21/5/2020; 4203/QĐ-UBND ngày 17/9/2021; 3420/QĐ-SXD ngày 18/12/2025	60.028	10.183	16.556	16.556		373.300	1	Ban QLDA ĐTXDCT Dân dụng	
156	Mở rộng đường Vành đai 3: đoạn Mai Dịch - Cầu Thăng Long (Phần XL + chi khác do Ban Giao thông làm CĐT)	1	Các phường: Xuân Đình, Phú Diễn, Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Đông Ngạc	2016-2022	103/QĐ-BGTVT 14/01/2010; 3099/QĐ-UBND 15/6/2016; 7240/QĐ-UBND 18/10/2017; 892/QĐ-UBND 22/02/2019; 922/QĐ-UBND 02/3/2020; 5170/QĐ-UBND 08/12/2021; 539/QĐ-BQLCTGT 17/12/2021	3.113.000	2.783.462					1	Ban QLDA ĐTXD CTGT TP HN	
Phần XL + chi khác do Ban Giao thông làm CĐT							731.936	75.000	75.000		15.000			
157	Xây dựng đường Văn Cao - Hồ Tây	1	Phường Tây Hồ	2007-2020	417/QĐ-UBND 29/01/2007; 528/QĐ-UBND 29/01/2016; 5702/QĐ-UBND 23/10/2018; 4356/QĐ-UBND 16/8/2019; 3437/QĐ-UBND 05/8/2020	777.430	682.872	4.308	1.547	2.761	30.000	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT TP HN	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025			KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân	Trong đó					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
158	Dự án xây dựng cầu Ngọc Than, huyện Quốc Oai	1	xã Quốc Oai	2020 - 2021	số 6078/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	9.137		5.065	5.065		2.500	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT TP HN	
159	Xây dựng tuyến đường nối từ trường ĐH Mỏ địa chất vào KCN Nam Thăng Long	1	Bắc Từ Liêm	2016-2021	460/QĐ-UBND 26/01/2011; 5719/QĐ-UBND 13/10/2016; 3499/QĐ-UBND 09/7/2018; 3978/QĐ-UBND 24/7/2019; 3143/QĐ-UBND 17/7/2020; 5313/QĐ-UBND 22/12/2021	196.312		128	128		1.500	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT TP HN	
160	Dự án xây dựng đường 5 kéo dài (Cầu Chui-Cầu Đồng Trù-Phường Trạch-Bắc Thăng Long)	1	Phường Bồ Đề, phường Việt Hưng, xã Đông Anh, xã Vĩnh Thanh, xã Phúc Thịnh, xã Thiên Lộc	2005-2014	số 1881/QĐ-UB ngày 15/4/2005; số 909/QĐ-UBND ngày 07/2/2013	6.661.757	5.051.410	102.007	3.491	98.516	40.000	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT TP HN	
161	Dự án xây dựng cầu Vĩnh Tuy và tuyến đường hai đầu cầu (giai đoạn 1)	1	Các phường: Vĩnh Tuy, Hồng Hà, Lĩnh Nam, Long Biên	2005-2010	398/QĐ-UBND ngày 14/01/2005	3.597.754	2.816.962				20.000	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT TP HN	
162	Dự án xây dựng cầu Yên Hòa, quận Cầu Giấy và quận Đống Đa	1	Các phường: Cầu Giấy, Láng	2019 - 2021	6081/QĐ-UBND 31/10/2019	37.759	10.000	15.000	15.000		1.200	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT TP HN	
163	Dự án xây dựng cầu 361 (qua sông Tô Lịch)	1	Các phường: Cầu Giấy, Đống Đa	2016-2017	Quyết định số 4480/QĐ-UBND ngày 26/10/2012	87.508	44.330				1.700	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT TP HN	
164	Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Lã, huyện Thường Tín	1	xã Thượng Phúc	2019-2020	Quyết định số 5803/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	12.823	9.683				950	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT TP HN	
165	Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Ngọc Động, xã Đa Tốn, huyện Gia Lâm	1	xã Đa Tốn	2016-2017	Quyết định số 1103/QĐ-SGTVT ngày 18/9/2012	51.469	15.381				3.200	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT TP HN	
166	Đầu tư xây dựng tuyến đường Vành đai 3 đi thấp qua hồ Linh Đàm và nhánh kết nối với đường Vành đai 3	1	Phường Hoàng Liệt	2018-II/2022	5594/QĐ-UBND 18/10/2018; 2734/QĐ-UBND 26/6/2020; 367/QĐ-UBND 25/01/2022; 1777/QĐ-UBND 26/5/2022	341.671	204.556	70.000	70.000		16.000	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT TP HN	
167	Dự án cải tạo, nâng cấp đường tỉnh Tân Lĩnh - Yên Bái đoạn từ Km2+400 đến Km10+500 (nối từ Đại lộ Thăng Long kéo dài đến tỉnh lộ 414)	1	Bà Vì	2018-II/2022	5672/QĐ-UBND 23/10/2018; 5979/QĐ-UBND 29/10/2019; 539/QĐ-UBND 25/01/2021; 5429/QĐ-UBND 29/12/2021	206.103	109.833	5.000	5.000		5.600	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT TP HN	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025			KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân	Trong đó					
									Lũy kế giải ngân 2021-2024	KHV năm 2025				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
168	Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Bến Cốc, huyện Chương Mỹ	1	Xã Thanh Bình	2018- quý IV/2022	5641/QĐ-UBND 22/10/2018; 1675/QĐ-UBND 23/4/2020; 1830/QĐ-UBND 22/4/2021; 945/QĐ-UBND 18/3/2022	61.960	30.001	15.000	15.000		4.000	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT TP HN	
169	Xây dựng hầm chui Lê Văn Lương - Vành đai 3	1	Các phường: Thanh Xuân, Đại Mỗ	2019- 2022	3297/QĐ-UBND 20/6/2019; 1741/QĐ-UBND 28/4/2020; 944/QĐ-UBND 18/3/2022	698.158	149.955	253.000	235.000	18.000	3.000	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT TP HN	
170	Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Nội Côi, huyện Phú Xuyên	1	Xã Phương Dục	2019- 28/2/2026	CTr: 5244/QĐ-UBND ngày 02/10/2018; DA: số 3204/QĐ-UBND ngày 13/6/2019; số 3628/QĐ-UBND ngày 21/7/2021; số 1349/QĐ-UBND ngày 21/4/2022; số 3631/QĐ-SGTVT ngày 03/8/2023; số 3562/QĐ-SXD ngày 29/12/2025	56.684	38.000	14.564	14.564		2.000	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT TP HN	
171	Xây dựng cầu vượt tại nút giao đường Chùa Bộc - Phạm Ngọc Thạch	1	Phường Kim Liên	2019 - 30/6/2023	1172/QĐ-UBND 26/02/2014; 6125/QĐ-UBND 31/10/2019; 4937/QĐ-UBND 03/11/2020; 14/QĐ-UBND 05/01/2022; 186/QĐ-UBND 09/01/2023	147.280	3.100	98.759	98.759		23.000	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT TP HN	
172	Xây dựng mở rộng tuyến đường Lương Định Của ra đường Trường Chinh	1	Phường Kim Liên	2018- 2023	2248/QĐ-UB 15/4/2004 5781/QĐ-UBND 13/12/2011; 7612/QĐ-UBND 31/10/2017; 7031/QĐ-UBND 10/12/2019; 1886/QĐ-UBND 26/4/2021; 3781/QĐ-UBND 11/10/2022	120.501	38.957	38.629	38.629		3.000	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT TP HN	
173	Xây dựng tuyến đường nối khu công nghiệp Bắc Thường Tín với đường tỉnh 427, huyện Thường Tín	1	Xã Thường Tín	2018- 2022	2338/QĐ-UBND 16/5/2018; 583/QĐ-UBND 29/01/2021; 5430/QĐ-UBND 29/12/2021; 2462/QĐ-UBND 14/7/2022	186.173	95.333	23.000	23.000		6.200	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT TP HN	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025			KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân	Trong đó					
									Lũy kế giải ngân 2021-2024	KHV năm 2025				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
174	Đầu tư xây dựng công trình cầu Ngọc Hà vượt sông Cả Lỗ, huyện Sóc Sơn	1	Sóc Sơn	2019-2022	CTr: số 2401/QĐ-UBND ngày 18/5/2018; DA: số 2936/QĐ-UBND ngày 04/6/2019; số 765/QĐ-UBND ngày 17/02/2021; số 7542/QĐ-SGTVT ngày 29/12/2022	68.575	16.206	21.729	21.729		3.000	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT TP HN	
175	Dự án xây dựng cầu Trí Thờ, huyện Chương Mỹ	1	xã Xuân Mai	2019-hết năm 2024	CTr: 3782/QĐ-UBND ngày 15/7/2019; số 6082/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; số 710/QĐ-UBND ngày 23/02/2022; 4027/QĐ-UBND 25/10/2022; 3184/QĐ-SGTVT ngày 10/7/2023; số 1036/QĐ-SGTVT ngày 22/3/2024	27.536	7.000	15.558	15.558		3.000	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT TP HN	
176	Dự án xây dựng cầu Cao Thiên, huyện Thạch Thất	1	Xã Cấn Kiệm, huyện Thạch Thất	2019 - 2023	6075/QĐ-UBND 31/10/2019; 08/QĐ-UBND 04/01/2022; 303/QĐ-SGTVT 17/01/2023	58.741	10.000	34.783	34.783		1.600	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT TP HN	
177	Công trình trọng điểm giai đoạn 2021-2025: Dự án đầu tư xây dựng cầu Vĩnh Tuy, Giai đoạn 2	1	Các phường: Hồng Hà, Lĩnh Nam, Long Biên	2020-2023	CTr: số 214/QĐ-TTg ngày 07/02/2020; DA: số 4610/QĐ-UBND ngày 5/10/2011; số 2673/QĐ-UBND ngày 24/6/2020; số 392/QĐ-UBND ngày 17/01/2023	2.538.153	33.115	1.861.575	1.838.575	23.000	29.000	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT TP HN	
178	Xây dựng tuyến đường gom Bắc Thăng Long-Nội Bài, đoạn qua Khu công nghiệp Quang Minh I	1	Xã Quang Minh	2015-2026	số 7458/QĐ-UBND 9/12/2013; số 6285/QĐ-UBND 15/11/2016; số 1517/QĐ-UBND 29/3/2018; số 2821/QĐ-UBND 30/5/2019; số 1606/QĐ-UBND 17/4/2020; số 1740/QĐ-UBND ngày 29/3/2021; số 366/QĐ-UBND ngày 25/01/2022; số 972/QĐ-UBND ngày 21/2/2024; số 6114/QĐ-UBND ngày 26/11/2024; 6390/QĐ-UBND ngày 23/12/2025	100.754	73.498	7.953	6.131	1.822	10.000	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT TP HN	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025			KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân	Trong đó					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
179	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường nối từ Quốc lộ 5 vào Khu công nghiệp HAPRO (giai đoạn 1)	1	Xã Thuận An, xã Gia Lâm	2007- quý IV/2024	1312/QĐ-UBND 10/4/2007; 5159/QĐ-UBND 21/9/2016; 1421/QĐ-UBND 27/3/2019; 3169/QĐ-UBND 21/7/2020; 556/QĐ-BQLCTGT 13/10/2020; 273/QĐ-BQLCTGT 29/6/2021; 3789/QĐ-UBND 02/8/2021; 2268/QĐ-UBND 30/6/2022; 3082/QĐ-UBND 05/6/2023; 1024/QĐ-UBND ngày 23/2/2024	365.495	289.275	20.806	20.806		9.300	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT TP HN	
180	Dự án xây dựng tuyến đường gom từ Khu công nghiệp Đài Tư - Sài Đồng A ra Quốc lộ 5	1	Xã Phúc Lợi	2010- quý II/2025	số 128/QĐ-UBND 12/01/2010; số 691/QĐ-UBND 07/02/2018; số 2820/QĐ-UBND 30/5/2019; số 1659/QĐ-UBND ngày 23/4/2020; số 1472/QĐ-UBND ngày 29/3/2021; 29/QĐ-UBND ngày 06/01/2022; số 974/QĐ-UBND ngày 21/2/2024; số 6164/QĐ-UBND ngày 28/11/2024	135.984	80.718	2.027	927	1.100	3.000	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT TP HN	
181	Công hóa và xây dựng tuyến đường từ nút rẽ ra phố Núi Trúc đến phố Sơn Tây	1	Phường Ba Đình, phường Ngọc Hà	2009- quý IV/2026	2447/QĐ-UBND 26/6/2008; 5101/QĐ-UBND 7/11/2012; 6343/QĐ-UBND 18/11/2016; 1696/QĐ-UBND 09/4/2019; 2401/QĐ-UBND 31/5/2021; 2130/QĐ-UBND 12/4/2023; 6370/QĐ-UBND 11/12/2024	740.450	208.711	168.509	168.509		150.000	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT TP HN	
182	Xây dựng cầu vượt tại nút giao An Dương - đường Thanh Niên để hạn chế ùn tắc giao thông quận Ba đình và quận Tây hồ	1	Ba Đình, Tây Hồ	2017- 2024	3665/QĐ-UBND 19/6/2017; 3376/QĐ-UBND 24/6/2019; 402/QĐ-UBND 19/01/2021; 808/QĐ-UBND 01/3/2022;	815.864	324.957	291.487	271.487	20.000	20.000	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT TP HN	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025			KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Hoàn thành giải đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân	Trong đó					
									Lũy kế giải ngân 2021-2024	KHV năm 2025				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
183	Xây dựng hoàn thiện nút giao Chùa Bộc - Thái Hà theo quy hoạch tại góc 1/4 nút giao từ Học viện Ngân hàng đến cổng trường Đại học Công đoàn	1	Phường Kim Liên	2019-hết Quý II/2026	5572/QĐ-UBND 28/10/2014; 8006/QĐ-UBND 17/11/2017; 4437/QĐ-UBND 02/10/2020; 1428/QĐ-UBND 27/4/2022; 775/QĐ-UBND 05/2/2024; 124/QĐ-	535.712	5.410	366.000	366.000		1.000	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT TP HN	
184	Xây dựng đường Phương Mai - Sông Lũ	1	Phường Kim Liên	2018-Quý IV/2026	1966/QĐ-UBND 4/5/2010; 4080/QĐ-UBND 09/8/2018; 1887/QĐ-UBND 26/4/2021; 1328/QĐ-UBND 03/3/2023; 6750/QĐ-UBND 30/12/2024; 5831/QĐ-UBND 24/11/2025	225.792	2.199	132.311	132.180	131	40.000	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT TP HN	
185	Đầu tư xây dựng hầm chui tại nút giao giữa đường Vành đai 2,5 với đường Giải Phóng (QL1A cũ), quận Hoàng Mai	1	Phường: Hoàng Mai, Định Công, Phương Liệt, Tương Mai	2022-2026	5804/QĐ-UBND 26/10/2018; 1949/QĐ-UBND 09/6/2022	778.393	6.450	468.500	328.500	140.000	70.000	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT TP HN	
186	Xây dựng một phần tuyến đường 70 (đoạn từ cầu Ngà đến hết ranh giới dự án Làng giáo dục Quốc tế) và đường bao quanh Làng giáo dục Quốc tế.	1	phường Xuân Phương	2010-hết quý IV/2026	3102/QĐ-UBND 29/3/2011; 3282/QĐ-UBND 19/6/2019; 1350/QĐ-UBND 21/4/2022; 1022/QĐ-UBND 23/2/2024	270.176	87.000	49.264	47.922	1.342	40.000	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT TP HN	
187	Xây dựng đường Liễu Giai- Núi Trúc (đoạn từ ngã tư Vạn Phúc đến nút Núi Trúc)	1	Phường Ngọc Hà	2010-quý II/2026	1096/QĐ-UBND 02/3/2006; 2619/QĐ-UBND 08/5/2017; 1697/QĐ-UBND 09/4/2019; 3159/QĐ-UBND 08/6/2023; 3753/QĐ-UBND ngày 10/7/2025	342.975	245.467	44.183	44.183		40.000	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT TP HN	
188	Đầu tư xây dựng cầu Chiềng, Km8+255 đường tỉnh 427, huyện Thường Tín	1	xã Thường Tín	2017-quý I/2024	6341/QĐ-UBND 18/11/2016; 1567/QĐ-UBND 16/4/2020; 1516/QĐ-UBND 01/4/2021; 956/QĐ-UBND 18/3/2022; 737/QĐ-SGTVT 24/02/2023	115.544	75.085	10.943	10.943		5.000	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT TP HN	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025			KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân	Trong đó					
									Lũy kế giải ngân 2021-2024	KHV năm 2025				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
189	Dự án xây dựng nâng cấp mở rộng đường nhánh nối QL1A với đường cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ, đoạn qua KCN hỗ trợ Nam Hà Nội	1	Xã Đại Xuyên	2015-2022	3084/QĐ-UBND 02/7/2015; 972/VP-ĐT 05/02/2018; 1596/QĐ-UBND 17/4/2020; 235/QĐ-UBND 17/01/2022	89.172	41.307	28	28		6.500	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT TP HN	
190	Dự án cải tạo, nâng cấp quốc lộ 1A đoạn Văn Điển - Ngọc Hồi (Km185 - 189)	1	Xã Thanh Trì, Xã Ngọc Hồi Trì	2010-quý IV/2025	3553/QĐ-UBND 19/7/2010; 1513/QĐ-UBND 30/3/2011; 6010/QĐ-UBND 28/8/2017; 1951/QĐ-UBND 23/4/2019; 1310/QĐ-UBND 17/3/2021; 178/QĐ-UBND 09/01/2023; 1837/QĐ-UBND ngày 08/4/2024	887.735	392.125	382.200	195.800	186.400	20.000	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT TP HN	
191	Xây dựng đường gom cầu Giẽ - Phú Yên - Văn Từ (tuyến phía Tây đường sắt), huyện Phú Xuyên	1	Xã Phú Xuyên Chuyên Mỹ, Đại Xuyên	2012-quý IV/2027	5064/QĐ-UBND 31/10/2011; 4012/QĐ-UBND 11/9/2012; 183/QĐ-UBND 10/01/2013; 3683/QĐ-UBND 03/8/2015; 1742/QĐ-UBND 28/4/2020; 953/QĐ-UBND 18/3/2022; 3311/QĐ-UBND ngày 26/6/2024	261.820	100.299	257	257		100.000	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT TP HN	
192	Xây dựng đoạn tuyến đường nối từ cầu Mỗ Lao, quận Hà Đông đến đường 70, quận Nam Từ Liêm	1	phường Tây Mỗ, phường Đại Mỗ	2017-2028	2307/QĐ-UBND 17/4/2017; 1878/QĐ-UBND 18/4/2019; 2951/QĐ-UBND 05/7/2021; 1595/QĐ-UBND 17/3/2023; 5996/QĐ-UBND 2/12/2025	436.735	71.483	33.558	33.558		257.000	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT TP HN	
193	Cải tạo nâng cấp đường 35 đoạn giữa tuyến (Km 4+469,12 đến Km 12 +733,55)	1	xã Trung Giã, xã Kim Anh, xã Nội Bài	2015-Quý IV/2026	5570/QĐ-UBND 28/10/2014; 923/QĐ-UBND 02/3/2020; 177/QĐ-UBND 14/01/2022; 3161/QĐ-UBND 08/6/2023; 3754/QĐ-UBND 10/7/2025; 6179/QĐ-UBND 12/12/2025	197.204	26.481	7.538	6.769	769	133.000	1	UBND xã Trung Giã	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025			KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân	Trong đó					
									Lũy kế giải ngân 2021-2024	KHV năm 2025				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
194	Xây dựng tuyến đường vào KCN sạch Sóc Sơn, huyện Sóc Sơn	1	Xã Kim Anh	2019-2026	CTr: số 403/HĐND-KTNS ngày 21/8/2017, số 12/NQ-HĐND ngày 05/12/2018; DA: số 3954/QĐ-UBND ngày 23/7/2019; số 875/QĐ-UBND ngày 22/02/2021; 1201/QĐ-UBND ngày 23/02/2023; số 6163/QĐ-UBND ngày 28/11/2024; 6245/QĐ-UBND 24/12/2025	334.099	42.402	49.366	43.676	5.690	140.000	1	UBND xã Kim Anh	
195	Mở rộng đường Phan Kế Bính theo quy hoạch	1	Phường Ngọc Hà, Phường Giảng Võ	2018-Quý IV/2026	5802/QĐ-UBND 26/10/2018; 283/QĐ-UBND 14/01/2020; QĐ số 6700/QĐ - UBND ngày 27/12/2024.	72.891	5.676	5.285	5.285		50.000	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT TP HN	
196	Xây dựng cầu Cương Kiên, quận Nam Từ Liêm	1	phường Đại Mỗ	2019 - Quý IV/2026	6076/QĐ-UBND 31/10/2019; 605/QĐ-UBND 30/01/2023; 1795/QĐ-UBND 28/3/2025	175.800	15.000	1.439	1.439		132.000	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT TP HN	
197	Dự án đầu tư xây dựng cầu Bài Văn, huyện Ba Vì	1	Xã Suối Hai, xã Ba Vì	2022-Quý II/2026	số 3098/QĐ-SGTVT ngày 15/6/2022; số 108/QĐ-SGTVT ngày 11/01/2024; số 438/QĐ-BQLCTGT ngày 12/7/2024; 2360/QĐ-SXD ngày 29/9/2025	36.145		12.185	9.148	3.037	8.900	1	Bnn QLDA ĐTXD CTGT TP HN	
198	Dự án đầu tư xây dựng cầu Châm Mè, huyện Ba Vì	1	Xã Suối Hai	2022-Quý II/2026	số 3099/QĐ-SGTVT ngày 15/6/2022; số 109/QĐ-SGTVT ngày 11/01/2024; 5773/QĐ-SGTVT ngày 22/11/2024; 2358/QĐ-SXD ngày 29/9/2025	30.270		11.389	7.132	4.257	10.000	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT TP HN	
199	Dự án đầu tư xây dựng cầu Kim, huyện Ba Vì	1	Xã Suối Hai	2022-Quý II/2026	số 3100/QĐ-SGTVT ngày 15/6/2022; số 110/QĐ-SGTVT ngày 11/01/2024; 5771/QĐ-SGTVT ngày 22/11/2024; 2361/QĐ-SXD ngày 29/9/2025	35.186		10.883	7.883	3.000	8.700	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT TP HN	
200	Dự án đầu tư xây dựng cầu Lộc Hà Km3+350 Quốc Lộ 3, tại Xã Mai Lâm, huyện Đông Anh	1	xã Đông Anh	2022 - quý III/2024	4158/QĐ-SGTVT 05/8/2022; 6343/QĐ-SGTVT 20/12/2023	45.600		37.845	37.845		5.000	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT TP HN	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025			KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân	Trong đó					
									Lũy kế giải ngân 2021-2024	KHV năm 2025				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
201	Dự án đầu tư xây dựng cầu Và, huyện Ba Vì	1	Xã Suối Hai	2022-Quý II/2026	số 3101/QĐ-SGTVT ngày 15/6/2022; 'số 111/QĐ-SGTVT ngày 11/01/2024; 5772/QĐ-SGTVT ngày 22/11/2024; 2359/QĐ-SXD ngày 29/9/2025	38.356		10.834	7.834	3.000	5.000	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT TP HN	
202	Dự án xây dựng cầu Mụ huyện Chương Mỹ, huyện Thanh Oai	1	Xã Hoà Phú, xã Dân Hoà	2022-Quý II/2026	3783/QĐ-UBND 15/7/2019; 30/NQ-HĐND 08/12/2021; 6500/QĐ-SGTVT 17/11/2022; QĐ số 6482/QĐ - SGTVT ngày 27/12/2024	89.983		32.607	31.094	1.513	30.000	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT TP HN	
203	Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Tân Phú bắc qua sông Đáy, huyện Quốc Oai và huyện Hoài Đức	1	Xã Hưng Đạo; xã An Khánh	2023-Quý III/2026	1824/QĐ-UBND 17/4/2019; 14/NQ-HĐND 06/7/2022; 07/NQ-HĐND 10/3/2023; 5876/QĐ-SGTVT 23/11/2023; 3154/QĐ-SXD 26/10/2023	119.581		36.301	20.215	16.086	65.000	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT TP HN	
204	Công trình trọng điểm giai đoạn 2021-2025: Đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối đường Pháp Vân - Cầu Giẽ với đường Vành đai 3	1	Phường Hoàng Mai, Phường Yên Sở, xã Thanh Trì	2022-Quý IV/2027	CTR: số 141/QĐ-TTg 21/01/2020; 1803/QĐ-UBND 30/5/2022; 5396/QĐ-UBND 30/10/2025	3.241.547	1.533	946.261	666.261	280.000	1.807.000	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT TP HN	
205	Dự án xây dựng đường vành đai 3,5 đoạn từ cầu Thượng Cát đến Quốc lộ 32	1	phường Tây Tựu, phường Thượng Cát, xã Ô Diên, xã	2023-2027	07/NQ-HĐND 10/3/2023; 996/QĐ-UBND 22/2/2024	1.495.000		157.000	7.000	150.000	1.113.000	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT TP HN	
206	Xây dựng cầu qua sông Nhuệ trên tuyến đường Dịch Vọng - Phú Mỹ - Cầu Diễn và đường nối ra Quốc lộ 32, quận Nam Từ Liêm, quận Bắc Từ Liêm	1	Phường Xuân Phương và Phường Từ Liêm	2020-2026	782/QĐ-UBND 15/2/2011; 4760/QĐ-UBND 23/10/2020; 3904/QĐ-UBND 18/10/2022; 6456/QĐ-UBND 17/12/2024	380.126	2.766	73.215	71.590	1.625	247.000	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT TP HN	
207	Xây dựng tuyến đường nối tiếp đường tỉnh 421B đoạn từ cầu vượt Sỏi Sơn qua khu hành chính huyện Quốc Oai kết nối với đường tỉnh 421B (đoạn Thạch Thán - Xuân Mai)	1	xã Quốc Oai	2020-2026	5012/QĐ-UBND 09/11/2020; 6665/QĐ-UBND ngày 29/12/2023; 5902/QĐ-UBND ngày 26/11/2025	477.220	734	212.000	206.000	6.000	165.000	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT TP HN	
208	Xây dựng tuyến đường phát triển phía Tây Nam huyện Quốc Oai từ đường tỉnh 421B đi đường tỉnh 419 nối với đường tỉnh 423 hiện trạng	1	xã Quốc Oai	2020-2026	1161/QĐ-UBND 10/3/2021; 6667/QĐ-UBND 29/12/2023; 5995/QĐ-UBND ngày 02/12/2025	370.314	435	169.840	144.400	25.440	105.600	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT TP HN	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025			KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân	Trong đó					
									Lũy kế giải ngân 2021-2024	KHV năm 2025				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
209	Đầu tư xây dựng công trình cầu 72-II trên đường tỉnh 423	1	xã Hưng Đạo; xã An Khánh	2023-Quý II/2027	18/NQ-HĐND 25/10/2019; 14/NQ-HĐND 06/7/2022; 4995/QĐ-UBND 04/10/2023; 5540/QĐ-	259.954		41.349	21.241	20.108	130.000	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT TP HN	
210	Công trình trọng điểm 2021-2025: Dự án đầu tư xây dựng cầu Vân Phúc qua sông Hồng và tuyến đường kết nối ra Quốc lộ 32 huyện Phúc Thọ	1	Xã Phúc Thọ và xã Phúc Lộc	2024-2027	29/NQ-HĐND 08/12/2022; 3285/QĐ-UBND 25/6/2024	3.443.976		842.989	12.489	830.500	2.050.000	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT TP HN	
211	Xây dựng hầm chui tại nút giao Cổ Linh, quận Long Biên, Hà Nội	1	phường Long Biên	2024-2026	41/NQ-HĐND 08/12/2023; 3101/QĐ-UBND ngày 13/6/2024	747.593		152.195	2.195	150.000	481.000	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT TP HN	
212	Cầu vượt nút giao đường tỉnh lộ 427 với đường sắt Bắc - Nam và quốc lộ 1A (cầu vượt Dương Trục Nguyên)	1	Thường Tín	2022-2025	3293/QĐ-UBND ngày 21/6/2023	289.913		225.979	85.979	140.000	20.000	1	UBND xã Thường Tín	
213	Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1A đoạn Km191+700 đến Km193+300 qua địa bàn thị trấn Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Thường Tín	2022-2025	6565/QĐ-UBND ngày 26/12/2023	499.703		39.000	4.000	35.000	385.000	1	UBND xã Thường Tín	
214	Cải tạo, chỉnh trang đường tỉnh lộ 427 đoạn từ QL21 B đến nút giao Khê Hồi (đường cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ) trên địa bàn huyện Thường Tín	1	Thường Tín, Hồng Vân	2018-2026	5951/QĐ-UBND 31/10/2018; 4082/QĐ-UBND 06/9/2021; 1755/QĐ-UBND 27/3/2023; 6551/QĐ-UBND 25/12/2023	285.088	89.968	89.940	83.198	6.742	8.300	1	UBND xã Thường Tín	
215	Xây dựng tuyến đường Tây Thăng Long đoạn từ đường Phạm Văn Đồng đến đường Văn Tiến Dũng thuộc địa bàn quận Bắc Từ Liêm	1	phường Đông Ngạc	2019-2026	5995/QĐ-UBND 31/10/2018; 5901/QĐ-UBND 23/10/2019; 05/QĐ-UBND 04/01/2022; 14/NQ-HĐND 04/7/2023; 3597/QĐ-UBND ngày 10/7/2024	2.344.315	370.743				1.621.000	1	UBND phường Đông Ngạc	
216	Xây dựng tuyến đường nối từ đường Hoàng Tăng Bí đến phố Viên, quận Bắc Từ Liêm	1	phường Đông Ngạc	2019-2023	255/HĐND-KTNS 24/5/2018	179.345	123.528				28.000	1	UBND phường Đông Ngạc	
217	Xây dựng tuyến đường vào khu công nghiệp Nam Thăng Long (nối từ đường Hoàng Quốc Việt kéo dài)	1	phường Đông Ngạc	2004-2023	589/QĐ-UBND 4/2/2015	206.092	118.584				57.000	1	UBND phường Đông Ngạc	
218	Xây dựng tuyến đường từ trường Đại học Mỏ địa chất ra đường Phạm Văn Đồng	1	phường Đông Ngạc	2006-2022	2418/QĐ-UBND 29/4/2005; 4229/QĐ-UBND 12/8/2014; 5902/QĐ-UBND 23/10/2019; 4399/QĐ-UBND 30/9/2020; 5424/QĐ-UBND 29/12/2021	218.649	181.491				27.000	1	UBND phường Đông Ngạc	
219	Xây dựng tuyến đường từ đường Tây Thăng Long đến đường từ Đại học Mỏ địa chất đi đường Phạm Văn Đồng	1	phường Đông Ngạc	2023-2026	4478/QĐ-UBND ngày 27/8/2024	209.281		20.492	492	20.000	100.000	1	UBND phường Đông Ngạc	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025			KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân	Trong đó					
									Lũy kế giải ngân 2021-2024	KHV năm 2025				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
220	Xây dựng, khớp nối đường giao thông khu chức năng đô thị Tây Tựu, quận Bắc Từ Liêm	1	Tây Tựu	Quý III/2026	25/NQ-HĐND 04/12/2019; 3796/QĐ-UBND 03/8/2021; 1706/QĐ-UBND ngày 01/4/2024; 852/QĐ-UBND ngày 25/02/2026	87.724		73.235	51.735	21.500	14.000	1	UBND phường Tây Tựu	
221	Xây dựng nâng cấp đường từ đường 32 đi đường Văn Tiến Dũng (qua trường Mầm non Phú Minh), Nguyễn Xá, Minh Khai	1	Tây Tựu	2022-2026	25/NQ-HĐND ngày 10/11/2021	99.429		25.503	25.503		59.000	1	UBND phường Tây Tựu	
222	Xây dựng tuyến đường từ đường 70 quy hoạch đi đường Phú Minh (qua trường mầm non Minh Khai) quận Bắc Từ Liêm	1	Tây Tựu	2023-2026	25/NQ-HĐND ngày 10/11/2021	105.197		34.431	25.400	9.031	55.000	1	UBND phường Tây Tựu	
223	Dự án Xây dựng, mở rộng tuyến phố Văn Trì theo quy hoạch	1	Tây Tựu	2023-2025	25/NQ-HĐND ngày 10/11/2021, 11/NQ-HĐND ngày 23/9/2022	64.219		5.046	5.046		49.000	1	UBND phường Tây Tựu	
224	Tuyến đường từ vành đai 3,5 đến đường nối từ đường Hoàng Quốc Việt kéo dài đến Khu công nghiệp Nam Thăng Long	1	Tây Tựu	2022-2026	30/NQ-HĐND 08/12/2021; 4727/QĐ-UBND 28/11/2022	966.404		304.000	304.000		517.000	1	UBND phường Tây Tựu	
225	Đường nối từ tỉnh lộ 414 (Điểm ngã ba Vỹ Thủy) đi tỉnh lộ 416	1	Phường Tùng Thiện	2022-2026	1138/QĐ-UBND ngày 27/10/2022	112.193		55.000	32.000	23.000	54.000	1	UBND phường Tùng Thiện	
226	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường nối sân bay Nội Bài qua đô thị vệ tinh Sóc Sơn đến đường nối khu du lịch Đại Lải (tỉnh Vĩnh Phúc (nay là tỉnh Phú Thọ)), huyện Sóc Sơn (nay là các xã: Kim Anh, Sóc Sơn, Nội Bài)	1	Xã Kim Anh, Nội Bài, Sóc Sơn	2025-2029	1239/QĐ-UBND ngày 28/02/2025; 6148/QĐ-UBND ngày 11/12/2025	1.492.000		7.000		7.000	1.261.000	1	UBND xã Kim Anh	
227	Xây dựng tuyến đường gom từ cầu Thanh Trì đến cầu vượt Phú Thị, huyện Gia Lâm	1	Xã Gia Lâm	2019-2025	8185/QĐ-UBND 31/10/2019; 4957/QĐ-SGTVT 13/11/2020; 345/QĐ-UBND 18/01/2024; 979/QĐ-UBND 27/9/2025	407.243	125.986	227.606	164.909	62.697	50.000	1	UBND xã Gia Lâm	
228	Xây dựng tuyến đường từ đê sông Hồng đến đường gom cầu Thanh Trì, phường Cự Khối	1	Phường Long Biên	2016-2026	10211 30/10/2015 938 07/3/2025 1920 07/11/2025	158.210		123.883		123.883	600	1	UBND phường Long Biên	
229	Đầu tư xây dựng, lắp đặt hệ thống thiết bị cân kiểm soát tải trọng xe trên đường bộ thuộc địa bàn Thành phố Hà Nội	1		2022-2026	315.695						190.000	1	Sở Xây dựng	
III	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế - Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật, cấp, thoát nước	10				5.034.292	111.985	1.971.066	1.072.396	898.670	1.930.800	9		
1	Cải tạo hạ tầng vỉa hè, đường giao thông, vườn hoa khu đô thị Đền Lừ I, Đền Lừ II, phường Hoàng Văn Thụ	1	Tương Mai	2025-2028	1663/QĐ-UBND ngày 06/5/2025	100.577		2.500		2.500	82.000	1	UBND phường Tương Mai	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025			KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân	Trong đó					
									Lũy kế giải ngân 2021-2024	KHV năm 2025				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2	Dự án hệ thống thoát nước, hồ điều hòa, trạm bơm Vĩnh Thanh, huyện Đông Anh	1	Xã Vĩnh Thanh	2019-2026	6120/QĐ-UBND 31/10/2019; 2946/QĐ-UBND 19/8/2022; 6142/QĐ-UBND 27/11/2024; 2047/QĐ-UBND 15/4/2025	817.629	40.944	595.640	495.640	100.000	85.000	1	Ban QLDA ĐTXD CT HTKT&NN	
3	Dự án xây dựng, nâng cấp trạm bơm Phương Trạch, huyện Đông Anh	1	Xã Vĩnh Thanh	2018-2026	6000/QĐ-UBND 31/10/2018; 3055/QĐ-UBND 9/7/2020; 4568/QĐ-UBND ngày 21/11/2022; số 6100/QĐ-UBND ngày 25/11/2024	911.509	49.472	468.026	398.026	70.000	125.000	1	Ban QLDA ĐTXD CT HTKT&NN	
4	Dự án Đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước mưa lưu vực Tả sông Nhuệ - giai đoạn I	1	Các phường, xã: Đông Ngạc, Từ Liêm, Đại Mỗ, Hà Đông, Thanh Liệt, Kiến Hưng và Đại Thanh	2025-2027	28/NQ-HĐND ngày 22/9/2023	1.476.800		88.308	2.808	85.500	1.167.000	1	Ban QLDA ĐTXD CT HTKT&NN	
5	Dự án Xây dựng cải tạo hạ tầng kỹ thuật xung quanh hồ Kim Liên	1	Phường Kim Liên	Hoàn thành năm 2027	QĐ 2482/QĐ-UB ngày 23/4/2004 QĐ 2345/QĐ-SXD ngày 27/12/2016 5544/QĐ-UBND ngày 11/11/2025	56.836	20.479				20.000	1	Ban QLDA ĐTXD CT HTKT&NN	
6	Hoàn thiện HTKT khu 7,2ha Vĩnh Phúc, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình	1	Phường Ngọc Hà	hết năm 2026	6588/QĐ-UBND ngày 13/11/2019; số 2550/QĐ-UBND ngày 28/4/2023; số 10/NQ-HĐND ngày 29/3/2024; số 5895/QĐ-UBND ngày 12/11/2024, QĐ số 731/QĐ-UBND ngày 19/12/2025	201.762	1.090	158.953	147.000	11.953	8.500	1	UBND phường Ngọc Hà	
7	Xây dựng tuyến mương Việt Hưng - Cầu Bấy và hồ điều hòa Cự Khối, quận Long Biên	1	Phường Long Biên	2024-2027	2305 20/6/2024	972.512		587.492	7.492	580.000	239.000	1	UBND phường Long Biên	
8	Xây dựng tuyến cống thoát nước Long Biên – Cự Khối phường Long Biên, quận Long Biên	1	Phường Long Biên	2023-2027	642 03/10/2023 2791 24/12/2025	72.000		35.430	15.430	20.000	25.000		UBND phường Long Biên	
9	Cải tạo, chỉnh trang vỉa hè, cây xanh và hệ thống thoát nước đường Quốc lộ 32 đoạn từ Km13+850 đến Km17+100 qua địa bàn huyện Hoài Đức	1	Hoài Đức	2023-2025	29/NQ-HĐND ngày 08/12/2022; 788/QĐ-UBND ngày 07/11/2023; 4576/QĐ-UBND ngày 25/10/2024	41.542		26.000	6.000	20.000	9.300	1	UBND xã Hoài Đức	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025			KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Hoàn thành giải đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân	Trong đó					
									Lũy kế giải ngân 2021-2024	KHV năm 2025				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
10	Xây dựng chống úng ngập cục bộ cho một số điểm thuộc khu vực nội đô	1		2025-2026	Số 57/NQ-HĐND ngày 10/12/2024; 3834/QĐ-UBND 17/7/2025	383.125		8.717		8.717	170.000	1	TT quản lý HTKT Thành phố	
IV	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế - Lĩnh vực công trình công cộng tại các đô thị	3				402.555		160.329	20.343	139.986	212.888	3		
1	Nâng cấp hệ thống điện chiếu sáng công cộng trên địa bàn huyện Thanh Trì	1	Thanh Trì, Ngọc Hồi, Nam Phú, Thanh Liệt, Đại Thanh	2023-2026	5631/QĐ-UBND ngày 18/10/2022	232.920		80.343	20.343	60.000	141.388	1	UBND xã Đại Thanh	
2	Chiếu sáng trang trí xung quanh khu vực hồ Hoàn Kiếm	1	Khu vực hồ Hoàn Kiếm	2025-2027	502 05/3/25; 225 29/8/25	109.668		31.587		31.587	60.000	1	UBND phường Hoàn	
3	Cải tạo, mở rộng, chỉnh trang quảng trường Đồng Kinh Nghĩa Thục, quận Hoàn Kiếm	1	Khu vực quảng trường ĐKNT	2025-2026	2419 14/5/25; 1231 10/6/25; 136 25/7/25; 903 15/12/25	59.967		48.399		48.399	11.500	1	UBND phường Hoàn Kiếm	
V	Lĩnh vực hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể (bao gồm trụ sở)	2				1.097.008		852.052	562.252	289.800	100.000	2		
1	Xây dựng trung tâm hành chính huyện Đông Anh	1	xã Đông Anh	2023-2026	DA:12716/QĐ-UBND; 15/12/2023	599.994		490.100	327.300	162.800	40.000	1	UBND xã Đông Anh	
2	Xây dựng trụ sở Huyện ủy - HĐND - UBND huyện Thường Tín	1	Thường Tín	2021-2026	1206/QĐ-UBND ngày 08/4/2022 57/NQ-HĐND ngày 10/12/2024	497.014		361.952	234.952	127.000	60.000	1	UBND xã Thường Tín	
V	Lĩnh vực khác - Lĩnh vực HTKT tái định cư	20				10.230.560	1.972.223	2.319.737	349.810	1.969.927	3.798.700	21		
1	Xây dựng nhà ở chung cư cao tầng phục vụ GPMB - N01 tại ô đất D17 khu đô thị mới Cầu Giấy	1	Cầu Giấy	hết quý IV/2025	7145/QĐ-UBND 24/12/2015; 1486/QĐ-UBND 20/6/2025	452.294	327.881	79.804	21.804	58.000	25.000	1	UBND phường Cầu Giấy	
2	Đầu tư xây dựng khu TĐC trên địa bàn Khu Đồng giải thôn Sơn Đồng xã Tiên Phương huyện Chương Mỹ	1	Chương Mỹ	2019-2026	3529/QĐ-UBND ngày 2/7/2019	119.910	50.000	26.862	25.587	1.275	10.000	1	UBND phường	
3	Xây dựng khu Tái định cư trên địa bàn khu Đồng Tia, thị trấn Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ (Phục vụ GPMB tuyến đường Quốc lộ 6 đoạn Ba La - Xuân Mai)	1	Chương Mỹ	2012-2021	5810/QĐ-UBND ngày 30/10/2015;	100.672	74.912				700	1	UBND phường Chương Mỹ	
4	Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đề GPMB, xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất xây dựng nhà ở để đấu giá quyền sử dụng đất tại phường Yên Sở, quận Hoàng Mai	1	Hoàng Mai	2020-2026	2555/QĐ-UBND ngày 10/6/2024	340.477	314.801	6.198	1.198	5.000	16.000	1	UBND phường Hoàng Mai	
5	Xây dựng HTKT để đấu giá QSD đất khu 3ha, phường Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	1	Phú Diễn	2016-2026	Số 1502/QĐ-UBND 9/4/2018; 853/QĐ-UBND ngày 02/12/2025	57.914	18.432				30.000	1	UBND phường Phú Diễn	
6	Xây dựng HTKT các ô đất thuộc khu quy hoạch C14 (gồm C14/N01, C14/NO2, C14/NO3, C14/CX1, C14/CX2, C14/NT1, C14/NT2) và các tuyến đường phục cận phục vụ công tác đấu giá quyền sử dụng đất tại phường Phúc Đồng	1	Phúc Lợi	2017-2027	7652 31/10/2016 933 07/3/2025	644.345		247.948		247.948	18.000	1	UBND phường Phúc Lợi	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025			KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân	Trong đó					
									Lũy kế giải ngân 2021-2024	KHV năm 2025				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
7	Xây dựng HTKT các ô đất thuộc khu quy hoạch C14 (gồm C14/NO4, C14/NO5, C14/NO6, C14/CC1, C14/CC2, C14/CX3, C14/TH1, C14/THCS1, C14/NT3) và các tuyến đường phục cận phục vụ công tác đầu tư giải ngân sử dụng đất tại phường Phúc Đồng	1	Phúc Lợi	2017-2026	7653 31/10/2016 130 18/01/2024	730.702		330.327		330.327	7.000	1	UBND phường Phúc Lợi	
8	Khu nhà ở tái định cư phường Xuân La	1	Tây Hồ	Hoàn thành năm 2026	1395/QĐ-UBND ngày 31/3/2016; 1807/QĐ-UBND ngày 30/5/2022; 3191/QĐ-UBND ngày 26/6/2025	539.009	307.508	51.031	26.031	25.000	80.000	1	UBND phường Tây Hồ	
9	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu dân dụng Bắc Phú Cát, huyện Thạch Thất	1	Xã Hoà Lạc	2006-2017	325/QĐ-UBND ngày 14/02/2007; 5476/QĐ-UBND ngày 10/9/2013	492.027	344.174				2.000	1	UBND xã Hoà Lạc	
10	Dự án Xây dựng khu TĐC Nam tỉnh lộ 420 khu CNC Hòa Lạc (giai đoạn 1)	1	Xã Hoà Lạc	2009-2025	2423/QĐ-UBND 13/2/2007; 1044/QĐ-UBND 21/4/2008; 1488/QĐ-UBND 3/6/2008; 2586/QĐ-UBND 21/7/2008; 851/QĐ-UBND 20/2/2009; 7517/QĐ-UBND 30/11/2012; 3678/VPCP-KTTH ngày 02/6/2021; 6540/QĐ-UBND 19/9/2017; QĐ số 4014/QĐ-UBND 24/8/2021; 2501/QĐ-UBND 19/5/2025	290.566	156.315	60.774	60.774		30.000	1	UBND xã Hoà Lạc	
11	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật 05 khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Vành đai 3 đoạn qua địa bàn huyện Đông Anh	1	Xã Phúc Thịnh	2025-2027	1045/QĐ-UBND ngày 26/02/2025 của UBND Thành phố	361.662		55.610	900	54.710	251.000	1	UBND Xã Phúc Thịnh	
12	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư tại thôn Phú Trí, xã Kim Hoa, huyện Mê Linh phục vụ GPMB dự án đầu tư xây dựng tuyến đường 48m đoạn từ Yên Vĩnh đến đường 36m khu công nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh	1	Quang Minh	2024-2027	2431/QĐ-UBND 15/5/2025	144.982		43.272	772	42.500	80.000	1	UBND xã Quang Minh	
13	Xây dựng khu TĐC trên địa bàn khu Đồng Chằm Đồng Vai thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ (Phục vụ GPMB tuyến đường QL6 đoạn Ba La - Xuân Mai)	1	Xã Xuân Mai	2023-2026	2886/QĐ-UBND ngày 24/5/2023	717.400		315.000	195.000	120.000	295.000	1	UBND xã Xuân Mai	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025			KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân	Trong đó					
									Lũy kế giải ngân 2021-2024	KHV năm 2025				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
14	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư tại xã Trầm Lộng, huyện Ứng Hòa phục vụ GPMB dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Ba Sao – Bái Đình (đoạn nối từ đường trục phía Nam đến đường Hương Sơn), huyện Ứng Hòa, Mỹ Đức	1	Xã Ứng Hòa	2024-2026	41/NQ-HĐND ngày 08/12/2023; 1676/QĐ-SXD ngày 04/7/2025	29.236		13.691	91	13.600	11.000	1	UBND xã Ứng Hòa	
15	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phục vụ GPMB dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiêu, xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp phía Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa và dự án nâng cấp tuyến đường tỉnh lộ 429B (đoạn từ Quốc lộ 21B đến đường trục phát triển kinh tế phía Nam), huyện Ứng Hòa	1	xã Ứng Thiên	2024-2026	41/NQ-HĐND ngày 08/12/2023, 1656/QĐ-UBND ngày 21/3/2024, 3838/QĐ-UBND ngày 17/7/2025	85.957		6.150	150	6.000	67.000	1	UBND xã Ứng Thiên	
16	Xây dựng nhà tái định cư tại phường Trần Phú, Hoàng Mai, Hà Nội (nhà A, D)	1	P Hoàng Mai	HT 2027	1570/QĐ-UBND ngày 04/4/2011; 4488/QĐ-UBND ngày 15/11/2022; 2258/QĐ-UBND ngày 29/4/2025	925.638	378.200	2.185	185	2.000	406.000	1	Ban QLDA ĐTXDCT Dân dụng	
17	Đầu tư xây dựng nhà ở xã hội tại Khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, quận Hoàng Mai	1	P Hoàng Mai	2025-2027	2433/QĐ-UBND ngày 15/5/2025 (CTĐT); 6101/QĐ-UBND ngày 09/12/2025	1.099.460		7.000		7.000	927.000	1	Ban QLDA ĐTXDCT Dân dụng	
18	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư trên địa bàn xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức - vị trí X1	1	Hoài Đức	2023-2025	03/NQ-HĐND ngày 08/4/2022; 755/QĐ-SXD ngày 02/11/2023; 579/QĐ-SXD ngày	74.834		30.096	17.318	12.778	10.000	1	UBND xã Hoài Đức	
19	Xây dựng HTKT khu tái định cư tại huyện Mỹ Đức phục vụ GPMB dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Mỹ Đình - Ba Sao - Bái Đình (đoạn nối từ đường trục phía Nam đến đường Hương Sơn - Tam Chúc), huyện Mỹ Đức, huyện Ứng Hòa	1	xã Hương Sơn	2025-2026	Quyết định số 76/QĐ-SXD ngày 24/01/2025	74.421		20.000		20.000	50.000	1	UBND xã Hương Sơn	
20	Dự án đầu tư bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và cải tạo chỉnh trang khu vực TOD phía Đông hồ Hoàn Kiếm	1	Phía đông hồ Hoàn Kiếm		NQ 188/2025/QH15 19/02/25 của QH									
-	Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng			2025-2026	4711 12/9/25	2.840.764		1.000.332		1.000.332	1.414.000	1	UBND phường Hoàn Kiếm	
-	Đầu tư xây dựng phân kỳ 1 (giai đoạn 1) quảng trường - công viên phía đông hồ Hoàn Kiếm			2025-2027	2012 21/8/25	108.290		23.457		23.457	69.000	1	UBND phường Hoàn Kiếm	



Phụ lục 6.2

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2026-2030 CÁC DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP CẤP THÀNH PHỐ SỬ DỤNG 100% NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ

(Kèm theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 28 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố)

KHỐI KINH TẾ NGÀNH

Đơn vị: Triệu đồng

STT	 Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lấy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết kế hoạch vốn năm 2020 (nếu có)	Lấy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025			KHV trung hạn 5 năm giai đoạn 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	TMDT		Tổng lấy kế giải ngân	Trong đó					
									Lấy kế giải ngân 2021-2024	KHV năm 2025				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	TỔNG SỐ (A+B)	47				22.439.059	5.913.700	4.830.553	3.209.318	1.621.235	8.018.000	47		
I	Lĩnh vực văn hóa thông tin (du lịch)	3				758.605		451.527	332.000	119.527	135.000	3		
1	Đường từ tỉnh lộ 419 đi tỉnh lộ 425 (thuộc quần thể khu du lịch thắng cảnh Hương Sơn với khu di tích Tam Chúc Khá Phong tỉnh Hà Nam), huyện Mỹ Đức	1	xã Hương Sơn	2022-2025	23/NQ-HĐND ngày 23/9/2021; 4554/QĐ-UBND ngày 18/11/2022; 41/NQ-HĐND ngày 08/12/2023; 1462/QĐ-UBND ngày 19/3/2024	355.560		249.959	210.000	39.959	30.000	1	UBND xã Hương Sơn	
2	Khu bảo tồn thuộc khu vực IV khu du lịch - văn hóa Sóc Sơn	1	xã Sóc Sơn	2011-2026	559/QĐ-UBND ngày 28/01/2011; 3571/QĐ-UBND ngày 12/7/2023; 5267/QĐ-UBND ngày 08/10/2024	183.045		97.000	70.000	27.000	75.000	1	UBND xã Sóc Sơn	
3	Tuyến đường tránh TL419 đi đến Trính và xây dựng cảnh quan, tuyến phố đi bộ tại bến Yên khu du lịch Chùa Hương, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội	1	xã Hương Sơn	2023-2026	29/NQ-HĐND ngày 08/12/2022; 1646/QĐ-UBND ngày 27/3/2024	220.000		104.568	52.000	52.568	30.000	1	UBND xã Hương Sơn	
II	Lĩnh vực khoa học công nghệ đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	1				193.661	50.705	87.956	70.000	17.956	115.000	1		
1	Bồi thường, hỗ trợ GPMB phần diện tích còn lại Khu công nghệ cao Hòa Lạc trên địa bàn huyện Quốc Oai	1	Phù Cát	2014-2026	6736/QĐ-UBND 07/11/2013; 2496/QĐ-UBND 10/5/2024	193.661	50.705	87.956	70.000	17.956	115.000	1	UBND xã Phù Cát	
IV	Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	42				21.426.793	5.862.995	4.275.670	2.806.918	1.468.752	7.733.000	42		
IV.1	Lĩnh vực đề điều	19				4.240.690	58.840	1.263.142	675.300	587.842	2.083.000	19		
1	Xử lý sạt lở bờ hữu sông Đà khu vực xã Minh Quang, huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội	1		2018-2022	6151/QĐ-UBND ngày 31/8/2017; 798/QĐ-UBND ngày 01/3/2022	49.722	39.384	570	570		2.000	1	Ban QLDA ĐTXD Hạ tầng kỹ thuật và nông nghiệp Thành Phố	
2	Gia cố kè chống sạt lở bờ hữu sông Hồng, xã Chu Minh, huyện Ba Vì	1		2018-2022	7563/QĐ-UBND ngày 31/10/2017; 6248/QĐ-UBND ngày 08/11/2019; 4645/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	28.017	19.456				4.000	1	Ban QLDA ĐTXD Hạ tầng kỹ thuật và nông nghiệp Thành Phố	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết kế hoạch vốn năm 2020 (nếu có)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025			KHV trung hạn 5 năm giai đoạn 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	TMBT		Tổng lũy kế giải ngân	Trong đó					
									Lũy kế giải ngân 2021-2024	KHV năm 2025				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
3	Cải tạo, nâng cấp đê hữu Hồng trên địa bàn huyện Thanh Trì	1	Thanh Trì, Nam Phú	2022-2025	23/NQ-HĐND ngày 23/9/2021; 4381/QĐ-UBND ngày 10/11/2022	119.058		113.336	50.236	63.100	4.500	1	UBND xã Nam Phú	
4	Dự án thành phần số 13: Hoàn thiện tuyến đê tả Đáy đoạn từ K10+200 đến K14+700, thành phố Hà Nội thuộc dự án Tu bổ xung yếu hệ thống đê điều giai đoạn 2021-2025	1		2022-2026	3729/QĐ-BNN-PCTT 04/10/2022; 5728/QĐ-BNNMT ngày 26/12/2025	303.995		71.339	38.339	33.000	3.000	1	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
5	Cải tạo, nâng cấp tuyến đê tả Đáy kết hợp giao thông trên địa bàn quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	1	Yên Nghĩa	2022-2025	03/NQ-HĐND ngày 08/4/2022; 3283/QĐ-UBND ngày 20/6/2023; 5838/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	200.000		137.820	66.460	71.360	32.000	1	UBND phường Yên Nghĩa	
6	Xử lý sạt lở khu vực thượng lưu kê Thanh Am (tương ứng K4+200 đến K4+500 đê hữu Đuống), thuộc địa bàn phường Thượng Thanh, quận Long Biên và hạ lưu kê Tinh Quang (tương ứng K6+500 đến K6+900 đê hữu Đuống), thuộc địa bàn phường Giang Biên, quận Long Biên, thành phố Hà Nội	1	Việt Hưng	2023-2024	14/NQ-HĐND ngày 06/7/2022; 1201/QĐ-SNN ngày 13/7/2023	33.385		1.352	1.352		25.000	1	UBND phường Việt Hưng	
7	Cải tạo, nâng cấp tuyến đê Văn Cốc đoạn từ K8+800 đến K13+660 huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội	1	xã Liên Minh	2023-2025	03/NQ-HĐND ngày 08/4/2022; 5836/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	128.141		55.182	30.000	25.182	53.500	1	UBND xã Liên Minh	
8	Xử lý sạt lở bờ hữu sông Hồng tương ứng từ K94+010 đến K94+389, đê Hữu Hồng, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Chương Dương	2023-2025	14/NQ-HĐND ngày 06/7/2022; 1357/QĐ-SNN ngày 17/8/2023	23.981		10.320	10.320		10.000	1	UBND xã Chương Dương	
9	Cải tạo, nâng cấp đê sông Nhuệ trên địa bàn các xã: Khánh Hà, Hòa Bình, Hiền Giang, Tân Minh và Nghiêm Xuyên, huyện Thường Tín	1	Thường Tín, Thường Phúc	2023-2025	23/NQ-HĐND ngày 23/9/2021; 5846/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	107.782		13.060	3.060	10.000	78.500	1	UBND xã Thường Tín	
10	Cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đê các tuyến sông Đà, sông Hồng, sông Đuống, sông Cà Lồ, thành phố Hà Nội	1	Vật Lại, Cổ Đô, Quảng Oai, Sơn Tây, Phúc Lặc, Ô Diên, Thượng Cát, Đông Ngạc, Phú Thượng, Hồng Hà, Tây Hồ, Ba Đình, Hoàn Kiếm, Cửa Nam, Hai Bà Trưng, Vĩnh Tuy, Vĩnh Hưng, Lĩnh Nam, Yên Sở, Thanh Trì, Nam Phú, Hồng Văn, Chương Dương, Phú Xuyên, Đại Xuyên	2024-2026	1289/QĐ-SNN ngày 15/11/2024; 2922/QĐ-SNNMT ngày 22/12/2025	45.682		30.400	400	30.000	8.000	1	Ban QLDA ĐTXD Hạ tầng kỹ thuật và nông nghiệp Thành Phố	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết kế hoạch vốn năm 2020 (nếu có)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025			KHV trung hạn 5 năm giai đoạn 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	TMBT		Tổng lũy kế giải ngân	Trong đó					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
11	Cải tạo, nâng cấp tuyến đê tả Hồng đoạn từ K48+165 đến K64+126 thuộc địa bàn huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội	1	Đông Anh, Vĩnh Thanh, Thiên Lộc	2023-2026	14/NQ-HĐND ngày 06/7/2022; 5835/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	478.000		146.900	111.700	35.200	259.000	1	UBND xã Thiên Lộc	
12	Cải tạo, nâng cấp đê tả Cà Lồ đoạn từ K0+000 đến K20+252, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội	1	Sóc Sơn, Đa Phúc	2024-2027	03/NQ-HĐND ngày 08/4/2022; 1422/QĐ-UBND ngày 15/3/2024	250.219		103.000	10.000	93.000	109.500	1	UBND xã Đa Phúc	
13	Cải tạo, nâng cấp mặt đê sông Hồng (đoạn từ thị trấn Phú Minh đến xã Quang Lăng), huyện Phú Xuyên	1	Đại Xuyên	2023-2026	23/NQ-HĐND ngày 23/9/2021; 4548/QĐ-UBND ngày 18/11/2022; 4415/QĐ-UBND ngày 18/9/2023	383.080		280.000	190.000	90.000	100.000	1	UBND xã Phú Xuyên	
14	Xử lý đảm bảo ổn định khu vực cửa sông Đường thành phố Hà Nội - Giai đoạn 1	1	Đông Anh, Long Biên	2022-2025	23/NQ-HĐND ngày 23/9/2021; 3360/QĐ-UBND ngày 27/6/2023	405.277		163.575	104.575	59.000	181.000	1	Ban QLDA ĐTXD Hạ tầng kỹ thuật và nông nghiệp Thành Phố	
15	Cải tạo, nâng cấp đê hữu Cầu đoạn từ K17+000 đến K28+828 và kè bờ hữu sông Cầu từ K25+350 đến K26+00, xã Bắc Phú, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội	1	Trung Giã, Đa Phúc	2023-2027	03/NQ-HĐND ngày 08/4/2022; 5843/QĐ-UBND ngày 15/11/2023; 2945/QĐ-UBND ngày 21/11/2025	175.622		97.000	52.000	45.000	52.000	1	UBND xã Đa Phúc	
16	Cải tạo, nâng cấp đê tả Bùi, hữu Đáy, huyện Chương Mỹ	1	Phù Nghĩa, Quảng Bị, Hòa Phú	2024-2027	5867/QĐ-UBND ngày 08/11/2024	460.000		11.000	4.000	7.000	380.000	1	UBND xã Quảng Bị	
17	Cải tạo, nâng cấp, hoàn chỉnh mặt cắt đê Tiên Tân đoạn từ K0 đến K7+000, huyện Đan Phượng	1	xã Đan Phượng, xã Ó Diên, xã Liên Minh	2024-2027	07/NQ-HĐND ngày 10/3/2023; 6042/QĐ-UBND ngày 20/11/2024	180.801		20.000		20.000	133.500	1	UBND xã Đan Phượng	
18	Nâng cấp tuyến đê hữu Hồng kết hợp làm đường giao thông trên địa bàn thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội	1	Phường Sơn Tây	2026-2028	22/NQ-HĐND ngày 12/9/2022 2199/QĐ-UBND ngày 24/4/2025	380.000		2.288	1.288	1.000	320.500	1	UBND phường Sơn Tây	
19	Cải tạo, nâng cấp đê hữu Hồng, đê Ngọc Tảo kết hợp giao thông trên địa bàn huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội	1	Hát Môn, Phúc Lộc, Phúc Thọ	2025-2028	30/NQ-HĐND ngày 08/12/2021; 1242/QĐ-UBND ngày 28/02/2025	487.928		6.000	1.000	5.000	327.000	1	UBND xã Phúc Lộc	
IV.2	Lĩnh vực thủy lợi	23				17.186.103	5.804.155	3.012.528	2.131.618	880.910	5.650.000	23		

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết kế hoạch vốn năm 2020 (nếu có)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025			KHV trung hạn 5 năm giai đoạn 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	TMDT		Tổng lũy kế giải ngân	Trong đó					
									Lũy kế giải ngân 2021-2024	KHV năm 2025				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	Công trình trọng điểm 2021-2025: Cải thiện hệ thống tiêu nước khu vực phía Tây thành phố Hà Nội (trạm bơm tiêu Yên Nghĩa)	1	Các xã, phường: An Khánh, Dương Nội, Hà Đông	2013-2026	1834/QĐ-UBND ngày 23/02/2013; 743/QĐ-UBND ngày 13/02/2019; 2548/QĐ-UBND ngày 10/6/2021; 05/QĐ-UBND ngày 03/01/2023; 5974/QĐ-UBND ngày 22/11/2023; 3109/QĐ-UBND ngày 13/6/2024; 6232/QĐ-UBND ngày 15/12/2025	4.722.852	2.672.157	742.137	692.137	50.000	350.000	1	Ban QLDA ĐTXD Hạ tầng kỹ thuật và nông nghiệp Thành Phố	
2	Tiếp nước cải tạo khôi phục sông Tích từ Lương Phú xã Thuận Mỹ, huyện Ba Vì	1	Xã Quảng oai, xã Vật Lại, Xã Bát Đạt, phường Sơn Tây, xã Thạch Thất	2011-2026	4927/QĐ-UBND ngày 06/10/2010; 1054/QĐ-UBND ngày 04/3/2016; 1431/QĐ-UBND ngày 27/4/2022; 2184/QĐ-UBND ngày 12/4/2023; 5980/QĐ-UBND ngày 22/11/2023 3694/QĐ-UBND ngày 08/7/2025	5.173.463	3.125.853	613.598	588.598	25.000	1.000.000	1	Ban QLDA ĐTXD Hạ tầng kỹ thuật và nông nghiệp Thành Phố	
3	Cải tạo, nâng cấp sông Cầu Bấy, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội	1	Xã Gia Lâm, xã Bát Trùng	2020-2026	5222/QĐ-UBND ngày 26/11/2020; 4983/QĐ-UBND ngày 13/12/2022; 42/NQ-HĐND ngày 04/10/2024; 3110/QĐ-UBND ngày 21/6/2025	297.720		185.000	170.000	15.000	95.000	1	Ban QLDA ĐTXD Hạ tầng kỹ thuật và nông nghiệp Thành Phố	
4	Xây dựng trạm bơm Văn Khê và hệ thống kênh tiêu ra sông Hồng trên địa bàn huyện Mê Linh	1	Xã Mê Linh và xã Tiên Thủy	2014-2026	6489/QĐ-UBND ngày 28/10/2013; 2807/QĐ-UBND ngày 02/7/2021; 1199/QĐ-UBND ngày 28/02/2025	454.778	6.145	328.999	319.999	9.000	105.000	1	Ban QLDA ĐTXD Hạ tầng kỹ thuật và nông nghiệp Thành Phố	
5	Cải tạo, nâng cấp hệ thống tưới, tiêu trạm bơm Đầm Mới, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội	1	Trần Phú	2023-2026	14/NQ-HĐND ngày 06/7/2022; 1520/QĐ-SNN ngày 07/9/2023; 392/QĐ-UBND ngày 17/10/2025	60.000		44.178	17.006	27.172	14.000	1	UBND xã Trần Phú	
6	Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu dẫn vào các trạm bơm: tiêu Trại Ro; tiêu Thống Đạt; tiêu Cẩm Hạ, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội	1	Kiều Phú	2023-2025	14/NQ-HĐND ngày 06/7/2022; 1971/QĐ-SNN ngày 31/10/2023	66.354		58.801	40.684	18.117	5.500	1	UBND xã Kiêu Phú	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết kế hoạch vốn năm 2020 (nếu có)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025			KHV trung hạn 5 năm giai đoạn 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	TMBĐT		Tổng lũy kế giải ngân	Trong đó					
									Lũy kế giải ngân 2021-2024	KHV năm 2025				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
7	Cải tạo, nâng cấp tuyến kênh tiêu N22 kết hợp làm đường giao thông, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội	1	Chương Mỹ, Quảng Bị	2023-2025	14/NQ-HĐND ngày 06/7/2022; 1952/QĐ-SNN ngày 26/10/2023	79.500		70.266	23.266	47.000	2.000	1	UBND xã Quảng Bị	
8	Cải tạo, nâng cấp hệ thống tiêu Vực Giang - Sông Tích, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội	1	Hạ Bằng	2023-2026	14/NQ-HĐND ngày 06/7/2022; 2387/QĐ-SNN ngày 29/12/2023; 1747/QĐ-UBND ngày 18/11/2025	47.657		21.000	12.000	9.000	21.000	1	UBND xã Hạ Bằng	
9	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm tiêu Cộng Hòa 1 và hệ thống kênh tiêu (kênh tiêu S8, kênh tiêu Đầm Bưng 2, kênh nhánh), huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội	1	Cộng Hòa	2023-2026	22/NQ-HĐND ngày 12/9/2022; 5669/QĐ-UBND ngày 08/11/2023	197.920		81.407	71.407	10.000	50.000	1	UBND xã Hưng Đạo	
10	Cải tạo, nâng cấp tuyến kênh Thanh Phú kết hợp làm đường giao thông, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội	1	xã Tiến Thắng, xã Quang Minh	2024-2026	03/NQ-HĐND ngày 08/4/2022; 1488/QĐ-UBND ngày 20/3/2024	368.000		117.200	77.200	40.000	195.500	1	UBND xã Tiến Thắng	
11	Kiên cố hóa hệ thống kênh tưới N12 kết hợp làm đường giao thông huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội	1	Quảng Oai	2022-2026	03/NQ-HĐND ngày 08/4/2022; 1251/QĐ-UBND ngày 06/3/2024	200.000		71.000	56.000	15.000	99.000	1	UBND xã Quảng Oai	
12	Cải tạo, nâng cấp tuyến kênh tiêu Tây Ninh - Ngòi Núc, huyện Thạch Thất	1	Các xã: Tây Phương, Hát Môn	2024-2027	07/NQ-HĐND ngày 10/3/2023; 3729/QĐ-UBND ngày 17/7/2024	173.993		38.313	1.907	36.406	100.000	1	Ban QLDA ĐTXD Hạ tầng kỹ thuật và nông nghiệp Thành Phố	
13	Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu Phùng Xá - Dị Nâu, huyện Thạch Thất	1	Xã Tây Phương, 1 phần thuộc xã Quốc Oai	2024-2027	07/NQ-HĐND ngày 10/3/2023; 4312/QĐ-UBND ngày 19/8/2024	84.099		27.194	1.164	26.030	49.000	1	Ban QLDA ĐTXD Hạ tầng kỹ thuật và nông nghiệp Thành Phố	
14	Cải tạo kênh tiêu Lim và trạm bơm Lim, huyện Thạch Thất	1	Xã Hạ Bằng, 1 phần thuộc xã Tây Phương	2024-2027	07/NQ-HĐND ngày 10/3/2023; 4221/QĐ-UBND ngày 15/8/2024	97.000		35.950	1.500	34.450	52.000	1	Ban QLDA ĐTXD Hạ tầng kỹ thuật và nông nghiệp Thành Phố	
15	Cải tạo, nâng cấp hệ thống trạm bơm Mạnh Tân, huyện Đông Anh	1	Thư Lâm	2024-2027	14/NQ-HĐND ngày 04/7/2023; 4228/QĐ-UBND ngày 15/8/2024	313.000		55.320	2.020	53.300	210.500	1	UBND xã Thư Lâm	
16	Cải tạo, nâng cấp kiên cố kênh hệ thống 12-VD7, kênh 12-10-10 kết hợp làm đường giao thông, huyện Ứng hòa	1	thị trấn Văn Đình, xã Ứng Hòa	2024-2027	07/NQ-HĐND ngày 10/3/2023; 1461/QĐ-UBND ngày 19/3/2024	230.000		106.000	45.000	61.000	89.500	1	UBND xã Ứng Hòa	
17	Cải tạo, sửa chữa hồ chứa nước Mèo Gù, huyện Ba Vì	1	Xã Bắc Bạt	2025-2027	14/NQ-HĐND ngày 04/7/2023; 3212/QĐ-UBND ngày 26/6/2025	87.112		19.889	189	19.700	54.000	1	Ban QLDA ĐTXD Hạ tầng kỹ thuật và nông nghiệp Thành Phố	
18	Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu T5 giai đoạn 2, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội	1	Dương Hòa	2026-2027	22/NQ-HĐND ngày 12/9/2022; 1233/QĐ-UBND ngày 28/02/2025	95.998		685		685	80.500	1	UBND xã Dương Hòa	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lấy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết kế hoạch vốn năm 2020 (nếu có)	Lấy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025			KHV trung hạn 5 năm giai đoạn 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	TMBT		Tổng lấy kế giải ngân	Trong đó					
19	Cải tạo, nâng cấp hệ thống tưới Vàng - Dương Xá, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội	1	Cổ Bi, Phú Sơn, Đặng Xá, Dương Xá	2026-2027	03/NQ-HĐND ngày 08/4/2022; 56/QĐ-SNN ngày 24/01/2025	38.570		992	442	550	31.500	1	UBND xã Gia Lâm	
20	Cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh tiêu Hiệp Thuận kết hợp giao thông trên địa bàn huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội	1	Hát môn; Phúc thọ	2025-2028	30/NQ-HĐND ngày 08/12/2021; 1241/QĐ-UBND ngày 28/02/2025	318.408		6.500	1.500	5.000	264.000	1	UBND xã Hát Môn	
21	Cải tạo, nâng cấp tuyến kênh chính Tam Bảo, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội	1	xã Tiên Thắng	2025-2027	22/NQ-HĐND ngày 12/9/2022; 3572/QĐ-UBND ngày 30/6/2025	132.600		30.500	2.000	28.500	82.000	1	UBND xã Tiên Thắng	
22	Công trình trọng điểm giai đoạn 2021-2025: Dự án đầu tư xây dựng Cụm công trình đầu mối Liên Mạc, quận Bắc Từ Liêm (giai đoạn 1) Thành phần 1.2: Xây dựng Cụm công trình đầu mối Liên Mạc, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội (giai đoạn 1)	1	Thượng Cát, Đông Ngạc	2025-2030	28/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 4751/QĐ-UBND ngày 16/9/2025	3.061.574		356.692	6.692	350.000	2.000.000	1	Ban QLDA ĐTXD Hạ tầng kỹ thuật và nông nghiệp Thành Phố	
23	Công trình trọng điểm giai đoạn 2021-2025: Dự án đầu tư xây dựng Cụm công trình đầu mối Liên Mạc, quận Bắc Từ Liêm (giai đoạn 1) Thành phần 1.1: Bồi thường, hỗ trợ tái định cư thực hiện GPMB trên địa bàn quận Bắc Từ Liêm	1	Thượng Cát	2025-2030	28/NQ-HĐND ngày 22/9/2023	885.505		907	907		500.000	1	UBND phường Thượng Cát	
VI	Lĩnh vực hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	1				60.000		15.400	400	15.000	35.000	1		
1	Xây dựng trụ sở làm việc của Sở Du lịch	1	Xuân Đình	Hoàn thành năm 2027	6257/QĐ-UBND ngày 04/12/2024; 6302/QĐ-UBND ngày 15/12/2025	60.000		15.400	400	15.000	35.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	

PHỤ LỤC 6.3

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2026-2030 ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP CẤP THÀNH PHỐ SỬ DỤNG 100% NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ

(Kèm theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 28 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố)

KHƠI KHOA GIÁO, VĂN XÃ

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025			KHV trung hạn 2026-2030	Công trình hoàn thành thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân	Trong đó					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	TỔNG CỘNG (A+B+C)	99				20.626.677	1.237.547	7.262.045	2.711.376	4.549.828	9.027.657	99		
A	CÁC DỰ ÁN THỰC HIỆN CTMT QUỐC GIA TRONG DANH MỤC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 2021-2025	1				53.103		2.996		2.996	35.000	1		
	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi	1				53.103		2.996		2.996	35.000	1		
I	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế - Lĩnh vực thủy lợi	1				53.103		2.996		2.996	35.000	1		
1	Cải tạo nâng cấp kênh Vai Réo kết hợp giao thông xã Phú Mãn, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội	1			20/NQ-HĐND ngày 11/10/2024 3475/QĐ-UBND ngày 27/12/2025	53.103		2.996		2.996	35.000	1	UBND xã Phú Cát	
B	CÁC DỰ ÁN THUỘC KẾ HOẠCH 03 LĨNH VỰC (GIÁO DỤC, DI TÍCH, Y TẾ)	32				5.321.629		2.330.095	648.769	1.680.134	2.218.315	32		
I	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo	32				5.321.629		2.330.095	648.769	1.680.134	2.218.315	32		
1	Cải tạo, mở rộng Trường THPT Thăng Long	1	phường Bạch Mai	2023-2026	2432/QĐ-UBND ngày 10/10/2024	70.605		31.657	1.039	30.618	35.000	1	UBND phường Bạch Mai	
2	Xây dựng, cải tạo trường THPT Việt Đức, quận Hoàn Kiếm	1	47 Lý Thường Kiệt	2024-2028	1778/QĐ-UBND ngày 15/7/2024	293.818		181.997	54.547	127.450	70.000	1	UBND phường Cửa Nam	
3	Xây dựng trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Nguyễn Văn Tố tại 52 Thợ Nhuộm, quận Hoàn Kiếm	1	52 Thợ Nhuộm	2024-2027	1943/QĐ-UBND ngày 6/8/2024; 554/QĐ-UBND ngày 20/11/2024	79.072		19.733	13.733	6.000	47.000	1	UBND phường Cửa Nam	
4	Xây dựng Trường THPT Xuân Khanh	1	Phường Sơn Tây	2024-2027	1566/QĐ-UBND ngày 28/8/2024	297.759		79.830		79.830	173.000	1	UBND phường Sơn Tây	
5	Cải tạo, nâng cấp trường THPT Chu Văn An	1	Tây Hồ	2025-2027	QĐ số 260/QĐ-UBND ngày 19/02/2025	251.591		94.801	1.601	93.200	120.000	1	UBND phường Tây Hồ	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025			KHV trung hạn 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân	Trong đó					
									Lũy kế giải ngân 2021-2024	KHV năm 2025				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
6	Xây dựng Trường THPT Tùng Thiện	1	Phường Tùng Thiện	2025-2028	1641/QĐ-UBND ngày 23/6/2025	297.404		20.000		20.000	230.000	1	UBND phường Tùng thiện	
7	Cải tạo, sửa chữa Trường THPT Phú Xuyên B	1	xã Đại Xuyên	2024-2026	1566/QĐ-UBND 15/04/2024	42.629		13.106	11.730	1.376	23.000	1	UBND xã Đại Xuyên	
8	Mở rộng, cải tạo trường THPT Cổ Loa	1	xã Đông Anh	2025-2027	14383/QĐ-UBND ngày 12/12/2024	270.663		90.764	764	90.000	138.000	1	UBND xã Đông Anh	
9	Xây dựng trường THPT Việt Hùng, huyện Đông Anh	1	xã Đông Anh	2024-2027	1089/QĐ-UBND ngày 07/02/2024	234.667		130.295	7.295	123.000	70.000	1	UBND xã Đông Anh	
10	Xây dựng trường THPT Hai Bà Trưng huyện Thạch Thất	1	xã Hạ Bằng	2023-2026	02/NQ-HĐND ngày 14/3/2023; 17/NQ-HĐND ngày 25/10/2023 (ĐC CTĐT); 784/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 (PD DA)	230.330		133.000	54.000	79.000	79.000	1	UBND xã Hạ Bằng	
11	Đầu tư xây dựng trường THPT Chương Mỹ B	1	Xã Hòa Phú	2023-2026	2677/QĐ-UBND ngày 27/5/2024	87.297		44.583	12.796	31.787	32.000	1	UBND xã Hòa Phú	
12	Dự án Giải phóng mặt bằng các hộ dân đang sinh sống trong khuôn viên trường và Đầu tư xây dựng Trường THPT Lê Quý Đôn	1	phường Đồng Đa	2024-2027	03/NQ-HĐND 12/4/2024; 4220/QĐ-UBND 23/9/2024	299.992		119.600	1.200	118.400	135.000	1	UBND phường Đồng Đa	
13	Trường THPT Cao Bá Quát - Quốc Oai, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội	1	Hưng Đạo	2023-2026	6202/QĐ-UBND 27/9/2024; 123/QĐ-QLĐA 11/4/2025	187.787		40.500		40.500	120.000	1	UBND xã Hưng Đạo	
14	Xây dựng, mở rộng Trường THPT Hợp Thanh, huyện Mỹ Đức	1	xã Mỹ Đức	2023-2026	3475/QĐ-UBND ngày 25/10/2023	58.000		45.400	20.000	25.400	7.000	1	UBND xã Mỹ Đức	
15	Cải tạo, nâng cấp Trường THPT Phú Xuyên A	1	Xã Phú Xuyên	2024-2026	1810/QĐ-UBND ngày 03/5/2024	63.488		53.229	17.100	36.129	5.000	1	UBND xã Phú Xuyên	
16	Xây dựng trường THPT Văn Cốc	1	Xã Phúc Lộc	2024-2026	4854/QĐ-UBND ngày 26/10/2023; số 3326/QĐ-UBND ngày 20/6/2025	91.756		62.251	40.240	22.011	10.000	1	UBND xã Phúc Lộc	
17	Cải tạo, mở rộng trường THPT Văn Nội	1	Xã Phúc Thịnh	2025-2028	14382/QĐ-UBND ngày 12/12/2024	280.568		59.738	794	58.944	178.000	1	UBND Xã Phúc Thịnh	
18	Xây dựng, cải tạo trường THPT Đồng Quan	1	Xã Phượng Dực	2024-2027	285/QĐ-UBND 31/01/2024	112.787		63.000	30.000	33.000	32.000	1	UBND xã Phượng Dực	
19	Đầu tư xây dựng trường THPT Chúc Động	1	Xã Quảng Bị	2023-2026	2676/QĐ-UBND ngày 27/5/2024	91.790		67.500	15.000	52.500	10.000	1	UBND xã Quảng Bị	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025			KHV trung hạn 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân	Trong đó					
									Lũy kế giải ngân 2021-2024	KHV năm 2025				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
20	Xây dựng trường THPT đô thị vệ tinh Sóc Sơn	1	xã Sóc Sơn	2023-2026	3901/QĐ-UBND ngày 28/5/2025	255.000		36.122		35.400	180.000	1	UBND xã Sóc Sơn	
21	Cải tạo, nâng cấp trường THPT Sóc Sơn	1	xã Sóc Sơn	2023-2027	6249/QĐ-UBND ngày 02/8/2024	60.107		40.100		39.630	15.000	1	UBND xã Sóc Sơn	
22	Xây dựng mở rộng Trường THPT Ba Vì	1	xã Suối Hai	2023-2027	9904/QĐ-UBND 15/11/2022	124.233		63.500	40.000	23.500	30.000	1	UBND xã Suối Hai	
23	Xây dựng, cải tạo trường Phổ thông dân tộc nội trú huyện Ba Vì	1	xã Suối Hai	2025-2028	985/QĐ-UBND ngày 07/3/2025	181.120		44.000	2.000	42.000	105.000	1	UBND xã Suối Hai	
24	Cải tạo, nâng cấp trường THPT Liên Hà	1	Liên Hà	2024-2027	14381/QĐ-UBND ngày 12/12/2024	191.109		54.025	600	53.425	108.000	1	UBND xã Liên Hà	
25	Xây dựng trường THPT Trung Giã	1	xã Trung Giã	2023-2026	6392/QĐ-UBND ngày 15/8/2024	203.263		162.300	70.000	92.300	17.000	1	UBND xã Trung Giã	
26	Xây dựng trường trung học phổ thông Đại Cường đạt chuẩn Quốc gia - mức độ 2, huyện Ứng Hòa	1	Xã Ứng Hòa	2023-2026	4683/QĐ-UBND 22/8/2023; 1229/QĐ-BQL 10/7/2024; 2102/QĐ-UBND ngày 12/11/2025	68.000		59.684	16.860	42.824	7.000	1	UBND xã Ứng Hòa	
27	Xây dựng trường THPT Trần Đăng Ninh, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội.	1	xã Ứng Thiện	2023-2026	2753/QĐ-UBND ngày 26/5/2023, 1418/QĐ-BQL ngày 02/8/2024; 1435/QĐ-UBND ngày 8/11/2025	120.000		75.000	33.810	41.190	27.000	1	UBND xã Ứng Thiện	
28	Cải tạo, nâng cấp trường THPT Ứng Hòa A, huyện Ứng Hòa	1	xã Vân Đình	2023-2026	2624/QĐ-UBND ngày 18/5/2023; 912/QĐ-BQL ngày 03/11/2023;190-04/8/2025	146.068		101.000	57.200	43.800	20.015	1	UBND xã Vân Đình	
29	Cải tạo xây dựng trường THPT Xuân Mai, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội	1	Xã Xuân Mai	2024-2026	6679/QĐ-UBND ngày 24/10/2023	79.727		27.000	25.000	2.000	40.000	1	UBND xã Xuân Mai	
30	Cải tạo xây dựng trường THPT Chương Mỹ A, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội	1	Phường Chương Mỹ	2023-2025	6690/QĐ-UBND ngày 25/10/2023	88.991		55.400	40.000	15.400	20.000	1	UBND Phường Chương Mỹ	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025			KHV trung hạn 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân	Trong đó					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
31	Xây dựng trường THPT Văn Tảo, xã Văn Tảo, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Xã Hồng Vân	2023-2026	01/NQ-HĐND ngày 12/4/2023 3961/QĐ-UBND ngày 29/6/2023	89.157		70.880	13.560	57.320	9.300	1	UBND Xã Hồng Vân	
32	Xây dựng trường THPT tại ô đất G1/TH3, phường Thanh Trì	1	phường Vĩnh Hưng	2024-2028	2400/QĐ-UBND ngày 27/5/2024	372.852		190.100	67.900	122.200	126.000	1	UBND phường Vĩnh Hưng	
C	CÁC DỰ ÁN CẤP THÀNH PHỐ KHÁC	66				15.251.944	1.237.547	4.928.954	2.062.607	2.866.698	6.774.342	66		
I	Lĩnh vực y tế, dân số và gia đình	17				7.884.357	209.974	2.258.866	1.076.549	1.182.317	4.144.000	17		
1	Xây dựng Bệnh viện đa khoa huyện Đan Phượng (giai đoạn 1)	1	Xã Đan Phượng	2024-2027	NQ số 28/NQ-HĐND ngày 22/9/2023; 6821/QĐ-UBND 31/12/2024	504.000		57.000		57.000	371.000	1	UBND xã Đan Phượng	
2	Nâng cấp bệnh viện đa khoa huyện Phú Xuyên	1	Xã Phú Xuyên	2023-2026	NQ số 07/NQ-HĐND ngày 10/3/2023; duyệt DA số 5583/QĐ-UBND ngày 23/10/2024	340.536		100.000		100.000	190.000	1	UBND xã Phú Xuyên	
3	Cải tạo, nâng cấp bệnh viện đa khoa huyện Phúc Thọ	1	xã Phúc Thọ	2024-2026	NQ số 28/NQ-HĐND ngày 22/9/2023; 6294/QĐ-UBND 06/12/2024 (duyet DA)	203.342		70.800	800	70.000	100.000	1	UBND xã Phúc Thọ	
4	Đầu tư, cải tạo, nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Thanh Oai	1	xã Thanh Oai	2024-2027	NQ số 14/NQ-HĐND ngày 04/7/2023; duyệt DA 6269/QĐ-UBND ngày 04/12/2024	300.000		10.000		10.000	245.000	1	UBND xã Thanh Oai	
5	Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện đa Văn Đình, huyện Ứng Hòa	1	xã Văn Đình	2023-2026	7700/QĐ-UBND ngày 12/11/2024; 5923-28/11/2025	134.617		77.000	33.300	43.700	38.000	1	UBND xã Văn Đình	
6	Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện Nhi Hà Nội - giai đoạn 1	1	P Dương Nội	2021-2026	4908/QĐ-UBND 30/9/2015; 5049/QĐ-UBND 30/11/2021; 5290/QĐ-UBND ngày 24/10/2025	784.433	18.126	555.000	540.000	15.000	95.000	1	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng Thành phố	
7	Cải tạo Bệnh viện đa khoa Hà Đông	1	P Hà Đông	2018-2026	6023/QĐ-UBND 31/10/2018; 4419/QĐ-UBND 11/11/2022; 14/NQ-HĐND 04/7/2023, 992/QĐ-UBND 22/02/2024; 5769/QĐ-UBND ngày 22/11/2025	496.387	191.307	228.500	126.500	102.000	24.000	1	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng Thành phố	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025			KHV trung hạn 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân	Trong đó					
									Lũy kế giải ngân 2021-2024	KHV năm 2025				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
8	Cải tạo, nâng cấp Hệ thống xử lý chất thải lỏng y tế tại các Bệnh viện và Cơ sở y tế thuộc Sở Y tế Hà Nội	1	Các b.viện và TT chuyên khoa	2023-2026	5802/QĐ-UBND ngày 13/11/2023	83.859		47.761	18.938	28.823	12.000	1	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng Thành phố	
9	Xây dựng Bệnh viện Tim Hà Nội - cơ sở 2.	1	P Xuân Đình	2022-2026	NQ số 22/NQ-HĐND ngày 12/9/2022; QĐ số 5977/QĐ-UBND ngày 22/11/2023; QĐ dc thời gian 5193/QĐ-UBND ngày 17/10/2025	789.046		306.146	181.646	124.500	340.000	1	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng Thành phố	
10	Nâng cấp Bệnh viện đa khoa Hòe Nhai	1	P Ba Đình	2023-2026	771/QĐ-UBND ngày 28/02/2022, NQ số 22/NQ-HĐND 12/9/2022; 1792/QĐ-UBND 28/3/2023; 40/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	204.499	541	116.206	48.706	67.500	70.000	1	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng Thành phố	
11	Nâng cấp Bệnh viện Ung Bướu Hà Nội - bệnh viện mũi nhọn về chẩn đoán và điều trị ung thư	1	P Bạch Mai	2023-2027	3317/QĐ-UBND ngày 22/6/2023	789.795		227.430	80.724	146.706	430.000	1	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng Thành phố	
12	Xây dựng trung tâm pháp y Hà Nội.	1	P Từ Liêm	2023-2026	1495/QĐ-UBND ngày 04/5/2022, Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 12/9/2022 (CTĐT - PL8); 1060/QĐ-UBND ngày 27/02/2024	277.853		100.497	30.497	70.000	130.000	1	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng Thành phố	
13	Đầu tư cải tạo, nâng cấp Bệnh viện đa khoa Đống Đa.	1	P Đống Đa	2023-2026	NQ số 07/NQ-HĐND ngày 10/3/2023; duyệt DA 6293/QĐ-UBND ngày 06/12/2024	264.655		66.233	1.233	65.000	154.000	1	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng Thành phố	
14	Đầu tư xây dựng cơ sở 2 bệnh viện Thận Hà Nội (tại Yên Nghĩa, Hà Đông)	1	P Dương Nội	2023-2026	NQ số 28/NQ-HĐND ngày 22/9/2023; 5265/QĐ-UBND 08/10/2024 (duyet DA)	748.538		154.865	1.267	153.598	450.000	1	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng Thành phố	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025			KHV trung hạn 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân	Trong đó					
									Lũy kế giải ngân 2021-2024	KHV năm 2025				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
15	Nâng cấp Bệnh viện đa khoa Y học cổ truyền Hà Nội	1	P Từ Liêm	2024-2026	NQ số 14/NQ-HĐND ngày 04/7/2023; 2303/QĐ-UBND 07/5/2025	463.705		7.000	1.000	6.000	390.000	1	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng Thành phố	
16	Đầu tư xây dựng mới Bệnh viện Mắt thành phố Hà Nội	1	P Phú Lương	2023-2026	NQ số 14/NQ-HĐND ngày 04/7/2023; 1743/QĐ-UBND ngày 26/3/2025	718.969		7.200	1.200	6.000	570.000	1	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng Thành phố	
17	Dự án nâng cấp, mở rộng bệnh viện đa khoa huyện Thạch Thất	1	Xã Thạch Thất	2022-2026	4948/QĐ-UBND ngày 23/11/2021, Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 12/9/2022; duyệt DA 4385/QĐ-UBND 21/8/2024; duyệt đề dự toán XDTK sau TKCS: 830/QĐ-UBND ngày 11/8/2025	780.123		127.228	10.738	116.490	535.000	1	UBND xã Thạch Thất	
II	Lĩnh vực văn hóa (di tích)	6				429.401	-	191.330	21.730	169.950	173.900	6		
1	Tu bổ tôn tạo cụm di tích Đình Ngự Triều Di Quy và Am Mỹ Châu	1	Xã Đông Anh	2022-2025	1728/QĐ-UBND ngày 02/4/2024	61.281		33.480	16.980	16.500	11.200	1	Trung tâm Bảo tồn di sản Thăng Long - Hà Nội	
2	Tu bổ, tôn tạo cụm di tích đền An Dương Vương	1	Xã Đông Anh	2022-2025	NQ số 14/NQ-HĐND ngày 06/7/2022; 7428/QĐ-UBND ngày 09/9/2024	58.082		28.500	1.850	27.000	21.000	1	Trung tâm Bảo tồn di sản Thăng Long - Hà Nội	
3	Thành phần 1: Xây dựng đền thờ Đức vua Ngô Quyền (Dự án Xây dựng đền thờ Đức vua Ngô Quyền tại di tích Thành Cổ Loa, huyện Đông Anh)	1	Xã Đông Anh	2025-2027	QĐ PDDA: 2117/QĐ-UBND ngày 19/4/2025; 3805/QĐ-UBND ngày 31/10/2025	185.163		102.300	1.800	100.500	61.200	1	UBND xã Đông Anh	
4	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Mạch Tràng	1	Xã Đông Anh	2025-2027	3541/QĐ-UBND ngày 20/3/2025	29.573		8.800		8.800	15.000	1	UBND xã Đông Anh	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025			KHV trung hạn 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân	Trong đó					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
5	Tu bổ tôn tạo di tích Nhà tù Hỏa Lò	1	Phường Hoàn Kiếm	2023-2026	14/NQ-HĐND 04/7/2023; 386/QĐ-SXD ngày 24/6/2024; 3337/QĐ-SXD ngày 09/12/2025	24.436		13.500	250	13.250	7.500	1	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng Thành phố	
6	Tu bổ, tôn tạo di tích cách mạng kháng chiến Trung Giã, xã Trung Giã	1	Xã Trung Giã	2024-2027	10/NQ-HĐND ngày 29/3/2024; 2136/QĐ-UBND ngày 22/4/2025	70.866		4.750	850	3.900	58.000	1	UBND xã Trung Giã	
III	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo	36				5.613.361	212.273	2.385.579	953.549	1.432.031	2.254.442	36		
1	Cải tạo, mở rộng Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên quận Hai Bà Trưng	1	phường Bạch Mai	2019-2025	4578/QĐ-UBNDngày 21/12/2021	120.312		19.921	19.921		82.000	1	UBND phường Bạch Mai	
2	Xây dựng trường THPT Lê Lợi, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội	1	P.Hà Đông	2023-2026	6341/QĐ-UBND ngày 30/10/2023	164.000		81.603	40.000	41.603	57.000	1	UBND Phường Hà Đông	
3	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng trường THPT Việt Nam – Ba Lan	1	Phường Hoàng Liệt	2024-2027	3185/QĐ-UBND ngày 07/11/2023	370.864		198.300	78.300	120.000	90.000	1	UBND phường Hoàng Liệt	
4	Cải tạo, nâng cấp trường trung học phổ thông Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai	1	Phường Hoàng Mai	2024-2027	354/QĐ-UBND ngày 26/01/2024	164.427		126.716	14.618	112.098	20.000	1	UBND phường Hoàng Mai	
5	Xây dựng trường THPT Tây Mỗ	1	Phường Tây Mỗ	2024-2027	1822/QĐ-UBND ngày 06/8/2025	458.786		193.100	163.100	30.000	196.000	1	UBND phường Tây Mỗ	
6	Cải tạo, sửa chữa trường THPT Đại Mỗ	1	Phường Tây Mỗ	2024-2026	Quyết định số 1160/QĐ-UBND ngày 12/6/2024	25.612		19.667	5.000	14.667	4.500	1	UBND phường Tây Mỗ	
7	Đầu tư xây dựng trường THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân	1	Phường Thanh Liệt	2022-2027	659/QĐ-UBND ngày 20/3/2023;854/QĐ-UBND ngày 08/11/2025	240.821		200.917	128.824	72.093	20.000	1	UBND phường Thanh Liệt	
8	Cải tạo, nâng cấp trường THPT Nhân Chính, quận Thanh Xuân	1	Phường Thanh Xuân	2021-2027	3125/QĐ-UBND ngày 21/11/2024; 953/QĐ-UBND ngày 11/11/2025	162.000		24.333	1.353	22.980	113.000	1	UBND phường Thanh Xuân	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025			KHV trung hạn 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân	Trong đó					
									Lũy kế giải ngân 2021-2024	KHV năm 2025				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
9	Cải tạo, nâng cấp trường THPT Hoài Đức B	1	xã An Khánh	2023-2026	12494/QĐ-UBND ngày 10/10/2023	75.221		59.290	27.790	31.500	6.000	1	UBND xã An Khánh	
10	Xây dựng, mở rộng Trường THPT Minh Quang	1	xã ba vì	2024-2026	7770/QĐ-UBND ngày 24/12/2024	105.083		63.903	48.000	15.903	36.000	1	UBND xã Ba Vì	
11	Xây dựng, cải tạo trường THPT Tân Dân	1	Xã Chuyên Mỹ	2023-2026	173/QĐ-UBND 16/1/2024; 906/QĐ-UBND 08/11/2025	110.000		49.321	20.000	29.321	44.000	1	UBND xã Chuyên Mỹ	
12	Xây dựng trường THPT Tô Hiệu, xã Tô Hiệu, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Chương Dương	2024-2025	01/NQ-HĐND ngày 12/4/2023 3986/QĐ-UBND ngày 30/6/2023	119.905		70.400	48.900	21.500	45.000	1	UBND xã Chương Dương	
13	Nâng cấp, mở rộng trường THPT Xuân Giang	1	xã Đa Phúc	2023-2026	6287/QĐ-UBND ngày 07/8/2024	89.494		66.340	24.700	41.640	15.000	1	UBND xã Đa Phúc	
14	Xây dựng mở rộng trường THPT Hoàng Cầu	1	Ô Chợ Dừa	2024-2027	1110/QĐ-UBND ngày 09/4/2025	192.448		83.250	1.200	82.050	100.000	1	UBND phường Ô Chợ Dừa	
15	Xây dựng trường THPT Mỹ Đình	1	Từ Liêm	2018-2022	4012/QĐ-UBND 07/9/2018; 3477/QĐ-UBND 11/11/2021	175.018	122.210	7.849	7.849	-	20.000	1	UBND phường Từ Liêm	
16	Xây dựng trường THPT tại ô đất A11, khu quy hoạch K7-1	1	Phường Yên Hòa	2022-2026	2418/QĐ-UBND 13/12/2023	183.524	-	159.814	70.000	89.814	18.000	1	UBND phường Yên Hòa	
17	Cải tạo, nâng cấp trường THPT Nguyễn Văn Cừ	1	Bát Tràng	2024-2026	6292/QĐ-UBND 29/12/2023	101.697		85.189	35.189	50.000	5.000	1	UBND xã Bát Tràng	
18	Cải tạo, mở rộng trường THPT Hoài Đức A	1	Hoài Đức	2023-2026	12710/QĐ-UBND ngày 16/10/2023	122.509	-	71.439	48.000	23.439	30.000	1	UBND xã Hoài Đức	
19	Trường THPT Mỹ Đức B, huyện Mỹ Đức	1	xã Hồng Sơn	2023-2026	1605-16/6/2023; 3539-30/10/2023; 2459*28/05/2024; 5858/QĐ-UBND ngày 28/10/2024	90.000		81.900	20.000	61.900	3.000	1	UBND xã Hồng Sơn	
20	Cải tạo, nâng cấp trường THPT Minh Khai (giai đoạn 1), huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội	1	Xã Kiêu Phú	2023-2026	4973/QĐ-UBND 27/7/2024; đc thời gian 1411/QĐ-UBND ngày 16/9/2025	20.684		11.590		11.590	8.000	1	UBND xã Kiêu Phú	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025			KHV trung hạn 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân	Trong đó					
									Lũy kế giải ngân 2021-2024	KHV năm 2025				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
21	Cải tạo, nâng cấp và xây dựng bổ sung cơ sở vật chất trường THPT Tiên Phong, huyện Mê Linh	1	xã Mê Linh	2024-2027	1604/QĐ-UBND ngày 26/4/2024	155.772		64.730	39.300	25.430	65.000	1	UBND xã Mê Linh	
22	Nâng cấp, mở rộng Trường THPT Hồng Thái	1	Xã Ô Diên	2024-2026	3896/QĐ-UBND, ngày 24/6/2024	96.560		59.230	9.230	50.000	28.000	1	UBND xã Ô Diên	
23	Cải tạo, nâng cấp Trường THPT Tân Lập	1	Xã Ô Diên	2024-2026	7266/QĐ-UBND ngày 06/11/2023	51.801		40.000	18.000	22.000	5.600	1	UBND xã Ô Diên	
24	Cải tạo, nâng cấp trường THPT Bắc Thăng Long	1	Thiên Lộc	2024-2027	10187/QĐ-UBND ngày 09/10/2024	70.378		40.188	898	39.290	23.358	1	UBND xã Thiên Lộc	
25	Cải tạo, nâng cấp Trường mầm non Việt Triều hữu nghị	1	P Kim Liên	2023-2026	3745/QĐ-UBND 18/7/2024; 6075/QĐ-UBND ngày 07/12/2025	46.722		18.900	400	18.500	20.000	1	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng Thành phố	
26	Cải tạo Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên, đáp ứng nhu cầu giáo dục công lập trên địa bàn phường Hoàng Văn Thụ	1	Tương Mai	2024-2026	4707/QĐ-UBND ngày 19/8/2024	44.998		14.900	1.000	13.900	23.000	1	UBND phường Tương Mai	
27	Xây dựng trường THPT công lập tại ô đất ký hiệu F/THPT1	1	Phú Diễn	2025-2027	753/QĐ-UBND ngày 11/4/2025	208.099		9.208	100	9.108	167.000	1	UBND phường Phú Diễn	
28	Đầu tư xây dựng Xây dựng trường chuyên biệt cho trẻ khuyết tật thành phố Hà Nội (Cụm trường tiểu học Bình Minh và Phổ thông cơ sở Xã Dân)	1	P Long Biên	2023-2026	2322/QĐ-UBND ngày 08/5/2025	394.821		2.500	1.500	1.000	320.000	1	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng Thành phố	
29	Xây dựng phòng học lý thuyết, bộ môn, phụ trợ trường THPT Minh Hà	1	xã Tây Phương	2024-2026	2427/QĐ-UBND ngày 15/5/2024	47.119		12.000		12.000	30.000	1	UBND xã Tây Phương	
30	Nâng cấp, cải tạo trường THPT Thạch Bàn, phường Thạch Bàn, quận Long Biên	1	Long Biên	2023-2026	4974/QĐ-UBND ngày 30/11/2023; 1920/QĐ-UBND ngày 07/11/2025	66.000		59.400	20.400	39.000	2.500	1	UBND phường Long Biên	
31	Cải tạo, nâng cấp trường THPT Hoài Đức C	1	xã Sơn Đồng	2024-2026	12493/QĐ-UBND ngày 10/10/2023	66.685		63.947	34.642	29.305	2.500	1	UBND xã Sơn Đồng	
32	Cải tạo, xây dựng Trường cán bộ Đội Lê Duẩn giai đoạn 2	1	Ba Đình	2010-2026	2876/QĐ-UBND 31/5/2019; 1997/QĐ-UBND 13/5/2020; 994/QĐ-UBND 01/3/2021; 1952/QĐ-UBND 09/6/2022; 1692/QĐ-UBND 21/3/2025	132.899	90.063	24.133	24.133		25.984	1	Trường Đội Lê Duẩn	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025			KHV trung hạn 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân	Trong đó					
									Lũy kế giải ngân 2021-2024	KHV năm 2025				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
33	Công trình trọng điểm giai đoạn 2021-2025: Xây dựng Trường Đào tạo cán bộ Lê Hồng Phong thành phố Hà Nội	1	Hà Đông	2022-2026	29/NQ-HĐND 08/12/2022; 42/NQ-HĐND 04/10/2024; 6140/QĐ-UBND 27/11/2024	980.000		260.000		260.000	530.000	1	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng Thành phố	
34	Đầu tư xây dựng cơ sở 2 của Trường cao đẳng nghề công nghiệp Hà Nội	1	Nam Từ Liêm	2022-2025	6205/QĐ-UBND 17/11/2015 (CTĐT); 03/NQ-HĐND 08/4/2022; 3162/QĐ-UBND 18/6/2024, 4967/QĐ-UBND 23/9/2024	54.833		32.801	1.202	31.600	18.000	1	Trường cao đẳng nghề công nghiệp Hà Nội	
35	Đầu tư nghề trọng điểm nghề cơ điện cấp độ quốc tế tại Trường Cao đẳng nghề công nghiệp Hà Nội	1	Đống Đa	2024-2025	10/NQ-HĐND ngày 29/3/2024	25.000		7.500		7.500	16.000	1	Trường Cao đẳng nghề công nghiệp Hà Nội	
36	Đầu tư giai đoạn 2 Trường Trung cấp nghề Tổng hợp Hà Nội	1	Chương Mỹ	2024-2026	4927/QĐ-UBND 30/9/2025	79.268		1.300		1.300	65.000	1	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng Thành phố	
IV	Lĩnh vực thể dục, thể thao	3				166.179		3.500	400	3.100	127.000	3		
1	Cải tạo, nâng cấp công trình Nhà tập luyện và thi đấu bắn súng - Trung tâm huấn luyện và thi đấu TDTT Hà Nội	1	P Từ Liêm	2024-2026	1839/QĐ-UBND ngày 31/3/2025	63.232		1.300	100	1.200	50.000	1	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng Thành phố	
2	Cải tạo, nâng cấp công trình Nhà điều hành thuộc Trung tâm huấn luyện và thi đấu TDTT Hà Nội	1	P Từ Liêm	2024-2026	409/QĐ-UBND ngày 20/01/2025	49.683		1.050	150	900	39.000	1	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng Thành phố	
3	Cải tạo, nâng cấp công trình Nhà Y tế - Trung tâm huấn luyện và thi đấu TDTT Hà Nội	1	P Từ Liêm	2024-2026	2324/QĐ-UBND ngày 08/5/2025	53.264		1.150	150	1.000	38.000	1	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng Thành phố	
V	Lĩnh vực lao động thương binh và xã hội	3				136.075	300	89.279	10.379	78.900	35.000	3		
1	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm Phục hồi chức năng Việt - Hàn	1	Quốc Oai	2023-2026	29/NQ-HĐND 08/12/2022; 2992/QĐ-UBND 10/6/2024; 6003/QĐ-UBND ngày 03/12/2025	53.085		37.500		37.500	10.000	1	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng Thành phố	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025			KHV trung hạn 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân	Trong đó					
									Lũy kế giải ngân 2021-2024	KHV năm 2025				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm nuôi dưỡng trẻ khuyết tật Hà Nội	1	Chương Mỹ	2023-2026	29/NQ-HĐND 08/12/2022; 3107/QĐ-UBND 13/6/2024; 5979/QĐ-UBND ngày 02/12/2025; 5979/QĐ-UBND ngày 02/12/2025	47.213		31.400		31.400	10.000	1	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng Thành phố	
3	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm Bảo trợ xã hội 3 Hà Nội	1	Nam Từ Liêm	2023-2025	3003/QĐ-UBND ngày 07/7/2020	35.777	300	20.379	10.379	10.000	15.000	1	Trung tâm Bảo trợ xã hội 3 Hà Nội	
VI	Lĩnh vực phát thanh, truyền hình, thông tấn													
VI	Lĩnh vực khoa học và công nghệ	1				1.022.571	815.000	400	-	400	40.000	1		
1	Trung tâm giao dịch công nghệ thương mại - Khu liên cơ Võ Chí Công	1	P Tây Hồ	HT 2026	4941/QĐ-UBND ngày 30/12/2012; 1571/QĐ-UBND ngày 02/4/2018; 238/QĐ-UBND ngày 14/01/2025; 6087/QĐ-UBND ngày 08/12/2025	1.022.571	815.000	400		400	40.000	1	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng Thành phố	



Phụ lục 6.4
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN 5 NĂM 2026-2030 CÁC DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP THUỘC LĨNH VỰC TÒA ÁN
NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ HỖ TRỢ

(Kèm theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 28 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 5 năm 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân	Trong đó					
									Lũy kế giải ngân 2021-2024	KHV năm 2025				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	TỔNG CỘNG	1				63.238	-	9.176	1.176	8.000	48.000	1		
I	Đã phê duyệt dự án	1				63.238		9.176	1.176	8.000	48.000	1		
1	Xây dựng trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thất (nay là TAND khu vực 10-Hà Nội)	1	Xã Thạch Thất	2026-2028	408/QĐ-TANDTC-KHTC 17/10/2024	63.238		9.176	1.176	8.000	48.000	1	Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội	

Phụ lục 7.1

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2026-2030 CÁC DỰ ÁN MỚI CẤP THÀNH PHỐ
SỬ DỤNG 100% NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ ĐỦ ĐIỀU KIỆN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN THEO QUY ĐỊNH

(Kèm theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 28 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố)

KHÔI HẠ TẢNG ĐÔ THỊ

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Quyết định dự án đầu tư được duyệt		KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	TỔNG CỘNG	156				80.106.875		42.581.948	52.017.335	130		
1	Lĩnh vực môi trường	7				8.102.482		2.949.180	5.819.200	7		
a	Dự án đã phê duyệt dự án	1						2.949.180	1.700.000	1		
1	Dự án Xây dựng hệ thống thu gom và Nhà máy xử lý nước thải Tây sông Nhuệ	1	Các phường: Thượng Cát, Tây Tựu, Đông Ngạc, Nghĩa Đô, Phú Diễn, Xuân Đình	2026-2030			5977/QĐ-UBND ngày 1/12/2025	2.949.180	1.700.000	1	Ban QLDA ĐTXD CT HTKT&NN	
b	Dự án phê CTĐT chưa phê dự án	6				8.102.482			4.119.200	6		
1	Dự án Xây dựng hệ thống thu gom nước thải (lưu vực S1) về Nhà máy xử lý nước thải Yên Sở	1	các phường: Hoàn Kiếm, Cửa Nam, Hai Bà Trưng, Bạch Mai, Vĩnh Tuy, Tương Mai, Vĩnh Hưng, Hoàng Mai, Yên Sở, Liên Mạc	2026-2030	10/NQ-HĐND ngày 29/3/2024	2.598.256			780.000	1	Ban QLDA ĐTXD CT HTKT&NN	
2	Dự án đầu tư xây dựng nhà máy xử lý nước thải Nam An Khánh giai đoạn 1	1	xã An Khánh	2026-2029	2616/24/5/2025	430.256			363.000	1	UBND xã An Khánh	
3	ĐTXD Nhà máy xử lý nước thải Cổ Loa giai đoạn 1 theo quy hoạch	1	xã Đông Anh	2026-2028	57/NQ-HĐND ngày 10/12/20224	993.000			861.000	1	UBND xã Đông Anh	
4	Dự án Mở rộng khu XLCT Sóc Sơn theo Quy hoạch 609/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ	1	Xã Trung Giã	2026-2030	39/HĐND-KTNS 23/01/2018	1.489.378			942.000	1	Ban QLDA ĐTXD CT HTKT&NN	
5	Đầu tư hệ thống mạng quan trắc môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội	1	Hà Nội	2022-2025	12/NQ-HĐND 05/12/2018	709.529			200.000	1	Sở Nông nghiệp và Môi trường	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Quyết định dự án đầu tư được duyệt		KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
6	Dự án Khôi phục dòng chảy tạo cảnh quan môi trường từ sông Hồng qua miếu Hàm Rồng, đền Văn Hiến, khơi thông dòng sông trên địa bàn xã Ô Diên chảy ra sông Nhuệ	1	xã Ô Diên	2026-2029	6130, ngày 10/12/2025	1.882.063			973.200	1	UBND xã Ô Diên	
II	Lĩnh vực giao thông	113		2.026		64.420.998		30.600.275	36.533.793	98		
a	Dự án đã phê duyệt dự án	30		2.026		5.191.131		30.600.275	20.257.330	25		
1	Xây dựng tuyến đường 25m theo quy hoạch từ đường Cổ Linh đến đường 25m Cụ Khối, phường Thạch Bàn, quận Long Biên	1	Phường Long Biên	2024-2026			994 26/3/2024	471.209	282.000	1	UBND phường Long Biên	
2	Xây dựng tuyến đường 25m, 30m theo quy hoạch từ Đê sông Hồng đến khu đô thị Thạch Bàn, quận Long Biên	1	Phường Long Biên	2024-2027			2303 20/6/2024	294.382	176.000	1	UBND phường Long Biên	
3	Xây dựng tuyến đường từ Cầu Cống đi đường tránh Quốc lộ 32, thị xã Sơn Tây	1	Phường Sơn Tây	2026-2029			5227/QĐ-UBND ngày 20/10/2025	516.225	309.000	1	UBND phường Sơn Tây	
4	Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL32), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội	1	Phường Sơn Tây	2026-2029			5296/QĐ-UBND ngày 24/10/2025	1.936.579	1.100.000	1	UBND phường Sơn Tây	
5	Xây dựng đường nối từ đường tránh QL32 đi tỉnh lộ 413	1	Phường Tùng Thiện	2026-2029			6345/QĐ-UBND ngày 22/12/2025	435.265	261.000	1	UBND phường Tùng Thiện	
6	Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 2,5 các đoạn: Khu đô thị mới Dịch Vọng - Dương Đình Nghệ; Vũ Phạm Hàm - Trần Duy Hưng; Ngụy Như Kon Tum - Nguyễn Trãi, thành phố Hà Nội	1										
-	Dự án thành phần 1.1: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và di dời, hoàn trả các công trình hạ tầng kỹ thuật trong phạm vi giải phóng mặt bằng trên địa bàn phường Cầu Giấy		Cầu Giấy				Quyết định 11/QĐ-UBND 04/01/2026	849.203	254.000		UBND phường Cầu Giấy	
-	Dự án thành phần 1.2: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và di dời, hoàn trả các công trình hạ tầng kỹ thuật trong phạm vi giải phóng mặt bằng trên địa bàn phường Yên Hòa		Phường Yên Hòa	2.026			129/QĐ-UBND ngày 05/02/2026	3.355.809	2.013.000		UBND phường Yên Hòa	
-	Dự án thành phần 1.3: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và di dời, hoàn trả các công trình hạ tầng kỹ thuật trong phạm vi giải phóng mặt bằng trên địa bàn phường Thanh Xuân		Thanh Xuân				106/QĐ-UBND ngày 09/01/2026	3.379.152	2.027.000		UBND phường Thanh Xuân	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Quyết định dự án đầu tư được duyệt		KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
-	Dự án thành phần 2: Đầu tư xây dựng đường Vành đai 2,5 các đoạn: Khu đô thị mới Dịch Vọng - Dương Đình Nghệ; Vũ Phạm Hàm - Trần Duy Hưng; Ngụy Như Kon Tum - Nguyễn Trãi	1		2025-2026	11/QĐ-UBND ngày 04/01/2026	478.991			143.000	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT TP HN	
7	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường LK54 từ khu Tái định cư phục vụ công tác đền bù, giải phóng mặt bằng cầu Nhật Tân, đường 5 kéo dài và các dự án phát triển đô thị đến đường LK53	1	xã Đông Anh	2025-2028			PDDA: 12440/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	1.204.425	722.000	1	UBND xã Đông Anh	
8	Xây dựng tuyến đường LK53 đoạn từ đường kinh tế miền Đông (bốt cầu Tây) đến hết địa phận huyện Đông Anh theo quy hoạch	1	xã Đông Anh	2025-2028			PDDA: 12439/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	261.149	156.000	1	UBND xã Đông Anh	
9	Đầu tư xây dựng tuyến đường trục trung tâm (TC21) đoạn từ đường Trường Sa đến đường Vành đai 3, huyện Đông Anh	1	xã Đông Anh	2025-2028			11882/QĐ-UBND ngày 24/6/2025	497.022	300.000	1	UBND xã Đông Anh	
10	Xây dựng tuyến đường từ đường Trường Sa đến đường sắt Hà Nội - Lào Cai (TD8)	1	xã Đông Anh	2025-2028			PDDA: 12441/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	1.218.266	730.000	1	UBND xã Đông Anh	
11	Đường trục nối từ đường tỉnh lộ 424 đến đường trục phát triển thị trấn Đại Nghĩa, huyện Mỹ Đức	1		2023-2026			3245/QĐ-UBND ngày 15/12/2025	110.628	66.000	1	UBND xã Mỹ Đức	
12	Xây dựng tuyến đường Đan Phượng - Tân Hội (mở rộng mặt cắt ngang đường 20m theo quy hoạch đoạn qua trung tâm xã Tân Hội) huyện Đan Phượng	1	xã Đan Phượng, Ô Diên	2024-2027			9206, ngày 31/12/2024	405.707	243.000	1	UBND xã Ô Diên	
13	Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư, giải phóng mặt bằng thực hiện đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối sân bay Gia Bình với Thủ đô Hà Nội	1								1		
-	Dự án TP1: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thuộc địa phận xã Thuận An, xã Phù Đồng, thành phố Hà Nội và địa phận phường Từ Sơn, phường Phù Khê, tỉnh Bắc Ninh, thuộc Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư, giải phóng mặt bằng thực hiện đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối sân bay Gia Bình với Thủ đô Hà Nội		Xã Phù Đồng	2025-2026			6146/QĐ-UBND 11/12/2025	4.404.709	2.650.000		UBND xã Phù Đồng	
-	Dự án TP2: Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư, giải phóng mặt bằng của dự án đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối sân bay Gia Bình về Thủ đô Hà Nội (đoạn trên địa bàn thành phố Hà Nội) thuộc địa phận huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội		xã Đông Anh	2025-2026			PDDA: 5219/QĐ-UBND ngày 20/10/2025	1.198.674	929.050		UBND xã Đông Anh	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Quyết định dự án đầu tư được duyệt		KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
14	Xây dựng đoạn 2 đường nối từ đường Võ Nguyên Giáp đến Khu đô thị vệ tinh Sóc Sơn (đoạn từ nút giao tỉnh lộ 131 đến đường nối Quốc lộ 3 với đền Sóc)	1	Xã Sóc Sơn	2026-2029			5727/QĐ-UBND ngày 20/11/2025	498.336	299.000		UBND xã Sóc Sơn	
15	Dự án đường Vành đai 3,5 đoạn từ Phúc La - Văn Phú đến cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ:											
-	Dự án thành phần 1.1: Bồi thường, hỗ trợ tái định cư thực hiện giải phóng mặt bằng trên địa bàn quận Hà Đông thuộc dự án xây dựng đường Vành đai 3,5 đoạn từ Phúc La - Văn Phú đến cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ	1	Phường Kiến Hưng	2025-2027	NQ số 14/NQ-HĐND ngày 4/4/2023	684.362			340.000		UBND phường Kiến Hưng	
-	Dự án thành phần 1.2: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện GPMB trên địa bàn huyện Thanh Trì thuộc dự án xây dựng đường Vành đai 3,5 đoạn từ Phúc La - Văn Phú đến cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ	1	Đại Thanh, Ngọc Hồi, Nam Phú, Thanh Trì	2023-2027	14/NQ-HĐND 04/7/2023	2.270.559			1.130.000	1	UBND xã Đại Thanh	
-	Dự án thành phần 2: Đầu tư xây dựng đường Vành đai 3,5 đoạn Phúc La - Văn Phú đến cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ	1	X. THANH TRÌ, Nam Phú, Đại Thanh, Ngọc Hồi; P. Kiến Hưng, Phú Lương	2025-2027			6206/QĐ-UBND ngày 13/12/2025	5.601.544	3.360.000	1	Ban QLDA ĐTXDCT Dân dụng	
16	Dự án đầu tư xây dựng hầm chui tại nút giao đường trục Tây Thăng Long - Vành đai 3	1	Phường Xuân Đình, phường Đồng Ngạc	2026-quý II/2027			QĐ số 6585/QĐ-UBND ngày 31/12/2025	1.009.134	605.000	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT TP HN	
17	Dự án đầu tư xây dựng hầm chui tại nút giao đường Mễ Trì - Dương Đình Nghệ - Vành đai 3	1	phường Yên Hòa, phường Cầu Giấy, phường Từ Liêm	2026 - 2028			6475/QĐ-UBND ngày 27/12/2025	960.261	576.000	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT TP	
18	Dự án đầu tư xây dựng hầm chui đường Hoàng Quốc Việt kéo dài với đường Phạm Văn Đồng và kết nối với phố Trần Vỹ	1										
-	Dự án TP 1.1: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và di dời hạ tầng kỹ thuật thực hiện GPMB trên địa bàn quận UBND Quận Cầu Giấy thuộc Dự án đầu tư xây dựng hầm chui đường Hoàng Quốc Việt kéo dài với đường Phạm Văn Đồng và kết nối với phố Trần Vỹ		Phú Diễn	2025-2028	1966/QĐ-UBND ngày 10/4/2025	1.330.338			399.000		UBND phường Phú Diễn	
-	Dự án TP 1.2: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và di dời hạ tầng kỹ thuật thực hiện GPMB trên địa bàn quận Bắc Từ Liêm thuộc Dự án đầu tư xây dựng hầm chui đường Hoàng Quốc Việt kéo dài với đường Phạm Văn Đồng và kết nối với phố Trần Vỹ		Phú Diễn	2025-2028	1966/QĐ-UBND ngày 10/4/2025	180.081			54.000		UBND phường Phú Diễn	
-	Dự án TP 2: Đầu tư xây dựng hầm chui đường Hoàng Quốc Việt kéo dài với đường Phạm Văn Đồng và kết nối với phố Trần Vỹ	1	Phường Phú Diễn, Phường Nghĩa Đô	2026-2028			6586/QĐ-UBND ngày 31/12/2025	1.106.015	663.000		Ban QLDA ĐTXD CTGT TP	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Quyết định dự án đầu tư được duyệt		KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
19	Cải tạo, nâng cấp đường Truyền Thống huyện Phú Xuyên (đoạn từ đường gom cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ đến đê sông Hồng)	1	xã Đại Xuyên	2021-2027	NQ 19/NQ-HĐND ngày 11/11/2020	246.265	4376/QĐ-UBND ngày 31/8/2021; 847/QĐ-UBND ngày	246.265	147.000	1	UBND xã Đại Xuyên	
20	Chỉnh trang tuyến phố Vũ Ngọc phan	1	LẮng	2025-2027			613/QĐ-UBND	6.107	4.060	1	UBND phường LẮng	
21	Chỉnh trang tuyến phố Hoàng Ngọc phách	1	LẮng	2025-2027			614/QĐ-UBND	6.075	4.040	1	UBND phường LẮng	
22	Chỉnh trang tuyến phố Nguyễn Hồng	1	LẮng	2025-2027			612/QĐ-UBND	7.792	5.180	1	UBND phường LẮng	
23	Dự án chế tạo 03 dân cầu Benley dự phòng xử lý sự cố về cầu, tổ chức giao thông, chống ùn tắc giao thông trên địa bàn Thành phố	1		2025-2026			2251/QĐ-SXD 22/9/2025	14.807	14.000	1	Sở Xây dựng	
24	Dự án đầu tư lắp đặt các nút đèn hiệu giao thông (giai đoạn 2)	1		2025-2027			5417/QĐ-UBND 01/11/2025	190.702	3.000	1	Sở Xây dựng	
25	Dự án cải tạo hạ tầng, tổ chức giao thông cấp bách một số nút giao, tuyến đường để giảm thiểu ùn tắc giao thông (Giai đoạn I)	1		2025-2027			5377/QĐ-UBND 29/10/2025	224.992	180.000	1	Sở Xây dựng	
26	Xây dựng đoạn tuyến đường từ Nút Bộ Tư lệnh thông tin trên đường Cát Linh - La Thành đến đường Tôn Đức Thắng (thuộc tuyến đường ga Hà Nội - Tôn Đức Thắng - Hào Nam - phố Núi Trúc)	1	Ô Chợ Dừa	2026-2030	2427/QĐ-UBND ngày 22/5/2009	535	4888/QĐ-UBND ngày 21/10/2011	189.840	113.000	1	UBND phường Ô Chợ Dừa	
b	Dự án phê CTĐT chưa phê dự án	83				59.229.867			16.276.463	73		
1	Bồi thường, hỗ trợ GPMB, tái định cư và di dời hạ tầng kỹ thuật xây dựng tuyến đường 70 đoạn Hà Đông - Văn Điển - nút giao Tứ Hiệp trên địa bàn huyện Thanh Trì	1	Đại Thanh, Thanh Liệt, Thanh Trì	2024-2026	10/NQ-HĐND 29/3/2024	2.225.467			667.000	1	UBND xã Đại Thanh	
2	Đầu tư xây dựng tuyến đường Tây Thăng Long đoạn qua địa phận Đan Phượng (đoạn từ kênh Đan Hoài đến tỉnh lộ 417)	1	xã Đan Phượng, xã Liên Minh	2026-2028	42/NQ-HĐND ngày 04/10/2024	802.025			24.000	1	UBND xã Đan Phượng	
3	Xây dựng đường nối từ đường Tây Thăng Long đến đường N02	1	xã Ô Diên, xã Đan Phượng	2024-2027	NQ số 29/NQ-HĐND ngày 04/7/2024	227.330			68.000		UBND xã Đan Phượng	
4	Mở rộng đường Quốc lộ 32 đoạn qua địa bàn huyện Hoài Đức từ Km 17+100 đến Km 19+800	1	Hoài Đức	2026-2028	42/NQ-HĐND ngày 04/10/2024	998.386			299.000	1	UBND xã Hoài Đức	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Quyết định dự án đầu tư được duyệt		KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
5	Đường trục phát triển kinh tế Phú Minh - Nam Tiến - Nam Triều, thành phố Hà Nội	1	Phú Xuyên	2026-2029	42/NQ-HĐND 04/10/2024	732.985			219.000	1	UBND xã Phú Xuyên	
6	Tuyến đường Tây Thăng Long đoạn từ đường trục kinh tế Bắc Nam đến điểm nối tiếp với tuyến đường Tây Thăng Long hiện có trên địa bàn thị xã Sơn Tây, thuộc địa phận huyện Phúc Thọ và thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội	1	xã Phúc Lộc, xã Phúc Thọ, phường Sơn Tây	2026-2029	42/NQ-HĐND ngày 04/10/2024	1.419.935			425.000	1	UBND xã Phúc Lộc	
7	Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 32 đoạn qua khu dân cư từ Km38+400 đến Km41+000 qua địa phận xã Thọ Lộc, xã Trạch Mỹ Lộc, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ	1	Xã Phúc Thọ	2026-2029	57/NQ-HĐND ngày 10/12/2024	465.628			139.000	1	UBND xã Phúc Thọ	
8	Đầu tư xây dựng tuyến đường tỉnh 429D (đoạn từ trục phát triển phía Nam đi trục Ngọc Hồi - Phú Xuyên),	1	xã Phượng Dực	2026-2029	371/QĐ-UBND ngày 26/01/2026	850.900			285.000	1	UBND xã Phượng Dực	
9	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường tỉnh lộ 413 đoạn Sơn Tây - hồ Suối Hai (từ Km5+900 đến Km11+500) thuộc địa bàn huyện Ba Vì	1	xã Quảng Oai	2026-2028	57/NQ-HĐND ngày 10/12/2024	632.041			316.000	1	UBND xã Quảng Oai	
10	Nâng cấp mở rộng Tỉnh lộ 131 địa phận Sóc Sơn (phục vụ cụm công nghiệp: KCN Sóc Sơn, CN2, CN3)	1	Xã Sóc Sơn	2026-2030	5238/QĐ-UBND ngày 20/10/2025	1.408.445			422.000		UBND xã Sóc Sơn	
11	Dự án cải tạo, nâng cấp đường tỉnh lộ 446 (đoạn Km0+00 – Km10+800) huyện Thạch Thất	1	xã Yên Xuân	2023-2027	41/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	688.841			206.000	1	UBND xã Yên Xuân	
12	Dự án đầu tư xây dựng cầu vượt tại giao đường Lê Trọng Tấn, Hà Đông - Quốc lộ 6	1	phường: Hà Đông, Dương Nội, Kiến Hưng	2026-2028	Số 1993/QĐ-UBND ngày 11/4/2025	878.439			263.000	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT TP	
13	Dự án đầu tư xây dựng đường trục phát triển kinh tế Miếu Môn - Hương Sơn (đoạn nối từ tỉnh lộ 419 đến tỉnh lộ 424), xã Hồng Sơn, thành phố Hà Nội	1	Xã Hồng Sơn	2026-2030	QĐ 376/QĐ-UBND ngày 26/01/2026	550.000			165.000		UBND xã Hồng Sơn	
14	Đầu tư xây dựng đường Miếu Môn - Hương Sơn đoạn từ đường Tỉnh 429 (đường Miếu Môn - Ba Thá) đi xã Hồng Sơn, xã Phúc Sơn, thành phố Hà Nội	1	xã Phúc Sơn	2026-2029	QĐ số 370/QĐ-UBND ngày 26/01/2026	848.176			254.000	1	UBND xã Phúc Sơn	
15	Dự án đầu tư xây dựng đường tỉnh 429D đoạn từ đê hữu Đáy đến đường Miếu Môn – Hương Sơn, xã Phúc Sơn – Thành phố Hà Nội	1	xã Phúc Sơn	2026-2029	QĐ số 682/QĐ-UBND ngày 11/02/2026	578.181			289.000	1	UBND xã Phúc Sơn	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Quyết định dự án đầu tư được duyệt		KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
16	Dự án xây dựng tuyến đường 70 mới đoạn nối từ đường 32 đến Khu công nghệ cao sinh học	1	Tây Tựu	2026-2028	Số 1322/QĐ-UBND ngày 7/3/2025	2.995.000			800.000	1	UBND phường Tây Tựu	
17	Xây dựng đường nối Quốc lộ 3 đến đường Vành đai phía đông khu đô thị vệ tinh Sóc Sơn	1	Liên xã: Sóc Sơn, Đa Phúc	2026-2029	42/NQ-HĐND ngày 04/10/2024	921.857			460.000	1	UBND xã Đa Phúc	
18	Đường Ngọc Hồi - Phú Xuyên đoạn qua địa phận huyện Thường Tín - đoạn từ nút giao đường Vành đai 4 đến đường tỉnh 429 huyện Thường Tín	1	Thường Tín, Thượng Phúc	2023-2026	14/NQ-HĐND 04/7/2023	416.517			208.000	1	UBND xã Thường Tín	
19	Xây dựng tuyến đường Tỉnh lộ 35 (Đoạn từ Quốc lộ 3 đến vị trí giao với điểm đầu dự án Cải tạo, xây dựng đường nối Quốc lộ 3 - Hồng Kỳ - Đô Tân)	1	xã Trung Giã	2025-2027	1236 28/02/2025	79.577			39.000	1	UBND xã Trung Giã	
20	Xây dựng tuyến đường từ QL3 nối dự án Quốc lộ 3 - Kim Sơn - Đường 35 và tuyến đường bên phải suối Ngòi Vĩ.	1	xã Trung Giã	2025-2028	4801 19/9/2025	162.123			81.000	1	UBND xã Trung Giã	
21	Xây dựng tuyến đường nối từ đường phía Đông khu hành chính Quận đến tuyến đường 2,5 thuộc quy hoạch khu đô thị mới Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai	1	Hoàng Mai	2025-2028	1739/QĐ-UBND ngày 26/3/2025	301.000			90.300	1	UBND phường Hoàng Mai	
22	Nâng cấp, cải tạo đường tỉnh 427 đoạn từ dốc Vân La - Cầu Đừa đến đường Dương Trục Nguyên kéo dài, kết hợp cải tạo tuyến kênh tiêu 71, huyện Thường Tín	1	Hồng Vân, Thường Tín	2024-2027	42/NQ-HĐND ngày 04/10/2024	1.166.000			30.000	1	UBND xã Thường Tín	
23	Xây dựng tuyến đường 17,5m (mở rộng đường Trần Quốc Vượng) và đường nối từ Trần Quốc Vượng đến ngõ 86 Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy	1	Cầu Giấy	2023-2024	14/NQ-HĐND 10/11/2020 của HĐND TP	41.453			19.539	1	UBND phường Cầu Giấy	
24	Xây dựng đường nối Quốc lộ 3 - Trường đua ngựa - Đức Hòa (đường biên phía Đông Khu đô thị vệ tinh)	1	Xã Sóc Sơn	2026-2030	5239/QĐ-UBND ngày 20/10/2025	2.032.351			609.705		UBND xã Sóc Sơn	
25	Xây dựng đường TL412B từ đường dẫn cầu Văn Lang đến đường QL32 - Nghĩa trang Yên Kỳ - Hồ Suối Hai	1	Xã Vật Lại	2025-2028	Số 5090/QĐ-UBND ngày 13/10/2025	1.046.809			313.800	1	UBND xã Vật Lại	
26	Xây dựng tuyến đường từ Quốc lộ 21 (tuyến tránh QL32) đi xã Cam Thượng, huyện Ba Vì	1	Phường Tùng Thiện	2026-2029	41/NQ-HĐND ngày 08/12/2023; 29/NQ-HĐND ngày 04/7/2024	895.131			255.000	1	UBND phường Tùng Thiện	
27	Chính trang hạ tầng kỹ thuật khu vực đảo giao thông nút giao cầu đường sắt và đường bộ Đường	1	Phường Việt Hưng	2026-2030	6082/QĐ-UBND 08/12/25	164.635			44.430	1	UBND phường Việt Hưng	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Quyết định dự án đầu tư được duyệt		KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
28	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ cầu Đồng Quang đi Khu di tích đền Hạ huyện Ba Vì và kết nối tỉnh Hòa Bình, huyện Ba Vì, Hà Nội	1	Ba Vì	2024-2026	10/NQ-HĐND 29/3/2024; 923/QĐ-UBND 02/3/2026	965.911			289.000	1	UBND xã Ba Vì	
29	Xây dựng đường Liên khu vực 5 (đoạn từ đường TL422 đến đường Kim Chung - Di Trạch), huyện Hoài Đức	1	Hoài Đức	2024-2027	22/NQ-HĐND ngày 15/05/2024	125.693			36.000	1	UBND xã Hoài Đức	
30	Xây dựng tuyến đường từ đường Liên khu vực 6 qua trường THCS Di Trạch, khu đấu giá X7 xã Di Trạch, huyện Hoài Đức	1	Hoài Đức	2024-2027	29/NQ-HĐND ngày 04/7/2024	129.152			36.000	1	UBND xã Hoài Đức	
31	Xây dựng đường nối từ đường 35 đi khu công nghiệp sạch Sóc Sơn	1	Xã Kim Anh, Nội Bài	2026-2028	QĐ 1396/QĐ-UBND ngày 27/10/2025	820.000			245.964	1	UBND xã Kim Anh	
32	Xây dựng tuyến đường từ Đê Tiên Tân đến trường Mầm non Đan Phượng	1	xã Đan Phượng, xã Liên Minh	2026-2030	29/NQ-HĐND 04/7/2024	212.130			63.300	1	UBND xã Liên Minh	
33	Xây dựng tuyến đường liên khu vực 1 nối từ đường Hoàng Quốc Việt kéo dài đến hết địa phận huyện Đan Phượng (trừ đoạn qua khu đô thị Green City)	1	xã Ô Diên	2024-2027	NQ số 29/NQ-HĐND ngày 04/7/2024	1.270.965			375.000	1	UBND xã Ô Diên	
34	Xây dựng tuyến đường nội khu S1 (Đoạn từ đường Liên khu vực 1 đến hết địa phận huyện Đan Phượng)	1	xã Ô Diên	2024-2027	NQ số 29/NQ-HĐND ngày 04/7/2024	597.883			165.000	1	UBND xã Ô Diên	
35	Xây dựng tuyến đường N08 (Đoạn từ đường Liên khu vực 2 đến đường Hoàng Quốc Việt kéo dài)	1	xã Ô Diên	2024-2027	NQ 42/NQ-HĐND, ngày 04/10/2024	843.272			249.000	1	UBND xã Ô Diên	
36	Xây dựng tuyến đường N09 (Đoạn từ đường tỉnh lộ 422 đến đường Hoàng Quốc Việt kéo dài),	1	xã Ô Diên	2024-2027	NQ 57/NQ-HĐND, ngày 04/12/2024	575.280			168.000	1	UBND xã Ô Diên	
37	Xây dựng tuyến đường từ đường Liên khu vực 2 đến đường vành đai 3,5	1	xã Ô Diên	2024-2027	NQ 42/NQ-HĐND, ngày 04/10/2024	627.110			186.000	1	UBND xã Ô Diên	
38	Đầu tư xây dựng đường TL429 (đoạn từ đê Đáy đến đường tránh Thượng Lâm), xã Phúc Sơn, thành phố Hà Nội.	1	xã Phúc Sơn	2026-2029	QĐ số 727/QĐ-UBND ngày 13/02/2026	316.784			95.000	1	UBND xã Phúc Sơn	
39	Đầu tư xây dựng tuyến đường LK46 đoạn từ đường Hoàng Sa đến đường Võ Văn Kiệt	1	Thiên Lộc	2027-2030	373/QĐ-UBND ngày 26/01/2026	2.306.704			470.100	1	UBND xã Thiên Lộc	
40	Đầu tư xây dựng tuyến đường LK45 đoạn từ đường Hoàng Sa đến đường TD7	1	Thiên Lộc	2027-2030	374/QĐ-UBND ngày 26/01/2026	1.260.604			321.300	1	UBND xã Thiên Lộc	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Quyết định dự án đầu tư được duyệt		KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
41	Đầu tư xây dựng tuyến đường trục chính đô thị đoạn từ Nút giao đầu cầu Thượng Cát đến tuyến đường nối TC02 với đường Võ Văn Kiệt	1	Thiên Lộc	2026-2029	374/QĐ-UBND ngày 26/01/2026	972.581			247.800	1	UBND xã Thiên Lộc	
42	Nâng cấp tuyến đường 429 (từ ngã ba giao cắt tỉnh lộ 429 với quốc lộ 1A cũ tại phố Tia, xã Tô Hiệu đến Km5+200, xã Nghiêm Xuyên, Thường Tín giáp với	1	xã Thượng Phúc	2023-2025	28/NQ-HĐND ngày 22/9/2023	266.478			60.000	1	UBND xã Thượng Phúc	
43	Dự án cải tạo, nâng cấp tuyến đường Du lịch chùa Trầm, phường Chương Mỹ, thành phố Hà Nội	1	Chương Mỹ	2026-2030	681/QĐ-UBND ngày 11/02/2026	163.027			48.000	1	UBND phường	
44	Dự án đầu tư xây dựng đường từ cầu Lê Thanh đến đê tả đáy Km 52 +850	1	Xã Văn Đình	2026-2029	683/QĐ-UBND ngày 11/02/2026	203.760			51.000		UBND xã Văn Đình	
45	Đầu tư xây dựng tuyến đường gom phía Đông đường Võ Văn Kiệt đoạn từ đường Hoàng Sa đến đường Vành đai 3, huyện Đông Anh	1	UBND xã Thiện Lộc	2026-2029	2897/QĐ-UBND ngày 11/6/2025	1.491.632			380.100	1	UBND xã Thiên Lộc	
46	Đầu tư xây dựng tuyến đường LK 46 đoạn từ đường Hoàng Sa đến đường TD7	1	UBND xã Thiện Lộc	2027-2030	Quyết định 374/QĐ-UBND	1.260.604			378.000		UBND xã Thiên Lộc	
47	Xây dựng tuyến đường nối từ khu đô thị Thành phố Giao Lưu qua ga Phú Diễn (L=2,1Km, B=40-60m)	1	Phú Diễn	2026-2030	QĐ số 679/QĐ-UBND ngày 11/02/2026	1.829.318			548.000	1	UBND phường Phú Diễn	
48	Dự án xây dựng cầu Suối II-II xã Quảng Oai	1	Xã Quảng Oai	2025-2026	QĐ 5621/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	75.698			19.200	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT TP	
49	Dự án đầu tư xây dựng cầu Lú trên địa bàn phường Định Công, thành phố Hà Nội	1	phường Định Công	2025-2026	CT: QĐ 5619/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	48.062			10.800	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT TP	
50	Dự án đầu tư xây dựng cầu Đông Yên trên địa bàn xã Phú Cát, thành phố Hà Nội	1	xã Phú Cát	2025-2026	CT: QĐ 5620/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	35.239			8.400	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT TP	
51	Dự án đầu tư xây dựng đường trục chính từ kênh Tân Phương đi Quốc lộ 21B xã Ứng Thiên, thành phố Hà	1	xã Ứng Thiên	2026-2030	684/QĐ-UBND ngày 11/02/2026	483.153			144.000		UBND xã Ứng Thiên	
52	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường theo quy hoạch từ đê hữu Đổng qua đường 181 tại vị trí chùa Linh Quy đến Kênh dài, huyện Gia Lâm	1	Thuận An	2023-2026	28/NQ-HĐND 22/9/2023	219.830			59.340	1	UBND xã Thuận An	
53	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường LK49 đoạn từ ga Đông Anh đến đường LK50, huyện Đông Anh	1	Uy Nỗ, Xuân Nộn, thị trấn	2026 – 2029	2899/QĐ-UBND ngày 11/6/2025	1.189.660			356.000	1	UBND xã Thư Lâm	
54	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường TD7 đoạn từ đường LK53 đến Quốc lộ 3 cũ	1	Xã Phúc Thịnh	2026-2029	2900/QĐ-UBND ngày 11/6/2025	1.487.000			446.070	1	UBND Xã Phúc Thịnh	
55	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường LK53 đoạn từ đường TD7 đến Quốc lộ 3	1	Xã Phúc Thịnh	2026-2029	2898/QĐ-UBND ngày 11/6/2025	1.483.199			444.000	1	UBND Xã Phúc Thịnh	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Quyết định dự án đầu tư được duyệt		KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
56	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường 23B đoạn từ ngã tư Biển Thề đến hết địa phận huyện Đông Anh	1	Xã Phúc Thịnh	2025-2028	14/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 Điều chỉnh: 2923/QĐ-UBND ngày 13/6/2025	530.526			159.000	1	UBND Xã Phúc Thịnh	
57	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Nam Hồng - Tiên Dương (LK47, đoạn từ đường Võ Nguyên Giáp đến đường Võ Văn Kiệt)	1	Xã Phúc Thịnh	2024-2027	14/NQ-HĐND ngày 04/07/2023	885.956			165.000	1	UBND Xã Phúc Thịnh	
58	Xây dựng tuyến đường từ Cụm công nghiệp vừa và nhỏ Nguyễn Khê đến thôn Phù Liễn, xã Bắc Hồng	1	Xã Phúc Thịnh	2024-2027	14/NQ-HĐND ngày 04/07/2023	662.391			198.000	1	UBND Xã Phúc Thịnh	
59	Đầu tư xây dựng các tuyến đường theo quy hoạch cấp khu vực cạnh trường phổ thông liên cấp xã Yên Viên, huyện Gia Lâm	1	Xã Phù Đồng	2024-2028	42/NQ-HĐND 04/10/2024	123.821			29.000	1	UBND xã Phù Đồng	
60	Cải tạo, nâng cấp đường 35 - Nam Sơn - Bắc Sơn (phía tây khu liên hiệp xử lý chất thải Sóc Sơn)	1	xã Trung Giã	2027-2029	33/NQ-HĐND ngày 26/6/2020	170.379			45.000	1	UBND xã Trung Giã	
61	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường LK53 đoạn từ bờ cầu Tây đến khu đầu giá tây đường Dân Dị	1	xã Đông Anh	2026-2029	CTĐT: 2914/QĐ-UBND ngày 12/06/2025	1.484.000			444.000	1	UBND xã Đông Anh	
62	Xây dựng tuyến đường từ cầu Lọc Hà đến Khu tái định cư Cổ Loa	1	xã Đông Anh	2023-2026	14/NQ-HĐND ngày 04/07/2023 của HĐND TP Hà Nội	959.630			287.000	1	UBND xã Đông Anh	
63	Đầu tư xây dựng tuyến đường dọc sông Thiệp đoạn từ đường trục TC21 kết nối với đường Quốc Lộ 3 cũ, huyện Đông Anh	1	xã Đông Anh	2026-2029	42/NQ-HĐND ngày 04/10/2024	575.050			171.900	1	UBND xã Đông Anh	
64	Cải tạo, nâng cấp đường Bắc Sơn - Minh Trí (giai đoạn 2)	1	xã Trung Giã	2027-2029	07/NQ-HĐND ngày 26/6/2019	204.702			54.000	1	UBND xã Trung Giã	
65	Xây dựng tuyến đường khớp nối hạ tầng kỹ thuật từ đường Tô Hữu ra đường Nguyễn Trãi (đoạn qua dự án khu Cổ Ngựa - Khu đô thị Mỗ Lao), quận Nam Từ Liêm	1	Đại Mỗ	2022-2026	Nghị quyết số 04/NQ-HĐND 09/4/2019	321.105			96.150	1	UBND phường Đại Mỗ	
66	Xây dựng đường nối QL32 đi trục Tây Thăng Long (Xây dựng đường nối từ đường đi Cầu Vân Phúc tại cầu K9 (kênh Phù Sa) đi trục Tây Thăng Long	1	Xã Phúc Thọ	2022-2025	17/NQ-HĐND ngày 19/7/2021	622.830			168.000	1	UBND xã Phúc Thọ	
67	Xây dựng tuyến đường 30m theo quy hoạch từ đê Ngọc Thụy đến đường quy hoạch 40m Ngọc Thụy, quận Long Biên.	1	P Bồ Đề	2026-2030	NQ 131 02/07/2020	264.943			71.500		UBND P Bồ Đề	
68	Xây dựng tuyến đường 25m theo QH từ trường phổ thông song ngữ liên cấp Wellspring đến hành lang	1	P Bồ Đề	2027-2030	NQ 131 02/07/2020	233.137			63.000		UBND P Bồ Đề	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Quyết định dự án đầu tư được duyệt		KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
69	Cải tạo, nâng cấp đường 419 - giai đoạn 2 trên địa bàn huyện Chương Mỹ (đoạn tiếp giáp xã Tân Hoà huyện Quốc Oai đến thị trấn Chúc Sơn)	1	Chương Mỹ	2026-2030	30/NQ-HĐND ngày 08/12/2021	409.202			120.000		UBND phường Chương Mỹ	
70	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường LK51 đoạn từ Quốc lộ 3 (mới) đến đường Uy Nỗ	1	Vân Hà, Liên Hà, Việt Hùng, Xuân Nộn, Uy Nỗ	2024-2027	14/NQ-HĐND ngày 04/07/2023	1.168.358			35.000	1	UBND xã Thụ Lâm	
71	Xây dựng tuyến đường từ đường sắt Hà Nội - Lào Cai đến Khu công nghiệp Đồng Anh	1	Việt Hùng, Xuân Nộn	2023-2026	14/NQ-HĐND ngày 04/07/2023 c	600.910			179.000	1	UBND xã Thụ Lâm	
72	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường LK50, đoạn từ Quốc Lộ 3 (cũ) đến đường Thụ Lâm	1	Nguyễn Khê, Xuân Nộn, Thụ Lâm	2024-2027	14/NQ-HĐND ngày 04/07/2023	1.303.731			390.000	1	UBND xã Thụ Lâm	
73	Xây dựng tuyến đường 179 theo quy hoạch từ đê Phù Đồng đến hết địa phận huyện Gia Lâm	1	Xã Phù Đồng	2022-2025	14/NQ-HĐND 06/07/2022	179.479			43.000	1	UBND xã Phù Đồng	
74	Xây dựng tuyến đường gom chạy dọc đường Quốc lộ 3 mới từ địa phận huyện Đông Anh đến giao tuyến đường QH B=20,5m, huyện Gia Lâm	1	Xã Phù Đồng	2022-2025	14/NQ-HĐND 06/07/2022	134.992			33.000	1	UBND xã Phù Đồng	
75	Đầu tư xây dựng mở rộng tuyến đường Tựu Liệt, huyện Thanh Trì	1	Phường Hoàng Liệt	2023-2026	14/NQ-HĐND ngày 04/07/2023	213.245			64.000	1	UBND phường Hoàng Liệt	
76	Xây dựng tuyến đường từ sông Gạo đến đê Sông Hồng	1	Vĩnh Hưng		6023/QĐ-UBND ngày 16/11/2009	1.570.912			56.000	1	UBND phường Vĩnh Hưng	
77	Cải tạo, nâng cấp quốc lộ 3, đoạn từ cầu Lộc Hà đến dốc Vân, huyện Đông Anh	1	xã Đông Anh	2022-2027	14/NQ-HĐND ngày 06/7/2022	392.092			117.300	1	UBND xã Đông Anh	
78	Nâng cấp đường tỉnh 428B (từ ngã ba Hoàng Nguyên đến cầu Lương, xã Minh Tân), huyện Phú Xuyên	1	xã Đại Xuyên	2021-2025	23/NQ-HĐND 23/9/2021	402.300			120.690	1	UBND xã Đại Xuyên	
79	Đầu tư xây dựng cầu An Phúc	1	xã Đại Xuyên	2021-2023	NQ 65/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	60.235			18.000	1	UBND xã Đại Xuyên	
80	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường 40m theo quy hoạch từ Đình Xuyên đến đường gom quốc lộ 1B, huyện Gia Lâm	1	Xã Phù Đồng	2023-2027	28/NQ-HĐND 22/9/2023	506.686			121.000	1	UBND xã Phù Đồng	
81	Xây dựng tuyến đường từ đường 179, huyện Gia Lâm đến khu công nghiệp Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	1	Xã Gia Lâm	2022-2025	14/NQ-HĐND 06/7/2022	61.139			16.500	1	UBND xã Gia Lâm	
82	Cải tạo, mở rộng đường Nguyễn Đồng Chi và đường từ khu Liên Cơ qua đường Nguyễn Đồng Chi đến khu đô thị Thành phố Xanh, quận Nam Từ Liêm	1	Từ Liêm	2019-2022	CTr: 04/NQ-HĐND 09/4/2019	283.905			85.000	1	UBND Phường Từ Liêm	
83	Đường trung tâm xã Vĩnh Quỳnh	1	Đại Thanh	2024-2026	1946/QĐ-UBND ngày 08/6/2022	114.250			34.275	1	UBND xã Đại Thanh	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Quyết định dự án đầu tư được duyệt		KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
III	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế - Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật, cấp, thoát nước	14		12.156		3.416.259		6.258.160	6.149.542	4		
a	Dự án đã phê duyệt dự án	11		12.156				6.258.160	5.157.542	1		
1	Xây dựng, hoàn thiện hệ thống thu gom nước thải xung quanh khu vực Hồ Tây trên địa bàn quận Tây Hồ	1	Tây Hồ	2025-2027			2526/QĐ-UBND ngày 07/11/2025	99.149	55.000	1	UBND phường Tây Hồ	
2	Cải tạo tuyến hạ lưu Kim Ngưu nối sông Tô Lịch với Trạm bơm Yên Sở	1		2026			6516/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	680.915	500.000		Ban QLDA ĐTXD công trình HTKT&NN	
3	Đầu tư xây dựng hồ điều hòa Thụy Phương 2, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội	1		2026			362/QĐ-UBND ngày 26/01/2026	717.000	480.000		Ban QLDA ĐTXD công trình HTKT&NN	
4	Đầu tư xây dựng hồ điều hòa Yên Nghĩa 1, xã An Khánh, thành phố Hà Nội	1		2026			361/QĐ-UBND ngày 26/01/2026	854.445	813.000		Ban QLDA ĐTXD công trình HTKT&NN	
5	Đầu tư xây dựng hồ điều hòa Mễ Trì (Hồ Đồng Bông 2), phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội	1		2026			352/QĐ-UBND ngày 26/01/2026	601.765	570.000		Ban QLDA ĐTXD công trình HTKT&NN	
6	Đầu tư xây dựng hồ điều hòa Phú Đô	1		2026			331/QĐ-UBND ngày 23/01/2026	1.166.734	900.000		Ban QLDA ĐTXD công trình HTKT&NN	
7	Đầu tư xây dựng hồ điều hòa Yên Nghĩa 2, xã An Khánh, thành phố Hà Nội	1		2026			363/QĐ-UBND ngày 26/01/2026	199.329	170.000		Ban QLDA ĐTXD công trình HTKT&NN	
8	Cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới một số hạng mục công trình tiêu thoát nước để xử lý ứng ngập tại khu đô thị Resco, Ecohome, Tây Hồ Tây, Đoàn ngoại giao, Ciputra, khu vực Võ Chí Công, Long Biên, Đông Anh, Gia Lâm	1		Quý II/2026			441/QĐ-UBND ngày 28/01/2026	358.291	341.000		Trung tâm QLHTKT Thành phố	
9	Cải tạo tuyến kênh Thụy Phương xử lý khẩn cấp bổ cấp nước sông Tô Lịch và tăng cường giải quyết ứng ngập cục bộ khu vực Resco, Ecohome, Đoàn ngoại giao, Tây Hồ Tây, Ciputra và lân cận	1		Quý III/2026			619/QĐ-UBND ngày 09/02/2026	920.562	700.000		Ban QLDA ĐTXD công trình HTKT&NN	
10	Cải tạo, nâng công suất một số trạm bơm hiện có, kết hợp lắp đặt một số trạm bơm dã chiến và cải tạo, xây dựng mới một số tuyến cống, rãnh thoát nước để giải quyết ứng ngập khu vực dọc Đại lộ Thăng Long	1		Quý II/2026			621/QĐ-UBND ngày 09/02/2026	213.841	203.658		Trung tâm QLHTKT Thành phố	
11	Xây dựng, lắp đặt bổ sung một số trạm bơm hồ, bể điều tiết, hệ thống đường ống thoát nước lưu vực Tô Lịch, Tả Nhuệ	1		Quý II/2026			620/QĐ-UBND ngày 09/02/2026	446.128	424.884		Trung tâm QLHTKT Thành phố	
b	Dự án phê CTĐT chưa phê dự án	3				3.416.259			992.000	3		

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Quyết định dự án đầu tư được duyệt		KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	Xây dựng trạm bơm Cự Khối và tuyến mương xả ngoài đô thị Hồng, quận Long Biên	1	Phường Long Biên	2022-2027	03/NQ-HĐND 08/4/2022	974.700			380.000	1	UBND phường Long Biên	
2	Dự án Đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước quận Hà Đông thuộc lưu vực Hữu Nhuệ	1	Các phường: Dương Nội, Kiến Hưng, Phú Lương, Tây Mỗ và xã An Khánh,	2025-2027	28/NQ-HĐND ngày 22/9/2023	1.438.151			387.000	1	Ban QLDA ĐTXD CT HTKT&NN	
3	Đầu tư xây dựng trạm bơm Gia Thượng, hồ điều hoà và tuyến mương Thượng Thanh, quận Long Biên	1	Việt Hưng	2026-2029	NQ 10 29/3/2024	1.003.408			225.000	1	UBND phường Việt Hưng	
IV	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế - Lĩnh vực công trình công cộng tại các đô thị	2				329.662		1.251.221	914.000	2		
a	Dự án đã phê duyệt dự án	1						1.251.221	750.000	1		
1	Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật và một số hạng mục công trình phục vụ công cộng, thuộc khu công viên văn hóa - vui chơi, giải trí, thể thao quận Hà	1	Phường Kiến Hưng	2025-2030			5559/QĐ-UBND ngày 12/11/2025	1.251.221	750.000	1	Ban QLDA ĐTXD CT HTKT&NN	
b	Dự án phê CTĐT chưa phê dự án	1				329.662			164.000	1		
1	Cải tạo, nâng cấp công viên Thủ Lệ	1	P Ba Đình	2023-2026	Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 (CTĐT)	329.662			164.000	1	Ban QLDA ĐTXDCT Dân dụng	
V	Lĩnh vực hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể (bao gồm trụ sở)	1				190.652			95.000	1		
b	Dự án phê CTĐT chưa phê dự án	1				190.652			95.000	1		
1	Cải tạo, nâng cấp Trụ sở UBND thành phố Hà Nội	1	P Hoàn Kiếm	2026-2028	17/NQ-HĐND ngày 15/5/2024 (CTĐT)	190.652			95.000	1	Ban QLDA ĐTXDCT Dân dụng	
VI	Lĩnh vực khác - Lĩnh vực HTKT tái định cư	19				3.646.822		1.523.112	2.505.800	18		
a	Dự án đã phê duyệt dự án	5						1.523.112	941.600	5		
1	Xây dựng nhà ở chung cư cao tầng phục vụ GPMB - N02 tại ô đất D17 khu đô thị mới Cầu Giấy	1	Cầu Giấy	2029-2012			5948/QĐ-UBND 13/11/2009	170.107	102.000	1	UBND phường Cầu Giấy	
2	Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư, giải phóng mặt bằng của dự án đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối sân bay Gia Bình về Thủ đô Hà Nội (đoạn trên địa bàn thành phố Hà Nội) - DA TP2: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thuộc địa phận huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội	1	xã Đông Anh	2025-2026			PDDA: 5219/QĐ-UBND ngày 20/10/2025	1.198.674	719.000	1	UBND xã Đông Anh	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Quyết định dự án đầu tư được duyệt		KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
3	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư tại thôn Đồng Nhân, xã Hải Bối, huyện Đông Anh phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án xây dựng, nâng cấp trạm bơm Phương Trạch, huyện Đông Anh	1	Xã Vĩnh Thanh	2026-2028			5924/QĐ-UBND ngày 31/12/2025	12.124	7.300	1	UBND xã Vĩnh Thanh	
4	Xây dựng hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư X2 thôn Đồng Nhân, xã Hải Bối, huyện Đông Anh	1	Xã Vĩnh Thanh	2026-2028			5923/QĐ-UBND ngày 31/12/2025	14.142	4.300	1	UBND xã Vĩnh Thanh	
5	Xây dựng HTKT khu tái định cư tại thôn Mạnh Trữ, xã Chu Phan, huyện Mê Linh (phục vụ GPMB dự án: Xây dựng tuyến đường nối từ đường 23B đi Cảng Chu Phan, huyện Mê Linh (B-22,5m) và Dự án: Xây dựng đường hành lang chân đê tả sông Hồng đoạn thuộc địa phận huyện Mê Linh)	1	Thôn Mạnh Trữ, xã Yên Lãng	2026-2030			Quyết định số 1926/QĐ-UBND ngày 31/10/2025	128.065	109.000	1	UBND xã Yên Lãng	
b	Dự án phê CTĐT chưa phê dự án	15				3.651.550			1.568.900	14		
1	Hoàn thiện HTKT ô đất 5B1 Khu tái định cư phục vụ công tác đền bù, giải phóng mặt bằng Cầu Nhật Tân, Đường 5 kéo dài và các dự án phát triển đô thị	1	xã Đông Anh	2025-2026	5553/QĐ-UBND ngày 11/11/2025	25.050			12.500	1	UBND xã Đông Anh	
2	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng và Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối sân bay Gia Bình với Thủ đô Hà Nội và các dự án đầu tư trên địa bàn xã Phú Đồng	1	Xã Phú Đồng	2025-2027	5310/QĐ-UBND 24/10/2025	793.489			396.000	1	UBND xã Phú Đồng	
3	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng đường gom phía Đông đường cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ đoạn qua địa phận huyện Thường Tín và huyện Phú Xuyên và Dự án đường trục phát triển kinh tế Phú Minh -	1	Phú Xuyên	2026-2029	2581/QĐ-UBND ngày 23/5/2025	116.817			58.000	1	UBND xã Phú Xuyên	
4	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư tại thôn Dược Hạ, xã Tiên Dược phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án Mở rộng Quốc lộ 3 và một số nhiệm vụ chỉ cấp Thành phố	1	Xã Sóc Sơn		5241/QĐ-UBND	253.050			126.000		UBND xã Sóc Sơn	
5	Dự án: Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu Tái định cư phục vụ công tác GPMB các dự án: Nâng cấp tuyến tỉnh lộ 428 (từ QL1A đi Minh Tân, Quang Lãng); xây dựng đường gom phía Đông đường cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ đoạn qua huyện Phú Xuyên; đường giao thông	1	xã Đại Xuyên	2026-2029	Số 41/NQ-HĐND ngày 08/12/2023; QĐ 152/QĐ-UBND ngày 12/01/2026	178.969			89.000	1	UBND xã Đại Xuyên	
6	Đầu tư xây dựng HTKT khu tái định cư phục vụ GPMB dự án đầu tư xây dựng tuyến đường cao tốc Đại lộ Thăng Long, đoạn nối từ QL21 đến cao tốc Hà Nội - Hòa Bình	1	xã Yên Xuân		2674/QĐ-UBND ngày 27/5/2025	590.210			295.000	1	UBND xã Yên Xuân	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Quyết định dự án đầu tư được duyệt		KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
7	Xây dựng HTKT tại định cư phục vụ GPMB Dự án cải tạo, nâng cấp tuyến Quốc lộ 32, đoạn Sơn Tây đến cầu Trung Hà và Dự án xây dựng đường tỉnh lộ 412B từ đường dẫn cầu Văn Lang đến QL32 - nghĩa trang Văn Xá, xã Hà Nội, huyện Hà Nội	1	xã Quảng Oai, xã Bất Bạt, xã Vật Lại	2026 - 2028	29/NQ-HĐND ngày 04/7/2024 của HĐND Thành phố Hà Nội	133.299			66.000	1	UBND xã Quảng Oai	
8	Xây dựng 05 hạ tầng khu tái định cư phục vụ GPMB Dự án mở rộng đường quốc lộ 1A đoạn từ Km189-Km193+300 theo quy hoạch	1	Thường Tín, Hồng Vân, Thượng Phúc	2024-2026	41/NQ-HĐND 08/12/2023	431.079			215.000	1	UBND xã Thường Tín	
9	Xây dựng HTKT khu tái định cư tại thôn Văn Quan, xã Văn Khê, huyện Mê Linh (phục vụ GPMB dự án: Xây dựng tuyến đường Tiên Phong - Tự Lập, huyện Mê Linh (Giai đoạn 1) B= 48m và Dự án: Xây dựng trạm bơm Văn Khê và hệ thống kênh tiêu ra sông Hồng - sông Đáy, huyện Mê Linh)	1	xã Mê Linh	2024 -2027	10/NQ-HĐND ngày 29/3/2024	94.883			25.200	1	UBND xã Mê Linh	
10	Đầu tư xây dựng HTKT khu tái định cư phục vụ GPMB dự án: Nâng cấp tuyến vận tải thủy sông Đuống (Cầu đường sắt Đuống) và các dự án đầu tư khu vực Bắc sông Đuống trên địa bàn huyện Gia Lâm	1	Xã Phù Đồng	2024-2028	42/NQ-HĐND 04/10/2024	218.567			52.000	1	UBND xã Phù Đồng	
11	Xây dựng khu Tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng tuyến đường Tây Thăng long và các dự án đầu tư thuộc nhiệm vụ của UBND thành phố Hà Nội	1	xã Ô Diễn	2025-2027	2830/QĐ-UBND ngày 06/6/2025	221.135			63.000	1	UBND xã Ô Diễn	
12	Dự án: Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư tại ven đường truyền thống, thôn An Khoái, xã	1	xã Đại Xuyên	2026-2029	Số 41/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	213.092			63.000	1	UBND xã Đại Xuyên	
13	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư tại thị trấn Quốc Oai, huyện Quốc Oai	1	Quốc Oai	2024-2026	41/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	228.699			63.000	1	UBND xã Quốc Oai	
14	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư tại xã Cộng Hoà, huyện Quốc Oai	1	Hưng Đạo	2024-2027	41/NQ-HĐND 08/12/2023	148.483			40.500	1	UBND xã Hưng Đạo	
15	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng khu tái định cư phục vụ công tác giải phóng mặt bằng dự án mở rộng, cải tạo xây dựng Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân I	1	Xã Xuân Mai	2026-2027	1175/QĐ-UBND 17/3/2026	4.728			4.700	1	UBND xã Xuân Mai	

Phụ lục 7.2

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2026-2030 CÁC DỰ ÁN MỚI CẤP THÀNH PHỐ SỬ DỤNG 100% NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ ĐỦ ĐIỀU KIỆN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN THEO QUY ĐỊNH

(Kèm theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 28 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố)

KHOÍ KINH TẾ NGÀNH

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Số DA	Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Chủ trương đầu tư		Quyết định dự án đầu tư được duyệt		KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	CTHT giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	TỔNG SỐ	15				6.692.794		1.075.162	3.118.500	15		
I	Lĩnh vực thủy lợi	13				6.442.794		937.108	2.797.500	13		
a	Dự án đã phê duyệt dự án	4						937.108	791.500	4		
1	Kiên cố hóa tuyến thoát lũ hạ du xả tràn hồ chứa nước Xuân Khanh, thị xã Sơn Tây	1	Phường Tùng Thiện	2024-2027			637/QĐ-UBND ngày 11/11/2025	130.000	110.500	1	UBND phường Tùng Thiện	
2	Cải tạo, sửa chữa hồ chứa nước Suối Hai, huyện Ba Vì	1	Ba Vì	2026-2028			5635/QĐ-UBND ngày 14/11/2025	157.108	133.000	1	Ban QLDA ĐTXD Hạ tầng kỹ thuật và nông nghiệp Thành Phố	
3	Cải tạo, nâng cấp tuyến kênh tiêu Cổ Đô - Vạn Thắng kết hợp làm đường giao thông dân sinh huyện Ba Vì	1	Xã Cổ Đô	2024-2027			1591/QĐ-UBND ngày 06/11/2025	450.000	380.000	1	UBND xã Cổ Đô	
4	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Sơn Đà và kiên cố hóa hệ thống kênh kết hợp làm đường giao thông, huyện Ba Vì	1	Bát Bạt	2024-2027			1352/QĐ-UBND ngày 29/12/2025	200.000	168.000	1	UBND xã Bát Bạt	
b	Dự án phê CTDT chưa phê dự án	9				6.442.794			2.006.000	9		
1	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Đào Nguyên, huyện Hoài Đức	1	Xã An Khánh	2026-2030	237/QĐ-UBND ngày 15/01/2026	1.282.332			400.000	1	UBND xã An Khánh	
2	Xây dựng hệ thống trạm bơm tiêu Yên Thái, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội	1	Xã Sơn Đồng	2026-2030	6465/QĐ-UBND ngày 26/12/2025	2.302.493			400.000	1	UBND xã Sơn Đồng	

STT	Danh mục dự án	Số DA	Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Chủ trương đầu tư		Quyết định dự án đầu tư được duyệt		KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	CTHT giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
3	Khôi phục dòng chảy tạo cảnh quan môi trường từ sông Hồng qua miếu Hàm Rồng, đền Văn Hiến, khơi thông dòng sông trên địa bàn xã Ô Diên chảy ra sông Nhuệ	1	Xã Ô Diên	2026-2029	6130/QĐ-UBND ngày 10/12/2025	1.882.063			400.000	1	UBND xã Ô Diên	
4	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm tưới Tân Độ, hệ thống kênh tưới chính xã Xuy Xá, huyện Mỹ Đức	1	Mỹ Đức	2026-2029	833/QĐ-UBND ngày 20/02/2025	93.964			75.000	1	UBND xã Hồng Sơn	
5	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm tưới Áng Thượng, xã Lê Thanh, huyện Mỹ Đức	1	Mỹ Đức	2026-2028	739/QĐ-UBND ngày 17/02/2025	69.489			55.000	1	UBND xã Hồng Sơn	
6	Cải tạo, hồ chứa nước Văn Sơn, huyện Chương Mỹ	1	Chương Mỹ	2026-2028	42/NQ-HĐND ngày 04/10/2024	155.363			130.000	1	Ban QLDA ĐTXD Hạ tầng kỹ thuật và nông nghiệp Thành Phố	
7	Cải tạo, nâng cấp tuyến kênh tiêu T6 kết hợp làm đường giao thông toàn tuyến (từ trạm bơm Đào Nguyên đến sông Đáy), huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội	1	Xã An Khánh	2023-2026	22/NQ-HĐND ngày 12/9/2022	129.000			105.000	1	UBND xã An Khánh	
8	Cải tạo, nâng cấp và phát huy hiệu quả sông Hang, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội	1	Phường Tùng Thiện	2023-2025	03/NQ-HĐND ngày 08/4/2022	420.000			355.000	1	UBND xã Đoài Phương	
9	Cải tạo, nâng cấp kênh Thiên Đức, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội	1	Xã Phù Đổng	2022-2025	03/NQ-HĐND ngày 08/4/2022	108.090			86.000	1	UBND xã Phù Đổng	
II	Lĩnh vực nông nghiệp	2				250.000		138.054	321.000	2		
a	Dự án đã phê duyệt dự án	1						138.054	111.000	1		
1	Xây dựng mở rộng Trung tâm cứu hộ động vật hoang dã, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội	1		2022-2025			586/QĐ-UBND ngày 06/02/2026	138.054	111.000	1	Ban QLDA ĐTXD Hạ tầng kỹ thuật và nông nghiệp Thành Phố	
b	Dự án phê CTĐT chưa phê dự án	1				250.000			210.000	1		

STT	Danh mục dự án	Số DA	Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Chủ trương đầu tư		Quyết định dự án đầu tư được duyệt		KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	CTHT giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	Đầu tư phát triển hạ tầng lâm nghiệp phục vụ công tác phòng cháy chữa cháy rừng đặc dụng và rừng phòng hộ trên địa bàn thành phố Hà Nội	1		2023-2027	41/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	250.000			210.000	1	Ban QLDA ĐTXD Hạ tầng kỹ thuật và nông nghiệp Thành Phố	



PHỤ LỤC 7.3

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2026-2030 CÁC DỰ ÁN MỚI CẤP THÀNH PHỐ SỬ DỤNG 100% NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ ĐỦ ĐIỀU KIỆN BỎ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN THEO QUY ĐỊNH

(Kèm theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 28 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố)

KHỐI KHOA GIÁO VĂN XÃ

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Quyết định dự án đầu tư được duyệt		KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	CTHT giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	TỔNG CỘNG	32				9.759.320		3.735.625	10.111.300	32		
1	Lĩnh vực y tế, dân số và gia đình	9				3.940.995		1.485.659	4.709.000	9		
a	Dự án đã phê duyệt dự án	4						1.485.659	1.121.500	4		
1	Cải tạo, nâng cấp bệnh viện đa khoa huyện Quốc Oai	1	Quốc Oai	2024-2026			591/QĐ-UBND ngày 11/02/2026	186.654	158.000	1	UBND xã Quốc Oai	
2	Nâng cấp cải tạo khối nhà hiện trạng và HTKT Bệnh viện đa khoa huyện Ba Vì	1	Xã Vật Lại	2026 -2027			01/QĐ-UBND ngày 14/01/2026	130.440	103.500	1	UBND xã Vật Lại	
3	Đầu tư nâng cấp, mở rộng Bệnh viện đa khoa huyện Hoài Đức	1	Hoài Đức	2024-2026			6319/QĐ-UBND ngày 18/12/2025	799.910	680.000	1	UBND xã Hoài Đức	
4	Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Thanh Trì	1	xã Thanh Trì	2024-2026			1606/QĐ-UBND ngày 19/3/2025	368.655	180.000	1	UBND xã Thanh Trì	
b	Dự án phê CTĐT chưa phê dự án	5				3.940.995			3.587.500	5		
1	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm bảo vệ chăm sóc sức khỏe Thành phố thuộc bệnh viện đa khoa Xanh Pôn	1	Ba Đình	2025-2027	2253/QĐ-UBND ngày 29/4/2025	385.265			310.000	1	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng Thành phố	
2	Đầu tư, nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Chương Mỹ	1	Chương Mỹ	2024-2026	14/NQ-HĐND ngày 4/7/2023	416.376			353.000	1	UBND phường Chương Mỹ	

12

STT	Tên dự án	Số ĐA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Quyết định dự án đầu tư được duyet		KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	CTHT giai đoạn 2026- 2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
3	Dự án cải tạo, nâng cấp bệnh viện Bắc Thăng Long	1	X. Thư Lâm	2024-2027	NQ 29/NQ-HĐND ngày 4/7/2024	783.028			665.000	1	UBND xã Thư Lâm	
4	Dầu tư nâng cấp, mở rộng Bệnh viện đa khoa huyện Gia Lâm	1	Gia Lâm	2024-2027	NQ số 14/NQ- HĐND ngày 04/7/2023	644.826			548.000	1	UBND huyện Gia Lâm	
5	Dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư độc lập phục vụ triển khai dự án Khu phức hợp y tế - Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi - Đại học Y Hà Nội tại phường Hoàng Mai, thành phố Hà Nội	1	Hoàng Mai	2026	1173/QĐ-UBND 17/3/2026	1.711.500			1.711.500	1	UBND phường Hoàng Mai	
II	Lĩnh vực Văn hóa (đi tích)	7				1.780.176			1.323.300	7		
b	Dự án phê CTĐT chưa phê dự án	7				1.780.176			1.323.300	7		
1	Khu trưng bày Hoàng cung Thăng Long	1	Phường Ba Đình	2022-2025	14//NQ-HĐND 04/7/2023	136.269			100.000	1	Trung tâm Bảo tồn di sản Thăng Long - Hà Nội	
2	Bảo tồn khu vực Khảo cổ học 18 Hoàng Diệu	1	Phường Ba Đình	2022-2025	14/NQ-HĐND 06/7/2022	792.742			650.000	1	Trung tâm Bảo tồn di sản Thăng Long - Hà Nội	
3	Dự án Chính trang mặt bằng do Bộ Quốc phòng và hai hộ gia đình lão thành cách mạng bàn giao - GDII	1	Phường Ba Đình	2024-2027	17/NQ-HĐND 15/5/2024	117.897			100.000	1	Trung tâm Bảo tồn di sản Thăng Long - Hà Nội	
4	Thành phần 2: Hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật và cảnh quan khu vực xung quanh đền thờ Đức vua Ngô Quyền (Dự án Xây dựng đền thờ Đức vua Ngô Quyền tại di tích Thánh Cổ Loa, huyện Đông Anh)	1	Xã Đông Anh	2022-2025	14//NQ-HĐND 06/7/2022	169.196			150.000	1	UBND xã Đông Anh	
5	Xây dựng công viên di sản kết hợp quảng trường và công trình công cộng tại khu di tích Thánh Cổ Loa	1	Xã Đông Anh	2022-2025	10/NQ-HĐND ngày 29/3/2024	256.998			150.000	1	UBND xã Đông Anh	
6	Tu bổ, tôn tạo và xây dựng hoàn thiện các hạng mục còn lại khu di tích Quốc gia đặc biệt Đền Hai Bà Trưng, huyện Mê Linh	1	Xã Mê Linh	2025-2028	57/NQ-HĐND ngày 10/12/2024	288.000			150.000	1	UBND xã Mê Linh	
7	GPMB theo khoanh vùng bảo vệ I di tích Đền Kim Liên, Phường Kim Liên, quận Đống Đa	1	Phường Ô Chợ Dừa	2025-2027	2257/QĐ-UBND ngày 29/4/2025	19.074			23.300	1	UBND Phường Ô Chợ Dừa	
	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo	16				4.038.149		2.249.966	4.079.000	16		
a	Dự án đã phê duyệt dự án	8				-		2.249.966	1.904.000	8		

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Quyết định dự án đầu tư được duyệt		KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	CTHT giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	Trường phổ thông nhiều cấp học, tiên tiến hiện đại, chất lượng cao tại huyện Thạch Thất	1	Thạch Thất	2024-2027	10/NQ-HĐND 29/3/2024		253/QĐ-UBND ngày 27/01/2026	692.115	588.000	1	UBND xã Thạch Thất	
2	Xây dựng mới Trường THPT Quang Minh, huyện Mê Linh (nay là xã Quang Minh)	1	Xã Quang Minh	2024-2026	2566/QĐ-UBND ngày 19/05/2025		1016/QĐ-UBND ngày 23/3/2026	283.821	240.000	1	UBND xã Quang Minh	
3	Cải tạo, xây dự Trường THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình (đạt chuẩn quốc gia mức độ 2)	1	Phường Giảng Võ	2024-2027	25/NQ-HĐND ngày 15/12/2023;		1003/QĐ-UBND ngày 18/12/2025	355.265	300.000	1	UBND phường Giảng Võ	
4	Đầu tư nghề trọng điểm cấp độ quốc tế tại Trường Cao đẳng nghề Việt Nam - Hàn Quốc thành phố Hà Nội	1	Phường Giảng Võ	2026-2027	10/NQ-HĐND 29/3/2024		598/QĐ-UBND ngày 07/02/2026	95.000	80.000	1	Trường Cao đẳng nghề Việt Nam - Hàn Quốc	
5	Xây dựng bổ sung phòng học và phụ trợ trường THPT Phòng Khắc Khơan	1	xã Tây Phương	2024-2026	2818/QĐ-UBND ngày 24/10/2025		4646/QĐ-UBND ngày 26/12/2025	33.372	28.000	1	UBND xã Tây Phương	
6	GPMB và đầu tư xây dựng Trường THPT Kim Liên	1	Phường Đồng Đa	2025-2026	635/QĐ-UBND 27/2/2025		197/QĐ-UBND 12/02/2026	374.456	318.000	1	UBND phường Đồng Đa	
7	Cải tạo, xây mới bổ sung phòng học, phòng bộ môn, khối phụ trợ trường THPT Phạm Hồng Thái	1	Phường Giảng Võ	2024-2027			1004/QĐ-UBND ngày 18/12/2025	346.477	294.000	1	UBND phường Giảng Võ	
8	Xây dựng cơ sở 4 Trường Trung cấp nghề Nấu ăn – Nghiệp vụ du lịch và Thời trang Hà Nội (giai đoạn 1) tại thị xã Sơn Tây, Hà Nội	1	Sơn Tây	2023-2025			2046/QĐ-UBND ngày 15/4/2025	69.460	56.000	1		
6	Dự án phê CTDT chưa phê dự án	8				4.038.149			2.175.000	8		
1	Trường phổ thông nhiều cấp học, tiên tiến hiện đại, chất lượng cao tại huyện Đông Anh	1	Đông Anh	2024-2027	29/NQ-HĐND 04/7/2024	750.846			350.000	1	UBND xã Đông Anh	
2	Trường phổ thông nhiều cấp học, tiên tiến hiện đại, chất lượng cao tại huyện Thanh Trì	1	X. Đại Thanh	2024-2027	29/NQ-HĐND 04/7/2024	715.041			350.000	1	UBND xã Đại Áng	
3	Trường phổ thông nhiều cấp học, tiên tiến hiện đại, chất lượng cao tại huyện Gia Lâm	1	X. Phú Đồng	2024-2027	17/NQ-HĐND 15/5/2024	692.729			350.000	1	UBND xã Phú Đồng	
4	Trường phổ thông nhiều cấp học, tiên tiến hiện đại, chất lượng cao tại huyện Đan Phượng	1	X. Ô Diên	2024-2027	42/NQ-HĐND ngày 04/10/2024	667.538			350.000	1	UBND phường Ô Diên	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Quyết định dự án đầu tư được duyệt		KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	CTHT giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
5	Trường phổ thông nhiều cấp học, tiên tiến hiện đại, chất lượng cao tại huyện Sóc Sơn	1	X. Sóc Sơn	2024-2028	42/NQ-HĐND ngày 04/10/2024	644.000			350.000	1	UBND xã Sóc Sơn	
6	Cải tạo, nâng cấp trường Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông Khương Hạ	1	P Khương Đình	2024-2027	Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 04/10/2024	148.690			125.000	1	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng Thành phố	
7	Xây dựng trường THPT tại ô đất ký hiệu K6-1/THPT1, phường Dịch Vọng Hậu	1	Cầu Giấy	2026-2029	22/NQ-HĐND 18/12/2024	127.005			100.000	1	UBND phường Cầu Giấy	
8	Xây dựng trường THPT tại ô quy hoạch IV.7.3	1	Thiên Lộc	2025-2029	9995/QĐ-UBND ngày 11/6/2025	292.300			200.000	1	UBND xã Thiên Lộc	

12

PHỤ LỤC 7.4

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2026-2030 CÁC DỰ ÁN MỚI ĐỦ ĐIỀU KIỆN
NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ HỖ TRỢ
LĨNH VỰC TÒA ÁN, KIỂM SÁT

(Kèm theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 28 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 5 năm 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	TỔNG CỘNG	2				61.882			1.693.000	2		
A	LĨNH VỰC TÒA ÁN	1				61.882			446.000	1		
I	Dự án đã phê duyệt chủ trương đầu tư, chưa phê duyệt dự án	1				61.882			31.000	1		
I	Xây dựng trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng (nay là TAND khu vực 8-Hà Nội)	1	xã Ô Diên	2026-2028	150/QĐ-TANDTC-KHTC ngày 05/5/2023	61.882			31.000	1	Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội	
II	Dự nguồn ngân sách Thành phố hỗ trợ								415.000			
B	LĨNH VỰC KIỂM SÁT	1						1.598.899	1.247.000	1		
I	Dự án đã phê duyệt dự án	1						1.598.899	800.000	1		
I	Xây dựng Trường Đại học Kiểm sát – Cơ sở chính tại Hà Nội	1	phường Chương Mỹ	2025-2029			86/QĐ-VP ngày 30/12/2025	1.598.899	800.000	1	Văn phòng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao	
II	Dự nguồn ngân sách Thành phố hỗ trợ								447.000			



Phụ lục 8.2

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2026-2030 NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ HỒ TRỢ MỤC TIÊU ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP CẤP XÃ

(Kèm theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 28 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố)

KHỎI KINH TẾ NGÀNH

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu DA đến hết KH 2020 (bao gồm KHV 2020 kéo dài)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn giai đoạn 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Trong đó: Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025 (phần Ngân sách TP hỗ trợ)							
								Tổng lũy kế giải ngân (gồm cả NS cấp xã)	Trong đó						
									Tổng lũy kế giải ngân	Lũy kế giải ngân 2021-2024	Giải ngân KHV năm 2025 đến 31/01/2026				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	TỔNG SỐ	229				10.337.569		3.757.918	3.757.917	1.973.614	1.784.303	4.493.489	229		
A	CÁC DỰ ÁN THỰC HIỆN CTMT QUỐC GIA TRONG DANH MỤC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 2021-2025	35				4.553.810		2.611.099	2.611.099	1.854.439	756.660	1.278.300	35		
A.1	Chương trình nông thôn mới	35				4.553.810		2.611.099	2.611.099	1.854.439	756.660	1.278.300	35		
1	Lĩnh vực giao thông	26				3.549.509		2.112.090	2.112.090	1.524.432	587.658	956.900	26		
1	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông liên xã Minh Quang - Ba Trại đi xã Thuận Mỹ	1	Xã Ba Vi	2022-2026	1316/QĐ-UBND ngày 19/3/2022; 3325/QĐ-UBND ngày 07/7/2024	79.000		72.000	72.000	72.000		5.000	1	UBND xã Ba Vi	
2	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông và hệ thống tiêu thoát nước khu dân cư khu vực hồ Tây Ninh, xã Tòng Bạt	1	Xã Bạt Bạt	2023-2026	7468/QĐ-UBND ngày 27/11/2023	68.000		35.500	35.500	7.500	28.000	28.000	1	UBND xã Bạt Bạt	
3	Trục kết nối giao thông Văn Hoàng - Tân Dân - đường Thao Chính - Tân Dân	1	Xã Chuyên Mỹ	2025-2027	5524/QĐ-UBND 19/11/2022; 3514/QĐ-UBND 09/6/2025	189.000		161.200	161.200	129.200	32.000	22.000	1	UBND xã Chuyên Mỹ	
4	Xây dựng đường tránh tỉnh lộ 429 qua địa bàn xã Cao Dương - Xuân Dương	1	Dân Hòa	2023-2026	6269/QĐ-UBND ngày 28/10/2022	152.915		38.248	38.248	38.248		84.000	1	UBND xã Dân Hòa	
5	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông kết hợp củng cố bờ kênh Trác Bút, xã Minh Tân, huyện Phú Xuyên	1	Xã Đại Xuyên	2023-2026	1523/QĐ-UBND 22/3/2022	94.049		68.500	68.500	30.000	38.500	22.000	1	UBND xã Đại Xuyên	
6	Đường giao thông liên xã Tri Thủy - Khai Thái - Nam Triều	1	Xã Đại Xuyên	2023-2026	1495/QĐ-UBND 18/3/2022	104.176		59.000	59.000	30.000	29.000	44.000	1	UBND xã Đại Xuyên	
7	Đường từ tỉnh lộ 417 đi đường N12, huyện Đan Phượng	1	Xã Đan Phượng	2022-2027	4583, ngày 09/6/2022	190.591		140.000	140.000	80.000	60.000	10.000	1	UBND xã Đan Phượng	
8	Xây dựng tuyến đường từ dốc Cái Cao thôn Cò Liễn đi TL 418 xã Cổ Đông	1	Xã Đoài Phương	2024-2027	196- 22/02/2024	147.490		45.000	45.000	45.000		91.000	1	UBND xã Đoài Phương	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu DA đến hết KH 2020 (bao gồm KHV 2020 kéo dài)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn giai đoạn 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân (gồm cả NS cấp xã)	Trong đó: Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025 (phần Ngân sách TP hỗ trợ)						
									Tổng lũy kế giải ngân	Trong đó					
									Lũy kế giải ngân 2021-2024	Giải ngân KHV năm 2025 đến 31/01/2026					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
9	Cải tạo, nâng cấp đường trục giao thông liên xã Phùng Xá - Phù Lưu Tế (điểm đầu từ đường trục xã Phùng Xá, điểm cuối nối với đường trục xã Phù Lưu Tế), huyện Mỹ Đức, Hà Nội	1	xã Hồng Sơn, xã Mỹ Đức	2023-2026	3264*26/8/2022	131.335		120.000	120.000	120.000		7.000	1	UBND xã Hồng Sơn	
10	Xây dựng hệ thống chiếu sáng các tuyến trục chính trên địa bàn xã Hồng Sơn và xã Phùng Xá	1	Hồng Sơn	2024-2026	3253*26/08/2022; 589/QĐ-UBND ngày 17/10/2025	69.470		57.000	57.000	52.000	5.000	8.400	1	UBND xã Hồng Sơn	
11	Đường Hồng Thái - Nam Triều	1	Xã Phú Xuyên	2022-2026	4508/QĐ-UBND 08/9/2022	37.982		32.000	32.000	18.000	14.000	5.000	1	UBND xã Phú Xuyên	
12	Đường giao thông liên xã Văn Hoàng - Hoàng Long - Tri Trung - Phú Túc (đoạn từ cầu Nội Côi đi đường trục Phú Túc)	1	Xã Phương Dục	2022-2026	5454/QĐ-UBND 24/10/2023; 455/QĐ-UBND ngày 10/3/2026	234.231		180.500	180.500	115.500	65.000	35.000	1	UBND xã Phương Dục	
13	Đường trục xã Hồng Minh	1	Xã Phương Dục	2023-2026	1767/QĐ-UBND 19/5/2023; 3153/QĐ-UBND ngày 02/6/2025	97.475		65.000	65.000	30.000	35.000	28.000	1	UBND xã Phương Dục	
14	Chỉnh trang đường Bệnh viện Đông Anh đi Đền Sái đoạn từ Nhà máy Z153 đến Đền Sái	1	Thư Lâm	2022-2023	15831/QĐ-UBND ngày 14/12/2022; 5952/QĐ-UBND ngày 24/4/2025	106.584		87.100	87.100	61.100	26.000	15.000	1	UBND xã Thư Lâm	
15	Chỉnh trang đường trục kinh tế miền Đông đoạn từ ngã tư Việt Hùng - Liên Hà đến nút giao Quốc lộ 3 mới	1	Thư Lâm	2022-2023	10856/QĐ-UBND ngày 30/8/2022	53.100		44.900	44.900	44.900		7.000	1	UBND xã Thư Lâm	
16	Xây dựng tuyến đường kết nối từ đường Nam Hà đến đường trục Kinh tế miền Đông, xã Liên Hà	1	Thư Lâm	2023-2025	ĐCDA-9033/QĐ-UBND ngày 22/8/2024	122.812		82.748	82.748	32.090	50.658	32.000	1	UBND xã Thư Lâm	
17	Đường trục xã Nguyễn Trãi (đoạn từ trường cấp 3 Lý Tử Tấn - Cụm công nghiệp Quất Động - đê Sông Nhuệ), huyện Thường Tín, TP Hà Nội	1	Thượng Phúc	2025-2026	12/NQ-HĐND ngày 14/7/2022; 1345/QĐ-UBND ngày 15/11/2025	126.628		85.658	85.658	60.658	25.000	25.000	1	UBND xã Thượng Phúc	
18	Cải tạo, nâng cấp hệ thống đường trục xã Tiên Phong, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Thường Tín	2023-2025	5668/QĐ-UBND ngày 05/10/2023	133.254		55.000	55.000	35.000	20.000	76.000	1	UBND xã Thường Tín	
19	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường liên xã Hữu Văn - Mỹ Lương - Trần Phú	1	Xã Trần Phú	2022-2027	8376/QĐ-UBND ngày 11/11/2022; 229/QĐ-UBND ngày 25/02/2026	181.382		55.000	55.000	50.000	5.000	115.000	1	UBND xã Trần Phú	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lấy kế giải ngân từ đầu DA đến hết KH 2020 (bao gồm KHV 2020 kéo dài)	Lấy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn giai đoạn 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân (gồm cả NS cấp xã)	Trong đó: Lấy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025 (phần Ngân sách TP hỗ trợ)						
									Tổng lũy kế giải ngân	Trong đó					
										Lấy kế giải ngân 2021-2024	Giải ngân KHV năm 2025 đến 31/01/2026				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
20	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ đường Hồ Chí Minh đi xã Hoàng Văn Thụ, xã Hữu Văn	1	Trần Phú	2023-2026	1856/QĐ-UBND ngày 22/8/2022; QĐ 230/QĐ-UBND ngày 25/02/2026	233.829		90.000	90.000	90.000		135.000	1	UBND xã Trần Phú	
21	Đường giao thông liên xã Đông Lễ - Kim Đường, kết hợp cứng hóa kênh A2-12 (đoạn từ cầu Mạnh Tân xã Đông Lễ đến đường Minh Đức - Ngâm), huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội	1	Ứng Hòa	2024-2027	1482/QĐ-BQL ngày 08/8/2024	146.719		104.500	104.500	60.000	44.500	15.000	1	UBND xã Ứng Hòa	
22	Đường Thanh Vân - Trục phát triển phía Nam đi huyện Thường Tín, trên địa bàn huyện Thanh Oai	1	Tam Hưng	2023-2026	3097/QĐ-UBND ngày 04/5/2023	79.900		37.000	37.000	37.000		13.000	1	UBND xã Tam Hưng	
23	Xây dựng, nâng cấp đường ĐH07 đoạn từ TL419 đi đường ĐH05	1	xã Thạch Thất	2022-2026	23/NQ-HĐND 28/9/2021; 6434/QĐ-UBND ngày 25/8/2022; 16/NQ-HĐND ngày 23/8/2022; 1129/QĐ-UBND ngày 26/10/2022 (thiết kế); 99/QĐ-BQLDA ngày 26/3/2025 (ĐC thiết kế)	159.373		124.701	124.701	124.701		3.500	1	UBND xã Thạch Thất	
24	Xây dựng mới ĐH08 (Đại lộ Thăng Long - ĐH10 - TL420 Bình Yên)	1	Xã Thạch Thất	2022-2026	23/NQ-HĐND 28/9/2021; 8441/QĐ-UBND Ngày 08/11/2022; 24/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 (ĐC CTĐT); 388/QĐ-UBND ngày 21/02/2023 (ĐC dự án); 1716/QĐ-UBND 14/10/2025	393.725		115.000	115.000	70.000	45.000	100.000	1	UBND Xã Thạch Thất	
25	Đường liên xã Chương Dương - Lê Lợi (đoạn từ đê sông Hồng - trường THCS đến kênh Từ Văn), huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	xã Chương Dương	2023-2026	1295/QĐ-UBND ngày 15/10/2025	113.421		65.535	65.535	65.535		25.000	1	UBND xã Chương Dương	
26	Đường nối từ tỉnh lộ 426 đến đường Cầu Thơ - Xuân Quang, xã Hoà Lâm, huyện Ứng Hoà	1	xã Ứng Hoà	2023-2026	4378/QĐ-UBND ngày 10/8/2023; 2120/QĐ-UBND ngày 12/11/2025	103.068		91.000	91.000	26.000	65.000	6.000	1	UBND xã Ứng Hoà	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu DA đến hết KH 2020 (bao gồm KHV 2020 kéo dài)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn giai đoạn 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân (gồm cả NS cấp xã)	Trong đó: Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025 (phần Ngân sách TP hỗ trợ)						
									Tổng lũy kế giải ngân	Trong đó					
									Lũy kế giải ngân 2021-2024	Giải ngân KHV năm 2025 đến 31/01/2026					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
II	Lĩnh vực đề điều, thủy lợi	6				754.836		383.800	383.800	234.800	149.000	209.400	6		
1	Cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh tưới, tiêu kết hợp đường giao thông nội đồng xã Tân Hồng, Vạn Thắng, Phú Đồng	1	Xã Cổ Đô	2023-2026	Số 5098/QĐ-UBND ngày 29/8/2023	86.000		68.000	68.000	35.000	33.000	18.000	1	UBND xã Cổ Đô	
2	Cứng hoá kênh mương kết hợp nâng cấp đường giao thông xã Chuyên Mỹ	1	Xã Chuyên Mỹ	2023-2026	3543/QĐ-UBND 24/8/2023; 435/QĐ-UBND ngày 16/3/2026	169.000		92.300	92.300	75.300	17.000	75.000	1	UBND xã Chuyên Mỹ	
3	Đường trục chính nội đồng kết hợp kênh mương tuyến chính xã Chuyên Mỹ, huyện Phú Xuyên	1	Xã Chuyên Mỹ	2023-2026	2358/QĐ-UBND 23/6/2023; 436/QĐ-UBND ngày 16/3/2026	141.000		81.000	81.000	40.000	41.000	56.000	1	UBND xã Chuyên Mỹ	
4	Nâng cấp, mở rộng tuyến đê Tả Tích kết hợp đường giao thông đoạn từ giáp huyện Thạch Thất đi ĐH02, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội	1	Kiểm Phú	2022-2026	5174/QĐ- UBND ngày 31/10/2023; 357/QĐ-PTQĐ ngày 24/10/2024; 671/QĐ-UBND ngày 18/3/2026	286.167		84.500	84.500	50.500	34.000	50.000	1	UBND xã Kiểm Phú	
5	Đường trục thủy sản xã Đồng Tân, huyện Ứng Hòa	1	Ứng Hòa	2023-2026	1651/QĐ-BQL ngày 26/8/2024	60.500		49.000	49.000	29.000	20.000	8.000	1	UBND xã Ứng Hòa	
6	Kiên cố hóa 04 tuyến kênh tưới xã Hoa Sơn (Kênh Đồng Cừ - Ông Liễu; Kênh Đồng Cừ giữa; Kênh đồng Văn trên; Kênh Dộc Dành Mèo - Má Dền)	1	Ứng Thiên	2022-2026	1801/QĐ-UBND ngày 17/4/2025	12.169		9.000	9.000	5.000	4.000	2.400	1	UBND xã Ứng Thiên	
III	Lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục dạy nghề	1				32.645		19.077	19.077	17.077	2.000	2.000	1		
1	Nâng cấp, cải tạo Trường tiểu học Đồng Tâm	1	Xã Phúc Sơn	2023-2026	3991/QĐ-UBND ngày 06/11/2020; 5260/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	32.645		19.077	19.077	17.077	2.000	2.000	1	UBND xã Phúc Sơn	
IV	Lĩnh vực văn hóa thông tin	1				108.000		31.132	31.132	23.130	8.002	70.000	1		
1	Trung tâm Văn hóa huyện Thanh Oai	1	Thanh Oai	2024-2026	1621/QĐ-UBND ngày 27/02/2024; 8257/QĐ-UBND ngày 02/12/2024	108.000		31.132	31.132	23.130	8.002	70.000	1	UBND xã Thanh Oai	
V	Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật tái định cư	1				108.820		65.000	65.000	55.000	10.000	40.000	1		

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lấy kế giải ngân từ đầu DA đến hết KH 2020 (bao gồm KHV 2020 kéo dài)	Lấy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn giai đoạn 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lấy kế giải ngân (gồm cả NS cấp xã)	Trong đó: Lấy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025 (phần Ngân sách TP hỗ trợ)						
									Tổng lấy kế giải ngân	Trong đó					
						Lấy kế giải ngân 2021-2024	Giải ngân KHV năm 2025 đến 31/01/2026								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	Cải tạo cảnh quan hạ tầng kỹ thuật xây dựng hệ thống nước thải khu vực hồ điều hòa đường vào khu di tích lịch sử Quốc gia đình Tây Đằng	1	Xã Quảng Oai	2022-2026	7764/QĐ-UBND ngày 26/8/2022	108.820		65.000	65.000	55.000	10.000	40.000	1	UBND xã Quảng Oai	
C	CÁC DỰ ÁN CẤP XÃ KHÁC	194				5.783.759		1.146.819	1.146.818	119.175	1.027.643	3.215.189	194		
I	Lĩnh vực đề xuất	14				1.047.513		198.196	198.196	40.467	157.729	674.139	14		
1	Củng cố tuyến đê bao Đồng Hào xã Tân Hưng, huyện Sóc Sơn	1	xã Đa Phúc	2024-2026	8633/QĐ-UBND ngày 03/12/2024	8.351		6.500	6.500		6.500	788	1	UBND xã Đa Phúc	
2	Xử lý, khắc phục tình trạng sạt lở mái, thân đê, bãi sông đê bồi thôn Xuân Tảo, xã Xuân Giang	1	xã Đa Phúc	2024-2026	6998/QĐ-UBND ngày 24/9/2024	32.151		29.700	29.700	5.200	24.500	2.351	1	UBND xã Đa Phúc	
3	Đường Đê Bãi đoạn kết nối từ TL428 đến cầu Văn Chỉ, xã Trì Thủy	1	Đại Xuyên	2024-2026	3173/QĐ-UBND ngày 07/8/2024	14.960		7.838	7.838		7.838	5.800	1	UBND xã Đại Xuyên	
4	Kè chống sạt lở đoạn ngã ba công chùa Áng Hạ xã Lê Thanh	1	xã Hồng Sơn	2022-2025	46g*16/02/2022	988		123	123		123	700	1	UBND xã Hồng Sơn	
5	Cải tạo, nâng cấp tuyến đê bồi từ trường THPT Minh Khai qua cầu Phú Cát đến hết đê bồi Cây Khế xã Tuyết Nghĩa, huyện Quốc Oai	1	xã Kiêu Phú	2023-2025	03/QĐ-UBND ngày 02/01/2024	39.556		11.500	11.500		11.500	10.000	1	UBND xã Kiêu Phú	
6	Nâng cấp, mở rộng tuyến đê tả Tịch kết hợp đường giao thông đoạn từ ĐH 02 đến giáp ranh huyện Chương Mỹ, huyện Quốc Oai	1	xã Kiêu Phú	2022-2026	5175/QĐ-UBND ngày 31/10/2023	402.404		58.572	58.572		58.572	280.000	1	UBND xã Kiêu Phú	
7	Xử lý các đoạn sạt lở xung yếu điểm dân cư thuộc địa phận xã Tân Dân	1	xã Kim Anh	2025-2027	37/NQ-HĐND ngày 19/12/2024; 1718/QĐ-UBND ngày 19/11/2025	21.267		500	500		500	17.500	1	UBND xã Kim Anh	
8	Kè gia cố chống sạt lở nhà thờ Phú Cốc, thôn Gốc Báng, xã An Phú, huyện Mỹ Đức	1	xã Mỹ Đức	2024-2026	7791/QĐ-UBND ngày 17/12/2024 1397/QĐ-UBND ngày 04/3/2025	3.698		1.044	1.044		1.044	2.000	1	UBND xã Mỹ Đức	
9	Kè chống sạt lở sông đê vùng Quán Mai (gói 2), xã An Phú	1	xã Mỹ Đức	2022-2026	3622/QĐ-UBND ngày 05/10/2022 8047/QĐ-UBND ngày 23/12/2024 2730/QĐ-UBND ngày 08/11/2025	14.999		8.332	8.332		8.332	4.000	1	UBND xã Mỹ Đức	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu DA đến hết KH 2020 (bao gồm KHIV 2020 kéo dài)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn giai đoạn 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân (gồm cả NS cấp xã)	Trong đó: Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025 (phần Ngân sách TP hỗ trợ)						
									Tổng lũy kế giải ngân	Trong đó					
									Lũy kế giải ngân 2021-2024	Giải ngân KHV năm 2025 đến 31/01/2026					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
10	Xử lý các đoạn sạt lở xung yếu điểm dân cư thuộc địa phận xã Thanh Xuân	1	xã Nội Bài	2025-2027	37/NQ-HĐND ngày 19/12/2024; 873/QĐ-UBND ngày 31/10/2025	36.952		200	200		200	31.000	1	UBND xã Nội Bài	
11	Cải tạo, nâng cấp đê Tả Tích huyện Phúc Thọ	1	xã Phúc Thọ	2025-2028	31/NQ-HĐND ngày 17/12/2024; 1696/QĐ-UBND ngày 26/12/2025	111.838		800	800		800	94.000	1	UBND xã Phúc Thọ	
12	Xử lý các đoạn sạt lở xung yếu điểm dân cư thuộc địa phận xã Bắc Sơn	1	xã Trung Giã	2025-2027	37/NQ-HĐND ngày 19/12/2024; 1525/QĐ-UBND ngày 15/10/2025	24.796		3.200	3.200		3.200	9.000	1	UBND xã Trung Giã	
13	Đầu tư xây dựng tuyến đường gom chân đê tả sông Hồng đoạn từ ngã 3 vào UBND xã Xuân Canh đến ngã 3 vào UBND xã Hải Bối	1	xã Vĩnh Thanh	2024-2028	3825/QĐ-UBND ngày 02/5/2024	321.022		57.057	57.057	35.237	21.820	215.500	1	UBND xã Vĩnh Thanh	
14	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông ven đê tả Sông Hồng từ nhà ông Đình Văn Phú đến nhà ông Nguyễn Văn Tùng thôn Ngọc Giang, xã Vĩnh Ngọc	1	xã Vĩnh Thanh	2024-2026	14448/QĐ-UBND ngày 12/12/2024	14.531		12.830	12.830	30	12.800	1.500	1	UBND xã Vĩnh Thanh	
II	Lĩnh vực thủy lợi	64				2.408.891		414.726	414.726	63.738	350.988	1.188.950	64		
1	Xây dựng đường hành lang chân đê, chỉnh trang mái đê tuyến đê hữu Đuống, đoạn từ đình Hội Xá đến cầu Phù Đồng phường Phúc Lợi, quận Long Biên.	1	Phúc Lợi	2021-2026	2857/QĐ-UBND ngày 30/7/2020; 981/QĐ-UBND ngày 23/3/2024	316.283						6.200	1	UBND phường Phúc Lợi	
2	Cải tạo, nâng cấp, nạo vét các hồ vai đập trên địa bàn xã Xuân Sơn	1	Tùng Thiện	2023-2026	2263/QĐ-UBND ngày 29/12/2023; 745/QĐ-UBND ngày 26/11/2025	56.695		11.300	11.300		11.300	20.000	1	UBND phường Tùng Thiện	
3	Cải tạo, nâng cấp và phát huy giá trị đầm Đượng (khu vực thôn Kỳ Sơn, thôn Lễ Khê), xã Xuân Sơn	1	Tùng Thiện	2021-2026	521/QĐ-UBND ngày 06/6/2022; 891/QĐ-BQLDA ngày 05/11/2022 746/QĐ-UBND ngày 26/11/2025	112.796		15.000	15.000		15.000	15.000	1	UBND phường Tùng Thiện	
4	Nâng cấp cải tạo hệ thống kênh tưới tiêu kết hợp đường giao thông nội đồng xã Tòng Bạt	1	Xã Bất Bạt	2025-2027	558/QĐ-UBND ngày 07/10/2025	63.000		10.400	10.400		10.400	52.250	1	UBND xã Bất Bạt	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu DA đến hết KH 2020 (bao gồm KHV 2020 kéo dài)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn giai đoạn 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân (gồm cả NS cấp xã)	Trong đó: Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025 (phần Ngân sách TP hỗ trợ)						
									Tổng lũy kế giải ngân	Lũy kế giải ngân 2021-2024	Giải ngân KHV năm 2025 đến 31/01/2026				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
5	Cải tạo, nâng cấp hệ thống giao thông và hệ thống tiêu thoát nước tuyến đường Phong Vân- Thái Hòa - Phú Đông	1	xã Cổ Đô	2023-2027	2944/QĐ-UBND ngày 14/6/2024 711/QĐ-UBND ngày 26/02/2025 1576/QĐ-UBND ngày 05/11/2025	45.000		12.300	12.300		12.300	32.000	1	UBND xã Cổ Đô	
6	Cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh tưới, tiêu kết hợp đường giao thông nội đồng các thôn xã Phú Đông	1	xã Cổ Đô	2025-2027	668/QĐ-UBND ngày 21/02/2025 433/QĐ-UBND ngày 19/8/2025	20.000		5.300	5.300		5.300	12.500	1	UBND xã Cổ Đô	
7	Cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh tưới, tiêu thoát nước khu dân cư trực chính kết hợp đường giao thông xã Phú Hồng (từ xã Phú Châu – Phú Phương – Châu Sơn – Tân Hồng)	1	xã Cổ Đô	2025-2027	1997/QĐ-UBND ngày 08/4/2025 439/QĐ-UBND ngày 19/8/2025	46.000		10.400	10.400		10.400	28.500	1	UBND xã Cổ Đô	
8	Cải tạo, nâng cấp hệ thống tưới, tiêu, giao thông thủy lợi nội đồng các thôn Đông Lâu, Đông Phú, Phú Nghĩa xã Phú Đông	1	xã Cổ Đô	2025-2027	670/QĐ-UBND ngày 21/02/2025 436/QĐ-UBND ngày 19/8/2025	20.000		5.300	5.300		5.300	12.000	1	UBND xã Cổ Đô	
9	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thủy lợi kết hợp đường giao thông nội đồng xã Cổ Đô	1	xã Cổ Đô	2023-2027	7685/QĐ-UBND ngày 19/12/2024; 1566/QĐ-UBND ngày 01/11/2025	40.000		10.298	10.298		10.298	15.000	1	UBND xã Cổ Đô	
10	Nạo vét, tu bổ hệ thống kênh mương kết hợp đường giao thông xã Chuyên Mỹ, thành phố Hà Nội	1	Xã Chuyên Mỹ	2024-2027	3282/QĐ-UBND ngày 25/7/2022; 24/NQ-HĐND ngày 17/12/2024; 876/QĐ-UBND ngày 05/11/2025	96.591		1.463	1.463		1.463	80.000	1	UBND xã Chuyên Mỹ	
11	Nạo vét, tu bổ hệ thống kênh mương kết hợp đường giao thông nội đồng xã Tân Dân	1	Chuyên Mỹ	2022-2027	3280/QĐ-UBND ngày 25/7/2022; 377/QĐ-UBND ngày 09/9/2025	69.555		985	985		985	58.000	1	UBND xã Chuyên Mỹ	
12	Nạo vét, củng cố hóa kênh mương thủy lợi nội đồng xã Tân Dân	1	Chuyên Mỹ	2023-2025	3650/QĐ-UBND ngày 28/8/2025	45.046		1.701	1.701		1.701	36.500	1	UBND xã Chuyên Mỹ	
13	Cải tạo, nâng cấp mương tiêu (đoạn từ Cổng Đáy đi Chiêm Vàm), xã Lê Lợi, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Chương Dương	2024-2026	12/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 652/QĐ-UBND ngày 21/02/2025	14.995		6.000	6.000		6.000	8.000	1	UBND xã Chương Dương	
14	Đường bờ trái kênh Đan Hoài giai đoạn 2 (đoạn từ cầu qua kênh Đan Hoài vào trường THCS Dương Liễu đến đường liên xã Minh Khai - Đức Thượng)	1	Dương Hòa	2019-2026	8618; 30/11/2020 1709/QĐ-UBND ngày 20/11/2025	90.740		44.071	44.071	39.128	4.943	33.000	1	UBND xã Dương Hòa	

STT	Tên dự án	Số ĐA	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu ĐA đến hết KH 2020 (bao gồm KHV 2020 kéo dài)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn giai đoạn 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Trong đó: Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025 (phần Ngân sách TP hỗ trợ)							
								Tổng lũy kế giải ngân (gồm cả NS cấp xã)	Tổng lũy kế giải ngân	Trong đó					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
15	Cải tạo, nâng cấp đầm Mỏ và hệ thống kênh tiêu xã Xuân Thu	1	xã Đa Phúc	2024-2027	27/NQ-HĐND 30/9/2024; 2798/QĐ-UBND ngày 30/10/2025	71.905		800	800		800	60.000	1	UBND xã Đa Phúc	
16	Cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh tưới trên địa bàn các xã Đông Xuân, Kim Lũ, Xuân Thu, huyện Sóc Sơn	1	xã Đa Phúc	2023-2025	8349/QĐ-UBND ngày 30/11/2023	16.706		13.647	13.647	6.100	7.547	500	1	UBND xã Đa Phúc	
17	Cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh tưới trên địa bàn các xã Trung Giã, Tân Hưng, Bắc Phú	1	xã Đa Phúc	2022-2025	6159/QĐ-UBND ngày 14/7/2022 6479/QĐ-UBND ngày 21/8/2024	23.086		11.258	11.258	5.260	5.998	400	1	UBND xã Đa Phúc	
18	Cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh tưới trên địa bàn các xã Việt Long, Xuân Giang, Tân Minh	1	xã Đa Phúc	2022-2025	5618/QĐ-UBND ngày 16/6/2022; 4349/QĐ-UBND ngày 06/07/2023	33.437		20.662	20.662	13.250	7.412	400	1	UBND xã Đa Phúc	
19	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm chợ Điện, thôn Ngõ Đạo, xã Tân Hưng	1	xã Đa Phúc	2025-2027	37/NQ-HĐND 19/12/2024; 2797/QĐ-UBND ngày 30/10/2025	14.532		200	200		200	13.000	1	UBND xã Đa Phúc	
20	Củng cố kênh mương kết hợp đường giao thông nội đồng xã Phúc Tiến	1	Đại Xuyên	2026-2030	2385/QĐ-UBND ngày 28/5/2024; 349/QĐ-UBND ngày 28/02/2026	192.506		400	400		400	59.000	1	UBND xã Đại Xuyên	
21	Củng cố kênh mương nội đồng xã Tân Xã	1	xã Hạ Bằng, Hòa Lạc	2025-2027	4924/QĐ-UBND ngày 30/6/2022	7.828		2.000	2.000		2.000	5.500	1	UBND xã Hạ Bằng	
22	Củng cố kênh mương, giao thông trục chính nội đồng xã Hạ Bằng	1	xã Hạ Bằng	2025-2027	3069/QĐ-UBND 26/5/2023	25.000		4.000	4.000		4.000	17.000	1	UBND xã Hạ Bằng	
23	Kiên cố hóa 06 tuyến kênh tưới tiêu nội đồng xã Hòa Phú (từ xã phồng Tây Ninh đến Đồng Tre; Kênh tưới từ nhà văn hóa thôn An Phú ra máng nổi; Kênh tưới từ Má Rông ra Đồng Mối; Kênh tưới từ đường N11 vào đầu đường Rặt; Kênh từ máng nổi Đồng Tôm ra mương chìm NH2; Kênh tưới từ N1 đến đồng)	1	Hòa Xá	2023-2025	1273/QĐ-UBND ngày 09/11/2022 6807/QĐUBND ngày 10/11/2023 7820/QĐ-UBND ngày 15/11/2024	10.000		3.000	3.000		3.000	5.500	1	UBND xã Hòa Xá	
24	Kiên cố hóa 04 tuyến kênh nội đồng xã Đội Bình (Kênh cửa Đền đi Bãi Mạ, kênh từ trạm bơm đường Tây đến Cỏ Cò, kênh trạm bơm Xuân Quang II giáp xã Hòa Lâm và kênh Chùa Giai - Mái Tràng - Nước Cháy)	1	Hòa Xá	2024-2026	6146/QĐ-UBND ngày 08/8/2024	28.688		300	300		300	24.000	1	UBND xã Hòa Xá	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu DA đến hết KH 2020 (bao gồm KHV 2020 kéo dài)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn giai đoạn 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Trong đó: Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025 (phần Ngân sách TP hỗ trợ)							
								Tổng lũy kế giải ngân	Trong đó						
									Lũy kế giải ngân 2021-2024	Giải ngân KHV năm 2025 đến 31/01/2026					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
25	Đường GTND tuyến Thanh Giàng - Nhất Tỵ kết hợp kênh tiêu xã Phùng Xá	1	xã Hồng Sơn	2022-2025	1881/QĐ-UBND ngày 28/3/2022	9.000		5.500	5.500		5.500	2.000	1	UBND xã Hồng Sơn	
26	Nạo vét và đào đắp tuyến mương thủy lợi từ Thuyền Đò đi mương 3 xã Lê Thanh	1	xã Hồng Sơn	2022-2025	299b*20/10/2022	616		31	31		31	500	1	UBND xã Hồng Sơn	
27	Cải tạo, nâng cấp các công trình trạm bơm tưới, tiêu trên địa bàn huyện Quốc Oai	1	xã Kiều Phú	2024-2026	6655/QĐ-UBND ngày 23/10/2024	57.235		20.480	20.480		20.480	20.000	1	UBND xã Kiều Phú	
28	Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu trực chính kết hợp đường giao thông nội đồng xã Minh Châu	1	Xã Minh Châu	2024-2026	6876/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	14.920		14.000	14.000		14.000	900	1	UBND xã Minh Châu	
29	Cải tạo, nâng cấp kênh tưới, tiêu kết hợp đường giao thông nội đồng xã Minh Châu	1	Xã Minh Châu	2024-2026	6883/QĐ-UBND ngày 10/12/2024, 129/QĐ-BQL ngày 20/2/2025	10.500		9.200	9.200		9.200	1.100	1	UBND xã Minh Châu	
30	Xây dựng trạm bơm tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp vùng Thung Chuối thôn Thanh Hà, xã An Phú	1	Mỹ Đức	2024-2026	6834/QĐ-UBND ngày 28/11/2024	10.899		2.500	2.500		2.500	6.500	1	UBND xã Mỹ Đức	
31	Cứng hóa kênh mương kết hợp nâng cấp đường giao thông xã Nam Tiến	1	Phú Xuyên	2025-2026	1494/QĐ-UBND ngày 18/3/2022; 379/QĐ-UBND ngày 13/8/2025	34.275		400	400		400	28.700	1	UBND xã Phú Xuyên	
32	Nạo vét; tu bổ kênh hệ thống mương kết hợp đường giao thông nội đồng xã Quang Trung	1	Phú Xuyên	2024-2026	3281/QĐ-UBND ngày 25/7/2022 614/QĐ-UBND ngày 05/9/2025	69.429		700	700		700	58.000	1	UBND xã Phú Xuyên	
33	Nâng cấp, cải tạo hệ thống các công trình thủy lợi xã Minh Cường, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Phú Xuyên	2024-2026	723/QĐ-UBND ngày 28/02/2025	14.999		500	500		500	12.000	1	UBND xã Phú Xuyên	
34	Kiến cổ hóa kênh mương nội đồng xã Văn Phúc	1	Phúc Lộc	2024-2026	1410/QĐ-UBND ngày 29/3/2024	6.472		1.504	1.504		1.504	3.000	1	UBND xã Phúc Lộc	
35	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường, mương nội đồng số 1, số 2 thôn Thụy Hà, xã Bắc Hồng	1	Phúc Thịnh	2025-2027	3989 ngày 21/3/2025	11.016		7.680	7.680		7.680	1.500	1	UBND xã Phúc Thịnh	
36	Kiến cổ hóa kênh mương thủy lợi nội đồng xã Hoàng Long	1	Phượng Dực	2022-2026	6176/QĐ-UBND ngày 20/11/2023; 363/QĐ-UBND ngày 05/9/2025	49.519		1.500	1.500		1.500	40.500	1	UBND xã Phượng Dực	
37	Nạo vét, tu bổ hệ thống kênh mương thủy lợi kết hợp củng cố mặt đường giao thông xã Phú Túc	1	Phượng Dực	2022-2026	6175/QĐ-UBND ngày 20/11/2023; 372/QĐ-UBND ngày 08/9/2025	46.616		1.400	1.400		1.400	38.000	1	UBND xã Phượng Dực	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lấy kế giải ngân từ đầu DA đến hết KH 2020 (bao gồm KHV 2020 kéo dài)	Lấy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn giai đoạn 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú	
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Trong đó: Lấy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025 (phần Ngân sách TP hỗ trợ)		Tổng lũy kế giải ngân (gồm cả NS cấp xã)	Trong đó					
								Tổng lũy kế giải ngân	Lấy kế giải ngân 2021-2024		Giải ngân KHV năm 2025 đến 31/01/2026					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
38	Cải tạo, nâng cấp kênh tưới, tiêu kết hợp đường giao thông nội đồng xã Chu Minh	1	xã Quảng Oai	2024-2026	6854/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	14.900		12.000	12.000		12.000	2.000	1	UBND xã Quảng Oai		
39	Cải tạo, nâng cấp kênh tưới, tiêu kết hợp đường giao thông nội đồng xã Tiên Phong	1	Xã Quảng Oai	2022-2026	6863/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	14.900		12.000	12.000		12.000	2.000	1	UBND xã Quảng Oai		
40	Cải tạo, nâng cấp kênh tưới, tiêu kết hợp đường giao thông nội đồng xã Thụy An	1	xã Quảng Oai	2024-2026	6784/QĐ-UBND ngày 09/12/2024	14.500		11.500	11.500		11.500	2.500	1	UBND xã Quảng Oai		
41	Cải tạo, nâng cấp tuyến mương tiêu thoát nước trực chính xã Tiên Yên (đoạn từ kênh Đan Hoài đến kênh T26)	1	Sơn Đồng	2023-2026	4871; 20/11/2024	6.919		3.881	3.881		3.881	2.800	1	UBND xã Sơn Đồng		
42	Tuyến đường dọc kênh Đan Hoài phía bờ trái (đoạn từ cầu Phương Viên đến đường gom Đới Lộ Thăng Long)	1	xã Sơn Đồng	2023-2026	2398; 12/6/2024	102.265		22.424	22.424		22.424	64.500	1	UBND xã Sơn Đồng		
43	Cải tạo nâng cấp hệ thống kênh, đập hồ Bãi Văn phục vụ sản xuất nông nghiệp xã Ba Trại	1	Xã Suối Hai	2023-2026	5076/QĐ-UBND ngày 28/8/2023; 432/QĐ-UBND ngày 25/9/2025	31.000		4.300	4.300		4.300	22.000	1	UBND xã Suối Hai		
44	Cải tạo, nâng cấp kênh mương vai kết hợp giao thông xã Tân Lĩnh	1	Xã Suối Hai	2023-2026	4509/QĐ-UBND ngày 28/8/2024; 431/QĐ-UBND ngày 25/9/2025	35.000		5.300	5.300		5.300	24.400	1	UBND xã Suối Hai		
45	Cứng hóa kênh mương nội đồng xã Phùng Xá	1	xã Tây Phương	2023-2027	4813/QĐ-UBND ngày 27/6/2022; 2949/QĐ-UBND ngày 31/10/2025	7.499						6.300	1	UBND xã Tây Phương		
46	Cứng hóa kênh mương, giao thông nội đồng xã Thạch Xá	1	xã Tây Phương	2023-2027	7880/QĐ-UBND ngày 24/11/2023	20.000						17.000	1	UBND xã Tây Phương		
47	Cứng hóa kênh mương, giao thông trực chính nội đồng xã Bình Phú	1	xã Tây Phương	2025-2026	02/NQ-HĐND 14/3/2023 (CT); 2168/QĐ-UBND ngày 24/10/2025	14.873						12.500	1	UBND xã Tây Phương		
48	Cứng hóa kênh mương, giao thông trực chính nội đồng xã Chàng Sơn	1	xã Tây Phương	2025-2028	02/NQ-HĐND 14/3/2023 (CT) 2167/QĐ-UBND ngày 24/10/2025	24.000						19.000	1	UBND xã Tây Phương		
49	Cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh tưới trên địa bàn xã Bắc Sơn	1	xã Trung Giã	2023-2025	3192/QĐ-UBND ngày 31/5/2023	45.801		35.000	35.000		35.000	10.000	1	UBND xã Trung Giã		

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu DA đến hết KH 2020 (bao gồm KHV 2020 kéo dài)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn giai đoạn 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân (gồm cả NS cấp xã)	Trong đó: Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025 (phần Ngân sách TP hỗ trợ)						
									Tổng lũy kế giải ngân	Trong đó					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
50	Kiên cố hóa 7 tuyến kênh nội đồng xã Đại Hùng (kênh Đồng Dậy, kênh Gốc gạo, kênh đồng ngầy, kênh Đồng Lác, kênh Xạ diên, kênh đường đường, Kênh Đồng Dờ	1	Ứng Hòa	2024-2026	3081/QĐ-UBND Ngày 22/5/2024	34.273		380	380		380	28.500	1	UBND xã Ứng Hòa	
51	Kiên cố hóa tuyến kênh từ Rạch Khoai đến Đồng Tranh xã Đồng Tân	1	Ứng Hòa	2023-2025	4711/QĐ-UBND ngày 25/8/2023; 7804/QĐ-UBND ngày 15/11/2024	8.314		180	180		180	6.800	1	UBND xã Ứng Hòa	
52	Kiên cố hóa kênh liên thôn Mỹ Cầu - Tứ Kỳ - Khả Lạc, xã Đồng Tân	1	Ứng Hòa	2023-2025	3660/QĐ-UBND ngày 30/6/2023; 7806/QĐ-UBND ngày 15/11/2024	9.200		190	190		190	7.500	1	UBND xã Ứng Hòa	
53	Kiên cố hóa tuyến kênh từ Rạch Khoai đến kênh Phấn Trâm, xã Đồng Tân	1	Ứng Hòa	2023-2025	4108/QĐ-UBND ngày 27/7/2023; 7984/QĐ-UBND ngày 21/11/2024	8.745		180	180		180	7.000	1	UBND xã Ứng Hòa	
54	Cứng hóa kênh tiêu thoát nước khu dân cư thôn Tu Lễ từ nhà văn hóa đến nhà ông Tuyến Lương, thôn Tu Lễ, xã Kim Đường, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	1	Ứng Hòa	2024-2026	8563/QĐ-UBND ngày 09/12/2024	4.990		150	150		150	4.000	1	UBND xã Ứng Hòa	
55	Cứng hóa 7 tuyến kênh nội đồng xã Đại Cường (kênh Cánh Mạ, kênh Bờ Hồ, kênh Đường Đẽ - cửa Biền, kênh đồng Cùm, kênh đường Đồ, kênh đồng Gạo, kênh bên Bãi)	1	Ứng Hòa	2024-2026	3080/QĐ- UBND ngày 22/5/2024	27.108		350	350		350	22.500	1	UBND xã Ứng Hòa	
56	Kiên cố hóa tuyến kênh Trục Hạ; Tuyến kênh từ trạm bơm Bật Trung xuống Đám Chải và tuyến kênh từ nhà tiếp linh Bật Trung xuống kênh Tân Phương - Xã Liên Bạt	1	Ứng Thiên	2023-2025	3661/QĐ- UBND ngày 30/6/2023	21.000		410	410		410	17.000	1	UBND xã Ứng Thiên	
57	Kênh Máng Soi tưới tiêu, thôn Đoán Xá, xã Đồng Tiến, huyện ứng Hòa, TP Hà Nội	1	Vân Đình	2024-2026	7464-30/10/2024	4.600		1.200	1.200		1.200	2.000	1	UBND xã Vân Đình	
58	Sửa chữa, cải tạo hệ thống tiêu thoát nước kết hợp giao thông nội đồng đoạn từ khu Tái định cư Gồm đến Trường THPT Ứng Hoà A thôn Thanh Âm, thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	1	Vân Đình	2024-2026	8610-10/12/2024	3.500		1.000	1.000		1.000	1.500	1	UBND xã Vân Đình	
59	Cải tạo, nâng cấp các vai, đập xã Yên Bái	1	Xã Yên Bái	2025-2027	499/QĐ-UBND ngày 10/02/2025	25.000		7.800	7.800		7.800	16.500	1	UBND xã Yên Bái	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu DA đến hết KH 2020 (bao gồm KHV 2020 kéo dài)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn giai đoạn 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Trong đó: Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025 (phần Ngân sách TP hỗ trợ)							
								Tổng lũy kế giải ngân (gồm cả NS cấp xã)	Trong đó						
									Tổng lũy kế giải ngân	Lũy kế giải ngân 2021-2024	Giải ngân KHV năm 2025 đến 31/01/2026				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
60	Cải tạo, nâng cấp hệ thống đường giao thông, thủy lợi nội đồng xã Yên Bái	1	Xã Yên Bái	2025-2027	497/QĐ-UBND ngày 10/02/2025	45.000		13.800	13.800		13.800	30.000	1	UBND xã Yên Bái	
61	Đầu tư xây dựng kè và nạo vét đầm Thọ Lão, xã Tiến Thịnh, huyện Mê Linh	1	xã Yên Lãng	2025-2026	15/NQ-HĐND ngày 27/10/2023; 1850/QĐ-UBND ngày 22/4/2025	44.192		18.500	18.500		18.500	22.000	1	UBND xã Yên Lãng	
62	Kiên cố hóa đường giao thông nội đồng và mương tưới tiêu xã Tiến Thịnh, huyện Mê Linh (các tuyến khu vực Đồng Chiến, Đồng Trầm, Rãnh rãnh dọc đẹp, Dọc Gáo, Dọc Đường)	1	xã Yên Lãng	2025-2027	CTĐT: 2917/QĐ-UBND 27/5/2025 1920/QĐ-UBND ngày 31/10/2025	12.016		4.000	4.000		4.000	7.000	1	UBND xã Yên Lãng	
63	Kiên cố hóa đường giao thông nội đồng và mương thủy lợi xã Liên Mạc, huyện Mê Linh (5 tuyến từ Đồng Năm Tấn đến Đồng Lá Cờ)	1	xã Yên Lãng	2025-2027	CTĐT: 2902/QĐ-UBND 26/5/2025	11.391		4.000	4.000		4.000	6.000	1	UBND xã Yên Lãng	
64	Cứng hóa đường giao thông, bãi, kênh mương trục chính nội đồng xã Yên Bình	1	xã Yên Xuân	2025-2027	02/NQ-HĐND ngày 29/4/2022; 871/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	22.021						18.700	1	UBND xã Yên Xuân	
III	Lĩnh vực nông nghiệp	105				2.025.025		458.120	458.120	10.320	447.800	1.231.900	105		
1	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng và kênh tưới tiêu xã Vạn Thắng	1	xã Cổ Đô	2025-2027	625/QĐ-UBND ngày 20/02/2025 435/QĐ-UBND ngày 19/8/2025 712/QĐ-UBND ngày 07/10/2025	30.000		8.800	8.800		8.800	16.500	1	UBND xã Cổ Đô	
2	Kiên cố hóa đường, mương tưới thoát nước từ xứ đồng (AGI-Đồng Khảm-Kênh tiêu T1) thôn Hà Vỹ đến khu đầm thôn giáp Long	1	Chương Dương	2025-2027	3288/QĐ-UBND ngày 11/6/2025	13.828		1.300	1.300		1.300	10.000	1	UBND xã Chương Dương	
3	Cải tạo, nâng cấp hệ thống trục chính đường giao thông, thủy lợi nội đồng kết hợp giao thông nông thôn xã Thư Phú – Tự Nhiên – Chương Dương, huyện Thường Tín, TP Hà Nội	1	Xã Chương Dương	2022-2027	999/QĐ-UBND ngày 14/8/2025	54.900		27.000	27.000		27.000	20.000	1	UBND xã Chương Dương	
4	Xây dựng hệ thống đường giao thông, kênh mương nội đồng vùng trồng rau tập trung xã Hiệp Thuận	1	xã Hát Môn	2024-2026	6060 11/12/2024	31.350		9.100	9.100		9.100	19.100	1	UBND xã Hát Môn	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu DA đến hết KH 2020 (bao gồm KHV 2020 kéo dài)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn giai đoạn 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Trong đó: Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025 (phần Ngân sách TP hỗ trợ)							
								Tổng lũy kế giải ngân (gồm cả NS cấp xã)	Trong đó						
									Tổng lũy kế giải ngân	Lũy kế giải ngân 2021-2024	Giải ngân KHV năm 2025 đến 31/01/2026				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
5	Đường kết hợp cứng hóa kênh tiêu liên thôn Kim Châm - Triều Khê, xã Đội Bình, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	1	xã Hòa Xá	2024-2026	8590/QĐ-UBND 9/12/2024	4.950		1.300	1.300		1.300	2.900	1	UBND xã Hòa Xá	
6	Đường giao thông kết hợp cứng hóa tưới tiêu trực liên xã Phú Lưu đi Lưu Hoàng nối đường tỉnh lộ 426, huyện Ứng Hòa thành phố Hà Nội	1	xã Hòa Xá	2023-2025	3922/QĐ-UBND ngày 11/7/2023	69.435		16.000	16.000		16.000	43.000	1	UBND xã Hòa Xá	
7	Đường giao thông kết hợp kênh tiêu liên xã Đội Bình, xã Lưu Hoàng huyện Ứng Hoà, thành phố Hà Nội	1	Xã Hòa Xá	2023-2025	8061/QĐ- UBND ngày 15/12/2023	17.732		336	336		336	14.500	1	UBND xã Hòa Xá	
8	Đường giao thông kết hợp kênh mương thoát nước từ Hà Phú đến đường Cầu Thơ- Xuân Quang, xã Vạn Thái, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	1	Xã Hòa Xá	2023-2025	3658/QĐ-UBND ngày 30/6/2023	21.000		400	400		400	17.000	1	UBND xã Hòa Xá	
9	Đường giao thông kết hợp kiên cố hóa trục chính mương tiêu úng và ngăn lũ thôn Hữu Vĩnh, xã Hồng Quang, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	1	Xã Hòa Xá	2023-2025	4619/QĐ-UBND ngày 17/8/2023	14.960		4.000	4.000		4.000	8.500	1	UBND xã Hòa Xá	
10	Đường giao thông kết hợp kênh tiêu từ TL425 đến trạm bơm tiêu úng xã Hồng Quang, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	1	Xã Hòa Xá	2023-2026	710/QĐ-UBND ngày 26/02/2025	12.000		3.200	3.200		3.200	7.000	1	UBND xã Hòa Xá	
11	Cải tạo, nạo vét lòng ngòi Ngọc Mỹ, kè bờ hữu kết hợp cảnh quan môi trường đoạn từ trường MN Phú Mỹ đến trạm bơm Quán Sanh	1	xã Kiều Phú	2022-2024	4158/QĐ-UBND ngày 30/10/2019; 04/NQ-HĐND ngày 30/3/2023	76.384		3.082	3.082		3.082	20.000	1	UBND xã Kiều Phú	
12	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông, kết hợp cứng hóa kênh mương đường trục chính giao thông nội đồng xã Nam Triều	1	Xã Phú Xuyên	2022-2026	5224/QĐ-UBND ngày 01/11/2022, 5262/QĐ-UBND ngày 22/11/2024	40.067		10.000	10.000		10.000	24.000	1	UBND xã Phú Xuyên	
13	Kiên cố hóa hệ thống đường giao thông và kênh mương nội đồng xã Sen Phương	1	Phúc Lộc	2024-2026	1439/QĐ-UBND ngày 03/4/2024	14.657		1.200	1.200		1.200	11.000	1	UBND xã Phúc Lộc	
14	Xây dựng đường, cứng hóa mương tưới tiêu nội đồng, xã Kim Hoa, huyện Mê Linh (các tuyến khu Đồng Gia, đồng Cùm thôn Phú Trí)	1	xã Quang Minh	2025-2027	3759/QĐ-UBND ngày 13/6/2025 834/QĐ-UBND ngày 22/10/2025	16.450						14.000	1	UBND xã Quang Minh	
15	Cải tạo, nâng cấp hệ thống giao thông, thủy lợi nội đồng xã Cam Thượng	1	xã Quảng Oai	2023-2026	588/QĐ-UBND ngày 18/02/2025; 2045/QĐ-UBND ngày 06/11/2025	31.000		9.300	9.300		9.300	20.000	1	UBND xã Quảng Oai	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu DA đến hết KH 2020 (bao gồm KHV 2020 kéo dài)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn giai đoạn 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Trong đó: Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025 (phần Ngân sách TP hỗ trợ)							
								Tổng lũy kế giải ngân (gồm cả NS cấp xã)	Trong đó						
									Tổng lũy kế giải ngân	Lũy kế giải ngân 2021-2024	Giải ngân KHV năm 2025 đến 31/01/2026				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
16	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thủy lợi nội đồng kết hợp đường giao thông xã Đồng Quang	1	Xã Quảng Oai	2023-2026	3517/QĐ-UBND ngày 17/7/2023; 1978/QĐ-UBND ngày 30/10/2025	38.000		10.000	10.000		10.000	22.300	1	UBND xã Quảng Oai	
17	Đầu tư hạ tầng vùng sản xuất rau an toàn xã Hương Ngải	1	xã Tây Phương	2025-2027	298/QĐ-UBND ngày 26/01/2024	11.668		3.500	3.500		3.500	7.000	1	UBND xã Tây Phương	
18	Cứng hóa kênh mương kết hợp đường giao thông từ cánh Xạ Điện đi kênh I2-14 xã Đại Hùng, huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội	1	Xã Ứng Hòa	2024-2026	8545-09/12/2024	4.990		1.500	1.500		1.500	2.700	1	UBND xã Ứng Hòa	
19	Đường trục chính giao thông nội đồng kết hợp cứng hóa kênh mương tuyến trục liên xã mường Nam Hà xã Trường Thịnh đi Quảng Phú Cầu	1	Xã Ứng Thiên	2022-2026	1333/QĐ-UBND ngày 21/11/2022	38.610		10.500	10.500		10.500	22.000	1	UBND xã Ứng Thiên	
20	Đường giao thông nội đồng kết hợp cứng hóa kênh mương tuyến trục liên xã Mãn Mới Hoa Sơn đi Trường Thịnh, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	1	Xã Ứng Thiên	2022-2026	711/QĐ-UBND ngày 19/7/2022; 1517/QĐ-UBND ngày 17/11/2025	48.875		300	300		300	41.000	1	UBND xã Ứng Thiên	
21	Đường giao thông kết hợp kênh tưới tiêu từ TL429C đi Phú Túc, Phú Xuyên và từ Liên Bạt đi Quảng Phú Cầu, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	1	Xã Ứng Thiên	2022-2026	695/QĐ-UBND ngày 11/7/2022; 1518/QĐ-UBND ngày 17/11/2025	89.500		400	400		400	75.500	1	UBND xã Ứng Thiên	
22	Đường giao thông kết hợp kênh mương xã Quảng Phú Cầu từ Quốc lộ 21B đi xã Hồng Dương huyện Thanh Oai thành phố Hà Nội	1	Xã Ứng Thiên	2023-2026	2521/QĐ-UBND ngày 15/05/2023; 1285/QĐ-UBND ngày 14/10/2025	76.000		22.951	22.951		22.951	41.500	1	UBND xã Ứng Thiên	
23	Đường kết hợp mương tiêu Đồng Chùa 1 và đường kết hợp mương tiêu từ mương Mãn Đàm nối mương Ruột Đồng, xã Cao Thành, huyện Ứng Hòa	1	Vân Đình	2023-2025	6350/QĐ-UBND ngày 16/8/2024	37.800		8.500	8.500		8.500	23.500	1	UBND xã Vân Đình	
24	Đường giao thông kết hợp cứng hoá kênh I2 – VĐ9 từ cầu bệnh viện Vân Đình đến cầu Xuân Quang	1	Xã Vân Đình	2024-2026	6386/QĐ-UBND ngày 21/8/2024	160.000		1.000	1.000		1.000	135.000	1	UBND xã Vân Đình	
25	Cải tạo nâng cấp đường giao thông nội đồng và kênh tưới, tiêu các thôn Phong Châu, Phú Xuyên 1, Phú Xuyên 2, Phú Xuyên 3 và Liễu Châu xã Phú Châu	1	Xã Vật Lại	2026-2028	586/QĐ-UBND ngày 18/02/2025	30.000		8.800	8.800		8.800	20.000	1	UBND xã Vật Lại	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu DA đến hết KH 2020 (bao gồm KHV 2020 kéo dài)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn giai đoạn 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân (gồm cả NS cấp xã)	Trong đó: Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025 (phần Ngân sách TP hỗ trợ)						
									Tổng lũy kế giải ngân	Trong đó					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
26	Kiên cố hóa đường, mở rộng đường ba cây - Đồng Trùng thôn Hà Vỹ, xã Lê Lợi	1	Chương Dương	2025-2027	3289/QĐ-UBND ngày 11/6/2025	13.427		1.500	1.500		1.500	10.000	1	UBND xã Chương Dương	
27	Đường giao thông nội đồng trục chính xã Khai Thái	1	Xã Đại Xuyên	2023-2025	2940/QĐ-UBND ngày 25/7/2023	36,445		9.982	9.982		9.982	20.500	1	UBND xã Đại Xuyên	
28	Củng cố đường giao thông trục chính nội đồng xã Tân Xã	1	xã Hạ Bằng, Hòa Lạc	2022-2026	9056/QĐ-UBND ngày 25/11/2022 572/QĐ-UBND ngày 13/10/2025	8.363		2.000	2.000		2.000	5.000	1	UBND xã Hạ Bằng	
29	Cải tạo, nâng cấp đường GTND từ Quốc lộ 21B đi Mả Nồng, xã Hòa Xá, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	1	Hòa Xá	2023-2025	388-16/05/2022 & 6825-16/09/2024	4.950		2.578	2.578	1.500	1.078	1.500	1	UBND xã Hòa Xá	
30	Đường giao thông nội đồng từ Gò Đốt đi Đồi địa phận thôn Viêm Khê xã Hợp Tiến	1	xã Hồng Sơn		4945 7/12/2022	7.600		1.946	1.946		1.946	4.500	1	UBND xã Hồng Sơn	
31	Đường giao thông nội đồng từ quán Giếng đi đê đất Dương Thượng thôn Viêm Khê xã Hợp Tiến	1	xã Hồng Sơn	2023-2025	4970 8/12/2022	14.500		4.736	4.736		4.736	7.500	1	UBND xã Hồng Sơn	
32	Đường GTND tuyến từ trường mầm non Thượng Quất đi Núi Thở, xã Hợp Tiến, huyện Mỹ Đức	1	xã Hồng Sơn	2022-2025	2202*21/09/2021	11.053		1.500	1.500		1.500	7.800	1	UBND xã Hồng Sơn	
33	Đường GTND tuyến từ Cổng Cổng đi nghĩa trang nhân dân thôn Thượng Quất	1	xã Hồng Sơn	2022-2025	2210*22/09/2021	13.489		1.500	1.500		1.500	9.900	1	UBND xã Hồng Sơn	
34	Đường GTND tuyến từ Đồng Trung đi thôn Gò Mái, xã Hợp Tiến	1	xã Hồng Sơn	2022-2025	2203*21/09/2021	7.876		1.000	1.000		1.000	5.500	1	UBND xã Hồng Sơn	
35	Đường giao thông nội đồng xã Hợp Tiến, huyện Mỹ Đức. Tuyến 1: đường từ TL424 đi Đồng Bộ Ấi thôn Viêm Khê; Tuyến 2: đường từ TL424 đi Nghĩa trang nhân dân thôn Viêm Khê	1	xã Hồng Sơn	2023-2026	3926*21/11/2023	14.299		3.500	3.500		3.500	9.100	1	UBND xã Hồng Sơn	
36	Đường GTND tuyến từ Đồng Trục đi thôn Gò Mái, xã Hợp Tiến	1	xã Hồng Sơn	2021-2026	2211*22/09/2021	7.787		1.000	1.000		1.000	6.600	1	UBND xã Hồng Sơn	
37	Đường giao thông nội đồng tuyến từ cửa Đình Thượng đi TL419, xã Xuy Xá	1	xã Hồng Sơn	2023-2026	4021 27/11/2023	7.972		5.700	5.700		5.700	1.000	1	UBND xã Hồng Sơn	
38	Giao thông nội đồng từ Đa Giếng đi nghĩa trang Lê Xá xã Lê Thanh	1	xã Hồng Sơn	2022-2023	206*19/7/2022	1.170		616	616		616	300	1	UBND xã Hồng Sơn	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu DA đến hết KH 2020 (bao gồm KHV 2020 kéo dài)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn giai đoạn 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân (gồm cả NS cấp xã)	Trong đó: Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025 (phần Ngân sách TP hỗ trợ)						
									Tổng lũy kế giải ngân	Trong đó					
										Lũy kế giải ngân 2021-2024	Giải ngân KHV năm 2025 đến 31/01/2026				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
39	Đường giao thông nội đồng tuyến từ mương Phù Đồng đi thuyền đò xã Lê Thanh	1	xã Hồng Sơn	2022-2025	926 29/4/2021	8.500		3.500	3.500		3.500	3.700	1	UBND xã Hồng Sơn	
40	Cải tạo nâng cấp tuyến đường giao thông nội đồng Xóm Đò - Đường Đình xã Phụng Xá	1	xã Hồng Sơn	2022-2026	2398 08/10/2021	4.509		3.000	3.000		3.000	1.000	1	UBND xã Hồng Sơn	
41	Cải tạo nâng cấp tuyến đường giao thông nội đồng tuyến Ba Cửa - Dung Thượng xã Phụng Xá	1	xã Hồng Sơn	2022-2026	2344 04/10/2021	3.170		2.500	2.500		2.500	500	1	UBND xã Hồng Sơn	
42	Đường nội đồng Gốc Trời đi Đầm Thụ, xã Lê Thanh	1	xã Hồng Sơn	2022-2026	5572*22/12/2022	3.148		1.800	1.800		1.800	1.000	1	UBND xã Hồng Sơn	
43	Đường GTND tuyến từ Trầm Thượng Ngoại đi mương Ba xã, xã Lê Thanh	1	xã Hồng Sơn	2022-2026	1591*28/01/2022	14.995		5.500	5.500		5.500	9.000	1	UBND xã Hồng Sơn	
44	Đường GTND tuyến từ Cầu Mới đi mương Ba xã, xã Lê Thanh	1	xã Hồng Sơn	2022-2026	1590*28/01/2022	14.990		5.500	5.500		5.500	9.000	1	UBND xã Hồng Sơn	
45	Đường GTND ngói ngoài Khoảnh 2 - Khoảnh 3 xã Lê Thanh	1	xã Hồng Sơn	2023-2024	254*18/10/2023	901		38	38		38	700	1	UBND xã Hồng Sơn	
46	Đào đắp đường nội đồng từ tỉnh lộ 419 đi Thuyền Đò xã Lê Thanh.	1	xã Hồng Sơn	2023-2024	166*14/6/2022	995		158	158		158	600	1	UBND xã Hồng Sơn	
47	Đường giao thông nội đồng tuyến từ Vòng Thượng đi Đồng Phú xã Xuy Xá	1	xã Hồng Sơn	2024-2026	3224 26/6/2024	8.394		4.500	4.500		4.500	3.000	1	UBND xã Hồng Sơn	
48	Đường GTND tuyến Cống Sỏi - Trầm Sâu - Trầm Hạ, xã Phụng Xá	1	xã Hồng Sơn	2022 - 2026	1894 28/3/2022	14.800		8.700	8.700		8.700	6.000	1	UBND xã Hồng Sơn	
49	Đường GTND tuyến Cống Địa - Xuýt Thượng - Đồng Sen - Đồng Kiêu - Bò Cát, xã Phụng Xá	1	xã Hồng Sơn	2022 - 2026	1880 28/3/2022	14.650		6.500	6.500		6.500	7.000	1	UBND xã Hồng Sơn	
50	Đường giao thông nội đồng tuyến Côi Hạ đi núi Yên Ngựa, xã Hồng Sơn, huyện Mỹ Đức	1	xã Hồng Sơn	2021-2026	891*23/4/2021	6.739		3.000	3.000		3.000	2.000	1	UBND xã Hồng Sơn	
51	Đường GTND tuyến Côi Trung đi thôn Thanh Lợi xã Hồng Sơn, huyện Mỹ Đức	1	xã Hồng Sơn	2021-2026	890*23/4/2021	4.998		3.000	3.000		3.000	1.200	1	UBND xã Hồng Sơn	
52	Đường GTND tuyến từ đường liên xã đi mương Ba xã, xã Hồng Sơn	1	xã Hồng Sơn	2021-2026	1910* 11/8/2021	4.452		2.900	2.900		2.900	1.000	1	UBND xã Hồng Sơn	
53	Đường GTND tuyến từ Đồng Ổ đi mương Thanh Bình xã Hồng Sơn	1	xã Hồng Sơn	2021-2026	1911*11/8/2021	5.886		2.500	2.500		2.500	2.000	1	UBND xã Hồng Sơn	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu DA đến hết KH 2020 (bao gồm KHV 2020 kéo dài)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn giai đoạn 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân (gồm cả NS cấp xã)	Trong đó: Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025 (phần Ngân sách TP hỗ trợ)						
									Tổng lũy kế giải ngân	Trong đó					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
54	Đường GTND tuyến từ Đồng Gạch - Đồng Sạc xã Hồng Sơn	1	xã Hồng Sơn	2021-2026	1954*16/8/2021	8.426		3.000	3.000		3.000	4.000	1	UBND xã Hồng Sơn	
55	Đường trục chính nội đồng tuyến ngang + dọc Láng Thượng trong ngoài xã Hồng Sơn	1	xã Hồng Sơn	2022-2026	1889*28/3/2022	9.704		4.500	4.500		4.500	3.700	1	UBND xã Hồng Sơn	
56	Đường trục chính nội đồng tuyến Côi Đồng Gánh - Núi Yên Ngựa - Đồng Nê xã Hồng Sơn	1	xã Hồng Sơn	2022-2026	1890*28/3/2022	7.120		4.000	4.000		4.000	3.000	1	UBND xã Hồng Sơn	
57	Đường giao thông nội đồng thôn Thượng, từ đường trục Xã đến Đồng Vòng, Đồng Miến; từ Máng Phủ Đồng đến Núi Yên Ngựa, xã Hồng Sơn	1	xã Hồng Sơn	2025-2026	1431*06/03/2025	6.329		3.000	3.000		3.000	2.300	1	UBND xã Hồng Sơn	
58	Đường giao thông nội đồng thôn Vĩnh An, từ đường trục Xã đến Trại 202; từ Đập thôn Vĩnh An đến Đồng Mạ, xã Hồng Sơn	1	xã Hồng Sơn	2025-2026	1430*06/03/2025	6.141		3.000	3.000		3.000	2.000	1	UBND xã Hồng Sơn	
59	Đường giao thông nội đồng tuyến từ cuối đồng Đò đi đồng Bún xã Xuy Xá	1	XãHồng g Sơn	2025-2026	2343 08/04/2025	7.608		4.000	4.000		4.000	3.200	1	UBND xã Hồng Sơn	
60	Đường giao thông nội đồng tuyến từ Bãi Trùng đi nương Thượng xã Xuy Xá	1	XãHồng g Sơn	2024-2026	3225 26/06/2024	5.244		3.000	3.000		3.000	1.800	1	UBND xã Hồng Sơn	
61	Đường giao thông nội đồng thôn Trung - Hạ Sò, xã Hồng Sơn	1	XãHồng g Sơn	2025-2026	1578 14/03/2025	14.950		6.905	6.905		6.905	7.000	1	UBND xã Hồng Sơn	
62	Tuyến đường GTND từ xứ đồng Quan Mạ đi xứ đồng Đồng Quan xã Hồng Sơn	1	XãHồng g Sơn	2025-2026	2145 31/03/2025	4.900		2.500	2.500		2.500	1.500	1	UBND xã Hồng Sơn	
63	Đường GTND tuyến Lò Ngồi - Đồng Vỡ kết hợp kênh tiêu	1	xã Hồng Sơn	2022-2026	4085 4/11/2022	10.999		2.000	2.000		2.000	6.000	1	UBND xã Hồng Sơn	
64	Đường GTND kết hợp kênh tiêu Go lộ 7 – Gò Thượng, xã Phùng Xá	1	Xã Hồng Sơn	2022-2026	4478/QĐ-UBND ngày 16/11/2022	13.000		6.500	6.500		6.500	4.500	1	UBND xã Hồng Sơn	
65	đường giao thông nội đồng từ cổng Hà Đổ đi thôn Hưng Nông	1	xã Hương Sơn	2025-2026	7012 03/12/2024	3.318		1.000	1.000		1.000	1.800	1	UBND xã Hương Sơn	
66	Đường GTND từ Cửa Ngõ đi Chỗ Độc, thôn Phú Duy, xã An Tiến	1	xã Hương Sơn	2023-2025	1940/QĐ-UBND ngày 08/4/2022	4.998		1.000	1.000		1.000	1.000	1	UBND xã Hương Sơn	
67	Đường GTND từ cổng xứ đồng Man Lợn đến xứ đồng Đình Đám Mốc, thôn Đông Mỹ, xã An Tiến	1	xã Hương Sơn	2024-2025	4039 27/11/2023	6.323		4.400	4.400		4.400	900	1	UBND xã Hương Sơn	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lấy kế giải ngân từ đầu DA đến hết KH 2020 (bao gồm KHV 2020 kéo dài)	Lấy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn giai đoạn 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lấy kế giải ngân (gồm cả NS cấp xã)	Trong đó: Lấy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025 (phần Ngân sách TP hỗ trợ)						
									Tổng lấy kế giải ngân	Trong đó					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
68	Đường giao thông nội đồng tuyến từ Bến Cỏ đi đường bảy xã, xã Hùng Tiến	1	xã Hương Sơn	2022-2026	2360*06/10/2021	5.593		1.000	1.000		1.000	3.700	1	UBND xã Hương Sơn	
69	Đường giao thông nội đồng tuyến Đồng Chuôm đi Đồng Nhội xã Đốc Tín, huyện Mỹ Đức	1	xã Hương Sơn	2024-2026	Số 609/QĐ-UBND ngày 10/4/2023	10.095		7.500	7.500		7.500	1.000	1	UBND xã Hương Sơn	
70	Đường giao thông nội đồng từ cùm dưới thôn Hòa Lạc (cửa ngõ trên thôn Phú Duyệt) đến đê Mỹ Hà, xã An Tiến	1	xã Hương Sơn	2022-2026	776/QĐ-UBND ngày 07/4/2021	4.991		1.500	1.500		1.500	2.700	1	UBND xã Hương Sơn	
71	Đường giao thông nội đồng thôn Đông Mỹ xã An Tiến	1	xã Hương Sơn	2023-2025	952*24/5/2023	7.500		4.000	4.000		4.000	1.000	1	UBND xã Hương Sơn	
72	Kiên cố hoá kênh tiêu kết hợp giao thông phục vụ sản xuất xã Hương Sơn	1	Hương Sơn	2022-2027	5039/QĐ-UBND ngày 14/12/2022	69.009		622	622		622	58.000	1	UBND xã Hương Sơn	
73	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường trục chính nội đồng từ xóm 14 đi Động Mười - Vườn Ồi thôn Vạn Phúc, xã Vạn Kim	1	Xã Hương Sơn	2025-2026	4670/QĐ-UBND ngày 26/8/2025	14.996		8.000	8.000		8.000	6.000	1	UBND xã Hương Sơn	
74	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng và kênh tưới tiêu xã Minh Châu	1	Xã Minh Châu	2026-2027	623/QĐ-UBND ngày 20/02/2025; 282/QĐ-UBND ngày 05/11/2025	35.000		300	300		300	29.000	1	UBND xã Minh Châu	
75	Đường GTNĐ xã Hợp Thanh, huyện Mỹ Đức. Tuyến 1: đường từ đồng thối 10 đến đê Mỹ Hà thôn Thọ, Tuyến 2: đường Đồi Mới Đồng Bộ thôn ái đến nương thôn Viêm Khê xã Hợp Tiến	1	xã Mỹ Đức	2023-2025	3925 21/11/2023	14.473		9.370	9.370	370	9.000	2.900	1	UBND xã Mỹ Đức	
76	đường giao thông nội đồng tuyến từ Đồng Cầu 19 đi Đồng Mơ xã Phú Lưu Tế	1	xã Mỹ Đức	2021-2025	1805*28/07/2021	8.667		6.000	6.000		6.000	1.000	1	UBND xã Mỹ Đức	
77	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng thuộc thôn Vải, xã Hợp Thanh (điểm đầu từ Cổng Sắt đến cầu sang Đồng Lim và tuyến nhánh)	1	xã Mỹ Đức	2023-2025	4390 13/12/2023	14.997		8.000	8.000	1.500	6.500	3.500	1	UBND xã Mỹ Đức	
78	Đường giao thông nội đồng tuyến cuối Dọc Đồi Đẳng Ngay đi Chằm Cao xã Đại Hưng	1	Xã Mỹ Đức	2023-2025	2875 28/4/2025	10.200		8.000	8.000		8.000	600	1	UBND xã Mỹ Đức	
79	Đường giao thông nội đồng Bắc nam xóm Thọ thuộc thôn Thọ và Thôn Phú Hiền, xã Hợp Thanh	1	Xã Mỹ Đức	2025-2027	2825 24/04/2025	9.809		5.500	5.500		5.500	2.500	1	UBND xã Mỹ Đức	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lấy kế giải ngân từ đầu DA đến hết KH 2020 (bao gồm KHV 2020 kéo dài)	Lấy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn giai đoạn 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Trong đó: Lấy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025 (phần Ngân sách TP hỗ trợ)							
								Tổng lấy kế giải ngân (gồm cả NS cấp xã)	Trong đó						
									Tổng lấy kế giải ngân	Lấy kế giải ngân 2021-2024	Giải ngân KHV năm 2025 đến 31/01/2026				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
80	Đường trục liên xã kết hợp giao thông nội đồng Hồng Thái - Nam Triều	1	Xã Phú Xuyên	2024-2026	291/QĐ-UBND ngày 31/01/2024; 4893/QĐ-UBND ngày 04/11/2024	79.929		20.000	20.000		20.000	48.000	1	UBND xã Phú Xuyên	
81	Đường giao thông nội đồng xã Tuy Lai; Tuyến từ mương ao họ đi Đồng Ôm thôn Giáp Bốn và tuyến nhánh từ mương Ao Họ đi Đình Điện thôn Giáp Bốn	1	xã Phúc Sơn	2024-2026	7735 16/12/2024	10.500		1.500	1.500		1.500	7.000	1	UBND xã Phúc Sơn	
82	Đường giao thông nội đồng tuyến Đồng Gi đi Vườn Dừa, xã Thượng Lâm	1	xã Phúc Sơn	2023-2026	4724 ngày 29/12/2023	14.859		8.500	8.500		8.500	4.000	1	UBND xã Phúc Sơn	
83	Đường GTND tuyến từ Trùng Minh Đi Lăng - Rừng Huyện	1	xã Phúc Sơn	2024-2026	4770 ngày 05/9/2024	4.000		2.500	2.500		2.500	900	1	UBND xã Phúc Sơn	
84	Đường giao thông nội đồng thôn Bọt Xuyên, tuyến 1 từ bờ sông mới đến cuối đồng địa dưới, tuyến 2 từ hữu đi trái sâu, xã Bọt Xuyên, huyện Mỹ Đức	1	xã Phúc Sơn	2023-2026	453 14/10/2021 ĐC 4139 01/12/2023	6.904		4.500	4.500	4.500		1.000	1	UBND xã Phúc Sơn	
85	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng xã Phụng Thượng (giai đoạn 2)	1	xã Phúc Thọ	2024-2026	18/NQ-HĐND ngày 03/11/2021; 09/NQ-HĐND ngày 10/4/2024; 5120/QĐ-UBND ngày 24/10/2024; 3226/QĐ-UBND ngày 20/6/2025	23.789		15.000	15.000		15.000	7.000	1	UBND xã Phúc Thọ	
86	Cứng hóa trục giao thông nội đồng xã Phú Túc, huyện Phú Xuyên	1	Phượng Dực	2024-2026	773/QĐ-UBND ngày 28/02/2024	42.204		892	892		892	34.000	1	UBND xã Phượng Dực	
87	Đường đê Văn Hoàng thôn Trung Lập	1	Phượng Dực	2022-2026	1328/QĐ-UBND ngày 25/4/2023; 411/QĐ-UBND ngày 11/9/2025	7.480		1.500	1.500		1.500	4.800	1	UBND xã Phượng Dực	
88	Cải tạo, nâng cấp hệ thống đường giao thông, kết hợp giao thông nội đồng thị trấn Tây Đằng	1	xã Quảng Oai	2025-2027	587/QĐ-UBND ngày 18/02/2025; 830/QĐ-UBND ngày 20/10/2025	35.000		9.300	9.300		9.300	20.000	1	UBND xã Quảng Oai	
89	Cải tạo, nạo vét, nâng cấp hồ Đặc Đức, thôn Vệ Linh, xã Phú Linh, huyện Sóc Sơn	1	xã Sóc Sơn	2026-2028	27/NQ-HĐND ngày 30/9/2024; 1741/QĐ-UBND ngày 21/11/2025	14.999		200	200		200	12.000	1	UBND xã Sóc Sơn	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lấy kế giải ngân từ đầu DA đến hết KH 2020 (bao gồm KHV 2020 kéo dài)	Lấy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn giai đoạn 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lấy kế giải ngân (gồm cả NS cấp xã)	Trong đó: Lấy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025 (phần Ngân sách TP hỗ trợ)						
									Tổng lấy kế giải ngân	Trong đó					
									Lấy kế giải ngân 2021-2024	Giải ngân KHV năm 2025 đến 31/01/2026					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
90	Cứng hóa đường giao thông trục chính nội đồng xã Phùng Xá	1	xã Tây Phương	2025-2027	7355/QĐ-UBND ngày 12/10/2022; 2950/QĐ-UBND ngày 31/10/2025	7.500						6.300	1	UBND xã Tây Phương	
91	Đường giao thông nội đồng từ Đình Lưu Xá đến đường liên xã Quất Động - Nguyễn Trãi xã Quất Động, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Thượng Phúc	2024-2026	65/QĐ-UBND ngày 14/5/2024	3.542		1.012	1.012		1.012	2.000	1	UBND xã Thượng Phúc	
92	Đường nội đồng máng ruộng phường thôn Mạnh Tân và đường nội đồng thôn Ngọc Trục, xã Đông Lỗ, huyện Ứng Hoà, TP Hà Nội	1	Ứng Hòa	2024-2026	4329-20/9/2024	4.940		2.150	2.150	1.450	700	2.000	1	UBND xã Ứng Hòa	
93	Đường giao thông nội đồng từ chùa Trạch Bái đi Đội Bình, xã Hòa Lâm, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	1	Ứng Hòa	2024-2026	8551, 09/12/2024	4.900		3.920	3.920		3.920	400	1	UBND xã Ứng Hòa	
94	Đường giao thông nội đồng từ Đồng Dành đi Đồng Muối, xã Trầm Lộng, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	1	Ứng Hòa	2024-2026	8490, 05/12/2024	4.990		4.100	4.100		4.100	300	1	UBND xã Ứng Hòa	
95	Đường giao thông nội đồng thôn Thanh Hội (Tuyến đường đồng Ao Cáy), xã Trung Tú, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	1	Ứng Hòa	2024-2026	5907-29/7/2024	4.990		2.000	2.000	1.000	1.000	2.500	1	UBND xã Ứng Hòa	
96	Đường nội đồng thôn Quảng Tái, Cao Xá, Tụ Chung (tuyến đường Giang đến kênh B, từ nghĩa trang thôn Tụ Chung đến trạm bơm Cao Xá, từ thập đạo đến đường trạch, từ bãi rác thôn Tụ Chung đến đường trạch) xã Trung Tú, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	1	Ứng Hòa	2024-2026	8559/QĐ-UBND ngày 09/12/2024 2953/QĐ-UBND ngày 31/12/2025	5.500		200	200		200	4.400	1	UBND xã Ứng Hòa	
97	Kiên cố hóa Kênh Bà Vi; Kênh Máng Lấp; Kênh Hóp Dưới thôn Viên Đình; xã Đông Lỗ	1	Ứng Hòa	2023-2025	902/QĐ-UBND ngày 07/9/2022; 3175/QĐ-UBND ngày 12/6/2023; 7815/QĐ-UBND ngày 15/11/2024	24.057		150	150		150	19.000	1	UBND xã Ứng Hòa	
98	Xây dựng đường giao thông nội đồng Hồng Tây thôn Xuân Đài, xã Trầm Lộng, huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội	1	Xã Ứng Hòa	2024-2026	8487-05/12/2024	4.985		1.500	1.500		1.500	2.700	1	UBND xã Ứng Hòa	
99	Cải tạo, nâng cấp đường trục nội đồng thôn Du Đồng, xã Đại Hùng, huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội	1	Xã Ứng Hòa	2024-2026	8548-09/12/2024	4.965		1.775	1.775		1.775	2.400	1	UBND xã Ứng Hòa	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu DA đến hết KH 2020 (bao gồm KHV 2020 kéo dài)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn giai đoạn 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân (gồm cả NS cấp xã)	Trong đó: Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025 (phần Ngân sách TP hỗ trợ)						
									Tổng lũy kế giải ngân	Trong đó					
										Lũy kế giải ngân 2021-2024	Giải ngân KHV năm 2025 đến 31/01/2026				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
100	Đường trục nội đồng từ Trạm bơm lên cội đồng Đầu thôn Vũ Ngoại xã Liên Bạt huyện Ứng hòa TP Hà Nội	1	Ứng Thiên	2025-2026	8609-10/12/2024	4.998		1.500	1.500		1.500	2.700	1	UBND xã Ứng Thiên	
101	Đường trục nội đồng - Mạn Ngang thôn Trần Đăng xã Hoa Sơn, huyện Ứng Hòa	1	Ứng Thiên	2023-2025	6646/QĐ-UBND ngày 06/11/2023	11.700		300	300		300	9.500	1	UBND xã Ứng Thiên	
102	Đường trục nội đồng liên thôn, liên xã đồng Thọ, từ Miếng Hạ xã Hoa Sơn đi xã Trường Thịnh - kênh Tân Phương, thị trấn Văn Đình	1	Ứng Thiên	2023-2025	7537/QĐ- UBND ngày 24/11/2023	14.650		300	300		300	12.000	1	UBND xã Ứng Thiên	
103	Đường GTND đoạn từ đường 429B Miếng thượng Hoa Sơn đến nương Bắc Quảng Hoa huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	1	Ứng Thiên	2024-2026	3957/QĐ-UBND ngày 14/6/2024	42.560		200	200		200	35.500	1	UBND xã Ứng Thiên	
104	Đường GTND đoạn từ đường 429B cổng Ao Viên Nội đến nương Bắc Quảng Hoa huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	1	Ứng Thiên	2024-2026	3335/QĐ-UBND ngày 31/5/2024	39.480		200	200		200	33.000	1	UBND xã Ứng Thiên	
105	Cải tạo, nâng cấp hệ thống đường giao thông, kết hợp giao thông nội đồng xã Văn Hòa	1	Xã Yên Bái	2025-2027	498/QĐ-UBND ngày 10/02/2025	43.000		13.200	13.200		13.200	29.000	1	UBND xã Yên Bái	
V	Lĩnh vực thương mại	10				257.089		75.272	75.272	4.400	70.872	96.200	10		
1	Cải tạo, nâng cấp chợ Tam Đa	1	Tây Hồ	2023-2025	1976/QĐ-UBND ngày 26/11/2024	14.829		9.000	9.000		9.000	3.500	1	UBND phường Tây Hồ	
2	Cải tạo, nâng cấp chợ gia cầm Hà Vĩ, xã Lê Lợi, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Chương Dương	2024-2026	4637/QĐ-UBND ngày 11/11/2024	14.886		9.000	9.000		9.000	5.000	1	UBND xã Chương Dương	
3	Cải tạo, nâng cấp chợ Tô	1	Đông Anh	2022-2025	12070/QĐ-UBND ngày 08/12/2023	49.566		9.299	9.299		9.299	5.000	1	UBND xã Đông Anh	
4	Cải tạo, nâng cấp chợ Trung tâm	1	Đông Anh	2022-2025	QĐ số 6243/QĐ-UBND ngày 24/6/2024	39.321		11.501	11.501		11.501	5.000	1	UBND xã Đông Anh	
5	Cải tạo, nâng cấp chợ La Đồng, xã Hợp Tiến	1	xã Hồng Sơn	2022-2026	5704/QĐ-UBND ngày 16/10/2024; 6773/QĐ-UBND ngày 25/11/2024	7.000		3.000	3.000		3.000	2.700	1	UBND xã Hồng Sơn	
6	Cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới một số hạng mục chợ Lai Thụ, xã Lê Thanh	1	xã Hồng Sơn	2022-2026	1712/QĐ-UBND ngày 11/3/2022; 321/QĐ-UBND ngày 15/11/2024	5.728		3.500	3.500		3.500	1.300	1	UBND xã Hồng Sơn	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu DA đến hết KH 2020 (bao gồm KHV 2020 kéo dài)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn giai đoạn 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân (gồm cả NS cấp xã)	Trong đó: Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025 (phần Ngân sách TP hỗ trợ)						
									Tổng lũy kế giải ngân	Trong đó					
										Lũy kế giải ngân 2021-2024	Giải ngân KHV năm 2025 đến 31/01/2026				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
7	Cải tạo, nâng cấp chợ Đố Hội, xã Nghĩa Hương, huyện Quốc Oai	1	Kiểu Phú	2024-2026	15/NQ-HĐND ngày 27/6/2024 2786/QĐ-UBND ngày 21/5/2025	13.634		936	936		936	7.500	1	UBND xã Kiểu Phú	
8	Xây dựng chợ Lấp ghép, xã Tiên Dương	1	Phúc Thịnh	2024-2027	13457/QĐ-UBND ngày 06/12/2024	83.493		18.336	18.336		18.336	52.500	1	UBND xã Phúc Thịnh	
9	Xây dựng chợ dân sinh thôn Nguyễn Khê, xã Nguyễn Khê	1	Phúc Thịnh	2025-2027	6399/QĐ-UBND ngày 05/5/2025 7497/QĐ-UBND ngày 19/5/2025	18.459		3.300	3.300		3.300	12.300	1	UBND xã Phúc Thịnh	
10	Cải tạo, nâng cấp chợ Dâu	1	Đồng Anh	2024-2026	10027/QĐ-UBND ngày 03/10/2024	10.173		7.400	7.400	4.400	3.000	1.400	1	UBND xã Vĩnh Thanh	
VII	Lĩnh vực HTKT khác	1				45.241		504	504	250	254	24.000	1		
1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn xã Dương Quang, huyện Gia Lâm (giai đoạn 3)	1	Thuận An	2026-2027	6452/QĐ-UBND ngày 20/12/2024	45.241		504	504	250	254	24.000	1	UBND xã Thuận An	



PHỤ LỤC 8.3

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2026-2030 NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ HỒ TRỢ MỤC TIÊU ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP CẤP XÃ

(Kèm theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 28 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố)

KHỐI KHOA GIÁO VĂN XÃ

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025				KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân (gồm cả NS cấp xã)	Trong đó: Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025 (phần Ngân sách TP hỗ trợ)						
									Tổng lũy kế giải ngân	Trong đó					
										Lũy kế giải ngân 2021-2024	KHV năm 2025				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	TỔNG CỘNG (A+B+C)	756				39.027.903	167.234	14.876.362	14.737.294	5.068.642	9.668.652	17.689.677	756		
A	CÁC DỰ ÁN THỰC HIỆN CTMT QUỐC GIA TRONG DANH MỤC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 2021-2025	18				415.390		167.397	167.397	16.600	150.797	183.200	18		
A.1	Chương trình nông thôn mới														
A.2	Chương trình dân tộc miền núi	18				415.390		167.397	167.397	16.600	150.797	183.200	18		
I	Lĩnh vực giáo dục	5				193.124		69.598	69.598	8.600	60.998	76.400	5		
1	Cải tạo, nâng cấp trường Tiểu học Đồng Xuân (điểm trường thôn Đồng Bền), huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội	1	X Yên Xuân	2024-2026	7736/QĐ-UBND 13/12/2024	30.060		8.000	8.000		8.000	20.000	1	UBND xã Yên Xuân	
2	Xây mới điểm trường mầm non trung tâm xã Đồng Xuân	1	X Yên Xuân	2024-2026	1294/QĐ-UBND 07/3/2025	44.466		11.998	11.998		11.998	20.000	1	UBND xã Yên Xuân	
3	Cải tạo, nâng cấp trường THCS Phú Cát	1	Phú Cát	2023-2025	6086/QĐ-UBND 18/9/2024; 138/QĐ-QLDA 05/5/2025	21.723		5.700	5.700		5.700	4.000	1	UBND xã Phú Cát	
4	Trường Tiểu học An Phú khu Thanh Hà	1	xã Mỹ Đức	2022-2026	4734/QĐ-UBND ngày 22/11/2022	46.575		22.100	22.100	8.600	13.500	14.400	1	UBND xã Mỹ Đức	
5	Trường Mầm non An Phú A (Điểm trường Thanh Hà)	1	xã Mỹ Đức	2023-2026	2567/QĐ-UBND ngày 31/08/2023	50.400		21.800	21.800		21.800	18.000	1	UBND xã Mỹ Đức	
II	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế - Lĩnh vực thủy lợi														
III	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế - Lĩnh vực giao thông	3				51.381		17.765	17.765		17.765	30.000	3		
1	Đường TL414 đi trường THCS và trạm y tế xã Tân Lĩnh	1	xã Suối Hai	2024-2026	1457/QĐ-UBND 02/12/2025	25.000		6.000	6.000		6.000	17.000	1	UBND xã Suối Hai	
2	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Trán Voi và thôn Đồng Vờ xã Phú Cát	1	Phú Cát	2024-2026	20/NQ-HĐND 11/10/2024; 1142/QĐ-UBND 28/02/2025	11.521		5.765	5.765		5.765	5.500	1	UBND xã Phú Cát	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lấy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lấy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025				KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lấy kế giải ngân (gồm cả NS cấp xã)	Trong đó: Lấy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025 (phần Ngân sách TP hỗ trợ)						
									Tổng lấy kế giải ngân	Trong đó					
										Lấy kế giải ngân 2021-2024	KHV năm 2025				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên thôn Đồng Vàng, thôn Cổ Rùa, thôn Đồng Âm xã Phú Mãn, huyện Quốc Oai	1	Phú Cát	2024-2026	20/NQ-HĐND 11/10/2024; 1029/QĐ-UBND 25/02/2025; 2864/QĐ-UBND ngày 24/11/2025	14.860		6.000	6.000		6.000	7.500	1	UBND xã Phú Cát	
IV	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế - Lĩnh vực nông nghiệp														
V	Lĩnh vực văn hóa thông tin (đồ lịch) - Nhà văn hóa thôn	2				12.455		5.854	5.854		5.854	5.500	2		
1	Xây dựng nhà văn hóa thôn Cổ Rùa xã Phú Mãn	1	Phú Cát	2024-2026	8038/QĐ-UBND 23/12/2024; 2585/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	6.842		3.000	3.000		3.000	3.200	1	UBND xã Phú Cát	
2	Cải tạo nâng cấp các Nhà Văn Hóa (Đồng Vàng, Đồng Âm, Đồng Vỡ) xã Phú Mãn, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội	1	Phú Cát	2024-2026	7619/QĐ-UBND 09/12/2024; 2639/QĐ-UBND ngày 03/11/2025	5.613		2.854	2.854		2.854	2.300	1	UBND xã Phú Cát	
VI	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế - Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật, cấp, thoát nước	4				57.936		24.000	24.000		24.000	29.800	4		
1	Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng trục thôn xã Phú Mãn	1	Phú Cát	2024-2026	20/NQ-HĐND 11/10/2024; 1103/QĐ-UBND 27/02/2025; 2583/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	8.455		4.000	4.000		4.000	4.300	1	UBND xã Phú Cát	
2	Xây dựng hệ thống chiếu sáng xã Đông Xuân, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội	1	X Yên Xuân	2024-2026	1104/QĐ-UBND 27/02/2025	23.632		10.000	10.000		10.000	12.000	1	UBND xã Yên Xuân	
3	Cải tạo hệ thống thoát nước mưa, nước thải thôn Đồng Bền xã Đông Xuân, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội	1	X Yên Xuân	2024-2026	1146/QĐ-UBND 28/02/2025	11.186		5.000	5.000		5.000	5.000	1	UBND xã Yên Xuân	
4	Cải tạo hệ thống thoát nước mưa, nước thải thôn Lập Thành, thôn Đồng Chấn, thôn Đá Thắm xã Đông Xuân, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội	1	X Yên Xuân	2024-2026	1105/QĐ-UBND 27/02/2025	14.663		5.000	5.000		5.000	8.500	1	UBND xã Yên Xuân	
VII	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế - Lĩnh vực thương mại	2				42.074		12.000	12.000		12.000	25.500	2		
1	Cải tạo, nâng cấp chợ Cổ xã Yên Bình	1	X Yên Xuân	2025-2027	718/QĐ-UBND ngày 24/02/2025	27.574		8.000	8.000		8.000	17.000	1	UBND xã Yên Xuân	
2	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng chợ nông thôn xã Yên Trung	1	X Yên Xuân	2025-2027	719/QĐ-UBND ngày 24/02/2025	14.500		4.000	4.000		4.000	8.500	1	UBND xã Yên Xuân	
VIII	Lĩnh vực y tế, dân số và gia đình	1				33.325		19.680	19.680	8.000	11.680	11.000	1		
1	Xây dựng mới phòng khám đa khoa Yên Bình	1	X Yên Xuân	2023-2026	7287/QĐ-UBND ngày 31/10/2023; 4487/QĐ-UBND ngày 04/9/2024 867/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	33.325		19.680	19.680	8.000	11.680	11.000	1	UBND xã Yên Xuân	

STT	Tên dự án	Số DA	Điểm điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lấy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lấy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025				KHV trung hạn 5 năm 2016-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lấy kế giải ngân (gồm cả NS cấp xã)	Trong đó: Lấy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025 (phần Ngân sách TP hỗ trợ)						
									Tổng lấy kế giải ngân	Trong đó					
										Lấy kế giải ngân 2021-2024	KHV năm 2025				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
IX	Lĩnh vực môi trường	1				24.995		18.500	18.500		18.500	5.000	1		
1	Cải tạo ao hồ xã Yên Bình, Yên Trung	1	X Yên Xuân	2024-2026	5324/QĐ-UBND ngày 15/11/2024;	24.995		18.500	18.500		18.500	5.000	1	UBND xã Yên Xuân	
B	CÁC DỰ ÁN THUỘC KẾ HOẠCH 03 LĨNH VỰC (GIÁO DỤC, DI TÍCH, Y TẾ)	176				10.580.331		5.574.670	5.574.670	2.231.464	3.343.206	3.723.792	176		
I	Lĩnh vực giáo dục	92				7.624.444		4.023.566	4.023.566	1.702.222	2.321.344	2.671.300	92		
1	Cải tạo, nâng cấp trường THCS Bắc Sơn	1	xã Trung Giã	2022-2026	3190 31/5/23 3141 14/11/2025	41.219		36.900	36.900	15.200	21.700	2.000	1	UBND xã Trung Giã	
2	Nâng cấp, mở rộng trường THCS Hồng Kỳ	1	xã Trung Giã	2024-2026	7797 05/11/2024	43.133		20.000	20.000	150	19.850	20.000	1	UBND xã Trung Giã	
3	Xây dựng Trường mầm non Ngọc Tảo	1	xã Hát Môn	2024-2026	QĐ số 4280/QĐ-UBND ngày 28/8/2024	130.000		90.400	90.400	1.000	89.400	24.000	1	UBND xã Hát Môn	
4	Xây dựng Trường Mầm Non Thanh Đa	1	xã Hát Môn	2024-2027	21/NQ-HĐND ngày 15/12/2023; 4275/QĐ-UBND ngày 27/8/2024	115.000		77.600	77.600	1.000	76.600	24.000	1	UBND xã Hát Môn	
5	Xây dựng Trường mầm non Liên Hiệp (Giai đoạn 2) (tên cũ: Trường mầm non Liên Hiệp điểm trường thôn 9)	1	xã Hát Môn	2023-2026	4281/QĐ-UBND ngày 28/8/2024; dc thời gian 1273/QĐ-UBND ngày 05/11/2025	74.468		50.700	50.700	800	49.900	9.000	1	UBND xã Hát Môn	
6	Trường mầm non Sơn Đông khu Tân Phú	1	Xã Đoài Phương	2023-2026	06/NQ-HĐND ngày 06/4/2023; 578-14/6/2023 434/QĐ-BQLDA ngày 19/07/2024	124.391		65.000	65.000	65.000		52.000	1	UBND xã Đoài Phương	
7	Xây dựng Trường THCS Cổ Đông	1	Xã Đoài Phương	2024-2027	06/NQ-HĐND ngày 06/4/2023; 250-15/3/2024; 239/QĐ-UBND ngày 26/02/2025	150.285		73.762	73.762	48.762	25.000	53.500	1	UBND xã Đoài Phương	
8	Cải tạo, nâng cấp trường mầm non Hoa Mai (tên cũ: Xây dựng, cải tạo trường MN Hoa Mai khu A)	1	xã Phúc Thọ	2024-2026	01/NQ-HĐND 26/5/2023; 03/NQ-HĐND 5/2/2024; 985/QĐ-UBND 24/2/2024	49.296		38.848	38.848	16.000	22.848	3.000	1	UBND xã Phúc Thọ	
9	Xây dựng nhà đa năng trường THCS xã Thọ Lộc	1	xã Phúc Thọ	2022 - 2026	23/NQ-HĐND ngày 21/12/2021; 03/NQ-HĐND ngày 05/02/2024; 192/QĐ-UBND ngày 15/01/2025	13.114		3.300	3.300		3.300	7.000	1	UBND xã Phúc Thọ	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lấy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lấy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025				KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lấy kế giải ngân (gồm cả NS cấp xã)	Trong đó: Lấy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025 (phần Ngân sách TP hỗ trợ)						
									Tổng lấy kế giải ngân	Trong đó					
			Lấy kế giải ngân 2021-2024	KHV năm 2025											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
10	Xây dựng trường Mầm non Trung Sơn Trầm	1	Phường Tùng Thiện	2024-2027	794/QĐ-UBND ngày 05/6/2024	133.131		90.400	90.400	35.000	55.400	34.000	1	UBND phường Tùng Thiện	
11	Xây dựng Trường THCS Trầm Lộng, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội	1	Xã Ứng Hòa	2024-2026	6827/QĐ-UBND ngày 16/9/2024	44.000		22.500	22.500		22.500	15.000	1	UBND xã Ứng Hòa	
12	Xây dựng mới Trường mầm non thôn Thái Bình, xã Vạn Thái, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	1	xã Hòa Xá	2021-2026	08/NQ-HĐND ngày 28/6/2024; 3559/QĐ-UBND ngày 12/6/2025	55.000		32.265	32.265	23.865	8.400	15.000	1	UBND xã Hòa Xá	
13	Xây dựng trường tiểu học Vạn Thái đạt chuẩn quốc gia mức độ 2, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	1	xã Hòa Xá	2023-2026	4969/QĐ-UBND 12/9/2023 2089/QĐ-BQL 26/4/2024; Số	33.500		16.674	16.674	8.000	8.674	12.000	1	UBND xã Hòa Xá	
14	Nâng cấp, cải tạo trường THCS xã Hòa Nam	1	xã Hòa Xá	2024-2026	7104/QĐ-UBND ngày 02/10/2024	54.000		19.160	19.160		19.160	27.000	1	UBND xã Hòa Xá	
15	Xây mới điểm trường mầm non thôn Kinh Nả	1	Xã Thư Lâm	2025-2028	QĐ DA 7568/QĐ-UBND ngày 20/5/2025 22/NQ-HĐND 04/11/2020; 23/NQ-HĐND ngày 28/9/2021 (ĐC CTĐT); 4492/QĐ-UBND ngày 01/11/2021;	81.145		20.500	20.500		20.500	45.000	1	UBND xã Thư Lâm	
16	Xây dựng, mở rộng trường Mầm non trung tâm xã Thạch Xá	1	xã Tây Phương	2022-2027	22/NQ-HĐND 04/11/2020; 23/NQ-HĐND ngày 28/9/2021 (ĐC CTĐT); 4492/QĐ-UBND ngày 01/11/2021;	80.948		61.897	61.897	60.500	1.397	6.500	1	UBND xã Tây Phương	
17	Xây dựng trường Tiểu học Minh Hà B xã Canh Nậu (xây điểm mới)	1	xã Tây Phương	2022-2026	22/NQ-HĐND 04/11/2020; 23/NQ-HĐND ngày 28/9/2021 (ĐC CTĐT); 4512/QĐ-UBND ngày 03/11/2021;	80.093		54.654	54.654	54.654		9.900	1	UBND xã Tây Phương	
18	Xây dựng, cải tạo trường Tiểu học Chàng Sơn	1	xã Tây Phương	2022-2026	44/NQ-HĐND ngày 16/12/2021; 4449/QĐ-UBND ngày 17/6/2022; 02/NQ-HĐND ngày 14/3/2023 (ĐC CTĐT);	70.149		16.000	16.000	16.000		22.000	1	UBND xã Tây Phương	
19	Mở rộng, xây dựng phòng học, nhà đa năng, phụ trợ trường THCS Thạch Xá	1	xã Tây Phương	2023-2026	20/NQ-HĐND ngày 21/10/2022; 861/QĐ-UBND ngày 21/02/2024	74.615		20.000	20.000	20.000		22.000	1	UBND xã Tây Phương	
20	Mở rộng, xây phòng học, nhà đa năng, phụ trợ trường THCS Chàng Sơn	1	xã Tây Phương	2024-2027	26/NQ-HĐND ngày 15/12/2023; 2514/QĐ-UBND ngày 17/5/2024	84.987		17.846	17.846	17.846		46.000	1	UBND xã Tây Phương	
21	Trường mầm non Di Trạch 2	1	Hoài Đức	2019-2026	6268; 29/10/2018 07/NQ-HĐND ngày 17/8/2020	62.616						50.000	1	UBND xã Hoài Đức	
22	Xây dựng trường THCS Di Trạch	1	Hoài Đức	2023-2026	12495; 10/10/2023	176.091		34.000	34.000	23.500	10.500	120.000	1	UBND xã Hoài Đức	

12

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025				KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân (gồm cả NS cấp xã)	Trong đó: Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025 (phần Ngân sách TP hỗ trợ)						
									Tổng lũy kế giải ngân	Trong đó					
										Lũy kế giải ngân 2021-2024	KHV năm 2025				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
23	Trường tiểu học Bình Minh A	1	xã Bình Minh	2022-2026	6103/QĐ-UBND ngày 25/10/2021; 1281/QĐ-UBND ngày 14/11/2025	130.000		100.500	100.500	84.000	16.500	9.000	1	UBND xã Bình Minh	
24	Trường tiểu học Cao Viên II	1	xã Bình Minh	2024-2026	5691/QĐ-UBND ngày 01/8/2024; 1281/QĐ-UBND ngày 14/11/2025	80.000		29.200	29.200		29.200	40.000	1	UBND xã Bình Minh	
25	Trường Mầm non Xuân Mai	1	Xã Xuân Mai	2023-2026	2678/QĐ-UBND ngày 27/5/2024	21.438		16.200	16.200	5.000	11.200	2.500	1	UBND xã Xuân Mai	
26	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Yên Sơn (điểm trường trung tâm Quảng Yên), huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội	1	Quốc Oai	2024-2026	7122/QĐ-UBND 11/11/2024; 3970/QĐ-UBND 12/11/2025	44.313		800	800	300	500	36.000	1	UBND xã Quốc Oai	
27	Trường Mầm non Đồng Phương Yên	1	Xã Phú Nghĩa	2023-2026	2669/QĐ-UBND ngày 19/5/2023 1270/QĐ-UBND ngày 28/02/2025	85.996		39.200	39.200	29.000	10.200	33.000	1	UBND xã Phú Nghĩa	
28	Trường tiểu học Phú Đông	1	xã Cổ Đô	2023-2026	1299/QĐ-UBND ngày 18/3/2022; 9026/QĐ-UBND ngày 30/12/2023; 1625/QĐ-UBND ngày 12/11/2025	26.000		15.000	15.000		15.000	9.000	1	UBND xã Cổ Đô	
29	Trường mầm non Thuận Mỹ (Giai đoạn 2)	1	xã Bát Bụt	2025-2027	1349/QĐ-UBND ngày 21/3/2022; 9029/QĐ-UBND 30/12/2023 1224/QĐ-UBND ngày 23/12/2025	43.800		10.000	10.000		10.000	15.000	1	UBND xã Bát Bụt	
30	Xây dựng Trường Mầm non Lê Thanh B	1	xã Hồng Sơn	2021-2026	2551/QĐ-UBND ngày 26/10/2021; 4139/QĐ-UBND ngày 09/11/2022	65.059		58.000	58.000	55.000	3.000	1.000	1	UBND xã Hồng Sơn	
31	Trường mầm non Phùng Xá	1	xã Hồng Sơn	2022-2026	4091/QĐ-UBND ngày 31/10/2022; 2412/QĐ-UBND 14/8/2023; 7318/QĐ-UBND ngày 06/12/2024	25.000		21.000	21.000	21.000		3.500	1	UBND xã Hồng Sơn	
32	Cải tạo, nâng cấp trường mầm non Hồng Sơn đạt chuẩn mức độ 2	1	xã Hồng Sơn	2022-2026	3252/QĐ-UBND ngày 26/08/2022	40.600		30.800	30.800	30.800		2.200	1	UBND xã Hồng Sơn	
33	Trường mầm non An Mỹ, huyện Mỹ Đức	1	xã Hồng Sơn	2022-2026	4371/QĐ-UBND ngày 12/12/2023	14.980		13.559	13.559	5.000	8.559	700	1	UBND xã Hồng Sơn	
34	Trường tiểu học Phùng Xá	1	xã Hồng Sơn	2022-2026	4694/QĐ-UBND ngày 21/11/2022; 3874/QĐ-UBND ngày 21/11/2023; 3197/QĐ-UBND ngày 13/5/2025	44.000		26.867	26.867	21.867	5.000	15.000	1	UBND xã Hồng Sơn	
35	Cải tạo, nâng cấp trường Tiểu học Hùng Tiến	1	Xã Hương Sơn	2024-2027	4690 27/8/2024	64.398		1.400	1.400		1.400	53.000	1	UBND xã Hương Sơn	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025				KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân (gồm cả NS cấp xã)	Trong đó: Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025 (phần Ngân sách TP hỗ trợ)						
									Tổng lũy kế giải ngân	Trong đó					
					Lũy kế giải ngân 2021-2024	KHV năm 2025									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
36	Cải tạo, nâng cấp trường THCS xã Hùng Tiến	1	Xã Hương Sơn	2023-2026	3735/QĐ-UBND ngày 08/11/2023	35.804		1.000	1.000		1.000	30.000	1	UBND xã Hương Sơn	
37	Trồng mận non Tế Tiêu	1	xã Mỹ Đức	2023 - 2026	6441/QĐ-UBND ngày 15/11/2024	14.980		3.000	3.000		3.000	8.000	1	UBND xã Mỹ Đức	
38	Xây dựng trường mầm non Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh	1	Quang Minh	2023-2026	815/QĐ-UBND 01/3/2024	132.651		97.124	97.124	35.700	61.424	11.500	1	UBND xã Quang Minh	
39	Xây dựng trường tiểu học Kim Hoa A, xã Kim Hoa, huyện Mê Linh	1	Quang Minh	2024-2026	2012/QĐ-UBND 21/5/2024	170.523		100.750	100.750	15.750	85.000	31.500	1	UBND xã Quang Minh	
40	Xây dựng trường THCS Kim Hoa, xã Kim Hoa, huyện Mê Linh	1	Quang Minh	2023-2026	1479/QĐ-UBND 17/4/2024	146.745		111.750	111.750	10.750	101.000	13.000	1	UBND xã Quang Minh	
41	Cải tạo, nâng cấp và xây dựng bổ sung cơ sở vật chất trường THCS Thanh Lâm B, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh	1	Quang Minh	2023-2026	2391/QĐ-UBND 27/6/2024	93.108		62.500	62.500	12.500	50.000	18.000	1	UBND xã Quang Minh	
42	Cải tạo, nâng cấp và xây dựng bổ sung cơ sở vật chất trường tiểu học Chi Đông, thị trấn Chi Đông, huyện Mê Linh	1	Quang Minh	2025-2028	1863/QĐ-UBND 22/4/2025	39.483		13.500	13.500		13.500	21.400	1	UBND xã Quang Minh	
43	Cải tạo, nâng cấp và xây dựng bổ sung CSVK trường mầm non Chi Đông, TT Chi Đông, huyện Mê Linh	1	Quang Minh	2025-2028	1862/QĐ-UBND 22/4/2025	97.275		41.644	41.644		41.644	31.600	1	UBND xã Quang Minh	
44	Cải tạo, nâng cấp và xây dựng bổ sung cơ sở vật chất trường mầm non Thạch Đà B, xã Thạch Đà, huyện Mê Linh	1	Yên Lãng	2025-2028	22/NQ-HĐND 19/12/2024, 1916/QĐ-UBND ngày 31/10/2025	53.590		12.000	12.000	12.000		15.000	1	UBND xã Yên Lãng	
45	Xây dựng, bổ sung cơ sở vật chất trường mầm non Hoàng Kim, xã Hoàng Kim, huyện Mê Linh	1	Yên Lãng	2025-2028	22/NQ-HĐND 19/12/2024, 1917/QĐ-UBND ngày 31/10/2025	50.854		12.000	12.000	12.000		20.000	1	UBND xã Yên Lãng	
46	Xây dựng mầm non Liên Mạc (khu vực Bồng Mạc) xã Liên Mạc, Mê Linh	1	Yên Lãng	2023-2026	3419/QĐ-UBND ngày 30/5/2023	118.689		98.900	98.900	88.700	10.200	4.000	1	UBND xã Yên Lãng	
47	Cải tạo xây dựng trường THPT Chương Mỹ A, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội	1	Chương Mỹ	2023 - 2026	6690/QĐ-UBND ngày 25/10/2023 764/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	88.991		55.400	55.400	40.000	15.400	21.000	1	UBND phường Chương Mỹ	
48	Trường tiểu học Đồng Quang A, huyện Quốc Oai	1	Hưng Đạo	2023-2026	4890/QĐ-UBND 20/10/2023	63.777		55.190	55.190	18.200	36.990	2.000	1	UBND xã Hưng Đạo	
49	Xây dựng trường THCS Tân Hoà, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội	1	Hưng Đạo	2024-2027	7132/QĐ-UBND 12/11/2024	122.694		19.200	19.200	200	19.000	85.000	1	UBND xã Hưng Đạo	
50	Trường THCS Liên Tuyết, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội	1	Kiều Phú	2023-2026	4889/QĐ-UBND 20/10/2023; 461/QĐ-QLDA 24/10/2024; 3049/QĐ-UBND ngày 18/11/2025	36.701		25.200	25.200	9.000	16.200	5.000	1	UBND xã Kiêu Phú	
51	Cải tạo, nâng cấp Trường Tiểu học Ngọc Liệp, huyện Quốc Oai, Hà Nội	1	Kiều Phú	2024-2026	3780/QĐ-UBND 27/6/2024; 98/QĐ-QLDA 26/3/2025	24.505		14.500	14.500		14.500	7.000	1	UBND xã Kiêu Phú	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025				KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân (gồm cả NS cấp xã)	Trong đó: Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025 (phần Ngân sách TP hỗ trợ)						
									Tổng lũy kế giải ngân	Trong đó					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
52	Mở rộng, nâng cấp trường THCS Cẩm Hữu, huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội	1	Kiểm Phú	2023-2026	6190/QĐ-UBND 26/9/2024; 1510/QĐ-UBND ngày 03/10/2025	35.400		16.600	16.600		16.600	14.000	1	UBND xã Kiêu Phú	
53	Tiểu học Đông Yên A	1	Phú Cát	2023-2025	19/NQ-HĐND 15/12/2022	41.810		300	300	300		35.000	1	UBND xã Phú Cát	
54	Xây dựng trường THCS xã Đa Tốn, huyện Gia Lâm	1	Bát Trống	2024-2026	số 4943 28/11/2023	83.621		60.300	60.300	48.500	11.800	11.800	1	UBND xã Bát Trống	
55	Xây dựng trường Mầm non Kim Sơn, huyện Gia Lâm	1	Thuận An	2024-2026	1170/QĐ-UBND ngày 26/3/2025	76.230		18.800	18.800		18.800	47.000	1	UBND xã Thuận An	
56	Trường mầm non Phương Trung II (Giai đoạn II)	1	xã Thanh Oai	2024-2026	7135/QĐ-UBND ngày 25/11/2021; 5303/QĐ-UBND ngày 16/7/2024	17.300		10.500	10.500		10.500	3.700	1	UBND xã Thanh Oai	
57	Xây dựng trường THCS Thư Phú, huyện Thường Tín ở vị trí mới	1	Chương Dương	2021-2026	3945b/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 726/QĐ-UBND ngày 29/02/2024	66.268		44.551	44.551	39.551	5.000	12.000	1	UBND xã Chương Dương	
58	Trường mầm non Liên Phương, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	xã Hồng Vân	2023-2026	25/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 10/NQ-HĐND ngày 11/7/2023 6684/QĐ-UBND ngày 16/11/2023	79.826		50.000	50.000	43.700	6.300	21.800	1	UBND xã Hồng Vân	
59	Cải tạo, xây mới Trường THCS thị trấn Phú Xuyên	1	Xã Phú Xuyên	2023-2026	1984/QĐ-UBND ngày 31/5/2023	39.253		25.318	25.318	15.500	9.818	6.900	1	UBND xã Phú Xuyên	
60	Trường mầm non Minh Cường, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Xã Phú Xuyên	2023-2026	25/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 01/NQ-HĐND ngày 12/4/2023	31.997		28.800	28.800	17.800	11.000	2.500	1	UBND xã Phú Xuyên	
61	Trường THCS Vạn Điểm, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Xã Phú Xuyên	2023-2026	6592/QĐ-UBND ngày 23/9/2021 01/NQ-HĐND ngày 12/4/2023 3988/QĐ-UBND ngày	145.782		67.100	67.100	50.703	16.397	56.800	1	UBND xã Phú Xuyên	
62	Trường THCS Thống Nhất, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Xã Phú Xuyên	2024-2026	4451/QĐ-UBND ngày 28/10/2024	26.591		10.300	10.300		10.300	12.300	1	UBND xã Phú Xuyên	
63	Xây dựng Trường Tiểu học Yên Sở tại ô C3/TH2	1	phường Yên Sở	2024-2028	2324/QĐ-UBND ngày 22/5/2024	326.925		59.374	59.374	50.400	8.974	218.000	1	UBND phường Yên Sở	
64	Xây dựng thay thế trường mầm non Văn Cón C	1	xã An Khánh	2023-2026	8772; 07/12/2022; 213; 25/1/2024	126.598		57.445	57.445	37.445	20.000	20.000	1	UBND xã An Khánh	
65	Xây dựng thay thế trường tiểu học Văn Cón	1	xã An Khánh	2023-2026	11200; 02/8/2023	123.863		93.711	93.711	1.711	92.000	50.000	1	UBND xã An Khánh	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lấy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lấy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025				KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân (gồm cả NS cấp xã)	Trong đó: Lấy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025 (phần Ngân sách TP hỗ trợ)						
									Tổng lũy kế giải ngân	Trong đó					
									Lấy kế giải ngân 2021-2024	KHV năm 2025					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
66	Xây dựng mới trường mầm non An Khánh 3	1	xã An Khánh	2023-2026	13007; 31/10/2023	110.000		82.623	82.623	15.623	67.000	40.000	1	UBND xã An Khánh	
67	Xây dựng trường Tiểu học Đông La 2	1	xã An Khánh	2024-2027	4636; 05/11/2024	135.961		131.000	131.000	36.000	95.000	60.000	1	UBND xã An Khánh	
68	Xây dựng thay thế trường mầm non Văn Cồn B	1	xã An Khánh	2023-2027	12477; 9/10/2023; 2531; 08/11/2025	132.923		129.303	129.303	36.303	93.000	40.000	1	UBND xã An Khánh	
69	Xây dựng thay thế trường THCS Văn Cồn	1	xã An Khánh	2024-2027	5056; 29/11/2024	148.371		147.500	147.500	29.500	118.000	50.000	1	UBND xã An Khánh	
70	Xây mới và cải tạo, nâng cấp trường tiểu học An Khánh B khu A	1	xã An Khánh	2020-2026	8803; 03/12/2020; 13895; 13/12/2023; 2846; 22/11/2025	31.925		30.000	30.000	8.000	22.000	15.000	1	UBND xã An Khánh	
71	Xây mới trường tiểu học Hữu Hòa (cơ sở 2), huyện Thanh Trì	1	Đại Thanh	2023-2026	179/QĐ-UBND ngày 19/01/2022; 5159/QĐ-UBND 16/10/2023	142.887		73.445	73.445	36.845	36.600	48.000	1	UBND xã Đại Thanh	
72	Nâng cấp mở rộng trường tiểu học Ngọc Hồi	1	Ngọc Hồi	2022-2026	6030/QĐ-UBND ngày 28/11/2024	123.081		31.675	31.675		31.675	73.000	1	UBND xã Ngọc Hồi	
73	Xây dựng mới trường mầm non Đại Áng (thôn Vĩnh Trung), huyện Thanh Trì	1	Ngọc Hồi	2024-2027	6563/QĐ-UBND ngày 30/12/2024	112.668		11.000	11.000		11.000	85.000	1	UBND xã Ngọc Hồi	
74	Nâng cấp trường mầm non B xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì	1	xã Thanh Trì	2025-2026	5571/QĐ-UBND 10/11/2023; 2007/QĐ-UBND ngày 21/11/2025	61.373		47.552	47.552	25.000	22.552	4.900	1	UBND xã Thanh Trì	
75	Xây mới trường THCS Thị trấn Văn Điển (cơ sở 2), huyện Thanh Trì	1	xã Thanh Trì	2023-2026	16/NQ-HBND ngày 21/05/2020; 431/QĐ-UBND 19/02/2024	201.496		71.720	71.720	55.000	16.720	108.000	1	UBND xã Thanh Trì	
76	Xây dựng trường Mầm non Cấn Kiệm (xây điểm mới)	1	xã Hạ Bằng	2024-2026	2748/QĐ-UBND 16/5/2023; 576/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 (ĐCTG)	99.000		2.000	2.000		2.000	82.000	1	UBND xã Hạ Bằng	
77	Nâng cấp, cải tạo nhà lớp học, hiệu bộ, bộ môn, khu giáo dục thể chất, phụ trợ trường Tiểu học Bình Yên	1	xã Hạ Bằng	2023-2026	8420/QĐ-UBND 08/11/2022; 577/QĐ-UBND 13/10/2025 (d.c tg)	62.606		2.000	2.000		2.000	52.000	1	UBND xã Hạ Bằng	
78	Trường mầm non Song Phương	1	xã Đan Phượng	2023-2026	3455, ngày 15/5/2023	114.750		80.000	80.000	37.000	43.000	18.000	1	UBND xã Đan Phượng	
79	Trường tiểu học Đan Phượng B	1	xã Đan Phượng	2023-2026	3407, ngày 11/5/2023	132.787		103.000	103.000	59.000	44.000	15.000	1	UBND xã Đan Phượng	
80	Trường mầm non trung tâm xã Trường Thịnh huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội	1	xã Ứng Thiên	2023-2026	1130/QĐ-BQL 08/12/2023; 1414/QĐ-UBND ngày 6/11/2025	36.000		25.308	25.308	13.208	12.100	5.000	1	UBND xã Ứng Thiên	
81	Xây dựng trường tiểu học Quảng Phú Cầu chuẩn quốc gia – mức độ 2	1	xã Ứng Thiên	2024-2026	4346/QĐ-UBND ngày 21/6/2024; 2071/QĐ-BQL ngày 25/10/2024	87.000		55.563	55.563	20.000	35.563	18.000	1	UBND xã Ứng Thiên	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lấy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lấy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025				KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lấy kế giải ngân (gồm cả NS cấp xã)	Trong đó: Lấy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025 (phần Ngân sách TP hỗ trợ)						
									Tổng lấy kế giải ngân	Trong đó					
									Lấy kế giải ngân 2021-2024	KHV năm 2025					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
82	Xây dựng Trường mầm non Văn Phúc (tên cũ : Cải tạo, nâng cấp trường Mầm non Văn Phúc (điểm thôn Lầy)	1	Xã Phúc Lộc	2023-2027	01/NQ-HĐND 26/5/2023; QĐ số 2893/QĐ-UBND ngày 11/6/2024; đề thời gian 3326/QĐ-UBND ngày 20/6/2025	97.305		54.800	54.800	26.000	28.800	27.000	1	UBND xã Phúc Lộc	
83	Xây dựng Trường THCS Văn Phúc giai đoạn 2	1	Xã Phúc Lộc	2024-2027	21/NQ-HĐND ngày 15/12/2023; 2212/QĐ-UBND ngày 14/5/2024	100.000		60.000	60.000	26.000	34.000	20.000	1	UBND xã Phúc Lộc	
84	Cải tạo, nâng cấp Trường THCS Võng Xuyên	1	Xã Phúc Lộc	2024-2026	991/QĐ-UBND ngày 24/2/2024	25.535		500	500		500	20.000	1	UBND xã Phúc Lộc	
85	Mở rộng và xây dựng bổ sung phòng học trường tiểu học Trung Hưng	1	Phường Sơn Tây	2024-2027	877/QĐ-UBND ngày 11/6/2024	56.966		50.500	50.500	13.905	36.595	3.000	1	UBND phường Sơn Tây	
86	Mở rộng và xây dựng nhà lớp học, nhà bộ môn trường THCS Trung Hưng	1	Phường Sơn Tây	2024-2027	876/QĐ-UBND ngày 11/6/2024	84.884		70.000	70.000	20.000	50.000	10.000	1	UBND phường Sơn Tây	
87	Xây dựng Trường THCS Sơn Lộc	1	Phường Sơn Tây	2024-2027	875/QĐ-UBND ngày 11/6/2024	111.002		85.800	85.800	25.000	60.800	8.000	1	UBND phường Sơn Tây	
88	Trường mầm non Phú Thịnh	1	Phường Sơn Tây	2024-2027	06/NQ-HĐND ngày 06/4/2023; 1454/QĐ-UBND ngày 02/8/2024, 198/QĐ-BQLDA ngày 28/03/2025	133.688		55.000	55.000		55.000	58.000	1	UBND phường Sơn Tây	
89	Trường mầm non Trung Hưng	1	Phường Sơn Tây	2024-2027	26/NQ-HĐND ngày 16/12/2023; 1452/QĐ-UBND ngày 02/8/2024	139.583		70.000	70.000		70.000	48.000	1	UBND phường Sơn Tây	
90	Xây dựng Trường tiểu học Viên Sơn	1	Phường Sơn Tây	2024-2027	06/NQ-HĐND ngày 06/4/2023; 1713/QĐ-UBND ngày 16/10/2024	128.015		38.850	38.850		38.850	69.500	1	UBND phường Sơn Tây	
91	Cải tạo, nâng cấp trường THCS Sơn Công đạt chuẩn mức độ 2, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	1	xã Vân Đình	2024-2026	447/QĐ-UBND ngày 23/01/2025	27.906		7.839	7.839		7.839	16.000	1	UBND xã Vân Đình	
92	Cải tạo, nâng cấp trường mầm non Xuân Thu	1	xã Đa Phúc	2024-2026	7796/QĐ-UBND ngày 05/11/2024	18.732		14.900	14.900	185	14.715	3.300	1	UBND xã Đa Phúc	
II	Lĩnh vực di tích	82				2.931.169		1.532.404	1.532.404	517.042	1.015.362	1.047.892	82		
1	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Phúc Trạch xã Võng Xuyên	1	Xã Phúc Lộc	2024-2026	2260/QĐ-UBND ngày 15/5/2024	19.687		400	400		400	15.000	1	UBND xã Phúc Lộc	
2	Đền Phúc Khê (Đền - Miếu Phúc Khê), xã Bột Xuyên, huyện Mỹ Đức	1	Xã Phúc Sơn	2024-2026	4857/QĐ-UBND ngày 06/09/2024; 3764/QĐ-UBND 03/6/2025	28.800		500	500		500	25.000	1	UBND xã Phúc Sơn	
3	Đình Bột Xuyên, xã Bột Xuyên	1	Xã Phúc Sơn	2024-2026	8614/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	20.000		400	400		400	17.000	1	UBND xã Phúc Sơn	
4	Tu bổ, tôn tạo di tích Miếu Bảo Lộc, xã Võng Xuyên	1	Xã Phúc Lộc	2024-2026	2257/QĐ-UBND ngày 15/5/2024	7.850		200	200		200	6.200	1	UBND xã Phúc Lộc	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025				KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân (gồm cả NS cấp xã)	Trong đó: Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025 (phần Ngân sách TP hỗ trợ)						
									Tổng lũy kế giải ngân	Trong đó					
					Lũy kế giải ngân 2021-2024	KHV năm 2025									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
5	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Nghĩa Lộ xã Võng Xuyên	1	Xã Phúc Lộc	2024-2026	09/NQ-HĐND ngày 10/4/2024; 2265/QĐ-UBND ngày 15/5/2024	14.773		300	300		300	11.000	1	UBND xã Phúc Lộc	
6	Tu bổ tôn tạo di tích chùa Phúc Trạch xã Võng Xuyên	1	Xã Phúc Lộc	2024-2026	QĐ số 2181/QĐ-UBND ngày 13/5/2024	10.031		3.200	3.200		3.200	5.000	1	UBND xã Phúc Lộc	
7	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Xuân Nộn	1	Xã Thư Lâm	2024-2026	QĐ DA 1687/QĐ-UBND 05/3/2024	34.893		30.500	30.500	10.500	20.000	4.392	1	UBND xã Thư Lâm	
8	Tu bổ, tôn tạo di tích Chúa Đồng Lục thị trấn Phúc Thọ	1	xã Phúc Thọ	2024-2026	09/NQ-HĐND ngày 10/4/2024; 2262/QĐ-UBND ngày 15/5/2024	33.468		700	700		700	27.000	1	UBND xã Phúc Thọ	
9	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Đồng Lục thị trấn Phúc Thọ	1	xã Phúc Thọ	2024-2026	09/NQ-HĐND ngày 10/4/2024; 2264/QĐ-UBND ngày 15/5/2024	25.548		500	500		500	21.000	1	UBND xã Phúc Thọ	
10	Tu bổ, tôn tạo di tích Nhà thờ họ Nguyễn thị trấn Phúc Thọ	1	xã Phúc Thọ	2024-2026	09/NQ-HĐND ngày 10/4/2024 2266/QĐ-UBND ngày 15/5/2024	7.040		250	250		250	5.500	1	UBND xã Phúc Thọ	
11	Tu bổ, tôn tạo di tích đền Thiên thị trấn Phúc Thọ	1	xã Phúc Thọ	2024-2026	09/NQ-HĐND ngày 10/4/2024 2256/QĐ-UBND ngày 15/5/2024	27.637		500	500		500	22.500	1	UBND xã Phúc Thọ	
12	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Thượng Cốc xã Thượng Cốc	1	xã Phúc Thọ	2024-2026	09/NQ-HĐND ngày 10/4/2024; 2255/QĐ-UBND ngày 15/5/2024	32.888		5.700	5.700		5.700	24.200	1	UBND xã Phúc Thọ	
13	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Kỳ Úc thị trấn Phúc Thọ	1	xã Phúc Thọ	2024-2026	09/NQ-HĐND ngày 10/4/2024; 2259/QĐ-UBND ngày 15/5/2024	48.945		1.000	1.000		1.000	40.500	1	UBND xã Phúc Thọ	
14	Tu bổ tôn tạo di tích Miếu Triệu Xuyên	1	xã Phúc Thọ	2024-2026	20/NQ-HĐND ngày 15/12/2022; 15/NQ-HĐND ngày 26/6/2024; 743/QĐ-UBND ngày 27/02/2025	36.616		700	700		700	20.000	1	UBND xã Phúc Thọ	
15	Tu bổ, tôn tạo chùa Phú Xá Đoài, xã Phú Minh	1	Xã Nội Bài	2023-2026	6872 12/10/2023	20.900		12.000	12.000	10.000	2.000	6.500	1	UBND xã Nội Bài	
16	Tu bổ, tôn tạo đền Bá, xã Xuân Thu	1	xã Đa Phúc	2022-2026	9914/QĐ-UBND ngày 12/12/2022; 8356/QĐ-UBND ngày 19/11/2024	22.000		15.966	15.966	10.300	5.666	500	1	UBND xã Đa Phúc	
17	Tu bổ, tôn tạo đình thôn Trung, xã Đức Hòa	1	xã Đa Phúc	2023-2026	880/QĐ-UBND ngày 07/2/2024	20.239		14.089	14.089	10.300	3.789	300	1	UBND xã Đa Phúc	
18	Tu bổ tôn tạo di tích chùa Đồng Dương, xã Tảo Dương Văn, huyện Ứng Hòa	1	xã Văn Đình	Hết năm 2026	932/QĐ-UBND 15/9/2022; 1204-31/12/2025	28.000		18.000	18.000	9.000	9.000	6.000	1	UBND xã Văn Đình	
19	Tu bổ tôn tạo di tích Đình Đoàn Xá (Đình Thượng, Đình Hạ) xã Đồng Tiến, huyện Ứng Hoà, Hà Nội	1	xã Văn Đình	Hết năm 2026	1145/QĐ-UBND ngày 18/10/2022; 1085-24/12/2025	29.304		22.500	22.500	18.000	4.500	3.000	1	UBND xã Văn Đình	
20	Xây dựng khu lưu niệm Trường ban Thường trực Quốc hội Bùi Bằng Đoàn	1	xã Ứng Thiên	2.025	2215/QĐ-UBND ngày 26/4/2025	37.540		30.300	30.300		30.300	2.000	1	UBND xã Ứng Thiên	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lấy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lấy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025			KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú	
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng tỷ kế giải ngân (gồm cả NS cấp xã)	Trong đó: Lấy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025 (phần Ngân sách TP hỗ trợ)						
									Tổng lấy kế giải ngân	Trong đó					
									Lấy kế giải ngân 2021-2024	KHV năm 2025					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
21	Tu bổ tôn tạo di tích Đình Bật Ngõ, Đình Chung Ba thôn Bật, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hoà, Hà Nội	1	xã Ứng Thiên	2023-2026	626/QĐ-UBND 20/6/2022; 7330/QĐ-UBND ngày 21/10/2024; 1411/QĐ-UBND ngày 5/11/2025	23.223		21.300	21.300	10.000	11.300	1.900	1	UBND xã Ứng Thiên	
22	Tu bổ tôn tạo di tích Chùa Bàu Bôi, xã Quảng Phú Cầu, huyện Ứng Hoà, Hà Nội	1	xã Ứng Thiên	2022-2026	815/QĐ-UBND ngày 22/8/2022; 1439/QĐ-UBND ngày 8/11/2025	28.000		25.500	25.500	12.675	12.825	1.200	1	UBND xã Ứng Thiên	
23	Tu bổ tôn tạo di tích Đình Trần Đăng, xã Hoa Sơn, huyện Ứng Hoà, Hà Nội	1	xã Ứng Thiên	2022-2026	813/QĐ-UBND ngày 22/8/2022; 2119/QĐ UBND ngày 28/4/2025; số 1434 ngày 8/11/2025	21.289		20.000	20.000	13.000	7.000	1.200	1	UBND xã Ứng Thiên	
24	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Vũ Nội, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa, Hà Nội	1	xã Ứng Thiên	2023-2026	1144/QĐ-UBND 18/10/2022; 7615/QĐ UBND ngày 08/11/2024; 1413/QĐ UBND ngày 06/11/2025	13.084		11.945	11.945	6.945	5.000	1.080	1	UBND xã Ứng Thiên	
25	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Lưu Khê, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa, Hà Nội	1	xã Ứng Thiên	2022-2026	625/QĐ-UBND ngày 20/6/2022; 1569/QĐ UBND ngày 08/4/2025; 1412/QĐ UBND ngày 05/11/2025	14.522		13.600	13.600	10.000	3.600	920	1	UBND xã Ứng Thiên	
26	Tu bổ tôn tạo Đền Miếng Hạ, xã Hoa Sơn, huyện Ứng Hoà, Hà Nội	1	xã Ứng Thiên	2022-2026	1351/QĐ-UBND 24/11/2022; 2186/QĐ UBND ngày 06/5/2025; số 1438 ngày 8/11/2025	19.884		18.000	18.000	14.000	4.000	1.300	1	UBND xã Ứng Thiên	
27	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Đặng Giảng, xã Hoà Phú, huyện Ứng Hoà, Hà Nội	1	xã Hòa Xá	2023-2026	7945/QĐ-UBND 08/12/2023	26.000		17.000	17.000	8.000	9.000	5.000	1	UBND xã Hòa Xá	
28	Tu bổ, tôn tạo cụm di tích đình, chùa, miếu thôn Lại Đò (GD2)	1	xã Đông Anh	2024-2027	CT- 15039/QĐ-UBND ngày 01/12/2021; DA - 872/QĐ-UBND 02/02/2024	63.238		52.850	52.850	17.350	35.500	8.000	1	UBND xã Đông Anh	
29	Tu bổ, tôn tạo Quán xóm Trại xã Cần Kiệm	1	xã Hạ Bằng	2023-2026	2829/QĐ-UBND 19/5/2023; 578/QĐ-UBND ngày 13/10/2025 (DCTG)	6.750		200	200		200	5.000	1	UBND xã Hạ Bằng	
30	Tu bổ tôn tạo di tích Chùa Yên Mỹ, xã Yên Mỹ	1	xã Thanh Trì	2024-2026	6112/QĐ-UBND ngày 29/11/2023	11.719		3.019	3.019		3.019	8.700	1	UBND xã Thanh Trì	
31	Chùa Lưu Phúc, xã Ngũ Hiệp	1	xã Thanh Trì	2024-2026	3652/QĐ-UBND ngày 08/7/2024, 2686/QĐ-UBND 02/6/2025	15.864		10.915	10.915	2.800	8.115	3.000	1	UBND xã Thanh Trì	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025				KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân (gồm cả NS cấp xã)	Trong đó: Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025 (phần Ngân sách TP hỗ trợ)						
									Tổng lũy kế giải ngân	Lũy kế giải ngân 2021-2024	KHV năm 2025				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
32	Tu bổ, tôn tạo di tích Chùa Nhị Châu, xã Liên Ninh	1	Ngọc Hồi	2024-2026	2761/QĐ-UBND ngày 30/5/2024; 2690/QĐ-UBND ngày 03/6/2025	32.918		29.931	29.931		29.931	2.000	1	UBND xã Ngọc Hồi	
33	Tu bổ di tích chiến thắng Ngọc Hồi mùa xuân Kỷ Dậu (1789), xã Ngọc Hồi	1	Ngọc Hồi	2023-2026	278/QĐ-UBND ngày 24/01/2024 & 4935/QĐ-UBND ngày 19/9/2024	76.013		69.636	69.636	10.866	58.770	5.000	1	UBND xã Ngọc Hồi	
34	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Vĩnh Thịnh, xã Đại Áng	1	Ngọc Hồi	2024-2026	631/QĐ-UBND ngày 21/02/2025	15.523		500	500		500	15.000	1	UBND xã Ngọc Hồi	
35	Tu bổ, tôn tạo di tích Chùa Ứng Linh, xã Đại Áng	1	Ngọc Hồi	2024-2026	630/QĐ-UBND ngày 21/02/2025	17.542		500	500		500	14.000	1	UBND xã Ngọc Hồi	
36	Tu bổ, tôn tạo Đình Lạc Thị, xã Ngọc Hồi	1	Ngọc Hồi	2023-2026	5617/QĐ-UBND ngày 05/11/2024	10.000		3.271	3.271		3.271	6.000	1	UBND xã Ngọc Hồi	
37	Tu bổ Chùa Vạn Phúc, xã Vạn Phúc	1	Nam Phú	2024-2026	2834/QĐ-UBND ngày 04/6/2024	52.289		44.981	44.981	8.380	36.601	5.000	1	UBND xã Nam Phú	
38	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Đại Lan, xã Duyên Hà	1	Nam Phú	2024-2026	1496/QĐ-UBND ngày 11/4/2025	43.550		1.254	1.254		1.254	35.000	1	UBND xã Nam Phú	
39	Đình Thượng, xã Vạn Phúc	1	Nam Phú	2024-2026	2833/QĐ-UBND ngày 04/6/2024	8.651		146	146		146	7.500	1	UBND xã Nam Phú	
40	Chùa Tiên Linh, xã Vạn Phúc	1	Nam Phú	2024-2026	2000/QĐ-UBND ngày 21/5/2024	10.461		161	161		161	9.000	1	UBND xã Nam Phú	
41	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Báo Tháp, xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì	1	Đại Thanh	2025-2026	842/QĐ-UBND ngày 15/03/2024	13.370		9.870	9.870	40	9.830	3.000	1	UBND xã Đại Thanh	
42	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Hoa Xã, xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì	1	Đại Thanh	2026-2028	6055/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	30.472		1.000	1.000		1.000	25.000	1	UBND xã Đại Thanh	
43	Tu bổ, tôn tạo di tích Chùa Yên Ngưu (Hưng Long tự), xã Tam Hiệp, huyện Thanh Trì	1	Đại Thanh	2024-2026	4956/QĐ-UBND ngày 09/10/2023	15.500		5.000	5.000		5.000	9.000	1	UBND xã Đại Thanh	
44	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Siêu Quần, xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì	1	Đại Thanh	2026-2028	5702/QĐ-UBND ngày 08/11/2024	25.729		1.000	1.000		1.000	21.000	1	UBND xã Đại Thanh	
45	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Nhãn Hoá, xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì	1	Đại Thanh	2026-2028	5997/QĐ-UBND ngày 26/11/2024	10.200		500	500		500	8.000	1	UBND xã Đại Thanh	
46	Tu bổ, tôn tạo Minh Ngự Lâu, xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì	1	Đại Thanh	2026-2028	85/QĐ-UBND ngày 10/01/2025	12.836		500	500		500	11.000	1	UBND xã Đại Thanh	
47	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Phương Viên, xã Song Phương	1	Sơn Đồng	2019-2026	2324; 31/5/2019 3798; 08/6/2020 2481; 12/11/2025	14.060		11.000	11.000	11.000		1.500	1	UBND xã Sơn Đồng	
48	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử đền Thượng xã Sơn Đồng	1	Sơn Đồng	2021-2026	6301; 30/11/2021 2481; 12/11/2025	10.902		7.150	7.150	7.150		2.000	1	UBND xã Sơn Đồng	
49	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Lại Yên, xã Lại Yên	1	Sơn Đồng	2023-2026	6553; 04/10/2022 2481; 12/11/2025	24.810		19.072	19.072	10.904	8.168	3.500	1	UBND xã Sơn Đồng	
50	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Lại Yên (Nhọ Phúc tự)	1	Sơn Đồng	2023-2026	13006; 31/10/2023; 101/QĐ-UBND ngày 16/01/2026	72.358		32.200	32.200	17.200	15.000	30.000	1	UBND xã Sơn Đồng	
51	Tu bổ, tôn tạo di tích quán Thượng xã Tiên Yên	1	Sơn Đồng	2023-2026	8033; 23/11/2022	32.955		29.200	29.200	11.000	18.200	1.000	1	UBND xã Sơn Đồng	
52	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Rừng (Cảnh Linh tự) xã Tiên Yên	1	Sơn Đồng	2024-2026	677; 06/3/2024	42.007		38.000	38.000	16.500	21.500	1.500	1	UBND xã Sơn Đồng	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025				KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân (gồm cả NS cấp xã)	Trong đó: Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025 (phần Ngân sách TP hỗ trợ)						
									Tổng lũy kế giải ngân	Trong đó					
			Lũy kế giải ngân 2021-2024	KHV năm 2025											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
53	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Văn Cồn	1	xã An Khánh	2023-2026	12496; 10/10/2023	25.702		14.000	14.000	10.000	4.000	4.000	1	UBND xã An Khánh	
54	Tu bổ, tôn tạo chùa Ngải Cầu xã An Khánh - giai đoạn 2	1	xã An Khánh	2024-2026	1880; 09/5/2024	31.774		29.200	29.200	7.200	22.000	13.000	1	UBND xã An Khánh	
55	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Lưu Xá, xã Phú Túc	1	Xã Phương Dục	2024-2025	709/QĐ-UBND ngày 21/2/2024	21.305		15.400	15.400	7.000	8.400	2.700	1	UBND xã Phương Dục	
56	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Phú Đồi	1	Xã Phương Dục	2024-2026	26469/QĐ-UBND 28/10/2024	26.469		9.600	9.600		9.600	15.000	1	UBND xã Phương Dục	
57	Tu bổ tôn tạo Đền Phúc Lâm,	1	xã Đại Xuyên	2022-2025	2903/QĐ-UBND 17/6/2022; 5639/QĐ-UBND 10/03/2024	18.932		15.100	15.100	5.000	10.100	1.000	1	UBND xã Đại Xuyên	
58	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Nga My Thượng, xã Thanh Mai	1	xã Thanh Oai	2023-2026	6702/QĐ-UBND 24/11/2022; 1479/QĐ-UBND 5/4/2025	52.250		26.700	26.700	18.200	8.500	17.000	1	UBND xã Thanh Oai	
59	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Minh Kha	1	xã Bình Minh	2022-2026	827/QĐ, 11/03/2022; 804/QĐ-, 04/03/2025; 1280/QĐ-UBND ngày 14/11/2025	20.000		12.300	12.300	9.300	3.000	4.000	1	UBND xã Bình Minh	
60	Tu bổ, tôn tạo di tích đình - chùa - nghề Sen Hồ, xã Lê Chi, huyện Gia Lâm	1	Thuận An	2022-2026	588/QĐ-QLDADDTXD ngày 12/9/2024	47.169		34.804	34.804	13.404	21.400	7.600	1	UBND xã Thuận An	
61	Tu bổ, tôn tạo đình Giang Cao, xã Bát Trảng, huyện Gia Lâm	1	Bát Trảng	2025-2027	741/QĐ-UBND ngày 22/9/2025	22.171		20.600	20.600	600	20.000	20.000	1	UBND xã Bát Trảng	
62	Tu bổ, tôn tạo đình Bình Nguyên, xã Đa Tồn, huyện Gia Lâm	1	Bát Trảng	2026-2027	1168/QĐ-UBND ngày 26/3/2026	18.712		15.950	15.950	950	15.000	15.000	1	UBND xã Bát Trảng	
63	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Yên Thái, xã Đông Yên, huyện Quốc Oai, TP Hà Nội	1	Phù Cát	2023 - 2026	3686/QĐ-UBND 20/6/2024; 176/QĐ-QLDA ngày 20/5/2025 2859/QĐ-UBND ngày 29/11/2025	17.320		2.000	2.000		2.000	14.000	1	UBND xã Phù Cát	
64	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Cấn Thượng xã Cấn Hữu, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội	1	Kiều Phú	2022 - 2026	6630/QĐ-UBND 21/10/2024; 7236/QĐ-UBND ngày 21/11/2024	36.985		18.300	18.300		18.300	12.000	1	UBND xã Kiêu Phú	
65	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Hạ Hòa, xã Tân Phú, huyện Quốc Oai, TP Hà Nội	1	Hưng Đạo	2024-2026	3448/QĐ-UBND 11/6/2024; 22/QĐ-QLDA 21/01/2025	23.885		13.800	13.800		13.800	3.000	1	UBND xã Hưng Đạo	
66	Dự án đầu tư xây dựng khu trưng bày về Chủ tịch Hồ Chí Minh tại di tích chùa Trầm	1	Chương Mỹ	2022-2026	6680/QĐ-UBND ngày 24/10/2023	183.825		65.849	65.849	35.849	30.000	90.000	1	UBND phường Chương Mỹ	
67	Tu bổ, tôn tạo cụm di tích chùa Trầm , xã Phụng Châu	1	Chương Mỹ	2023 - 2026	7167/QĐ-UBND ngày 14/11/2023	92.032		26.052	26.052	19.052	7.000	52.000	1	UBND phường Chương Mỹ	
68	Tu bổ, tôn tạo chùa Trầm gian, xã Tiên Phương	1	Chương Mỹ	2023 - 2026	2742/QĐ-UBND ngày 25/5/2023	88.576		52.127	52.127	23.427	28.700	20.000	1	UBND phường Chương Mỹ	
69	Tu bổ, tôn tạo đình Chúc Lý, xã Ngọc Hòa	1	Chương Mỹ	2025-2026	1575/QĐ-UBND ngày 11/4/2024 8250/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	14.967		8.000	8.000		8.000	5.000	1	UBND phường Chương Mỹ	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025				KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân (gồm cả NS cấp xã)	Trong đó: Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025 (phần Ngân sách TP hỗ trợ)						
									Tổng lũy kế giải ngân	Trong đó					
			Lũy kế giải ngân 2021-2024	KHV năm 2025											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
70	Tu bổ, tôn tạo di tích đền Vũ, thôn Yên Bỏ	1	Xã Vật Lại	2024-2026	Số 1033/QĐ-UBND ngày 19/3/2024 872/QĐ-UBND ngày 31/10/2025	35.000		26.000	26.000	11.000	15.000	7.000	1	UBND xã Vật Lại	
71	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Văn Sà	1	xã Cổ Đô	2023-2026	4001/QĐ-UBND ngày 31/7/2024; 1694/QĐ-UBND ngày 21/11/2025	45.000	-	10.000	10.000	6.000	4.000	28.000	1	UBND xã Cổ Đô	
72	Tu bổ tôn tạo di tích lịch sử đền Thượng	1	Xã Ba Vì	2023-2026	7208/QĐ-UBND 17/11/2023	30.000		20.100	20.100	20.000	100	4.000	1	UBND xã Ba Vì	
73	Tu bổ tôn tạo di tích lịch sử văn hóa Quốc Gia Đền Trung	1	Xã Ba Vì	2023-2026	6411/QĐ-UBND 22/11/2024	45.000		36.000	36.000	30.000	6.000	3.000	1	UBND xã Ba Vì	
74	Tu bổ tôn tạo chùa di tích Đình Lâm Hộ, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh	1	Quang Minh	2025-2026	1089/QĐ-UBND 17/3/2025	28.003		13.650	13.650	150	13.500	11.200	1	UBND xã Quang Minh	
75	Đền La Mai, xã Phú Lưu Tế	1	xã Mỹ Đức	2023 - 2026	2483/QĐ-UBND 23/8/2023; 2889/QĐ-UBND ngày 06/6/2024; đ/c thời gian 3274/QĐ-UBND ngày 17/12/2025	7.000		4.500	4.500	2.000	2.500	1.000	1	UBND xã Mỹ Đức	
76	Quần Trẻ, xã Tuy Lai, huyện Mỹ Đức	1	UBND xã Phúc Sơn	2022-2026	3877/QĐ-UBND ngày 26/10/2022; đ/c TG 2021/QĐ-UBND ngày 19/11/2025	20.000		10.400	10.400	5.000	5.400	500	1	UBND xã Phúc Sơn	
77	Quần Sỏi, xã Phúc Lâm	1	UBND xã Phúc Sơn	2024-2026	6005/QĐ-UBND ngày 01/11/2024	20.000		9.000	9.000		9.000	8.000	1	UBND xã Phúc Sơn	
78	Đình Hạ (đình Hạ Khảm Lâm), xã Phúc Lâm	1	UBND xã Phúc Sơn	2024-2026	5757/QĐ-UBND ngày 17/10/2024	20.000		15.000	15.000		15.000	3.000	1	UBND xã Phúc Sơn	
79	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Phúc Lâm, Miếu, Văn chỉ thôn Đông Viên (giai đoạn 2)	1	Xã Quảng Oai	2023-2026	Số 1998/QĐ-UBND ngày 08/5/2024; 1991/QĐ-UBND ngày 30/10/2025	30.000		17.000	17.000	6.000	11.000	8.000	1	UBND xã Quảng Oai	
80	Đầu tư xây dựng hạ tầng Đền Và (giai đoạn 1)	1	Phường Sơn Tây	2024-2027	05/NQ-HĐND ngày 09/4/2024; 1779/QĐ-UBND ngày 30/10/2024	213.696		128.551	128.551		128.551	53.000	1	UBND phường Sơn Tây	
81	Mở rộng khuôn viên Đền thờ Láng Ngô Quyền	1	Phường Sơn Tây	2024-2027	1827/QĐ-UBND ngày 08/11/2024	154.814		77.015	77.015		77.015	54.000	1	UBND phường Sơn Tây	
82	Bảo tồn, phục dựng và phát huy giá trị di tích lịch sử Thành cổ Sơn Tây (Giai đoạn 1)	1	Phường Sơn Tây	2024-2027	11/NQ-HĐND ngày 21/7/2023; 1453/QĐ-UBND ngày 02/8/2024	218.704		128.500	128.500	31.000	97.500	57.000	1	UBND phường Sơn Tây	
III	Tổng	2				24.718		18.700	18.700	12.200	6.500	4.600	2		

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025				KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân (gồm cả NS cấp xã)	Trong đó: Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025 (phần Ngân sách TP hỗ trợ)						
									Tổng lũy kế giải ngân	Trong đó					
										Lũy kế giải ngân 2021-2024	KHV năm 2025				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	Cải tạo nâng cấp trung tâm y tế huyện Thanh Trì	1	Ngọc Hồi	2023-2026	1412/QĐ-UBND ngày 15/4/2024, 632/QĐ ngày 06/10/25	9.768		6.000	6.000		6.000	3.600	1	UBND xã Ngọc Hồi	
2	Trạm y tế xã Hợp Tiến	1	xã Hồng Sơn	2022-2026	4071/QĐ-UBND ngày 03/11/2022	14.950		12.700	12.700	12.200	500	1.000	1	UBND xã Hồng Sơn	
C	CÁC DỰ ÁN CẤP XÃ KHÁC	562				28.032.182	167.234	9.134.295	8.995.227	2.820.578	6.174.649	13.782.685	562		
I	Lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục dạy nghề	230				17.853.449	152.231	6.014.550	6.014.550	2.001.525	4.013.025	8.605.879	230		
1	Xây mới, cải tạo, nâng cấp trường THCS Minh Đức đạt chuẩn quốc gia – Mức độ 2	1	Xã Ứng Hòa	2023-2027	1731/QĐ-UBND 27/3/2024; 2113/QĐ-UBND ngày 12/11/2025	67.000		450	450		450	55.000	1	UBND xã Ứng Hòa	
2	Cải tạo, nâng cấp trường THCS Đồng Tân, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	1	Xã Ứng Hòa	2023-2026	08/QĐ-UBND ngày 05/01/2023; số 2752/QĐ-UBND ngày 26/5/2023;02/NQ-UBND ngày 10/4/2024	60.066		1.000	1.000		1.000	50.000	1	UBND xã Ứng Hòa	
3	Xây dựng trường mầm non Đại Cường đạt chuẩn quốc gia - mức độ 2	1	Xã Ứng Hòa	2023-2026	4896/QĐ-UBND ngày 08/9/2023 2057/QĐ-BQL ngày 23/10/2024; 2104/QĐ-UBND ngày 12/11/2025	62.000		50.500	50.500	15.500	35.000	9.000	1	UBND xã Ứng Hòa	
4	Cải tạo, sửa chữa trường THCS Kim Lũ	1	xã Đa Phúc	2024-2026	6704/QĐ-UBND ngày 05/9/2024	11.000		10.000	10.000		10.000	700	1	UBND xã Đa Phúc	
5	Cải tạo, sửa chữa trường THCS Bắc Phú	1	xã Đa Phúc	2024-2026	6703/QĐ-UBND ngày 05/9/2024	7.000		6.300	6.300	3.000	3.300	400	1	UBND xã Đa Phúc	
6	Cải tạo, sửa chữa trường Tiểu học Xuân Thu	1	xã Đa Phúc	2024-2027	2808/QĐ-UBND 31/10/2025	26.977		100	100		100	21.000	1	UBND xã Đa Phúc	
7	Cải tạo, nâng cấp trường mầm non Bắc Phú	1	xã Đa Phúc	2025-2028	2791/QĐ-UBND 29/10/2025	44.122		100	100		100	37.000	1	UBND xã Đa Phúc	
8	Cải tạo, nâng cấp trường mầm non Tân Hưng	1	xã Đa Phúc	2025-2028	2799/QĐ-UBND 30/10/2025	20.370		100	100		100	16.000	1	UBND xã Đa Phúc	
9	Cải tạo, nâng cấp trường mầm non Kim Lũ khu trung tâm	1	xã Đa Phúc	2023-2026	3764/QĐ-UBND ngày 27/5/2024	10.465		7.100	7.100	5.100	2.000	3.000	1	UBND xã Đa Phúc	
10	Xây dựng trường tiểu học Thụy Phương A	1	P. Thượng Cát	2024-2027	3932/QĐ-UBND ngày 27/11/2023	148.283		78.559	78.559	37.000	41.559	48.000	1	UBND phường Thượng Cát	
11	Xây dựng trường mầm non Liên Mạc B	1	P. Thượng Cát	2024-2027	4176/QĐ-UBND 16/9/2024	103.717		65.574	65.574	13.501	52.073	23.000	1	UBND phường Thượng Cát	
12	Xây dựng trường THCS Thụy Phương A	1	P. Thượng Cát	2024-2027	4197/QĐ-UBND 19/9/2024	169.259		54.006	54.006	1.234	52.772	90.000	1	UBND phường Thượng Cát	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025				KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân (gồm cả NS cấp xã)	Trong đó: Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025 (phần Ngân sách TP hỗ trợ)						
									Tổng lũy kế giải ngân	Trong đó					
									Lũy kế giải ngân 2021-2024	KHV năm 2025					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
13	Cải tạo, nâng cấp trường mầm non trung tâm Tốt Động	1	xã Quảng Bị	2024-2026	6572/QĐ-UBND ngày 11/11/2024	14.527		10.000	10.000		10.000	3.000	1	UBND xã Quảng Bị	
14	Trường THCS Hoàng Diệu	1	xã Quảng Bị	2024-2026	2679/QĐ-UBND ngày 27/5/2024	72.680		37.500	37.500	7.500	30.000	30.000	1	UBND xã Quảng Bị	
15	Xây dựng trường Tiểu học Ngọc Thụy 2 (ô quy hoạch A8.TH)	1	P Bồ Đề	2016-2026	7604 28/10/2016 1015 09/3/2022 5508 30/12/2024	178.693	13.217	109.091	109.091	53.091	56.000	25.000	1	UBND P Bồ Đề	
16	Xây dựng trường mầm non tại ô QH A.7/NT2 phường Ngọc Lâm	1	P Bồ Đề	2019-2027	4521 31/10/18 797 21/02/22 3203 20/06/2025	82.200	1.635	9.069	9.069	8.069	1.000	57.500	1	UBND P Bồ Đề	
17	Xây dựng trường mầm non tại ô quy hoạch A.2/NT1, phường Ngọc Thụy, quận Long Biên	1	P Bồ Đề	2023-2027	2637 22/6/2023; QĐ điều chỉnh TG 1929/QĐ UBND ngày 13/11/2025	97.947		28.671	28.671	7.171	21.500	55.000	1	UBND P Bồ Đề	
18	Xây dựng trường THCS tại ô quy hoạch A.8/THCS phường Ngọc Thụy	1	P Bồ Đề	2023-2028	2667 23/6/2023; QĐ điều chỉnh TG 1929/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	166.098		469	469	369	100	100.000	1	UBND P Bồ Đề	
19	Cải tạo, sửa chữa các trường mầm non thuộc nhóm trường công nhận mới, công nhận lại trường chuẩn quốc gia giai đoạn năm 2025-2026	1	P Bồ Đề, Việt Hưng, L. Biên	2025-2026	937 07/03/2025	63.636		25.040	25.040		25.040	30.000	1	UBND P Bồ Đề	
20	Cải tạo, sửa chữa nhà thể chất trường THCS Ái Mộ thuộc nhóm trường công nhận mới, công nhận lại trường chuẩn quốc gia giai đoạn năm 2025-2026	1	P Bồ Đề	2025-2026	784 26/2/2025	23.051		6.400	6.400		6.400	14.000	1	UBND P Bồ Đề	
21	Xây dựng trường mầm non tại ô QH G.2/NT2 phường Long Biên	1	Phường Long Biên	2017-2026	4115 05/10/18 7133 10/11/2021 118 16/11/2024	91.898	31.079	8.100	8.100	8.100		39.000	1	UBND phường Long Biên	

STT	Tên dự án	Số DA	Điểm điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025				KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân (gồm cả NS cấp xã)	Trong đó: Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025 (phần Ngân sách TP hỗ trợ)						
									Tổng lũy kế giải ngân	Lũy kế giải ngân 2021-2024	KHV năm 2025				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
22	Xây dựng trường THCS tại ô QH G.2/THCS, phường Long Biên	1	Phường Long Biên	2017-2027	QĐ 4494 ngày 30/10/2018; đề thời gian số 591/QĐ-UBND ngày 18/02/2025	173.964	44.026	15.330	15.330	530	14.800	89.000	1	UBND phường Long Biên	
23	Cải tạo, nâng cấp THCS Phúc Đồng tại ô quy hoạch C.15/THCS2, phường Phúc Đồng, quận Long Biên	1	Phúc Lợi	2022-2026	3837 11/9/2023	72.998		40.750	40.750	2.050	38.700	30.000	1	UBND phường Phúc Lợi	
24	Cải tạo, nâng cấp trường THCS Phúc Lợi, phường Phúc Lợi, quận Long Biên	1	Phúc Lợi	2024-2026	2304 20/6/2024	44.993		28.900	28.900	900	28.000	14.000	1	UBND phường Phúc Lợi	
25	Xây dựng trường tiểu học tại ô quy hoạch B.1/TH1 phường Thượng Thanh, quận Long Biên	1	P Việt Hưng	2021-2027	3696 29/6/2021 683 21/02/2025	162.349		122.693	122.693	119.193	3.500	20.000	1	UBND phường Việt Hưng	
26	Xây dựng trường tiểu học tại ô quy hoạch C.6/TH1 phường Giang Biên, quận Long Biên	1	P Việt Hưng	2022-2026	4233 06/10/2023 914 11/11/2025	194.963		160.957	160.957	63.957	97.000	15.000	1	UBND phường Việt Hưng	
27	Cải tạo, nâng cấp trường THCS khu đô thị Việt Hưng, phường Giang Biên, quận Long Biên	1	P Việt Hưng	2023-2026	4234 06/10/2023 4441 01/11/2024	68.482		27.300	27.300	2.300	25.000	30.000	1	UBND phường Việt Hưng	
28	Xây dựng trường tiểu học tại ô quy hoạch C.2/TH, phường Đức Giang	1	P Việt Hưng	2024-2027	4819 04/12/2024	179.994		1.550	1.550	550	1.000	150.000	1	UBND phường Việt Hưng	
29	Xây dựng trường THCS tại ô quy hoạch C.2/THCS phường Đức Giang	1	P Việt Hưng	2023-2027	4184 04/10/2023	362.834		6.323	6.323	3.200	3.123	150.000	1	UBND phường Việt Hưng	
30	Cải tạo, nâng cấp trường THCS Thượng Thanh, phường Thượng Thanh, quận Long Biên	1	P Việt Hưng	2023-2026	2308 20/6/2024	79.991		34.900	34.900	900	34.000	33.000	1	UBND phường Việt Hưng	
31	Cải tạo, sửa chữa các trường tiểu học thuộc nhóm trường công nhận mới, công nhận lại trường chuẩn quốc gia giai đoạn năm 2025-2026	1	P Việt Hưng	2025-2026	744 25/2/2025	29.337		12.500	12.500		12.500	12.000	1	UBND phường Việt Hưng	
32	Cải tạo, nâng cấp trường mầm non Hợp Tiến B	1	xã Hồng Sơn	2024-2026	5672/QĐ-UBND ngày 14/10/2024	50.365		7.800	7.800	500	7.300	35.000	1	UBND xã Hồng Sơn	
33	Cải tạo, nâng cấp Trường tiểu học xuy xá	1	xã Hồng Sơn	2024-2026	2971/QĐ-UBND ngày 13/6/2024	56.700		300	300		300	48.000	1	UBND xã Hồng Sơn	
34	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Hợp Tiến B	1	xã Hồng Sơn	2024-2026	4939* 12/9/2024	39.192		7.800	7.800	500	7.300	26.000	1	UBND xã Hồng Sơn	
35	Cải tạo trường mầm non Hương Sơn A, huyện Mỹ Đức	1	X Hương Sơn	2023-2026	919/QĐ-UBND ngày 19/05/2023; đề thời gian 1425/QĐ-UBND ngày 18/11/2025	40.000		1.000	1.000		1.000	33.000	1	UBND xã Hương Sơn	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lấy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lấy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025				KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lấy kế giải ngân (gồm cả NS cấp xã)	Trong đó: Lấy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025 (phần Ngân sách TP hỗ trợ)						
									Tổng lấy kế giải ngân	Lấy kế giải ngân 2021-2024	KHV năm 2025				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
36	Cải tạo, sửa chữa nhà chức năng 2 tầng và các hạng mục phụ trợ trường tiểu học Đại Nghĩa, thị trấn Đại Nghĩa	1	xã Mỹ Đức	2024 - 2026	6113 05/11/2024	4.500		2.800	2.800		2.800	500	1	UBND xã Mỹ Đức	
37	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Phú Lưu Tế	1	xã Mỹ Đức	2023-2026	4056 28/11/2023	23.135		5.500	5.500	500	5.000	15.000	1	UBND xã Mỹ Đức	
38	Cải tạo, nâng cấp trường Tiểu học Hợp Thanh A	1	xã Mỹ Đức	2024 - 2027	5588 08/10/2024	65.126		27.244	27.244	500	26.744	28.000	1	UBND xã Mỹ Đức	
39	Cải tạo, nâng cấp và xây dựng bổ sung cơ sở vật chất trường THCS Tiến Thắng, xã Tiến Thắng, huyện Mê Linh	1	Xã Tiến Thắng	2024-2027	5859/QĐ-UBND 16/12/2024	91.217		58.900	58.900	900	58.000	19.000	1	UBND xã Tiến Thắng	
40	Cải tạo, nâng cấp và xây dựng bổ sung cơ sở vật chất trường THCS Tam Đồng, xã Tam Đồng, huyện Mê Linh	1	Xã Tiến Thắng	2025-2027	2966/QĐ-UBND 28/5/2025	39.388		20.000	20.000		20.000	15.000	1	UBND xã Tiến Thắng	
41	Cải tạo, nâng cấp, bổ sung cơ sở vật chất phục vụ ăn bán trú cho học sinh tiểu học trên địa bàn xã Tiến Thắng năm học 2025-2026	1	Xã Tiến Thắng	2025-2027	1102/QĐ-UBND 27/8/2025	10.307		4.500	4.500		4.500	4.500	1	UBND xã Tiến Thắng	
42	Cải tạo, nâng cấp trường Trung học cơ sở Lê Thanh (bổ sung theo Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 và Thông tư 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020)	1	X. Hồng Sơn	2020-2026	3942*06/11/2020; 589/QĐ-UBND ngày 17/10/2025	38.589		15.700	15.700		15.700	17.000	1	UBND xã Hồng Sơn	
43	Cải tạo, mở rộng trường Tiểu học Hoàng Kim, xã Hoàng Kim, huyện Mê Linh	1	Yên Lãng	2025-2028	2967/QĐ-UBND 28/5/2025	72.560		25.817	25.817		25.817	20.000	1	UBND xã Yên Lãng	
44	Cải tạo, mở rộng trường tiểu học Quan Hoa	1	Cầu Giấy	2024-2027	3215/QĐ-UBND 29/11/2024	73.277		42.959	42.959		42.959	30.000	1	UBND phường Cầu Giấy	
45	Cải tạo, sửa chữa trường mầm non Trung Hòa	1	Phường Yên Hòa	2025-2027	809/QĐ-UBND 18/4/2025	26.975		796	796		796	20.400	1	UBND phường Yên Hòa	
46	Cải tạo, nâng cấp trường THCS Nam Trung Yên	1	Phường Yên Hòa	2024-2026	807/QĐ-UBND 18/4/2025	150.051		39.508	39.508	96	39.412	88.000	1	UBND phường Yên Hòa	
47	Cải tạo, nâng cấp trường Tiểu học Trung Hòa	1	Phường Yên Hòa	2024-2026	3212/QĐ-UBND 29/11/2024	151.395		85.491	85.491	100	85.391	43.000	1	UBND phường Yên Hòa	
48	Cải tạo, nâng cấp trường THCS Trung Hòa	1	Phường Yên Hòa	2024-2026	3210/QĐ-UBND 29/11/2024	178.215		96.850	96.850	13	96.837	54.000	1	UBND phường Yên Hòa	
49	Trường THCS Tân Đà	1	xã Quảng Oai	2022-2026	6387/QĐ-UBND ngày 20/10/2023; 7220/QĐ-UBND ngày 16/12/2025; 1990/QĐ-UBND ngày 30/10/2025 62/QĐ-UBND ngày 13/01/2026	201.300		150.000	150.000	74.416	75.584	21.000	1	UBND xã Quảng Oai	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lấy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lấy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025				KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lấy kế giải ngân (gồm cả NS cấp xã)	Trong đó: Lấy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025 (phần Ngân sách TP hỗ trợ)						
									Tổng lấy kế giải ngân	Trong đó					
							Lấy kế giải ngân 2021-2024	KHV năm 2025							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
50	Xây dựng trường mầm non Ngọc Liệp (điểm trường thôn Liệp Mai), huyện Quốc Oai, TP Hà Nội	1	Kiều Phú	2024-2026	04/NQ-HĐND 08/4/2024; 6065/QĐ-UBND 16/9/2024	32.313		18.700	18.700		18.700	10.000	1	UBND xã Kiêu Phú	
51	Xây dựng trường mầm non Cấn Hữu (điểm trường thôn Đình Tú), huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội	1	Kiều Phú	2024-2026	04/NQ-HĐND 08/4/2024; 5610/QĐ-UBND 07/8/2024	43.552		18.700	18.700		18.700	20.000	1	UBND xã Kiêu Phú	
52	Trường mầm non Ngọc Mỹ A, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội	1	Kiều Phú	2025-2027	15/NQ-HĐND ngày 27/6/2024; số 7118/QĐ-UBND ngày 11/11/2024	39.158		2.000	2.000		2.000	30.000	1	UBND xã Kiêu Phú	
53	Trường THCS Đông Sơn	1	Xã Phú Nghĩa	2024-2027	5720/QĐ-UBND ngày 16/9/2024	147.925		33.000	33.000	3.000	30.000	92.000	1	UBND xã Phú Nghĩa	
54	Trường TH Thanh Bình	1	Xã Phú Nghĩa	2024-2026	6411/QĐ-UBND ngày 8/11/2024	29.286		10.000	10.000		10.000	13.000	1	UBND xã Phú Nghĩa	
55	Trường THCS Trường Yên	1	Xã Phú Nghĩa	2023-2027	6583/QĐ-UBND ngày 20/10/2023 2289/QĐ-UBND ngày 21/11/2025	120.812		56.750	56.750	10.750	46.000	46.000	1	UBND xã Phú Nghĩa	
56	Trường THCS Thị trấn Quốc Oai	1	Quốc Oai	2023-2026	19/NQ-HĐND 15/12/2022; 2179/QĐ-UBND 22/4/2025	136.586		513	513	13	500	115.000	1	UBND xã Quốc Oai	
57	Đầu tư hệ thống PCCC một số trường học trên địa bàn huyện Quốc Oai	1	Quốc Oai	2024-2027	12/NQ-HĐND 11/10/2022; 6496/QĐ-UBND 07/10/2024; 1948/QĐ-UBND 11/8/2025	67.347		17.041	17.041	441	16.600	35.000	1	UBND xã Quốc Oai	
58	Cải tạo, nâng cấp trường THCS Yên Sơn	1	Quốc Oai	2024-2026	26/NQ-HĐND ngày 15/12/2023; 7117/QĐ-UBND ngày 11/11/2024	43.767		797	797	297	500	36.000	1	UBND xã Quốc Oai	
59	Trường THCS Kiêu Phú (giai đoạn 2), huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội	1	Quốc Oai	2024-2026	8654/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	52.678		500	500		500	44.000	1	UBND xã Quốc Oai	
60	Trường Mầm non Tân Tiến	1	Xã Xuân Mai	2024-2027	6618/QĐ-UBND ngày 14/11/2024	80.282		1.300	1.300		1.300	66.000	1	UBND xã Xuân Mai	
61	Trường tiểu học Xuân Mai B	1	Xã Xuân Mai	2023-2026	7515/QĐ-UBND ngày 24/11/2023	52.230		35.000	35.000	15.000	20.000	12.000	1	UBND xã Xuân Mai	
62	Đầu tư, nâng cấp trường THCS Xuân Mai B	1	Xã Xuân Mai	2024-2026	8195/QĐ-UBND ngày 07/12/2023	40.697		5.000	5.000		5.000	29.000	1	UBND xã Xuân Mai	
63	Trường THCS Xuân Mai A	1	Xã Xuân Mai	2023-2026	5702/QĐ-UBND ngày 11/9/2024	83.021		7.000	7.000	2.000	5.000	63.000	1	UBND xã Xuân Mai	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025				KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân (gồm cả NS cấp xã)	Trong đó: Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025 (phần Ngân sách TP hỗ trợ)						
									Tổng lũy kế giải ngân	Trong đó					
										Lũy kế giải ngân 2021-2024	KHV năm 2025				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
64	Cải tạo, sửa chữa, bổ sung phòng chức năng Trường mẫu giáo Hoa Hồng và một số hạng mục phụ trợ Trường mầm non Hoa Đào phục vụ sáp nhập 02 trường để đạt chuẩn quốc gia	1	P. Ba Đình	2024-2027	25/NQ-HĐND ngày 15.12.23; 3632/QĐ-UBND ngày 22/11/2024; 502 ngày 22.11.25	21.061		2.730	2.730	330	2.400	18.000	1	UBND phường Ba Đình	
65	Cải tạo, bổ sung phòng chức năng Trường mẫu giáo số 2 để phục vụ sáp nhập với Trường mầm non Hoa Mai (đạt chuẩn quốc gia)	1	P. Ba Đình	2024-2027	25/NQ-HĐND ngày 15.12.23; 3600/QĐ-UBND ngày 20/11/2024; 502 ngày 22.11.25	19.770		3.450	3.450	450	3.000	16.000	1	UBND phường Ba Đình	
66	Dự án Xây dựng trường tiểu học Thịnh Quang	1	phường Đồng Đa	2023-2026	4221/QĐ-UBND ngày 23/9/2024	125.601	39.150	39.125	39.125	1.325	37.800	73.800	1	UBND phường Đồng Đa	
67	Dự án Cải tạo nâng cấp trường tiểu học Bế Văn Đàn	1	phường Đồng Đa	2024-2027	4219/QĐ-UBND ngày 23/9/2024	65.888	21.000	21.000	21.000	1.000	20.000	38.000	1	UBND phường Đồng Đa	
68	Xây mới Trường mầm non Kim Mã	1	P. Giảng Võ	2021-2026	2878/QĐ-UBND 13.10.2017; 3500/QĐ-UBND 13.10.2022; 622/QĐ-UBND 04.04.2025	187.335		69.650	69.650	61.555	8.095	90.000	1	UBND phường Giảng Võ	
69	Xây dựng trường THCS Láng Thượng	1	Láng	2023-2026	1054/QĐ- UBND 29/3/2024	114.085		80.230	80.230	38.230	42.000	22.000	1	UBND phường Láng	
70	Cải tạo, bổ sung phòng học, phòng chức năng trường TH Vạn Phúc (đạt chuẩn quốc gia)	1	P Ngọc Hà	2021-2026	1012/QĐ-UBND ngày 25.4.24; 2649/QĐ-BĐA ngày 18.9.24; 476/QĐ-UBND ngày 13.11.25	30.452		21.801	21.801	7.501	14.300	8.000	1	UBND phường Ngọc Hà	
71	Cải tạo trường mẫu giáo số 5 đảm bảo PCCC và đạt chuẩn QG (trước là Cải tạo hệ thống PCCC trường mẫu giáo số 5)	1	P Ngọc Hà	2023-2026	3444/QĐ-UBND ngày 08.11.24; 476/QĐ-UBND ngày 13.11.25	14.972		7.276	7.276	2.226	5.050	6.000	1	UBND phường Ngọc Hà	
72	Cải tạo, bổ sung phòng học bộ môn và phòng chức năng trường THCS Thống Nhất (đạt chuẩn quốc gia)	1	P Ngọc Hà	2022-2026	1116/QĐ-UBND ngày 26.4.24; 722/QĐ-UBND ngày 21.4.25; 1272/QĐ-UBND ngày 13.6.25	138.725		82.964	82.964	30.986	51.978	54.000	1	UBND phường Ngọc Hà	
73	Đầu tư trang thiết bị và mạng LAN các trường: MN A, TH Thủ Lệ, THCS Thống Nhất, TT diên kinh tại Phòng GD&ĐT hướng tới xây dựng trường học thông minh	1	P Ngọc Hà	2023-2026	1176/QĐ-UBND ngày 08.5.24; 4229/QĐ-UBND ngày 30.12.24; 476/QĐ-UBND ngày 13.11.25	53.251		39.600	39.600	24.750	14.850	12.400	1	UBND phường Ngọc Hà	
74	Cải tạo bổ sung phòng chức năng, nhà ăn trường TH Nguyễn Bá Ngọc (đạt chuẩn quốc gia)	1	P Ngọc Hà	2022-2026	1741/QĐ-UBND ngày 11.6.24; 476/QĐ-UBND ngày 13.11.25	26.562		17.412	17.412	947	16.465	7.000	1	UBND phường Ngọc Hà	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025				KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân (gồm cả NS cấp xã)	Trong đó: Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025 (phần Ngân sách TP hỗ trợ)						
									Tổng lũy kế giải ngân	Trong đó					
									Lũy kế giải ngân 2021-2024	KHV năm 2025					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
75	Cải tạo, bổ sung phòng học bộ môn và phòng chức năng trường THCS Hoàng Hoa Thám (đạt chuẩn quốc gia)	1	P Ngọc Hà	2021-2026	2268/QĐ-UBND ngày 29.7.24; 418/QĐ-UBND ngày 30.10.25	33.581		5.918	5.918	918	5.000	26.500	1	UBND phường Ngọc Hà	
76	Xây dựng trường THCS Ninh Hiệp, huyện Gia Lâm (giai đoạn 2)	1	Xã Phú Đồng	2024-2026	915/QĐ-UBND 13/3/2025 1656/QĐ-UBND 24/9/2025	8.780		4.150	4.150	150	4.000	2.600	1	UBND xã Phú Đồng	
77	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Phú Đồng, huyện Gia Lâm	1	Xã Phú Đồng	2024-2026	913/QĐ-UBND 13/3/2025	51.588		30.700	30.700	200	30.500	12.000	1	UBND xã Phú Đồng	
78	Xây dựng trường mầm non Đống Ngạc D	1	Phường Phú Thượng	2024-2027	Quyết định số 703/QĐ-UBND 25/02/2025	71.513		18.000	18.000		18.000	45.000	1	UBND phường Phú Thượng	
79	Cải tạo, sửa chữa trường học tại điểm đất số 18, ngõ 423 đường An Dương Vương, phường Phú Thượng	1	Phường Phú Thượng	2021-2026	Quyết định số 979/QĐ-UBND ngày 01/12/2025	104.135		82.411	82.411	52.411	30.000	7.000	1	UBND phường Phú Thượng	
80	Cải tạo, nâng cấp trường Mầm non Phú Thượng	1	Phường Phú Thượng	2024-2027	Quyết định số 1411/QĐ-UBND ngày 20/08/2024	93.971		52.030	52.030	37.030	15.000	33.000	1	UBND phường Phú Thượng	
81	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Lệ Chi, huyện Gia Lâm	1	Thuận An	2024-2026	413/QĐ-QLDADDTXD ngày 16/6/2025	84.352		31.050	31.050	250	30.800	36.400	1	UBND xã Thuận An	
82	Xây dựng trường Mầm non Kim Sơn, huyện Gia Lâm	1	Thuận An	2024-2026	1170/QĐ-UBND ngày 26/3/2025	76.230		18.800	18.800		18.800	47.000	1	UBND xã Thuận An	
83	Xây dựng trường THCS Lệ Chi, huyện Gia Lâm	1	Thuận An	2024-2026	414/QĐ-QLDADDTXD ngày 16/6/2025	38.549		15.850	15.850	150	15.700	15.200	1	UBND xã Thuận An	
84	Cải tạo, sửa chữa và mua sắm trang thiết bị tại một số trường học trên địa bàn phường Tây Hồ	1	Tây hồ	2024-2027	2535/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	140.372		23.066	23.066	66	23.000	97.000	1	UBND phường Tây Hồ	
85	Nâng cấp, cải tạo trường tiểu học Cao Dương	1	Dân Hòa	2023-2026	485/QĐ-UBND 20/01/2024; 7151/QĐ-UBND ngày 08/10/2024; QĐ 299/QĐ-UBND ngày 16/8/2025	80.000		46.389	46.389	30.000	16.389	21.000	1	UBND xã Dân Hòa	
86	Nâng cấp, mở rộng trường THCS Nguyễn Trãi - thị trấn Kim Bài	1	xã Thanh Oai	2024-2026	3833/QĐ-UBND ngày 06/05/2024; 1439/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	59.900		35.578	35.578		35.578	17.000	1	UBND xã Thanh Oai	
87	Xây dựng trường mầm non Hoa Sen tại ô đất TH03 quy hoạch chi tiết khu K1, K3, K4 thị trấn Thường Tín	1	Thường Tín	2024-2026	2142/QĐ-UBND ngày 20/6/2024	86.375		2.000	2.000		2.000	71.000	1	UBND xã Thường Tín	
88	Cải tạo trường THCS Nguyễn Trãi A, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Thường Tín	2025-2026	28/NQ-HĐND ngày 17/12/2024	11.691		4.000	4.000		4.000	5.300	1	UBND xã Thường Tín	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025				KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân (gồm cả NS cấp xã)	Trong đó: Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025 (phần Ngân sách TP hỗ trợ)						
									Tổng lũy kế giải ngân	Lũy kế giải ngân 2021-2024	KHV năm 2025				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
89	Cải tạo, sửa chữa các trường mầm non xây dựng chuẩn quốc gia năm 2025 trên địa bàn huyện Thường Tín	1	Thường Tín, Thường Phúc	2024-2026	5090/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	13.366		9.100	9.100		9.100	4.200	1	UBND xã Thường Tín	
90	Cải tạo, sửa chữa các trường tiểu học xây dựng chuẩn quốc gia năm 2025 trên địa bàn huyện Thường Tín	1	Thường Tín, Hồng Vân	2024-2026	5045/QĐ-UBND ngày 27/11/2024	7.011		5.400	5.400		5.400	1.600	1	UBND xã Thường Tín	
91	Trường THCS Văn Phú, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Thường Tín	2024-2026	3933/QĐ-UBND ngày 07/10/2024	30.506		16.500	16.500		16.500	13.000	1	UBND xã Thường Tín	
92	Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, khắc phục tồn tại về phòng cháy của một số cơ sở giáo dục trên địa bàn huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Thường Tín, Thường Phúc, Hồng Vân, Chương Dương, Phú Xuyên	2024-2027	4131/QĐ-UBND ngày 15/10/2024	109.737		47.000	47.000		47.000	60.000	1	UBND xã Thường Tín	
93	Trường tiểu học Tô Hiệu, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Chương Dương	2023-2026	2257/QĐ-UBND ngày 24/6/2024	34.300		14.700	14.700	500	14.200	14.500	1	UBND xã Chương Dương	
94	Trường THCS Tô Hiệu, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội; Hạng mục: Nhà lớp học, nhà hiệu bộ, nhà lớp học bộ môn và các công trình phụ trợ	1	Chương Dương	2022-2026	25/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 10/NQ-HĐND ngày 11/7/2023	46.433		600	600		600	38.800	1	UBND xã Chương Dương	
95	Cải tạo, nâng cấp trường mầm non Duyên Thái, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội đạt chuẩn quốc gia mức độ 2	1	xã Hồng Vân	2024-2026	5269/QĐ-UBND ngày 09/12/2024	14.998		8.000	8.000		8.000	4.700	1	UBND xã Hồng Vân	
96	Trường mầm non Tân Minh, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Thượng Phúc		7819/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 12/NQ-HĐND ngày 10/7/2024; 1289/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	48.583		34.405	34.405	30.905	3.500	6.000	1	UBND xã Thượng Phúc	
97	Trường mầm non Nghiêm Xuyên, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Thượng Phúc		3888/QĐ-UBND ngày 04/10/2024; 3543/QĐ-UBND ngày 27/06/2025	26.270		9.541	9.541		9.541	11.000	1	UBND xã Thượng Phúc	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lấy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lấy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025				KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lấy kế giải ngân (gồm cả NS cấp xã)	Trong đó: Lấy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025 (phần Ngân sách TP hỗ trợ)						
									Tổng lấy kế giải ngân	Trong đó					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
98	Trường tiểu học Nghiêm Xuyên, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Thượng Phúc		25/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 19/NQ-HĐND ngày 24/10/2023 3955/QĐ-UBND ngày 08/10/2024; 1282/QĐ-UBND ngày 10/11/2025; Số 127/QĐ-UBND ngày 14/01/2026	92.037		14.796	14.796	500	14.296	45.000	1	UBND xã Thượng Phúc	
99	Trường tiểu học Tân Minh, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Thượng Phúc		4552/QĐ-UBND ngày 05/11/2024	73.463		14.000	14.000		14.000	48.500	1	UBND xã Thượng Phúc	
100	Trường trung học cơ sở Đông Tiến, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Thượng Phúc		25/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 35/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 2768/QĐ-UBND ngày 16/5/2023; 1291/QĐ-UBND ngày 10/11/2025; Số 128/QĐ-UBND ngày 14/01/2026	41.113		19.200	19.200	11.000	8.200	15.700	1	UBND xã Thượng Phúc	
101	Xây dựng trường tiểu học Định Công (ô D1/TH3)	1	Phường Định công	2020-2026	6271/QĐ-UBND ngày 30/10/2020; 3864/QĐ-UBND ngày 22/12/2023; 1707/QĐ-UBND	114.857		65.786	65.786	59.786	6.000	32.000	1	UBND phường Định Công	
102	Xây dựng Trường mầm non Thịnh Liệt tại ô đất B4/NT4	1	P Hoàng Mai	2021-2028	14634/QĐ-UBND ngày 06/12/2021	149.500		2.775	2.775	2.775		124.000	1	UBND phường Hoàng Mai	
103	Xây dựng Trường mầm non tại ô đất B2/NT4, thuộc khu đô thị Ao Sào phường Thịnh Liệt	1	P Hoàng Mai	2024-2028	6009/QĐ-UBND ngày 11/12/2024	142.100	-	1.500	1.500		1.500	120.000	1	UBND phường Hoàng Mai	
104	Xây dựng Trường tiểu học tại ô đất B2/TH3, thuộc khu đô thị Ao Sào phường Thịnh Liệt	1	P Hoàng Mai	2025-2028	6010/QĐ-UBND ngày 11/12/2024	275.209		2.200	2.200		2.200	232.000	1	UBND phường Hoàng Mai	
105	Xây dựng Trường Mầm non Yên Sở tại ô đất D3/NT1	1	P Hoàng Mai	2025-2027	6455/QĐ-UBND ngày 13/12/2024	177.463		2.000	2.000		2.000	150.000	1	UBND phường Hoàng Mai	
106	Xây dựng trường THCS Thịnh Liệt tại ô đất B4/TH3	1	P Hoàng Mai	đến hết 2029	14635/QĐ-UBND ngày 06/12/2021; 851/QĐ-UBND ngày 18/03/2026	188.901		4.601	4.601	4.601		156.000	1	UBND phường Hoàng Mai	
107	Xây dựng trường mầm non Thanh Trì tại ô đất F3/NT2	1	Vĩnh Hưng	Hết năm 2026	5481/QĐ-UBND ngày 29/10/2024	73.594		31.831	31.831	531	31.300	31.000	1	UBND phường Vĩnh Hưng	
108	Xây dựng trường tiểu học Lĩnh Nam tại ô đất G2/TH1	1	Vĩnh Hưng	Hết năm 2026	14636/QĐ-UBND ngày 06/12/2021	175.830		131.450	131.450	86.450	45.000	27.000	1	UBND phường Vĩnh Hưng	
109	Xây dựng trường MN Hoàng Liệt tại ô đất C1/NT2	1	phường Yên Sở	2025-2028	5542/QĐ-UBND ngày 01/11/2024	60.017	-	17.722	17.722	504	17.218	36.000	1	UBND phường Yên Sở	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025				KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân (gồm cả NS cấp xã)	Trong đó: Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025 (phần Ngân sách TP hỗ trợ)						
									Tổng lũy kế giải ngân	Trong đó					
									Lũy kế giải ngân 2021-2024	KHV năm 2025					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
110	Xây dựng thay thế trường mầm non vùng bãi xã Dương Liễu	1	X Dương Hòa	2024-2026	5049; 29/11/2024	103.837		22.600	22.600	1.800	20.800	66.000	1	UBND xã Dương Hòa	
111	Xây dựng mới trường Tiểu học Dương Liễu A, xã Dương Liễu	1	X Dương Hòa	2024-2026	5047; 29/11/2024	85.141		18.000	18.000	1.000	17.000	55.000	1	UBND xã Dương Hòa	
112	Nâng cấp, mở rộng trường Tiểu học Song Phương	1	Sơn Đồng	2021-2027	9485; 09/12/2020; 2481/QĐ-UBND 12/11/2025	39.443		17.286	17.286	17.136	150	16.000	1	UBND xã Sơn Đồng	
113	Xây dựng trường THCS Sơn Đồng	1	Sơn Đồng	2023-2026	2365/QĐ-UBND ngày 29/10/2025	130.318		500	500		500	110.000	1	UBND xã Sơn Đồng	
114	Trường mầm non Song Phương A	1	Sơn Đồng	2023-2026	2363/QĐ-UBND; ngày 29/10/2025	59.249		310	310		310	50.000	1	UBND xã Sơn Đồng	
115	Cải tạo cơ sở vật chất Trường mầm non Đức Giang A	1	Hoài Đức	2022-2026	5048; 29/11/2024	4.993		1.500	1.500		1.500	3.000	1	UBND xã Hoài Đức	
116	Cải tạo, sửa chữa Trường TH Tô Hoàng	1	phường Bạch Mai	2025-2026	1564/QĐ-UBND 22/5/2025	10.294		3.294	3.294		3.294	6.000	1	UBND phường Bạch Mai	
117	Cải tạo, mở rộng Trường THCS Tô Hoàng	1	phường Bạch Mai	2023-2026	2425/QĐ-UBND 10/10/2024	53.661		16.587	16.587		16.587	30.000	1	UBND phường Bạch Mai	
118	Cải tạo, sửa chữa Trường THCS Ngô Gia Tự	1	phường Bạch Mai	2025-2026	1062/QĐ-UBND 11/4/2025	34.285		9.150	9.150		9.150	24.000	1	UBND phường Bạch Mai	
119	Cải tạo, mở rộng Trường TH Minh Khai	1	phường Bạch Mai	2022-2026	1787/QĐ-UBND 24/7/2023	27.607		611	611	561	50	5.000	1	UBND phường Bạch Mai	
120	Cải tạo, sửa chữa Trường THCS Minh Khai	1	phường Bạch Mai	2025-2026	2234/QĐ-UBND 06/12/2025	12.093		142	142	42	100	3.900	1	UBND phường Bạch Mai	
121	Xây dựng trường MG Chim non	1	Ph.HBT	2025-2026	2086; 10/9/2024	49.822	142	12.630	12.630	643	11.987	32.052	1	UBND phường Hai Bà Trưng	
122	Cải tạo, sửa chữa trường TH Lê Ngọc Hân	1	Ph.HBT	2025-2026	1544; 21/5/2025	13.523		3.662	3.662	30	3.632	8.000	1	UBND phường Hai Bà Trưng	
123	Cải tạo, nâng cấp Trường Tiểu học Yên Xá, huyện Thanh Trì	1	Phường Thanh Liệt	2023-2026	5934/QĐ-UBND ngày 21/11/2023; 854/QĐ-UBND ngày 08/11/2025	63.659		56.311	56.311	4.911	51.400	2.000	1	UBND phường Thanh Liệt	
124	Cải tạo chống xuống cấp trường mầm non Tân Triều, huyện Thanh Trì	1	Phường Thanh Liệt	2023-2026	1806/QĐ-UBND ngày 06/5/2024; 854/QĐ-UBND ngày 08/11/2025	10.780		9.700	9.700		9.700	500	1	UBND phường Thanh Liệt	
125	Xây mới trường tiểu học xã Thanh Liệt (cơ sở 2), huyện Thanh Trì	1	Phường Thanh Liệt	2024-2027	5417/QĐ-UBND ngày 22/10/2024	153.153		56.000	56.000		56.000	85.000	1	UBND phường Thanh Liệt	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lấy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2026 (nếu có)	Lấy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025				KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lấy kế giải ngân (gồm cả NS cấp xã)	Trong đó: Lấy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025 (phần Ngân sách TP hỗ trợ)						
									Tổng lấy kế giải ngân	Trong đó					
126	Xây dựng trường Mầm non Minh Hà xã Cảnh Nhụ (điểm mới)	1	xã Tây Phương	2025-2027	2426/QĐ-UBND 15/5/2024	114.692		800	800		800	97.000	1	UBND xã Tây Phương	
127	Xây mới phòng học, cải tạo nhà lớp học, hiệu bộ, khu giáo dục thể chất, sân vườn, phụ trợ trường THCS Minh Hà	1	xã Tây Phương	2024-2026	2088/QĐ-UBND ngày 17/3/2022 (DA); 856/QĐ-UBND 21/02/24; 2755/QĐ-UBND 20/5/2024	89.503		700	700		700	75.000	1	UBND xã Tây Phương	
128	Cải tạo, sửa chữa Trường MN Hoa Phương	1	Phường Vĩnh Tuy	2024-2027	1206/QĐ-UBND 23/4/2025	6.999		5.300	5.300		5.300	1.400	1	UBND phường Vĩnh Tuy	
129	Cải tạo, sửa chữa trường Tiểu học Mai Động (cơ sở 1)	1	Phường Vĩnh Tuy	2025-2026	1155/QĐ-UBND 02/4/2025	8.266		3.594	3.594		3.594	2.813	1	UBND phường Vĩnh Tuy	
130	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Vạn Phúc, huyện Thanh Trì	1	Nam Phú	2023-2026	5621/QĐ-UBND ngày 06/11/2024	140.036		1.910	1.910		1.910	117.000	1	UBND xã Nam Phú	
131	Cải tạo, xây mới Trường Tiểu học Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân	1	Phường Thanh Xuân	2024-2026	1474/QĐ/UBND ngày 31/12/2025	109.359		1.267	1.267		1.267	92.000	1	UBND phường Thanh Xuân	
132	Cải tạo, xây mới khối nhà học và hiệu bộ Trường THCS Phan Đình Giót, quận Thanh Xuân	1	Phường Thanh Xuân	2023-2026	2197/QĐ-UBND ngày 02/8/2023; 1072/QĐ-UBND ngày 24/11/2025; QĐ/QĐ-UBND ngày 03/12/2025	108.727		74.365	74.365	14.029	60.336	24.500	1	UBND phường Thanh Xuân	
133	Cải tạo Trường Mầm non Ánh Sao, quận Thanh Xuân	1	Phường Khương Đình	2024-2026	1483/QĐ-UBND ngày 31/5/2024	43.225		24.438	24.438		24.438	9.000	1	UBND phường Khương Đình	
134	Cải tạo, xây mới nhà đa năng thuộc Trường THCS Hạ Đình, quận Thanh Xuân	1	Phường Khương Đình	2024-2026	428/QĐ-UBND ngày 27/02/2024	62.052		46.152	46.152		46.152	10.000	1	UBND phường Khương Đình	
135	Cải tạo, xây mới Trường Tiểu học Phương Liệt, quận Thanh Xuân	1	Phường Phương Liệt	2024-2026	747/QĐ-UBND ngày 04/4/2024	98.115		35.484	35.484		35.484	45.000	1	UBND Phường Phương Liệt	
136	Cải tạo, xây mới Trường Tiểu học Khương Mai, quận Thanh Xuân	1	Phường Phương Liệt	2024-2026	2634/QĐ-UBND ngày 02/10/2024	78.082		1.004	1.004		1.004	65.000	1	UBND Phường Phương Liệt	
137	Xây dựng trường Tiểu học Phú Kim (xây điểm mới)	1	xã Thạch Thát	2025-2027	7717/QĐ-UBND 24/10/2022 (DA); 2033/QĐ-UBND 18/4/2023 (đc)	99.580		1.000	1.000		1.000	84.000	1	UBND xã Thạch Thát	
138	Xây dựng khu giáo dục thể chất, phụ trợ trường THCS Kim Quan	1	xã Thạch Thát	2023-2026	4310/QĐ-UBND 10/6/2022; 986/QĐ-UBND ngày 05/9/2025	13.539		5.000	5.000		5.000	7.500	1	UBND xã Thạch Thát	

12

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025				KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân (gồm cả NS cấp xã)	Trong đó: Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025 (phần Ngân sách TP hỗ trợ)						
									Tổng lũy kế giải ngân	Lũy kế giải ngân 2021-2024	KHV năm 2025				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
139	Mở rộng khuôn viên, xây bổ sung phòng học, phòng bộ môn, phụ trợ trường Mầm non 19/5	1	xã Thạch Thất	2024-2026	2945/QĐ-UBND 24/5/2023	65.400		900	900		900	55.000	1	UBND xã Thạch Thất	
140	Trường Mầm non Thượng Mỗ (Miền Đông)	1	xã Đan Phượng	2021-2027	6162, ngày 30/12/2021	84.144		23.000	23.000	8.000	15.000	7.000	1	UBND xã Đan Phượng	
141	Xây dựng trung tâm mầm non Nam Hồng giai đoạn 2	1	Xã Phúc Thịnh	Sau năm 2022	10181/QĐ-UBND ngày 09/10/2024	66.613		25.700	25.700	700	25.000	31.000	1	UBND Xã Phúc Thịnh	
142	Xây dựng trường mầm non thị trấn 2	1	Xã Phúc Thịnh	2025-2028	14376/QĐ-UBND ngày 12/12/2024	80.038		22.247	22.247	673	21.574	46.000	1	UBND Xã Phúc Thịnh	
143	Xây dựng trường tiểu học Nam Hồng 2	1	Xã Phúc Thịnh	Sau năm 2020	2169/QĐ-UBND ngày 23/4/2020; DCDA-1943/QĐ-UBND ngày 13/8/2020	139.002	400	91.275	91.275	56.275	35.000	27.000	1	UBND Xã Phúc Thịnh	
144	Đầu tư xây dựng hoàn thiện trường Tiểu học Bắc Hồng theo quy hoạch	1	Xã Phúc Thịnh	2022-2026	22/4/2024 Điều chỉnh: 1497/QĐ-UBND ngày 12/12/2024	31.653	400	7.512	7.512	647	6.865	22.038	1	UBND Xã Phúc Thịnh	
145	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Lê Hữu Trữ	1	Xã Phúc Thịnh	2024-2027	14379/QĐ-UBND ngày 12/12/2024	161.875		66.929	66.929	700	66.229	71.000	1	UBND Xã Phúc Thịnh	
146	Cải tạo, mở rộng trường tiểu học Nam Hồng	1	Xã Phúc Thịnh	Sau năm 2022	14378/QĐ-UBND ngày 12/12/2024	96.843		30.500	30.500	500	30.000	52.000	1	UBND Xã Phúc Thịnh	
147	Xây dựng trường mầm non Thôn Đoài xã Nam Hồng	1	Xã Phúc Thịnh	2025-2028	7569/QĐ-UBND ngày 20/5/2025	74.302		18.078	18.078	200	17.878	45.000	1	UBND Xã Phúc Thịnh	
148	Xây dựng trường tiểu học Nam Hồng B	1	Xã Phúc Thịnh	2025-2028	7571/QĐ-UBND ngày 20/05/2025	116.582		25.810	25.810	300	25.510	73.000	1	UBND Xã Phúc Thịnh	
149	Xây dựng trường THCS Văn Nội	1	Xã Phúc Thịnh	2025-2028	7573/QĐ-UBND ngày 20/5/2025	122.035		25.750	25.750	450	25.300	78.000	1	UBND Xã Phúc Thịnh	
150	Xây dựng trường THCS Nam Hồng 2	1	Xã Phúc Thịnh	2025-2028	7574/QĐ-UBND ngày 20/5/2025	100.706		24.010	24.010	500	23.510	64.000	1	UBND Xã Phúc Thịnh	
151	Xây dựng trường mầm non Đông Hội	1	xã Đông Anh	2024-2027	9366/QĐ-UBND ngày 6/09/2024	79.816		35.418	35.418	5.418	30.000	33.000	1	UBND xã Đông Anh	
152	Xây dựng trường mầm non thôn Cầu Cú	1	xã Đông Anh	2024-2026	ĐA-14377/QĐ-UBND ngày 12/12/2024	57.261		17.800	17.800	550	17.250	38.000	1	UBND xã Đông Anh	
153	Xây dựng trường tiểu học Việt Hùng 2	1	xã Đông Anh	2022-2026	8632/QĐ-UBND ngày 28/7/2021; DCDA: 12773/QĐ-UBND ngày 18/12/2023	108.137		86.586	86.586	45.886	40.700	11.000	1	UBND xã Đông Anh	
154	Xây dựng trường tiểu học Lại Đà	1	xã Đông Anh	2023-2027	9448/QĐ-UBND ngày 13/9/2024	135.640		37.364	37.364	2.254	35.110	40.000	1	UBND xã Đông Anh	
155	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Đông Hội	1	xã Đông Anh	2024-2026	5504/QĐ-UBND ngày 11/6/2024	43.043		34.100	34.100	15.100	19.000	8.900	1	UBND xã Đông Anh	
156	Xây dựng trường THCS Cổ Loa 2	1	xã Đông Anh	2024-2026	7970/QĐ-UBND ngày 26/11/2020	124.741		43.000	43.000		43.000	12.400	1	UBND xã Đông Anh	
157	Cải tạo, nâng cấp trường THCS Đông Hội	1	xã Đông Anh	2023-2026	12067/QĐ-UBND ngày 08/12/2023	47.660		35.100	35.100	18.100	17.000	12.000	1	UBND xã Đông Anh	
158	Xây dựng trường trung học cơ sở Lại Đà	1	xã Đông Anh	2024-2027	9399/QĐ-UBND ngày 10/9/2024	118.160		58.427	58.427	18.427	40.000	40.000	1	UBND xã Đông Anh	
159	Đầu tư hoàn thiện trường THCS Nguyễn Huy Tưởng	1	xã Đông Anh	2023-2027	3698/QĐ-UBND ngày 25/4/2024	64.292		30.050	30.050	1.050	29.000	25.000	1	UBND xã Đông Anh	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025				KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân (gồm cả NS cấp xã)	Trong đó: Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025 (phần Ngân sách TP hỗ trợ)						
									Tổng lũy kế giải ngân	Lũy kế giải ngân 2021-2024KHV năm 2025					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
160	Xây dựng Trường tiểu học Dục Tú B	1	xã Đông Anh	2025-2028	CT-1911/QĐ-UBND ngày 11/3/2024; QĐ số 7572/QĐ-UBND ngày 20/05/2025	160.751		48.500	48.500		48.500	40.000	1	UBND xã Đông Anh	
161	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Cổ Loa	1	xã Đông Anh	2025-2028	7576/QĐ-UBND ngày 20/5/2025	72.927		20.480	20.480	380	20.100	40.000	1	UBND xã Đông Anh	
162	Cải tạo, sửa chữa Trường Tiểu học Trung Châu A	1	Xã Liên Minh	2024-2026	2264/QĐ-UBND 11/4/2025	13.170		3.250	3.250		3.250	8.600	1	UBND xã Liên Minh	
163	Cải tạo, sửa chữa Trường Tiểu học Phương Đình A	1	Xã Liên Minh	2024-2026	2270/QĐ-UBND 11/4/2025	7.485		1.550	1.550		1.550	5.000	1	UBND xã Liên Minh	
164	Trường Tiểu học Trung Châu B, huyện Đan Phượng	1	Xã Liên Minh	2022-2025	1185/QĐ-UBND 28/02/2025	14.962		4.000	4.000		4.000	9.000	1	UBND xã Liên Minh	
165	Cải tạo, sửa chữa trường THCS Thọ Xuân	1	Xã Liên Minh	2024-2026	2304/QĐ-UBND 11/4/2025	3.101		800	800		800	2.000	1	UBND xã Liên Minh	
166	Cải tạo, sửa chữa Trường Mầm non Thọ Xuân	1	Xã Liên Minh	2024-2026	4259/QĐ-UBND 17/6/2025	6.234		1.700	1.700		1.700	4.000	1	UBND xã Liên Minh	
167	Trường THCS Phương Đình	1	Xã Liên Minh	2022-2026	7152/QĐ-UBND 09/11/2022; 8600/QĐ-UBND 19/12/2024	30.872		23.500	23.500	9.500	14.000	4.500	1	UBND xã Liên Minh	
168	Trường Tiểu học Tân Lập A; hạng mục: Cải tạo, xây mới nhà lớp học 3 tầng 6 phòng học và các phòng chức năng	1	Xã Ô Diên	2023-2026	6433, ngày 02/10/2023	33.522		27.500	27.500	11.000	16.500	2.400	1	UBND xã Ô Diên	
169	Mua máy Scan, máy vi tính phục vụ chuyển đổi số ngành Giáo dục và Đào tạo Đan Phượng năm 2022-2023	1	3 xã Đan Phượng, Ô Diên, Liên Minh	2022-2025	6317, ngày 03/10/2022	2.160		1.000	1.000		1.000	800	1	UBND xã Ô Diên	
170	Trường Mầm non Hồng Hà (khu Bồng Lai)	1	xã Ô Diên	2024-2027	7936, ngày 03/12/2024	124.507		45.500	45.500	500	45.000	60.000	1	UBND xã Ô Diên	
171	Cải tạo, sửa chữa Trường THCS Liên Hồng	1	Xã Ô Diên	2024-2026	7157, ngày 05/11/2024	4.357		3.500	3.500		3.500	350	1	UBND xã Ô Diên	
172	Cải tạo, sửa chữa Trường Mầm non Liên Hà	1	Xã Ô Diên	2024-2026	8187, ngày 10/12/2024	6.337		5.100	5.100		5.100	800	1	UBND xã Ô Diên	
173	Cải tạo, sửa chữa Trường Tiểu học Tân Hội A	1	Xã Ô Diên	2024-2026	8898, ngày 27/12/2024	8.239		6.200	6.200		6.200	1.800	1	UBND xã Ô Diên	
174	Cải tạo, sửa chữa Trường Mầm non Hạ Mỹ	1	Xã Ô Diên	2024-2026	9247, ngày 31/12/2024	6.964		4.600	4.600		4.600	2.000	1	UBND xã Ô Diên	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lấy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lấy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025				KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lấy kế giải ngân (gồm cả NS cấp xã)	Trong đó: Lấy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025 (phần Ngân sách TP hỗ trợ)						
									Tổng lấy kế giải ngân	Lấy kế giải ngân 2021-2024	KHV năm 2025				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
175	Trường Tiểu học Liên Hồng	1	Xã Ô Diên	2021-2028	211, ngày 11/01/2022	97.515		39.000	39.000	9.000	30.000	44.000	1	UBND xã Ô Diên	
176	Trường Mầm non Liên Trung, hạng mục: Mở rộng, cải tạo và xây mới khối nhà lớp học 3 tầng	1	Xã Ô Diên	2023-2027	5568, ngày 16/8/2024	58.155		10.007	10.007		10.007	40.000	1	UBND xã Ô Diên	
177	Trường mầm non Tân Hội B, huyện Đan Phượng; hạng mục: Khu hoạt động thể chất, nghệ thuật và các hạng mục phụ trợ	1	Xã Ô Diên	2025-2027	2269, ngày 11/4/2025	9.326		1.500	1.500		1.500	6.500	1	UBND xã Ô Diên	
178	Xây dựng trường mầm non thôn Vồng La, xã Vồng La	1	Thiên Lộc	2022-2028	3057/QĐ-UBND ngày 22/4/2022; 3319/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	99.418	300	23.518	23.518	23.218	300	40.000	1	UBND xã Thiên Lộc	
179	Cải tạo, nâng cấp trường mầm non Đại Mạch	1	Thiên Lộc	2024-2026	ĐA-12196/QĐ-UBND ngày 25/11/2024	48.534		11.516	11.516	170	11.346	30.000	1	UBND xã Thiên Lộc	
180	Xây dựng trường tiểu học thôn Đại Độ, xã Vồng La	1	Thiên Lộc	Năm 2025-2027	11048/QĐ-UBND 30/12/2019	129.397	400	32.899	32.899	1.105	31.794	50.000	1	UBND xã Thiên Lộc	
181	Xây dựng trường THCS tại thôn Hậu Đường, xã Kim Chung	1	Thiên Lộc	2021-2028	3831/QĐ-UBND 8/7/2020; 3318/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	146.242	293	57.271	57.271	10.582	46.689	30.000	1	UBND xã Thiên Lộc	
182	Xây dựng trường Mầm non Hậu Đường	1	Thiên Lộc	2025-2028	3985/QĐ-UBND ngày 18/5/2022	83.159		19.565	19.565	395	19.170	35.000	1	UBND xã Thiên Lộc	
183	Xây dựng điểm trường Mầm non thôn Mai Châu, xã Đại Mạch	1	Thiên Lộc	2025-2028	5293/QĐ-UBND ngày 05/6/2024	68.072		16.842	16.842	300	16.542	40.000	1	UBND xã Thiên Lộc	
184	Xây dựng trường tiểu học thôn Hậu Đường	1	Thiên Lộc	2021-2025	3989/QĐ-UBND 15/7/2020; 9082/QĐ-UBND 12/10/2023; QĐ 11.2024/QĐ-UBND	139.803		90.746	90.746	77.543	13.203	30.986	1	UBND xã Thiên Lộc	
185	Xây dựng trường tiểu học Thị trấn B	1	Xã Thư Lâm	2024-2027	NQ ĐC CTDT 24/NQ-HĐND ngày 28/6/2024	101.689	33	44.858	44.858	40.779	4.079	42.000	1	UBND xã Thư Lâm	
186	Cải tạo, sửa chữa trường tiểu học thị trấn	1	Xã Thư Lâm	2023-2026	QĐ ĐC ĐA 1942/QĐ-UBND ngày 13/3/2024	49.811		38.834	38.834	16.834	22.000	5.000	1	UBND xã Thư Lâm	
187	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Liên Hà A	1	Xã Thư Lâm	2024-2026	QĐ ĐA 3626/QĐ-UBND ngày 23/4/2024	37.273		28.854	28.854	14.854	14.000	4.000	1	UBND xã Thư Lâm	
188	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Liên Hà	1	Xã Thư Lâm	2025-2028	QĐ ĐA 5637/QĐ-UBND ngày 21/4/2025	82.894		22.073	22.073	200	21.873	49.000	1	UBND xã Thư Lâm	
189	Xây dựng Trường THCS Thị trấn 2	1	Xã Thư Lâm	2024-2027	QĐ ĐA 12512/QĐ-UBND ngày 15/12/2023	94.340	47	45.581	45.581	42.009	3.572	35.000	1	UBND xã Thư Lâm	
190	Xây dựng trường mầm non Thư Lâm 2	1	Xã Thư Lâm	2025-2028	QĐ ĐA 10244/QĐ-UBND ngày 12/6/2025	78.952		2.842	2.842	342	2.500	60.000	1	UBND xã Thư Lâm	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025				KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân (gồm cả NS cấp xã)	Trong đó: Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025 (phần Ngân sách TP hỗ trợ)						
									Tổng lũy kế giải ngân	Lũy kế giải ngân 2021-2024	KHV năm 2025				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
191	Xây dựng trường mầm non Xuân Đình D	1	Phường Xuân Đình	2024-2027	696/QĐ-UBND ngày 25/2/2025 của UBND quận Bắc Từ Liêm	71.513		21.150	21.150		21.150	40.000	1	UBND phường Xuân Đình	
192	Cải tạo, sửa chữa và xây dựng bổ sung phòng học, mua sắm trang thiết bị trường tiểu học Xuân Đình để tách thành hai trường Tiểu học Xuân Đình A và Trường Tiểu học Xuân Đình B	1	Phường Xuân Đình	2025-2028	852/QĐ-UBND ngày 19/12/2025 của UBND phường Xuân Đình	361.533		350	350	350		250.000	1	UBND phường Xuân Đình	
193	Xây dựng trường mầm non thôn Hải Bối	1	xã Vĩnh Thanh	2024-2027	10186/QĐ-UBND ngày 09/10/2024	89.448		46.190	46.190	1.190	45.000	34.400	1	UBND xã Vĩnh Thanh	
194	Xây dựng trường tiểu học Vĩnh Ngọc	1	xã Vĩnh Thanh	2024-2027	12065/QĐ-UBND ngày 08/12/2023	214.721		166.924	166.924	86.424	80.500	20.000	1	UBND xã Vĩnh Thanh	
195	Cải tạo, sửa chữa trường trung học cơ sở Hải Bối	1	xã Vĩnh Thanh	2025-2028	14380/QĐ-UBND ngày 12/12/2024	87.977		30.400	30.400	400	30.000	43.800	1	UBND xã Vĩnh Thanh	
196	Xây dựng trường THCS Vĩnh Ngọc 2	1	xã Vĩnh Thanh	2024-2027	7575/QĐ-UBND ngày 20/5/2025	215.048		27.900	27.900		27.900	150.000	1	UBND xã Vĩnh Thanh	
197	Cải tạo, nâng cấp trường THCS Vĩnh Ngọc	1	xã Vĩnh Thanh	2024-2027	7577/QĐ-UBND ngày 20/5/2025	71.129		15.600	15.600	200	15.400	46.700	1	UBND xã Vĩnh Thanh	
198	Xây dựng, cải tạo trường Mầm non Bình Minh, quận Hoàn Kiếm	1	55 Hàng Bông và 5 Hội Vũ	2024-2026	1259 22/5/24; 761 10/4/25; 919 21/4/25	19.749		13.780	13.780	6.980	6.800	3.500	1	UBND phường Hoàn Kiếm	
199	Sửa chữa, chống xuống cấp trường Mầm non Hoa Hồng, quận Hoàn Kiếm	1	52 Hàng Diêu và 8 Đường Thánh	2024-2026	1218 08/8/24	24.270		20.999	20.999	11.000	9.999	1.000	1	UBND phường Hoàn Kiếm	
200	Xây dựng, cải tạo trường THCS Thanh Quan, quận Hoàn Kiếm	1	29 Hàng Cót	2024-2027	1497 14/6/24; 1664 11/11/24	119.276		51.698	51.698	28.698	23.000	59.000	1	UBND phường Hoàn Kiếm	
201	Sửa chữa, chống xuống cấp trường Tiểu học Thăng Long, quận Hoàn Kiếm	1	20 Ngõ Trăm	2024-2026	225 14/02/25	30.713		23.999	23.999		23.999	6.000	1	UBND phường Hoàn Kiếm	
202	Sửa chữa, chống xuống cấp trường Tiểu học Nguyễn Du, quận Hoàn Kiếm	1	11-13 Hàng Tre	2025-2027	532 12/3/25	43.493		18.500	18.500		18.500	19.000	1	UBND phường Hoàn Kiếm	
203	Sửa chữa, chống xuống cấp trường Mầm non Hòa Mỹ, quận Hoàn Kiếm	1	39 Hàng Giấy	2024-2026	130 17/6/24, 2865 29/11/24	14.217		5.999	5.999		5.999	6.500	1	UBND phường Hoàn Kiếm	
204	Sửa chữa, chống xuống cấp trường Mẫu giáo Tuổi Thơ, quận Hoàn Kiếm	1	88 Hàng Bưởi	2024-2026	130 17/6/24; 926 21/4/25	5.771		4.500	4.500		4.500	1.000	1	UBND phường Hoàn Kiếm	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025				KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân (gồm cả NS cấp xã)	Trong đó: Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025 (phần Ngân sách TP hỗ trợ)						
									Tổng lũy kế giải ngân	Trong đó					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
205	Xây dựng trường Tiểu học Xuân Đình C	1	Đông Ngạc	2024-2027	704/QĐ-UBND ngày 25/02/2025	155.208		2.500	2.500		2.500	100.000	1	UBND phường Đông Ngạc	
206	Cải tạo, nâng cấp trường mầm non Quan Hoa tại số 36 đường Cầu Giấy	1	P. Nghĩa Đô	2024-2026	3209/QĐ-UBND 29/11/2024	107.347		57.688	57.688		57.688	34.000	1	UBND phường Nghĩa Đô	
207	Xây dựng Trường Mầm non Hòa Mi	1	Phú Diễn	2025-2027	838/QĐ-UBND 22/4/2025	58.549		12.795	12.795		12.795	15.000	1	UBND phường Phú Diễn	
208	Xây dựng trường Tiểu học Nguyễn Khải Trục	1	Phú Diễn	2024-2027	808/QĐ-UBND ngày 18/4/2025	154.935		28.000	28.000		28.000	20.000	1	UBND phường Phú Diễn	
209	Xây dựng Trường mầm non Tây Mỗ 4	1	Phường Tây Mỗ	2024-2027	Quyết định số: 1823/QĐ-UBND 06/8/2024	171.653		74.583	74.583	63.583	11.000	72.000	1	UBND phường Tây Mỗ	
210	Cải tạo, sửa chữa và xây dựng bổ sung phòng học trường mầm non Mỹ Đình 2	1	Từ Liêm	2024-2026	1413/QĐ-UBND 05/5/2025	9.297		5.000	5.000		5.000	3.500	1	UBND phường Từ Liêm	
211	Cải tạo, sửa chữa trường mầm non Cầu Diễn	1	Từ Liêm	2024-2026	1414/QĐ-UBND 05/5/2025	9.277		5.100	5.100	100	5.000	3.500	1	UBND phường Từ Liêm	
212	Xây dựng trường mầm non Phú Đô	1	Từ Liêm	2022-2027	16/NQ-HĐND 29/7/2016; 985/QĐ-UBND ngày 27/03/2025	179.800	110	247	247	147	100	150.000	1	UBND phường Từ Liêm	
213	Cải tạo, sửa chữa và xây dựng bổ sung phòng học trường THCS Mỹ Trì	1	Từ Liêm	2024-2026	914/QĐ-UBND 14/11/2025	72.003		100	100		100	61.000	1	UBND phường Từ Liêm	
214	Cải tạo, sửa chữa trường THCS Xuân Phương	1	Phường Xuân Phương	2024-2026	Quyết định số: 1415/QĐ-UBND 05/5/2025	6.456		2.600	2.600		2.600	3.000	1	UBND Phường Xuân Phương	
215	Xây dựng trường trung học cơ sở Phú Lưu đạt chuẩn mức độ 2, huyện Ứng Hòa	1	xã Hòa Xá	2023-2027	1199/QĐ-UBND ngày 14/3/2024	59.000		1.200	1.200		1.200	49.000	1	UBND xã Hòa Xá	
216	Xây dựng trường THCS Đội Bình đạt chuẩn mức độ 2	1	xã Hòa Xá	2023-2026	2791 31/5/2023	14.980		300	300		300	13.000	1	UBND xã Hòa Xá	
217	Xây dựng, cải tạo trường mầm non 20-10, quận Hoàn Kiếm	1	40 Thọ Nhôm	2025-2028	89 ngày 16/01/2025	213.986		36.890	36.890	400	36.490	145.000	1	UBND phường Cửa Nam	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025				KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân (gồm cả NS cấp xã)	Trong đó: Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025 (phần Ngân sách TP hỗ trợ)						
									Tổng lũy kế giải ngân	Lũy kế giải ngân 2021-2024	KHV năm 2025				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
218	Xây dựng trường tiểu học Võ Thị Sáu, quận Hoàn Kiếm	1	43F, 47C Ngõ Quyền, 36A Trần Hưng Đạo và 13 Phan Huy Chú	2023-2026	848 ngày 12/4/2024	448.063		277.073	277.073	255.687	21.386	104.000	1	UBND phường Cửa Nam	
219	Xây dựng, cải tạo trường mầm non Quang Trung, quận Hoàn Kiếm	1	43 Quang Trung, 64 Trần Quốc Toàn	2022-2026	513 ngày 08/11/2024	61.249		24.314	24.314	12.552	11.762	29.880	1	UBND phường Cửa Nam	
220	Xây dựng trường mầm non Lý Thường Kiệt tại địa điểm 49 Phan Bội Châu, quận Hoàn Kiếm	1	49 Phan Bội Châu	2024-2026	1369 ngày 03/6/2024	12.299		3.851	3.851	2.705	1.146	7.000	1	UBND phường Cửa Nam	
221	Sửa chữa, chống xuống cấp trường THCS Trưng Vương, quận Hoàn Kiếm	1	26 Hàng Bài	2024-2026	1891 ngày 19/5/2025	18.192		14.015	14.015	3.760	10.255	2.560	1	UBND phường Cửa Nam	
222	Sửa chữa, chống xuống cấp trường THCS Ngô Sĩ Liên, quận Hoàn Kiếm	1	27-29 Hàm Long	2024-2026	313 ngày 21/02/2025	28.133		22.350	22.350		22.350	4.400	1	UBND phường Cửa Nam	
223	Xây dựng, cải tạo Trường THCS Tam Thuận	1	xã Hát Môn	2025-2027	18/NQ-HĐND ngày 03/11/2021; 907 ngày 09/3/2022; 568 ngày 19/9/2025	41.261		10.000	10.000		10.000	25.000	1	UBND xã Hát Môn	
224	Cải tạo, nâng cấp trường Tiểu học Bắc Sơn C	1	xã Trung Giã	2024-2026	1516 13/10/2025	19.227		6.050	6.050	50	6.000	15.000	1	UBND xã Trung Giã	
225	Nâng cấp, mở rộng trường mầm non Bắc Sơn B	1	xã Trung Giã	2024-2027	1519 15/10/2025	27.096		200	200	200		24.000	1	UBND xã Trung Giã	
226	Cải tạo, chỉnh trang trường tiểu học Minh Khai B, phường Minh Khai	1	Tây Tựu	2021-2026	1051/QĐ-UBND ngày 5/4/2024	41.403		24.121	24.121	14.621	9.500	11.000	1	UBND phường Tây Tựu	
227	Dự án Xây dựng trường Mầm non Phúc Lý (Cơ sở 1)	1	Tây Tựu	2024-2027	5338/QĐ-UBND ngày 13/12/2024	66.224		16.213	16.213	20	16.193	40.000	1	UBND phường Tây Tựu	
228	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Nhật Tân	1	Hồng Hà	2023-2026	760/QĐ-SXD ngày 3/11/2023	104.868		94.346	94.346	87.097	7.249	8.000	1	UBND phường Hồng Hà	
229	Cải tạo, mở rộng trường tiểu học Tân Dân B	1	xã Kim Anh	2025-2026	2105/QĐ-UBND ngày 10/4/2025; số 3479/QĐ-UBND ngày 20/5/2025	24.929		9.900	9.900	200	9.700	12.000	1	UBND xã Kim Anh	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025				KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân (gồm cả NS cấp xã)	Trong đó: Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025 (phần Ngân sách TP hỗ trợ)						
									Tổng lũy kế giải ngân	Trong đó					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
230	Cải tạo nâng cấp trường Mầm non Tiên Dược A	1	xã Sóc Sơn	2023-2026	6856/QĐ-UBND ngày 17/9/2024	22.237		18.300	18.300	300	18.000	2.200	1	UBND xã Sóc Sơn	
II	Lĩnh vực văn hóa thông tin (du lịch) - Lĩnh vực di tích	226				6.753.774	12.276	1.776.885	1.776.884	294.666	1.482.218	3.784.070	226		
1	Tu bổ, tôn tạo đình thôn Thượng, xã Đức Hòa	1	xã Đa Phúc	2023-2026	3016/QĐ-UBND ngày 04/5/2024	13.105		9.100	9.100	3.100	6.000	2.800	1	UBND xã Đa Phúc	
2	Tu bổ, tôn tạo đình, chùa Tiên Tảo, xã Việt Long	1	xã Đa Phúc	2023-2026	3328/QĐ-UBND ngày 09/5/2024	18.470		15.100	15.100	5.100	10.000	1.500	1	UBND xã Đa Phúc	
3	Tu bổ, tôn tạo chùa Xuân Dương, xã Kim Lũ	1	xã Đa Phúc	2023-2026	136/QĐ-UBND ngày 10/01/2025	23.797		11.583	11.583	71	11.512	9.000	1	UBND xã Đa Phúc	
4	Tu bổ, tôn tạo đình, đền Xuân Dương, xã Kim Lũ	1	xã Đa Phúc	2024-2027	8717/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	34.186		18.200	18.200	100	18.100	12.000	1	UBND xã Đa Phúc	
5	Tu bổ, tôn tạo Đình Yên Phú, xã Xuân Thu	1	xã Đa Phúc	2024-2026	6707/QĐ-UBND ngày 05/9/2024	16.845		9.200	9.200	200	9.000	6.000	1	UBND xã Đa Phúc	
6	Tu bổ, tôn tạo Chùa Thái Cam, quận Hoàn Kiếm	1	16 Hàng Gà	2023-2026	2744 04/12/23; 1016 11/7/24	48.994		20.544	20.544	19.995	549	21.000	1	UBND phường Hoàn Kiếm	
7	Tu bổ, tôn tạo đền Khánh Thụy, quận Hoàn Kiếm	1	23 Hàng Hành	2024-2026	1496 14/6/24; 1605 01/11/24	18.098		10.937	10.937	5.437	5.499	4.500	1	UBND phường Hoàn Kiếm	
8	Tu bổ, tôn tạo cổng Tam quan và Giếng đường chùa Bà Dã, quận Hoàn Kiếm	1	3 Nhà Thờ	2024-2026	2759 14/11/24	9.791		6.658	6.658	2.604	4.055	1.800	1	UBND phường Hoàn Kiếm	
9	Tu bổ, tôn tạo đền Quan Đế tại số 28 Hàng Buồm, quận Hoàn Kiếm	1	28 Hàng Buồm	2024-2026	559 17/3/25	9.524		6.849	6.849		6.849	1.500	1	UBND phường Hoàn Kiếm	
10	Tu bổ, tôn tạo ngôi nhà di sản số 87 Mã Mây, quận Hoàn Kiếm	1	87 Mã Mây	2024-2026	193 23/10/24; 1022 12/5/25	8.173		5.320	5.320	320	5.000	1.600	1	UBND phường Hoàn Kiếm	
11	Tu bổ, tôn tạo di tích Chùa Sùng Quang, phường Cổ Nhuế 2	1	Đông Ngạc	2024-2026	09/NQ-HĐND ngày 20/6/2024; 702/QĐ-UBND ngày 25/02/2025	8.754		2.000	2.000		2.000	5.000	1	UBND phường Đông Ngạc	
12	Tu bổ, tôn tạo chùa Thanh Nhân, xã Thanh Xuân	1	Xã Nội Bài	2024-2026	8683 06/12/2024	23.196		13.157	13.157	157	13.000	8.000	1	UBND xã Nội Bài	
13	Tu bổ, tôn tạo đền Thanh Nhân, xã Thanh Xuân	1	Xã Nội Bài	2023-2027	7809 06/11/2024	25.001		14.660	14.660		14.660	8.000	1	UBND xã Nội Bài	
14	Tu bổ, tôn tạo đình Hiền Lương, xã Hiền Ninh	1	Xã Nội Bài	2024-2027	7605 28/10/2024	25.573		14.860	14.860	4.310	10.550	12.000	1	UBND xã Nội Bài	
15	Tu bổ tôn tạo đền Chùa Lương Chử xã Tiên Dược	1	Xã Sóc Sơn	2023-2026	6462/QĐ-UBND ngày 21/8/2024	27.527		11.370	11.370	370	11.000	15.000	1	UBND xã Sóc Sơn	
16	Tu bổ tôn tạo Đình Liễn Lý xã Phú Lỗ	1	Xã Sóc Sơn	2023-2026	8684/QĐ-UBND ngày 06/12/2024	18.912		12.100	12.100	100	12.000	4.000	1	UBND xã Sóc Sơn	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025				KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân (gồm cả NS cấp xã)	Trong đó: Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025 (phần Ngân sách TP hỗ trợ)						
									Tổng lũy kế giải ngân	Lũy kế giải ngân 2021-2024	KHV năm 2025				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
17	Tu bổ, tôn tạo di tích Đền Mẫu Phú Yên, xã Viên An, huyện Ứng Hòa, TP.Hà Nội	1	xã Ứng Thiên	2024-2026	3788/QĐ-UBND ngày 11/6/2024	21.197		300	300		300	18.000	1	UBND xã Ứng Thiên	
18	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Viên Ngoại, xã Viên An, huyện Ứng Hòa, TP.Hà Nội	1	xã Ứng Thiên	2023-2026	1043/QĐ-UBND ngày 9/3/2024; 1505/QĐ-UBND ngày 17/11/2025	16.000		300	300		300	14.000	1	UBND xã Ứng Thiên	
19	Tu bổ, tôn tạo di tích Đền Viên Ngoại, xã Viên An, huyện Ứng Hòa, TP.Hà Nội	1	xã Ứng Thiên	2023-2026	3991/QĐ-UBND ngày 18/6/2024; 1504/QĐ-UBND ngày 17/11/2025	17.980		350	350		350	15.000	1	UBND xã Ứng Thiên	
20	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình thôn Trung, xã Viên Nội, huyện Ứng Hòa, TP.Hà Nội	1	xã Ứng Thiên	2023-2026	4986-9/7/2024; 1506/QĐ-UBND ngày 17/11/2025	23.432		450	450		450	20.000	1	UBND xã Ứng Thiên	
21	Tu bổ, tôn tạo di tích Chùa thôn Trung, xã Viên Nội, huyện Ứng Hòa, TP.Hà Nội	1	xã Ứng Thiên	2024-2026	496/QĐ-UBND ngày 24/11/2025	22.160		400	400		400	19.000	1	UBND xã Ứng Thiên	
22	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình thôn Tiên, xã Viên Nội, huyện Ứng Hòa, TP.Hà Nội	1	xã Ứng Thiên	2023-2026	3989/QĐ-UBND ngày 18/6/2024; ; 1507/QĐ-UBND ngày 17/11/2025	27.709		500	500		500	23.000	1	UBND xã Ứng Thiên	
23	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Hoa Đồng, xã Trường Thịnh, huyện Ứng Hòa, TP.Hà Nội	1	xã Ứng Thiên	2024-2026	663/QĐ-UBND ngày 21/2/2025	17.200		300	300		300	15.000	1	UBND xã Ứng Thiên	
24	Tu bổ, tôn tạo di tích Chùa Bạt Chúa, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa, TP.Hà Nội	1	xã Ứng Thiên	2024-2026	664/QĐ-UBND ngày 21/2/2025	26.813		500	500		500	22.000	1	UBND xã Ứng Thiên	
25	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa thôn Thượng, xã Viên Nội, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	1	xã Ứng Thiên	2024-2026	7529/QĐ-UBND ngày 5/11/2024	20.738		300	300		300	18.000	1	UBND xã Ứng Thiên	
26	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Kim Bông, xã Kim Đường, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	1	Xã Ứng Hòa	2023-2027	6647/QĐ-UBND ngày 06/11/2023; 2126/QĐ-UBND ngày 12/11/2025	21.380		400	400		400	18.000	1	UBND xã Ứng Hòa	
27	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Cung Thuê, xã Kim Đường, huyện Ứng Hòa	1	Xã Ứng Hòa	2024-2026	4330/QĐ-UBND ngày 20/6/2024	21.421		400	400		400	18.000	1	UBND xã Ứng Hòa	
28	Tu bổ, tôn tạo di tích đền, miếu Trung Thượng, xã Đại Hùng, huyện Ứng Hòa	1	Xã Ứng Hòa	2024-2026	682/QĐ-UBND ngày 24/2/2025	17.304		350	350		350	15.000	1	UBND xã Ứng Hòa	



STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lấy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lấy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025				KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lấy kế giải ngân (gồm cả NS cấp xã)	Trong đó: Lấy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025 (phần Ngân sách TP hỗ trợ)						
									Tổng lấy kế giải ngân	Lấy kế giải ngân 2021-2024	KHV năm 2025				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
29	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Du Đồng xã Đại Hùng, huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội	1	Xã Ứng Hòa	2024-2026	4493/QĐ-UBND ngày 29/6/2024	23.000		350	350		350	20.000	1	UBND xã Ứng Hòa	
30	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Ngũ Luân, xã Đại Hùng, huyện Ứng Hoà, TP Hà Nội	1	Xã Ứng Hòa	2024-2026	167/QĐ-UBND ngày 09/3/2022; 8452-04/12/2024	23.000		350	350		350	20.000	1	UBND xã Ứng Hòa	
31	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Mỹ Lâm, xã Hòa Lâm, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	1	Xã Ứng Hòa	2023-2026	4684-26/6/2025	30.000		400	400		400	25.000	1	UBND xã Ứng Hòa	
32	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Dâu, xã Đại Cường, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	1	Xã Ứng Hòa	2023-2026	4911/QĐ-UBND ngày 05/7/2024; 2131/QĐ-UBND ngày 12/11/2025	25.000		400	400		400	21.000	1	UBND xã Ứng Hòa	
33	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Thần, xã Minh Đức, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	1	Xã Ứng Hòa	2023-2026	1203/QĐ-UBND ngày 28/10/2024; 2137/QĐ-UBND ngày 12/11/2025	17.980		350	350		350	15.000	1	UBND xã Ứng Hòa	
34	Tu bổ, tôn tạo di tích đền Ngũ Luân, xã Đại Hùng, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	1	Xã Ứng Hòa	2024-2026	7531/QĐ-UBND ngày 05/11/2024	24.578		400	400		400	21.000	1	UBND xã Ứng Hòa	
35	Tu bổ, tôn tạo chùa Thanh Quang (chùa Nhân Mỹ) giai đoạn 2, phường Mỹ Đình 1	1	Từ Liêm	2023-2026	2953/QĐ-UBND 26/9/2023; 870/QĐ-UBND 08/11/2025	34.123		24.237	24.237	7.237	17.000	5.000	1	UBND phường Từ Liêm	
36	Tu bổ, tôn tạo chùa Thiên Trúc, phường Mỹ Đình 1	1	Từ Liêm	2024-2026	2956/QĐ-UBND 10/12/2024	69.982		30.000	30.000		30.000	30.000	1	UBND phường Từ Liêm	
37	Tu bổ, tôn tạo Miếu Vua Bà, phường Mỹ Đình 2	1	Từ Liêm	2025-2027	900/QĐ-UBND 12/11/2025	8.085		100	100		100	7.000	1	UBND phường Từ Liêm	
38	Tu bổ tôn tạo di tích đình Đò Hồ Đại Vương Phạm Tu, xã Thanh Liệt	1	Phường Thanh Liệt	2024-2026	4317/QĐ-UBND ngày 09/8/2024	11.521		10.440	10.440		10.440	500	1	UBND phường Thanh Liệt	
39	Tu bổ Đình Yên Xá, xã Tín Triều	1	Phường Thanh Liệt	2024-2026	4305/QĐ-UBND ngày 08/8/2024	30.429		10.500	10.500		10.500	19.000	1	UBND phường Thanh Liệt	
40	Tu bổ tôn tạo di tích đình Nội (đình Chu Văn An) xã Thanh Liệt	1	Phường Thanh Liệt	2024-2026	2514/QĐ-UBND ngày 26/5/2025	19.219		17.219	17.219		17.219	2.000	1	UBND phường Thanh Liệt	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025				KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân (gồm cả NS cấp xã)	Trong đó: Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025 (phần Ngân sách TP hỗ trợ)						
									Tổng lũy kế giải ngân	Trong đó					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
41	Tu bổ Chùa Triều Khúc, xã Tân Triều	1	Phường Thanh Liệt	2026-2028	5595/QĐ-UBND ngày 04/11/2024	15.454		200	200		200	13.500	1	UBND phường Thanh Liệt	
42	Đình thờ sắc Triều Khúc, xã Tân Triều	1	Phường Thanh Liệt	2026-2028	5594/QĐ-UBND ngày 04/11/2024	12.793		200	200		200	11.000	1	UBND phường Thanh Liệt	
43	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Hữu Lễ, xã Hữu Hòa, huyện Thanh Trì	1	Đại Thanh	2025-2026	2068/QĐ-UBND ngày 23/5/2024	10.024		6.433	6.433		6.433	2.500	1	UBND xã Đại Thanh	
44	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Thượng Phúc, xã Tá Thanh Oai, huyện Thanh Trì	1	Đại Thanh	2024-2026	5722/QĐ-UBND ngày 08/11/2024	8.126		5.000	5.000		5.000	2.500	1	UBND xã Đại Thanh	
45	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Chiến xã Đức Thượng	1	Hoài Đức	2023-2026	5042; 29/11/2024	16.970		4.600	4.600		4.600	10.000	1	UBND xã Hoài Đức	
46	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Yên Thái xã Tiến Yên	1	Sơn Đông	2023-2026	4284; 23/9/2024	14.848		5.900	5.900		5.900	7.000	1	UBND xã Sơn Đông	
47	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Phú Bình (Bách Phúc Tự) xã Phú Cát	1	Phù Cát	2024-2026	1589/QĐ-UBND 27/3/2024; 2637/QĐ-UBND 23/11/2025 2487/QĐ-UBND ngày 03/11/2025	28.336		3.200	3.200	200	3.000	24.000	1	UBND xã Phú Cát	
48	Tu bổ, tôn tạo đình Bắc Cầu 1, phường Ngọc Thụy, quận Long Biên	1	P Bồ Đề	2024-2026	3677 23/9/2024	25.497		16.422	16.422	422	16.000	5.500	1	UBND P Bồ Đề	
49	Tu bổ, tôn tạo di tích kiến trúc - nghệ thuật đền Trần Vũ, phường Thạch Bàn, quận Long Biên	1	Phường Long Biên	2024-2027	3823 04/10/2024	63.996		23.450	23.450	450	23.000	31.000	1	UBND phường Long Biên	
50	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử đình, đền Thượng Hội, phường Thạch Bàn, quận Long Biên	1	Phường Long Biên	2025-2026	611 18/2/2025	23.704		6.450	6.450	100	6.350	14.000	1	UBND phường Long Biên	
51	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử đình, chùa Trung Thôn, phường Cự Khối, quận Long Biên	1	Phường Long Biên	2025-2028	147/NQ-HĐND 24/10/2024; 1788/QĐ-UBND ngày 23/4/2025	52.999		1.330	1.330	100	1.230	44.000	1	UBND phường Long Biên	
52	Cải tạo, sửa chữa hệ thống PCCC các di tích đã được xếp hạng trên địa bàn quận Long Biên	1	Phúc Lợi	2025-2026	3457 27/6/2025	23.914		3.480	3.480	200	3.280	17.000	1	UBND phường Phúc Lợi	
53	Tu bổ, tôn tạo đình Ngoại Mai Phúc, phường Phúc Đồng, quận Long Biên	1	Phúc Lợi	2024-2026	4670 26/11/2024	31.998		3.600	3.600	100	3.500	24.000	1	UBND phường Phúc Lợi	

Handwritten signature

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lấy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lấy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025				KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân (gồm cả NS cấp xã)	Trong đó: Lấy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025 (phần Ngân sách TP hỗ trợ)						
									Tổng lũy kế giải ngân	Lấy kế giải ngân 2021-2024	KHV năm 2025				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
54	Đình Ấng Hạ, xã Lê Thanh, huyện Mỹ Đức	1	xã Hồng Sơn	2023-2026	3148/QĐ-UBND ngày 21/06/2024; 4480/QĐ-UBND ngày 24/6/2025	20.000		14.500	14.500	7.500	7.000	3.000	1	UBND xã Hồng Sơn	
55	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Ấng Thượng, xã Lê Thanh, huyện Mỹ Đức	1	xã Hồng Sơn	2023 - 2026	2444/QĐ-UBND ngày 23/5/2024	26.000		14.500	14.500		14.500	8.000	1	UBND xã Hồng Sơn	
56	Tu bổ tôn tạo chùa di tích Đền Tráng Việt, xã Tráng Việt, huyện Mê Linh	1	xã Mê Linh	2024-2026	2235/QĐ-UBND 05/6/2024	49.195		14.300	14.300	300	14.000	28.000	1	UBND xã Mê Linh	
57	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Linh Quang, xã Văn Khê, huyện Mê Linh	1	xã Mê Linh	2025-2027	CTDT: 2196/QĐ-UBND 12/5/2025; 3908/QĐ-UBND ngày 20/6/2025	52.593		15.000	15.000		15.000	31.000	1	UBND xã Mê Linh	
58	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Phú Văn, xã Bật Xuyên, huyện Mỹ Đức	1	xã Phúc Sơn	2024-2026	7679/QĐ-UBND ngày 12/12/2024; 1581/QĐ-UBND 14/3/2025	35.000		10.550	10.550		10.550	20.000	1	UBND xã Phúc Sơn	
59	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Giáp Bồn, xã Tuy Lai	1	xã Phúc Sơn	2024-2026	2739 30/5/2024	37.071		700	700		700	19.000	1	UBND xã Phúc Sơn	
60	Tu bổ, tôn tạo di tích Đền Thượng, xã Đại Thịnh, huyện Mê Linh	1	Xã Tiến Thắng	2025-2027	1274/QĐ-UBND 25/3/2025	20.979		15.500	15.500		15.500	3.000	1	UBND xã Tiến Thắng	
61	Tu bổ, tôn tạo di tích Đền Kim Giao, xã Tiến Thắng, huyện Mê Linh	1	Xã Tiến Thắng	2024-2026	5072/QĐ-UBND 14/11/2024	22.932		12.150	12.150	150	12.000	8.000	1	UBND xã Tiến Thắng	
62	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Mỹ Lệ, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh	1	Xã Tiến Thắng	2025-2027	1837/QĐ-UBND 22/4/2025	40.156		19.000	19.000		19.000	17.000	1	UBND xã Tiến Thắng	
63	Tu bổ, tôn tạo di tích đền Bạch Đa và mộ tiền sỹ Đỗ Nhuận, xã Kim Hoa, huyện Mê Linh	1	Xã Tiến Thắng	2025-2027	3872/QĐ-UBND 19/6/2025	32.342		10.000	10.000		10.000	19.000	1	UBND xã Tiến Thắng	
64	Tu bổ, tôn tạo Chùa Trung Kính Thượng, phường Trung Hòa	1	Phường Yên Hòa	2024-2026	2382/QĐ-UBND 20/8/2024	40.919		21.551	21.551	725	20.826	16.000	1	UBND phường Yên Hòa	
65	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Vô Khuyết, xã Cẩm Lĩnh	1	xã Bát Bạt	2025-2027	5845/QĐ-UBND ngày 04/11/2024	14.000		3.600	3.600		3.600	5.000	1	UBND xã Bát Bạt	
66	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Đan Thề, xã Sơn Đà	1	xã Bát Bạt	2025-2027	2360/QĐ-UBND ngày 20/5/2024	25.000		6.000	6.000		6.000	10.000	1	UBND xã Bát Bạt	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025				KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân (gồm cả NS cấp xã)	Trong đó: Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025 (phần Ngân sách TP hỗ trợ)						
									Tổng lũy kế giải ngân	Trong đó					
									Lũy kế giải ngân 2021-2024	KHV năm 2025					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
67	Tu bổ, tôn tạo di tích nhà thờ Trần Thế Vinh	1	Xã Vật Lại	2025-2027	QĐ số 4573/QĐ-UBND ngày 23/6/2025; 868/QĐ-UBND ngày 30/11/2025	5.000		1.300	1.300		1.300	3.500	1	UBND xã Vật Lại	
68	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Bất Lạm, xã Đại Thành, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội	1	Hưng Đạo	2024-2026	4842/QĐ--UBND 18/7/2024	21.811		5.719	5.719	219	5.500	12.000	1	UBND xã Hưng Đạo	
69	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Độ Chàng, xã Đại Thành, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội	1	Hưng Đạo	2024-2026	7165/QĐ-UBND 14/11/2024	21.229		5.731	5.731	231	5.500	12.000	1	UBND xã Hưng Đạo	
70	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Văn Khê, xã Nghĩa Hương, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội	1	Kiều Phú	2023-2026	26/NQ-HĐND ngày 15/11/2021; 15/NQ-HĐND ngày 22/9/2023; 3014/QĐ-UBND ngày 14/5/2024; 3034/QĐ-UBND ngày 18/11/2025	19.776		10.199	10.199	199	10.000	8.000	1	UBND xã Kiêu Phú	
71	Tu bổ, tôn tạo di tích Chùa Ngọc Bài, xã Ngọc Liệp, huyện Quốc Oai	1	Kiều Phú	2023-2026	15/NQ-HĐND ngày 22/9/2023; 5708/QĐ-UBND ngày 14/8/2024; 3043/QĐ-UBND ngày 18/11/2025	21.319		15.998	15.998	198	15.800	3.200	1	UBND xã Kiêu Phú	
72	Tu bổ tôn tạo di tích đền Núi Sơn	1	P. Ba Đình	2021-2027	20/NQ-HĐND ngày 15.12.20; 18/NQ-HĐND ngày 06.8.21; 2132/QĐ-UBND ngày 20.8.21; 25/NQ-HĐND ngày 15.12.23; 508 ngày 24.11.25	26.427		17.359	17.359	16.359	1.000	7.000	1	UBND phường Ba Đình	
73	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Hộc Nhái	1	P. Ba Đình	2019-2026	757/ ngày 14.5.19; 2365 ngày 12.12.19; 16/NQ-HĐND ngày 29.10.24; 502 ngày 22.11.25	38.734	7.000	12.150	12.150	10.150	2.000	16.000	1	UBND phường Ba Đình	
74	Tu bổ tôn tạo di tích đình Giảng Võ	1	P. Giảng Võ	2019-2026	985/QĐ-UBND ngày 29.4.20; 443/QĐ-UBND ngày 06.3.23; 556/QĐ-UBND ngày 11/11/2025; 819/QĐ-UBND ngày 05/12/2025	30.500	542	13.649	13.649	7.699	5.950	12.000	1	UBND phường Giảng Võ	
75	Tu bổ tôn tạo di tích chùa Kim Sơn	1	P. Giảng Võ	2019-2026	2039/QĐ-UBND ngày 15.9.20; 922/QĐ-UBND ngày 10.5.2023; 536/QĐ-UBND 07/11/2025	80.358	1.031	42.173	42.173	20.400	21.773	25.000	1	UBND phường Giảng Võ	
76	Tu bổ tôn tạo di tích đền Voi Phục	1	P. Giảng Võ	2021-2026	4149/QĐ-UBND 22.12.2022; 1033/QĐ-UBND 28.05.2025; 572/QĐ-UBND ngày 14/11/2025	57.032		32.972	32.972	15.395	17.576	16.000	1	UBND phường Giảng Võ	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lấy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lấy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025				KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lấy kế giải ngân (gồm cả NS cấp xã)	Trong đó: Lấy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025 (phần Ngân sách TP hỗ trợ)						
									Tổng lấy kế giải ngân	Trong đó					
				Lấy kế giải ngân 2021-2024	KHV năm 2025										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
77	Tu bổ tôn tạo di tích đình Kim Mũ	1	P. Giảng Võ	2019-2026	750/QĐ-UBND ngày 12/4/2023; 572/QĐ-UBND ngày 14/11/2025	23.936	126	16.678	16.678	12.378	4.300	5.000	1	UBND phường Giảng Võ	
78	Tu bổ, tôn tạo tổng thể Đình Ngọc Khánh	1	P. Giảng Võ	2024-2026	số 3935/QĐ-UBND ngày 19/12/2024; 572/QĐ-UBND ngày 14/11/2025	16.952		8.772	8.772	172	8.600	6.000	1	UBND phường Giảng Võ	
79	Tu bổ, tôn tạo và giải phóng mặt bằng các hộ dân ra khỏi khuôn viên di tích đình Khương Thượng	1	Phường Kim Liên	2025-2027	944/QĐ-UBND 09/10/2025	44.601		1.189	1.189		1.189	39.000	1	UBND phường Kim Liên	
80	Tu bổ tôn tạo di tích đình Kim Mã Thượng	1	P Ngọc Hà	2021-2026	1436/QĐ-UBND ngày 31.7.23; 475/QĐ-UBND ngày 13.11.25	17.831		10.347	10.347	9.530	817	6.500	1	UBND phường Ngọc Hà	
81	Tu bổ, tôn tạo tổng thể di tích đình Cống Vị (bao gồm vườn hoa tại điểm đất ngõ 518 phố Đội Cấn thuộc khu vực bảo vệ 1 di tích đình Cống Vị)	1	P Ngọc Hà	2023-2026	145/QĐ-UBND ngày 12.02.25; 475/QĐ-UBND ngày 13.11.25	34.674		13.007	13.007	207	12.800	19.000	1	UBND phường Ngọc Hà	
82	Tu bổ, tôn tạo chùa Báo Ân, xã Dương Quang, huyện Gia Lâm (Giai đoạn 2)	1	Thuận An	2023-2026	407/QĐ-QLDADDTXD ngày 5/6/2025	124.126		50.200	50.200		50.200	49.100	1	UBND xã Thuận An	
83	Tu bổ, tôn tạo đình thôn An Đà, xã Đặng Xá, huyện Gia Lâm	1	Thuận An	2021-2026	2468/QĐ-UBND ngày 9/4/2024	13.094		5.345	5.345	345	5.000	5.100	1	UBND xã Thuận An	
84	Tu bổ, tôn tạo đình Hoàng Long, xã Đặng Xá	1	Thuận An	2025-2027	474/QĐ-QLDADDTXD ngày 27/6/2025	24.044		5.550	5.550	50	5.500	13.700	1	UBND xã Thuận An	
85	Tu bổ, tôn tạo đình Hàn Lạc, xã Phú Thụ, huyện Gia Lâm	1	Thuận An	2025-2027	6492/QĐ-UBND ngày 20/12/2024	30.411		590	590	90	500	4.300	1	UBND xã Thuận An	
86	Tu bổ, tôn tạo Đình Dân xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm	1	Thuận An	2025-2027	6453/QĐ-UBND ngày 20/12/2024	27.032		770	770	90	680	3.200	1	UBND xã Thuận An	
87	Tu bổ, tôn tạo Đình Bằng xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm	1	Thuận An	2025-2027	873/QĐ-UBND ngày 12/3/2025	16.837		580	580	60	520	2.800	1	UBND xã Thuận An	
88	Tu bổ, tôn tạo đình Đỗ Trụ xã Dương Quang, huyện Gia Lâm	1	Thuận An	2025-2027	1183/QĐ-UBND ngày 27/3/2025	20.186		530	530	80	450	2.500	1	UBND xã Thuận An	
89	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Nhật Tảo, phường Đồng Ngạc	1	Phường Phú Thượng	2024-2026	Quyết định số 363/QĐ-UBND ngày 18/10/2025	12.820		3.500	3.500		3.500	8.500	1	UBND phường Phú Thượng	
90	Tu bổ, tôn tạo chùa Bà Già, phường Phú Thượng (giai đoạn 2)	1	Phường Phú Thượng	2024-2027	Quyết định số 1097/QĐ-UBND ngày 26/12/2025	36.270		100	100		100	31.000	1	UBND phường Phú Thượng	
91	Tu bổ, tôn tạo đình Xuân Dục, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm	1	Xã Phú Đồng	2025-2027	1032/QĐ-UBND 20/3/2025 1493/QĐ-UBND 16/9/2025	34.372		8.960	8.960	100	8.860	16.170	1	UBND xã Phú Đồng	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025				KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân (gồm cả NS cấp xã)	Trong đó: Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025 (phần Ngân sách TP hỗ trợ)						
									Tổng lũy kế giải ngân	Lũy kế giải ngân 2021-2024	KHV năm 2025				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
92	Tu bổ, tôn tạo đình Kim Quan, xã Yên Viên, huyện Gia Lâm	1	Xã Phú Đồng	2025-2027	886/QĐ-UBND 12/3/2025 1493/QĐ-UBND 16/9/2025	26.275		6.600	6.600	100	6.500	12.500	1	UBND xã Phú Đồng	
93	Tu bổ, tôn tạo chùa Bái Ân	1	Tây Hồ	2024-2026	3216/QĐ-UBND 29/11/2024	43.354		22.324	22.324	24	22.300	15.000	1	UBND phường Tây Hồ	
94	Tu bổ, tôn tạo chùa Mật Dục	1	Tây Hồ	2023-2026	959/QĐ-UBND ngày 31/10/2025	29.777		13.846	13.846	6.696	7.150	12.000	1	UBND phường Tây Hồ	
95	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Nhật Tân	1	Tây Hồ	2025-2027	949/QĐ-UBND ngày 29/10/2025	23.714		461	461	31	430	20.000	1	UBND phường Tây Hồ	
96	Tu bổ, tôn tạo di tích đình, văn chỉ, am Trích Sài	1	Tây Hồ	2024-2026	826/QĐ-UBND ngày 08/5/2025	39.972		12.077	12.077	77	12.000	22.000	1	UBND phường Tây Hồ	
97	Tu bổ, tôn tạo Đền Cờ Lê	1	Tây Hồ	2024-2026	4804/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	16.656		10.044	10.044	7.544	2.500	3.500	1	UBND phường Tây Hồ	
98	Cải tạo, tu sửa một số hạng mục xuống cấp tại Đình Hồ Khẩu, phường Bưởi	1	Tây Hồ	2025-2027	128/QĐ-UBND ngày 31/01/2024	5.370		2.774	2.774	2.774		1.600	1	UBND phường Tây Hồ	
99	Tu bổ, tôn tạo Đền Voi Phục, phường Thụy Khuê	1	Tây Hồ	2023-2026	1702/QĐ-UBND ngày 10/10/2024	14.930		9.831	9.831	4.431	5.400	1.300	1	UBND phường Tây Hồ	
100	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Quảng Bá	1	Tây Hồ	2023-2026	954/QĐ-UBND ngày 29/10/2025; 3157/QĐ-UBND ngày 26/12/2025	14.931		194	194	84	110	13.000	1	UBND phường Tây Hồ	
101	GPMB và xây dựng HTKT khu vực I bảo vệ di tích Phú Tây Hồ	1	Tây Hồ	2024-2027	16/NQ-HĐND ngày 16/10/2024	30.934		236	236	36	200	20.000	1	UBND phường Tây Hồ	
102	Tu bổ tôn tạo các di tích Đền Dục Thánh, đền Nghìn Dông, đình Nghi Tam	1	Tây Hồ	2025-2027	22/NQ-HĐND ngày 18/12/2024	32.896		200	200		200	28.000	1	UBND phường Tây Hồ	
103	Tu bổ, tôn tạo di tích miếu Thượng Thanh, xã Thanh Cao	1	xã Bình Minh	2024-2026	7924/QĐ-UBND ngày 12/11/2024; 1280/QĐ-UBND ngày 14/11/2025	18.000		11.000	11.000		11.000	5.000	1	UBND xã Bình Minh	
104	Tu bổ, tôn tạo di tích miếu Ông, xã Bình Minh	1	xã Bình Minh	2024-2026	7609/QĐ-UBND ngày 18/10/2024; 1280/QĐ-UBND ngày 14/11/2025	15.000		9.100	9.100		9.100	5.000	1	UBND xã Bình Minh	
105	Tu bổ, tôn tạo di tích đền Đồng, xã Cao Viên	1	xã Bình Minh	2024-2026	7107/QĐ-UBND ngày 24/4/2024; 1280/QĐ-UBND ngày 14/11/2025	18.900		11.693	11.693		11.693	5.000	1	UBND xã Bình Minh	
106	Cải tạo, nâng cấp di tích Đình Nội Bình Đà, xã Bình Minh	1	xã Bình Minh	2023-2026	6464/QĐ-, 30/08/2024	150.000		40.000	40.000		40.000	88.000	1	UBND xã Bình Minh	
107	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Ngọc Đình, xã Hồng Dương	1	Dân Hòa	2024-2026	8045/QĐ-UBND ngày 18/11/2024	19.800		16.500	16.500		16.500	2.500	1	UBND xã Dân Hòa	
108	Tu bổ, tôn tạo miếu Cao Xá, xã Cao Dương	1	Dân Hòa	2024-2026	8062/QĐUBND ngày 19/11/2024	10.881		8.300	8.300		8.300	1.600	1	UBND xã Dân Hòa	
109	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Phúc Thuy	1	Dân Hòa	2025-2026	7895/QĐ-UBND ngày 07/11/2024	18.000		5.000	5.000		5.000	10.500	1	UBND xã Dân Hòa	
110	Tu bổ, tôn tạo di tích Đền Vũ Lăng, xã Dân Hòa	1	Dân Hòa	2025-2026	6684/QĐ-UBND ngày 14/9/2024	16.600		12.600	12.600		12.600	1.500	1	UBND xã Dân Hòa	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lấy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lấy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025				KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân (gồm cả NS cấp xã)	Trong đó: Lấy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025 (phần Ngân sách TP hỗ trợ)						
									Tổng lũy kế giải ngân	Trong đó					
				Lấy kế giải ngân 2021-2024	KHV năm 2025										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
111	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Thiên Đông	1	Tam Hưng	2024-2026	7837/QĐ-UBND ngày 02/11/2024	16.150		5.000	5.000		5.000	8.000	1	UBND xã Tam Hưng	
112	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Thạch Nhạm, xã Mỹ Hưng	1	Tam Hưng	2024-2026	7847/QĐ-UBND ngày 04/11/2024	14.500		6.400	6.400		6.400	5.000	1	UBND xã Tam Hưng	
113	Tu bổ, tôn tạo di tích nhà thờ Tiên sỹ huy giáp Lê Huy Trâm, thôn Song Khê, xã Tam Hưng	1	Tam Hưng	2024-2026	4732/QĐ-UBND ngày 13/6/2024	11.878		6.698	6.698		6.698	4.000	1	UBND xã Tam Hưng	
114	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Quán Hiến, xã Hòa Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Thường Tín	2023-2026	1683/QĐ-UBND ngày 21/5/2024	9.989		6.400	6.400		6.400	3.000	1	UBND xã Thường Tín	
115	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Nhuệ Giang, xã Hiến Giang, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Thường Tín	2024-2026	5150/QĐ-UBND ngày 04/12/2024	17.369		8.400	8.400		8.400	6.000	1	UBND xã Thường Tín	
116	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Văn Trãi, xã Văn Phú, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Thường Tín	2024-2026	5047/QĐ-UBND ngày 28/11/2024	14.921		4.000	4.000		4.000	9.000	1	UBND xã Thường Tín	
117	Tu bổ, tôn tạo di tích đình chùa Đảo Xá, xã Thăng Lợi, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Chương Dương	2024-2026	2566/QĐ-UBND ngày 26/12/2024	22.134		7.000	7.000		7.000	11.800	1	UBND xã Thường Tín	
118	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Vĩnh Lộc (giai đoạn 2), xã Thư Phú, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Chương Dương	2024-2026	05/NQ-HĐND ngày 09/4/2024	14.975		400	400		400	12.300	1	UBND xã Chương Dương	
119	Tu bổ, tôn tạo di tích đình chùa Đảo Xá, xã Thăng Lợi, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Chương Dương	2023-2026	2256/QĐ-UBND ngày 24/6/2024	22.134		7.000	7.000		7.000	11.800	1	UBND xã Chương Dương	
120	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Thư Dương, xã Thư Phú, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Chương Dương	2023-2026	4774/QĐ-UBND ngày 18/11/2024	14.887		8.000	8.000		8.000	6.000	1	UBND xã Chương Dương	
121	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Khoái Cầu, xã Thăng Lợi, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Chương Dương	2025 - 2026	2252/QĐ-UBND ngày 29/4/2025	32.556		600	600		600	27.000	1	UBND xã Chương Dương	
122	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Đống Duyên, xã Tô Hiệu, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Chương Dương	2024 - 2026	1005/QĐ-UBND ngày 11/3/2025	14.924		280	280		280	12.500	1	UBND xã Chương Dương	
123	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Chương Dương, xã Chương Dương, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Chương Dương	2025 - 2026	1694/QĐ-UBND ngày 09/4/2025	15.753		350	350		350	14.000	1	UBND xã Chương Dương	
124	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Kỳ Dương, xã Chương Dương, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Chương Dương	2024 - 2026	1237/QĐ-UBND ngày 27/3/2025	9.378		200	200		200	8.000	1	UBND xã Chương Dương	
125	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Khoái Cầu, xã Thăng Lợi, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Chương Dương	2024 - 2026	1228/QĐ-UBND ngày 27/3/2025	14.965		280	280		280	12.500	1	UBND xã Chương Dương	
126	Tu bổ, tôn tạo đình Phúc Lâm xã Phúc Tiến	1	xã Đại Xuyên	2025-2027	2756/QĐ-UBND ngày 19/5/2025	22.969		1.000	1.000		1.000	18.500	1	UBND xã Đại Xuyên	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025				KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân (gồm cả NS cấp xã)	Trong đó: Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025 (phần Ngân sách TP hỗ trợ)						
									Tổng lũy kế giải ngân	Lũy kế giải ngân 2021-2024	KHV năm 2025				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
127	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Xâm Hổ, xã Văn Táo, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	xã Hồng Vân	2021-2026	10/NQ-HĐND ngày 11/7/2023; 2258/QĐ-UBND ngày 24/06/2024; 2430/QĐ-UBND ngày 12/11/2025	10.310		4.000	4.000		4.000	6.000	1	UBND xã Hồng Vân	
128	Tu bổ, tôn tạo di tích đền Đại Lộ, xã Ninh Sở, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	xã Hồng Vân	2023-2026	10/NQ-HĐND ngày 11/7/2023; 1886/QĐ-UBND ngày 6/6/2024; 2421/QĐ-UBND ngày 12/11/2025	13.105		250	250		250	11.000	1	UBND xã Hồng Vân	
129	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Ninh Xá, xã Ninh Sở, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	xã Hồng Vân	2023-2026	10/NQ-HĐND ngày 11/7/2023; 1586/QĐ-UBND ngày 16/5/2024	18.000		350	350		350	15.500	1	UBND xã Hồng Vân	
130	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Khế Hối, xã Hà Hồi, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	xã Hồng Vân	2023-2026	10/NQ-HĐND ngày 11/7/2023; 1606/QĐ-UBND ngày 17/5/2024	14.957		300	300		300	12.500	1	UBND xã Hồng Vân	
131	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Hạ Thái, xã Duyên Thái, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	xã Hồng Vân	2024-2026	05/NQ-HĐND ngày 09/4/2024; 1932/QĐ-UBND ngày 22/4/2025	21.664		400	400		400	18.500	1	UBND xã Hồng Vân	
132	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Duyên Trường, xã Duyên Thái, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	xã Hồng Vân	2023-2026	10/NQ-HĐND ngày 11/7/2023; 1163/QĐ-UBND ngày 11/4/2024	10.501		200	200		200	9.000	1	UBND xã Hồng Vân	
133	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Xâm Dương, xã Ninh Sở, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	xã Hồng Vân	2024-2026	05/NQ-HĐND ngày 09/4/2024; 1861/QĐ-UBND ngày 17/4/2025	19.997		400	400		400	16.500	1	UBND xã Hồng Vân	
134	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Thượng Nội Thôn, xã Văn Táo, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	xã Hồng Vân	2024-2026	05/NQ-HĐND ngày 09/4/2024; 5089/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	14.959		300	300		300	13.000	1	UBND xã Hồng Vân	
135	Tu bổ, tôn tạo di tích đền, chùa Vĩnh Mộ, xã Nguyễn Trãi, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Thượng Phúc		3486/QĐ-UBND ngày 25/06/2025	54.916		421	421		421	46.000	1	UBND xã Thượng Phúc	
136	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Cao Xá, xã Dũng Tiến, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Thượng Phúc		1161/QĐ-UBND ngày 11/4/2024	11.919		156	156		156	10.000	1	UBND xã Thượng Phúc	
137	Tu bổ, tôn tạo di tích đền Liễu Viên, xã Nghiêm Xuyên, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Thượng Phúc		1888/QĐ-UBND ngày 06/6/2024	8.704		112	112		112	7.200	1	UBND xã Thượng Phúc	
138	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Ba Lãng, xã Dũng Tiến, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Thượng Phúc		976/QĐ-UBND ngày 11/3/2025	10.123		146	146		146	8.000	1	UBND xã Thượng Phúc	
139	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Cổng Xuyên, xã Nghiêm Xuyên, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Thượng Phúc		3045/QĐ-UBND ngày 04/6/2025	24.541		450	450		450	20.400	1	UBND xã Thượng Phúc	
140	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Đậu, xã Nguyễn Trãi, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội	1	Thượng Phúc		1028/QĐ-UBND ngày 13/3/2025	95.000		1.149	1.149		1.149	20.400	1	UBND xã Thượng Phúc	
141	Tu bổ, tôn tạo khuôn cấp di tích nhà thờ Nguyễn Văn Siêu khắc phục hậu quả thiên tai sau cơn bão số 3 năm 2024	1	Phường Định công	2025-2027	6008/QĐ-UBND ngày 11/12/2024	22.097		18.000	18.000	400	17.600	3.900	1	UBND phường Định Công	

12

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025				KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân (gồm cả NS cấp xã)	Trong đó: Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025 (phần Ngân sách TP hỗ trợ)						
									Tổng lũy kế giải ngân	Trong đó					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
142	GPMB và tu bổ, tôn tạo Chùa Sét	1	P Hoàng Mai	2018-2027	6403/QĐ-UBND ngày 31/10/2017; 4622/QĐ-UBND ngày 27/5/2021	94.555	1.031	31.986	31.986	9.086	22.900	47.500	1	UBND phường Hoàng Mai	
143	GPMB, tu bổ, tôn tạo di tích Chùa Nam Dư Hạ	1	P Hoàng Mai	2019-2027	14638/QĐ-UBND ngày 06/12/2021; 3864/QĐ-UBND ngày 22/12/2023	69.615	218	640	640	440	200	58.500	1	UBND phường Hoàng Mai	
144	Tu bổ, tôn tạo Đình làng Thanh Trì	1	Vĩnh Hưng		1832/QĐ-UBND ngày 20/10/2025	33.609		800	800		800	28.000	1	UBND phường Vĩnh Hưng	
145	Giải phóng mặt bằng khuôn viên Chùa Đồng	1	Vĩnh Hưng		7660/QĐ-UBND ngày 30/12/2019; 2901/QĐ-UBND ngày 03/4/2020; 39/QĐ-UBND ngày 08/01/2021; 3864/QĐ-UBND ngày 22/12/2023	83.303		710	710	410	300	70.000	1	UBND phường Vĩnh Hưng	
146	Tu bổ tôn tạo và phát huy giá trị kiến trúc, nghệ thuật, thắng cảnh hồ Thiên Quang và di tích chùa Quang Hoa, chùa Thiên Quang, chùa Pháp Hoa, quận Hai Bà Trưng	1	Ph.HBT	2025-2026	4576; 21/12/2021; 1751; 06/6/2025	271.000	854	21.199	21.199		21.199	175.000	1	UBND phường Hai Bà Trưng	
147	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Chân Tiên	1	Ph.HBT	2025-2026	1712; 17/7/2024	6.601		3.864	3.864		3.864	2.500	1	UBND phường Hai Bà Trưng	
148	Tu bổ tôn tạo di tích lịch sử gò Đống Thủy phường Thanh Xuân Trung	1	Phường Thanh Xuân	2019 - 2029	3703/QĐ-UBND ngày 25/10/2018; 1069/QĐ-UBND ngày 24/11/2025	233.912	1.474	3.085	3.085	2.736	349	194.000	1	UBND phường Thanh Xuân	
149	Tu bổ, tôn tạo di tích nhà thờ họ Vũ xã Phương Xá	1	xã Tây Phương	2024-2026	2414/QĐ-UBND ngày 15/5/2024	13.315		3.500	3.500	3.500		8.500	1	UBND xã Tây Phương	
150	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa thôn Bốn xã Canh Nậu	1	xã Tây Phương	2024-2026	2423/QĐ-UBND ngày 15/5/2024	25.000		6.600	6.600	6.600		15.000	1	UBND xã Tây Phương	
151	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Giang, đình Đồng Thanh xã Hương Ngải	1	xã Tây Phương	2024-2026	2421/QĐ-UBND ngày 15/5/2024	45.374		11.000	11.000	11.000		30.000	1	UBND xã Tây Phương	
152	Tu bổ, tôn tạo di tích đền Động Hoa xã Thạch Xá	1	xã Tây Phương	2024-2026	2415/QĐ-UBND ngày 15/5/2024	26.125		7.000	7.000	7.000		16.000	1	UBND xã Tây Phương	
153	Tu bổ, tôn tạo di tích Quán Lãng xã Hương Ngải	1	xã Tây Phương	2024-2026	2412/QĐ-UBND ngày 15/5/2024	30.000		8.000	8.000	8.000		19.000	1	UBND xã Tây Phương	
154	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Phú Nghĩa xã Phú Kim	1	xã Thạch Thất	2024-2026	2419/QĐ-UBND ngày 15/5/2024	21.050		500	500		500	17.500	1	UBND xã Thạch Thất	
155	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Phúc Thắng Tự thôn Thủy Lai xã Phú Kim	1	xã Thạch Thất	2024-2026	1026/QĐ-UBND 13/3/2024	28.000		700	700		700	23.500	1	UBND xã Thạch Thất	
156	Tu bổ, tôn tạo di tích Quán Sái xã Phú Kim	1	xã Thạch Thất	2024-2026	1025/QĐ-UBND 13/3/2024	30.000		800	800		800	25.000	1	UBND xã Thạch Thất	
157	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Chi quan, thị trấn Liên Quan	1	xã Thạch Thất	2024-2026	2422/QĐ-UBND ngày 15/5/2024	23.080		600	600		600	19.000	1	UBND xã Thạch Thất	
158	Tu bổ, tôn tạo di tích Đền Bạch Linh, Thị trấn Phương	1	xã Đan Phượng	2024-2026	5992, ngày 16/9/2024	12.199		4.000	4.000		4.000	5.000	1	UBND xã Đan Phượng	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lấy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lấy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025				KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân (gồm cả NS cấp xã)	Trong đó: Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025 (phần Ngân sách TP hỗ trợ)						
									Tổng lũy kế giải ngân	Trong đó					
			Lũy kế giải ngân 2021-2024	KHV năm 2025											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
159	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Thu Quế, xã Song Phượng	1	xã Đan Phượng	2024-2026	4862, ngày 23/7/2024	17.485		9.100	9.100	100	9.000	7.000	1	UBND xã Đan Phượng	
160	Tu bổ, tôn tạo di tích Chùa Đồi Hối, xã Song Phượng (giai đoạn 2)	1	xã Đan Phượng	2024-2026	7159, ngày 05/11/2024	31.200		18.050	18.050	50	18.000	10.000	1	UBND xã Đan Phượng	
161	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Hoa Chữ, xã Thượng Mỗ	1	xã Đan Phượng	2025-2027	7823, ngày 29/11/2024	33.753		16.050	16.050	50	16.000	5.000	1	UBND xã Đan Phượng	
162	Tu bổ, tôn tạo di tích Đền Bái Tháp xã Đồng Tháp	1	xã Đan Phượng	2025-2027	8372, ngày 13/12/2024	16.483		11.050	11.050	50	11.000	3.500	1	UBND xã Đan Phượng	
163	Tu bổ, tôn tạo di tích đền Cửa Sông thôn Xuân Canh, xã Xuân Canh	1	xã Đông Anh	2025-2027	DA-14384/QĐ-UBND ngày 12/12/2024	27.775		18.250	18.250	250	18.000	5.500	1	UBND xã Đông Anh	
164	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Lục Canh (Linh Thông Tự), thôn Lục Canh, xã Xuân Canh	1	xã Đông Anh	2025-2028	DA-14385/QĐ-UBND ngày 12/12/2024	62.213		35.050	35.050	50	35.000	15.500	1	UBND xã Đông Anh	
165	Tu bổ, tôn tạo Chùa Phúc Lâm cổ (Hoa Lâm Viên), huyện Đông Anh	1	xã Đông Anh	2025-2028	DA-3542/QĐ-UBND ngày 20/3/2025	261.428		100.000	100.000		100.000	70.000	1	UBND xã Đông Anh	
166	Tu bổ, tôn tạo di tích Chùa Nội Sa, xã Trung Châu	1	Xã Liên Minh	2025-2027	1786/QĐ-UBND 24/3/2025	9.559		50	50		50	8.000	1	UBND xã Liên Minh	
167	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Nại Sa, xã Trung Châu	1	Xã Liên Minh	2025-2027	2252/QĐ-UBND 09/4/2025	11.875		50	50	50		10.000	1	UBND xã Liên Minh	
168	Tu bổ, tôn tạo di tích Đền Cổ Ngõa Thượng, xã Phương Đình (giai đoạn 2)	1	Xã Liên Minh	2024-2026	8053/QĐ-UBND 06/12/2024	4.494		3.300	3.300		3.300	1.000	1	UBND xã Liên Minh	
169	Tu bổ, tôn tạo di tích Chùa Cổ Ngõa Thượng, xã Phương Đình (giai đoạn 2)	1	Xã Liên Minh	2024-2026	8336/QĐ-UBND 11/12/2024	39.078		12.000	12.000	50	11.950	22.000	1	UBND xã Liên Minh	
170	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Trung Hà xã Trung Châu	1	Xã Liên Minh	2025-2027	8899/QĐ-UBND 27/12/2024	12.562		8.500	8.500	50	8.450	3.500	1	UBND xã Liên Minh	
171	Tu bổ, tôn tạo di tích Miếu Đình nguyên, xã Thọ An	1	Xã Liên Minh	2024-2026	4371/QĐ-UBND 18/7/2024	22.734		16.600	16.600	100	16.500	5.500	1	UBND xã Liên Minh	
172	Tu bổ, tôn tạo di tích Đền thờ Hai Bà Trưng, xã Trung Châu	1	Xã Liên Minh	2024-2026	7276/QĐ-UBND 12/11/2024	17.099		13.100	13.100	50	13.050	3.500	1	UBND xã Liên Minh	
173	Tu bổ, tôn tạo di tích Đền An Thịnh, xã Thọ An (giai đoạn 2)	1	Xã Liên Minh	2024-2026	4925/QĐ-UBND 25/7/2024	5.360		4.000	4.000	50	3.950	1.200	1	UBND xã Liên Minh	
174	Tu bổ, tôn tạo Miếu Diêu	1	Xã Ô Diên	2024-2026	1902, ngày 04/4/2024	12.101		10.902	10.902	8.502	2.400	700	1	UBND xã Ô Diên	
175	Tu bổ, tôn tạo di tích Chùa Đồng Lai, xã Liên Hồng	1	Xã Ô Diên	2024-2026	6112, ngày 25/9/2024	8.060		6.600	6.600	1.000	5.600	600	1	UBND xã Ô Diên	
176	Tu bổ, tôn tạo di tích Chùa Hải Giác, xã Hạ Mỗ (giai đoạn 3)	1	Xã Ô Diên	2025-2027	844, ngày 18/2/2025	12.546		3.500	3.500		3.500	7.500	1	UBND xã Ô Diên	
177	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Nguyễn Khê, xã Nguyễn Khê	1	Xã Phúc Thịnh	2024-2026	187/QĐ-UBND ngày 10/01/2024	40.664		37.331	37.331	11.040	26.291	700	1	UBND Xã Phúc Thịnh	
178	Tu bổ, tôn tạo, di tích Đình Lương Nỗ, xã Tiên Dương	1	Xã Phúc Thịnh	2023-2027	858/QĐ-UBND ngày 21/03/2023	14.877		5.783	5.783	5.020	763	8.000	1	UBND Xã Phúc Thịnh	
179	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa thôn Thụy Hà, xã Bắc Hồng	1	Xã Phúc Thịnh	2024-2026	13916/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	24.777		23.000	23.000		23.000	100	1	UBND Xã Phúc Thịnh	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025				KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân (gồm cả NS cấp xã)	Trong đó: Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025 (phần Ngân sách TP hỗ trợ)						
									Tổng lũy kế giải ngân	Lũy kế giải ngân 2021-2024	KHV năm 2025				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
180	Tu bổ, tôn tạo di tích đền Đín, xã Nam Hồng	1	Xã Phúc Thịnh	2024-2026	10220/QĐ-UBND ngày 09/10/2024	26.471	-	14.911	14.911	1.540	13.371	10.000	1	UBND Xã Phúc Thịnh	
181	Tu bổ, tôn tạo chùa thôn Cán Khê, xã Nguyễn Khê	1	Xã Phúc Thịnh	2024-2026	12737/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	22.180		10.000	10.000		10.000	9.000	1	UBND Xã Phúc Thịnh	
182	Tu bổ, tôn tạo đền Cán Khê, xã Nguyễn Khê	1	Xã Phúc Thịnh	2024-2026	12738/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	23.859		10.000	10.000		10.000	10.500	1	UBND Xã Phúc Thịnh	
183	Tu bổ, tôn tạo chùa Vệ (Thiên Hương Tự), xã Nam Hồng	1	Xã Phúc Thịnh	2024-2026	7097/QĐ-UBND ngày 15/05/2025	24.376		500	500		500	22.200	1	UBND Xã Phúc Thịnh	
184	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Văn Trí, xã Văn Nội	1	Xã Phúc Thịnh	2024-2026	3557/QĐ-UBND ngày 21/03/2025	24.835		7.150	7.150		7.150	14.000	1	UBND Xã Phúc Thịnh	
185	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Yên, thôn Đông Tây, xã Văn Nội	1	Xã Phúc Thịnh	2025-2027	5114/QĐ-UBND ngày 09/04/2025	29.996	-	7.875	7.875		7.875	18.000	1	UBND Xã Phúc Thịnh	
186	Tu bổ, tôn tạo chùa Linh Sơn, phường Phú Đô (Giai đoạn 2)	1	Đại Mỗ	2023-2026	Quyết định số: 1765/QĐ-UBND 31/7/2024; số 1915/QĐ-UBND ngày 14/11/2025	16.025		12.000	12.000	4.000	8.000	3.000	1	UBND phường Đại Mỗ	
187	Tu bổ, tôn tạo chùa Ngọc Trục, phường Đại Mỗ	1	Đại Mỗ	2023-2026	Quyết định số: 1764/QĐ-UBND 31/7/2024; số 1914/QĐ-UBND ngày 14/11/2025	7.353		5.000	5.000	5.000		200	1	UBND phường Đại Mỗ	
188	Tu bổ, tôn tạo chùa Trung Văn, phường Trung Văn (giai đoạn 2)	1	Đại Mỗ	2025-2027	Quyết định số 985/QĐ-UBND 27/3/2025	29.823		2	2		2	20.000	1	UBND phường Đại Mỗ	
189	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Phụng Khương (giai đoạn 2), phường Trung Văn	1	Đại Mỗ	2025-2027	Quyết định số 985/QĐ-UBND 27/3/2025	57.344		100	100		100	40.000	1	UBND phường Đại Mỗ	
190	Tu bổ, tôn tạo đền Sa Đôi, phường Phú Đô	1	Đại Mỗ	2025-2027	Quyết định số 985/QĐ-UBND 27/3/2025	24.992		52	52		52	15.000	1	UBND phường Đại Mỗ	
191	Tu bổ, tôn tạo di tích Đền Phú Lễ xã Hiệp Thuận	1	xã Hát Môn	2024-2026	2258/QĐ-UBND ngày 15/5/2024	22.617		500	500		500	18.000	1	UBND xã Hát Môn	
192	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Thuận Nhuê Ngoại, xã Tam Thuận	1	xã Hát Môn	2024-2026	2182/QĐ-UBND ngày 13/5/2024	24.557		5.500	5.500		5.500	15.000	1	UBND xã Hát Môn	
193	Tu bổ, tôn tạo di tích quán Hạ Hiệp xã Liên Hiệp	1	xã Hát Môn	2024-2026	5846/QĐ-UBND ngày 04/12/2024	50.324		9.000	9.000		9.000	33.000	1	UBND xã Hát Môn	
194	Dự án Tu bổ, tôn tạo di tích Đền thờ Đức Thánh Thuy xã Hát Môn	1	xã Hát Môn	2024-2026	09/NQ-HĐND ngày 10/4/2024; QĐ số 2263/QĐ-UBND ngày 15/9/2024	21.375		300	300		300	17.000	1	UBND xã Hát Môn	
195	Tu bổ, tôn tạo di tích miếu Vĩnh Thanh, xã Vĩnh Ngọc, huyện Đông Anh	1	xã Vĩnh Thanh	2025-2027	874/QĐ-UBND ngày 14/02/2025	17.432		8.300	8.300	198	8.102	7.800	1	UBND xã Vĩnh Thanh	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lấy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2026 (nếu có)	Lấy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025				KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lấy kế giải ngân (gồm cả NS cấp xã)	Trong đó: Lấy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025 (phần Ngân sách TP hỗ trợ)						
									Tổng lấy kế giải ngân	Trong đó					
										Lấy kế giải ngân 2021-2024	KHV năm 2025				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
196	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Cổ Điện (Khánh Đức Tự), thôn Cổ Điện, xã Hải Bối	1	xã Vĩnh Thanh	2025-2027	2680/QĐ-UBND ngày 08/11/2025	41.842		50	50		50	35.000	1	UBND xã Vĩnh Thanh	
197	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Hải Bối (Bạch Khôi Tự), thôn Hải Bối, xã Hải Bối	1	xã Vĩnh Thanh	2025-2027	2681/QĐ-UBND ngày 08/11/2025	33.716		40	40		40	29.000	1	UBND xã Vĩnh Thanh	
198	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Đức Điện, phường Phúc Diễn	1	Phú Diễn	2024-2026	701/QĐ-UBND ngày 25/02/2025	27.058		10.000	10.000		10.000	13.000	1	UBND phường Phú Diễn	
199	Tu bổ, tôn tạo đình Đình quán, phường Phúc Diễn	1	Phú Diễn	2024-2026	4200/QĐ-UBND ngày 18/9/2024	25.079		10.000	10.000		10.000	11.500	1	UBND phường Phú Diễn	
200	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Mai Dịch	1	Phú Diễn	2018-2026	2094/QĐ-UBND 16/8/2018; Số 847/QĐ-UBND ngày 02/12/2025	83.320		33.375	33.375	32.107	1.268	37.500	1	UBND phường Phú Diễn	
201	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Đại Cát, phường Liên Mạc	1	P. Thượng Cát	2024-2026	1751/QĐ-UBND 21/4/2025	9.588		4.000	4.000		4.000	4.500	1	UBND phường Thượng Cát	
202	Tu bổ, tôn tạo di tích đền Kim Châm, thôn Kim Châm, xã Đội Bình	1	xã Hòa Xá	2023-2027	3990/QĐ-UBND ngày 18/6/2025	23.800		400	400		400	20.000	1	UBND xã Hòa Xá	
203	Tu bổ, tôn tạo di tích Đền Đức Thánh Cả, thôn Hữu Vĩnh, xã Hồng Quang, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	1	xã Hòa Xá	2023-2027	3489/QĐ-UBND ngày 10/6/2025	66.800		1.000	1.000		1.000	56.000	1	UBND xã Hòa Xá	
204	Tu bổ, tôn tạo di tích Đền Thái Bình, xã Vạn Thái, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	1	xã Hòa Xá	2024-2026	7458/QĐ-UBND ngày 30/10/2024	57.522		1.000	1.000		1.000	48.000	1	UBND xã Hòa Xá	
205	Tu bổ, tôn tạo di tích Chùa An Phú, xã Hòa Phú, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	1	xã Hòa Xá	2024-2026	661/QĐ-UBND ngày 21/02/2025	38.138		700	700		700	32.000	1	UBND xã Hòa Xá	
206	Tu bổ, tôn tạo di tích Chùa Phù Lưu Hạ, thôn Phù Lưu Hạ, xã Phù Lưu, TP Hà Nội	1	xã Hòa Xá	2023-2027	1028/QĐ-UBND ngày 06/3/2024	16.531		300	300		300	14.000	1	UBND xã Hòa Xá	
207	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Phù Lưu Hạ, xã Phù Lưu, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	1	xã Hòa Xá	2023-2027	2835/QĐ-UBND ngày 17/5/2024	20.021		450	450		450	17.000	1	UBND xã Hòa Xá	
208	Tu bổ, tôn tạo di tích đền, chùa Dư Xá Hạ, xã Hòa Phú, huyện Ứng Hòa	1	xã Hòa Xá	2024 - 2026	4823/QĐ-UBND ngày 02/7/2024	40.954		600	600		600	34.500	1	UBND xã Hòa Xá	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lấy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lấy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025				KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lấy kế giải ngân (gồm cả NS cấp xã)	Trong đó: Lấy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025 (phần Ngân sách TP hỗ trợ)						
									Tổng lấy kế giải ngân	Lấy kế giải ngân 2021-2024	KHV năm 2025				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
209	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Động Giang, xã Hoà Phú, huyện Ứng Hoà	1	xã Hòa Xá	2024 - 2026	7532/QĐ-UBND ngày 05/11/2024	32.718		500	500		500	27.500	1	UBND xã Hòa Xá	
210	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Dương Khê, xã Phương Tú, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	1	xã Văn Đình	2023- 2027	1718/QĐ- UBND ngày 26/3/2024, 653- 12/11/2025	27.342		500	500		500	23.000	1	UBND xã Văn Đình	
211	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Đình Hoàng Dương, xã Sơn Công, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	1	xã Văn Đình	2023- 2027	Số 681/QĐ-UBND ngày 24/2/2025, 668- 12/11/2025	26.443		150	150		150	22.500	1	UBND xã Văn Đình	
212	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Hậu Xá, xã Phương Tú, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	1	xã Văn Đình	2023- 2027	3988/QĐ-UBND ngày 18/6/2024; 652- 11/11/2025	22.895		450	450		450	19.000	1	UBND xã Văn Đình	
213	Tu bổ, tôn tạo di tích Chùa Mía	1	Phường Sơn Tây	2024- 2026	05/NQ-HĐND ngày 09/4/2024; 1712/QĐ-UBND ngày 16/10/2024; đề thời gian 183/QĐ-UBND ngày 05/9/2025	74.131		30.000	30.000		30.000	30.000	1	UBND phường Sơn Tây	
214	Tu bổ, tôn tạo di tích Chùa Cổ Liễn	1	Xã Đoài Phương	2024- 2026	05/NQ-HĐND ngày 09/4/2024; 1379/QĐ- 5/6/2025	47.835		1.000	1.000		1.000	39.000	1	UBND xã Đoài Phương	
215	Tu bổ, tôn tạo đình Xuân Ấp, xã Tân Dân	1	xã Kim Anh	2024- 2026	8701/QĐ-UBND ngày 09/12/2024	13.931		10.900	10.900	100	10.800	300	1	UBND xã Kim Anh	
216	Tu bổ, tôn tạo đình Vũ Bàn, xã Minh Trí	1	xã Kim Anh	2025- 2027	1620/QĐ-UBND ngày 04/11/2025	21.032		5.530	5.530	30	5.500	15.000	1	UBND xã Kim Anh	
217	Tu bổ, tôn tạo Đình Đổ Tân, xã Bắc Sơn	1	xã Trung Giã	2023- 2026	6261 05/8/2024 3338 13/11/2025	14.821		4.932	4.932	132	4.800	8.000	1	UBND xã Trung Giã	
218	Dự án Tu bổ, tôn tạo di tích đình Nguyễn Xá, phường Minh Khai	1	Tây Tựu	2021- 2026	1503/QĐ-UBND ngày 09/6/2023	5.920		2.546	2.546	46	2.500	3.000	1	UBND phường Tây Tựu	
219	Dự án Tu bổ, tôn tạo di tích đình Phúc Lý, phường Minh Khai	1	Tây Tựu	2023- 2026	2450/QĐ-UBND ngày 13/6/2024	15.528		6.128	6.128	128	6.000	7.000	1	UBND phường Tây Tựu	
220	Tu bổ, tôn tạo Đại đình và thuyền bơi và thuyền quan phục vụ lễ hội bơi Dình Đám, phường Tây Tựu	1	Tây Tựu	2024- 2026	4198/QĐ-UBND ngày 18/9/2024	15.000		10.370	10.370	370	10.000	2.500	1	UBND phường Tây Tựu	
221	Dự án Tu bổ, tôn tạo miếu Tây Tựu, phường Tây Tựu	1	Tây Tựu	2024- 2026	4199/QĐ-UBND ngày 18/9/2024	10.900		7.283	7.283	283	7.000	2.000	1	UBND phường Tây Tựu	
222	Tu bổ, tôn tạo di tích đình, đền Phú Duy, xã An Tiến	1	Xã Hương Sơn	2024- 2026	2738/QĐ-UBND 30/5/2024	23.197		400	400		400	19.700	1	UBND xã Hương Sơn	
223	Tu bổ, tôn tạo di tích Đền Nông Khê, xã Hùng Tiến	1	Xã Hương Sơn	2024- 2026	6830 28/11/2024	27.868		500	500		500	24.000	1	UBND xã Hương Sơn	
224	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Vạn Phúc, xã Vạn Kim	1	Xã Hương Sơn	2024- 2027	6828 28/11/2024	54.728		800	800		800	47.000	1	UBND xã Hương Sơn	
225	Tu bổ, tôn tạo di tích Chùa Nông Khê	1	Xã Hương Sơn	2024- 2026	6831 28/11/2024	44.387		800	800		800	38.000	1	UBND xã Hương Sơn	
226	Tu bổ, tôn tạo di tích đình An Đà, xã An Tiến	1	Xã Hương Sơn	2024- 2026	Số 27/QĐ-UBND ngày 02/01/2025	23.627		400	400		400	20.000	1	UBND xã Hương Sơn	

B

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lấy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lấy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025				KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân (gồm cả NS cấp xã)	Trong đó: Lấy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025 (phần Ngân sách TP hỗ trợ)						
									Tổng lũy kế giải ngân	Trong đó					
				Lấy kế giải ngân 2021-2024	KHV năm 2025										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
III	Lĩnh vực văn hóa thông tin (du lịch) - Nhà văn hóa thôn	59				853.071	128	313.929	313.929	72.110	241.819	357.950	59		
1	Nhà văn hóa thôn Phú Liên, xã Hợp Tiến	1	xã Hồng Sơn	2024-2026	5529* 03/10/2024	9.498		8.509	8.509	1.509	7.000	900	1	UBND xã Hồng Sơn	
2	Xây dựng nhà văn hóa thôn Thượng và các hạng mục phụ trợ	1	xã Hồng Sơn	2024-2026	3375*17/10/2023	10.000	-	3.500	3.500		3.500	5.000	1	UBND xã Hồng Sơn	
3	Nhà văn hóa thôn Thượng 1, xã Phùng Xá	1	xã Hồng Sơn	2022 - 2026	1882 * 28/3/2022; QĐ chính thời gian 589/QĐUBND ngày 17/10/2025	11.000		2.500	2.500		2.500	7.500	1	UBND xã Hồng Sơn	
4	Xây dựng nhà văn hóa thôn Hạ Quất, xã Hợp Tiến	1	xã Hồng Sơn	2024-2026	5133* 20/9/2024	12.000		8.157	8.157	2.500	5.657	2.000	1	UBND xã Hồng Sơn	
5	Nhà văn hóa thôn Lê Xá, xã Lê Thanh (giai đoạn 2)	1	xã Hồng Sơn	2024-2026	188*16/02/2023	7.500		2.500	2.500		2.500	5.500	1	UBND xã Hồng Sơn	
6	Hệ thống cống, tường rào, sân tennis và các hạng mục phụ trợ Nhà văn hóa xã Phùng Xá	1	xã Hồng Sơn	2022-2026	3626/QĐ-UBND ngày 05/11/2022; 6895/QĐ-UBND ngày 03/12/2024	14.992		4.500	4.500		4.500	9.000	1	UBND xã Hồng Sơn	
7	Xây dựng mới nhà văn hóa thôn Bình Lạng, UBND xã Hồng Sơn	1	xã Hồng Sơn	2023-2026	2271/QĐ-UBND ngày 27/11/2023; 22/QĐ-UBND ngày 01/4/2024; QĐ đề thời gian 589/QĐ-UBND ngày 17/10/2025	10.981		12.300	12.300	2.000	10.300	600	1	UBND xã Hồng Sơn	
8	Nhà văn hóa thôn Trung UBND xã Hồng Sơn	1	xã Hồng Sơn	2021-2026	Số 2070/QĐ-UBND ngày 31/8/2021; QĐ đề thời gian 589/QĐ-UBND ngày 17/10/2025	10.596		8.202	8.202	2.000	6.202	500	1	UBND xã Hồng Sơn	
9	Xây dựng hệ thống sân vườn, tường rào và các hạng mục phụ trợ nhà văn hóa thôn Đặng, xã Hồng Sơn	1	xã Hồng Sơn	2025-2027	1696*20/3/2025	13.865		7.500	7.500		7.500	4.000	1	UBND xã Hồng Sơn	
10	Xây dựng tường bao, nhà bảo vệ, mua sắm trang thiết bị và các hạng mục phụ trợ nhà văn hóa thôn Thượng 1	1	xã Hồng Sơn	2024-2026	04/01/2024; QĐ điều chỉnh thời gian 589/QĐ-UBND ngày 17/10/2025	10.500		6.500	6.500		6.500	4.000	1	UBND xã Hồng Sơn	
11	Sửa chữa, cải tạo 7 nhà văn hóa xã Phú Lưu Tế	1	xã Mỹ Đức	2023-2026	3755 10/11/2023; đ/c thời gian 3302/QĐ-UBND 19/12/2025	6.825		2.500	2.500		2.500	3.500	1	UBND xã Mỹ Đức	
12	Nhà văn hóa thôn Đồng Mít 2, xã Đồng Tâm	1	xã Phúc Sơn	2023-2026	6982/QĐ-UBND ngày 03/12/2024; đ/c TG 2084/QĐ-UBND 22/11/2025	7.000		3.000	3.000		3.000	3.500	1	UBND xã Phúc Sơn	
13	Nhà văn hóa thôn Hoàng 3, xã Đồng Tâm	1	xã Phúc Sơn	2023-2026	7237/QĐ-UBND ngày 05/12/2024; đ/c TG 2084/QĐ-UBND 22/11/2025	7.500		3.000	3.000		3.000	3.700	1	UBND xã Phúc Sơn	

B

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025				KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân (gồm cả NS cấp xã)	Trong đó: Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025 (phần Ngân sách TP hỗ trợ)						
									Tổng lũy kế giải ngân	Trong đó					
				Lũy kế giải ngân 2021-2024	KHV năm 2025										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
14	Nhà văn hóa thôn Hoàng 1, xã Đồng Tâm	1	xã Phúc Sơn	2023-2026	6983/QĐ-UBND ngày 03/12/2024; đ/c TG 2084/QĐ-UBND 22/11/2025	6.900		3.000	3.000		3.000	3.300	1	UBND xã Phúc Sơn	
15	Cải tạo, chỉnh trang khuôn viên nhà văn hoá tổ 5; sân thể thao tổ 4,5, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh	1	Quang Minh	2024-2026	5546/QĐ-UBND 11/12/2024	22.265		10.000	10.000		10.000	9.000	1	UBND xã Quang Minh	
16	Cải tạo, chỉnh trang, chống xuống cấp nhà văn hóa thôn Bến Giã, xã Tiến Thắng, thành phố Hà Nội	1	Xã Tiến Thắng	2025-2026	1257/QĐ-UBND 20/9/2025	2.445		2.000	2.000		2.000	400	1	UBND xã Tiến Thắng	
17	Xây dựng nhà văn hóa thôn Phú Mỹ, xã Ngọc Mỹ, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội	1	Kiều Phú	2024-2026	18/NQ-HĐND 10/9/2024; 7185/QĐ-UBND 16/11/2024	9.479		8.000	8.000		8.000	1.000	1	UBND xã Kiều Phú	
18	Xây dựng nhà văn hóa thôn Việt Yên, xã Đồng Yên, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội	1	Phú Cát	2024-2026	7892/QĐ-UBND 20/12/2024; 2950/QĐ-UBND ngày 27/11/2025	9.152		2.000	2.000		2.000	6.500	1	UBND xã Phú Cát	
19	Xây dựng nhà văn hóa thôn Thụy Khuê, thôn Năm Trại xã Sài Sơn, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội	1	Quốc Oai	2024-2026	18/NQ-HĐND 10/9/2024; 7222/QĐ-UBND 21/11/2024	14.850		3.000	3.000		3.000	10.500	1	UBND xã Quốc Oai	
20	Nhà văn hóa thôn 3, xã Phương Cách, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội	1	Quốc Oai	2024-2026	8205/QĐ-UBND ngày 30/10/2017; 5109/QĐ-UBND ngày 06/11/2020; 20/NQ-HĐND ngày 11/10/2024; 8684/QĐ-UBND ngày 30/10/2024; 1663/QĐ-UBND ngày 31/3/2025	12.093		4.494	4.494	2.494	2.000	6.000	1	UBND xã Quốc Oai	
21	Xây dựng nhà văn hóa thôn Ba Nhà xã Yên Sơn, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội	1	Quốc Oai	2024-2026	3444/QĐ-UBND ngày 29/5/2025	9.357		3.000	3.000		3.000	5.500	1	UBND xã Quốc Oai	
22	Cải tạo, nâng cấp nhà văn hóa, sân thể thao TDP Ngõ Sài, thị trấn Quốc Oai, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội	1	Quốc Oai	2024-2026	4764/QĐ-UBND ngày 28/6/2025	13.231		3.000	3.000		3.000	9.500	1	UBND xã Quốc Oai	
23	Nhà văn hóa khu Tân Mai, thị trấn Xuân Mai	1	Xã Xuân Mai	2024-2026	7309/QĐ-UBND ngày 12/12/2024	13.664		2.500	2.500		2.500	9.000	1	UBND xã Xuân Mai	
24	Xây dựng NSH CD và sân chơi tại khu đất tổ 35 cụm 5, xù đồng Phấn Mai, ngõ 343 phố Đội Cấn, phường Liễu Giai	1	P Ngọc Hà	2017-2026	1477/QĐ-UBND ngày 21.8.20; 3060/QĐ-UBND ngày 10.12.21; 3707/QĐ-UBND ngày 02.11.22; 475/QĐ-UBND ngày 13.11.25	13.241	128	771	771	436	335	10.000	1	UBND phường Ngọc Hà	
25	Xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng tổ dân phố số 3, phường Phú Thượng	1	Phường Phú Thượng	2024-2026	Quyết định số 364/QĐ-UBND ngày 18/10/2025	5.334		1.700	1.700		1.700	33.000	1	UBND phường Phú Thượng	
26	Xây dựng Nhà sinh hoạt Tổ dân phố số 12 phường Phú Thượng	1	Phường Phú Thượng	2025-2027	Quyết định số 1095/QĐ-UBND ngày 25/12/2025	12.585		200	200		200	10.500	1	UBND phường Phú Thượng	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lấy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2026 (nếu có)	Lấy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025				KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lấy kế giải ngân (gồm cả NS cấp xã)	Trong đó: Lấy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025 (phần Ngân sách TP hỗ trợ)						
									Tổng lấy kế giải ngân	Trong đó					
									Lấy kế giải ngân 2021-2024	KHV năm 2025					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
27	Xây dựng nhà họp tổ dân phố số 11 phường Nghĩa Đô	1	Tây Hồ	2024-2026	2168/QĐ-UBND 20/11/2023 3146/QĐ-UBND 19/11/2024	6.169		4.685	4.685	1.785	2.900	500	1	UBND phường Tây Hồ	
28	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố Trần Phú và hạ tầng xung quanh, thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Thường Tín	2024-2026	5043/QĐ-UBND ngày 27/11/2024	14.590		2.000	2.000		2.000	10.400	1	UBND xã Thường Tín	
29	Nhà văn hóa thôn Lê Thường, xã Châu Can	1	Xã Chuyên Mỹ	2024-2026	356/QĐ-UBND 06/02/2021; 6690/QĐ-UBND 01/12/2023; 1416/QĐ-UBND 31/3/2025	7.468		1.900	1.900		1.900	4.600	1	UBND xã Chuyên Mỹ	
30	Xây dựng hạ tầng cảnh quan khuôn viên công cộng và nhà văn hóa thôn Phú Mỹ, xã Chương Dương, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Chương Dương	2025 - 2027	2240b/QĐ-UBND ngày 26/4/2025; QĐ số 2640b/QĐ-UBND ngày 26/4/2024	19.482		300	300		300	16.200	1	UBND xã Chương Dương	
31	Nhà văn hoá thôn Văn La, xã Hồng Vân, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	xã Hồng Vân	2023-2026	41/QĐ-UBND ngày 09/3/2024	10.391		4.200	4.200	1.000	3.200	5.100	1	UBND xã Hồng Vân	
32	Nhà văn hoá đội 6 thôn Ba Lăng, xã Dũng Tiến, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Thượng Phúc		30/QĐ-UBND ngày 09/11/2024; 1288/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	5.500		1.000	1.000		1.000	4.000	1	UBND xã Thượng Phúc	
33	Nhà văn hoá thôn Nguyễn Bì, xã Quất Động, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Thượng Phúc		66/QĐ-UBND ngày 11/4/5/2024; 1300/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	2.612		714	714		714	1.300	1	UBND xã Thượng Phúc	
34	Dự án Xây dựng, cải tạo nhà hội họp tổ dân phố số 9,10,11 phường Đại Kim	1	Phường Định công	2025-2027	6007/QĐ-UBND ngày 11/12/2024	10.330		600	600	400	200	9.000	1	UBND phường Định Công	
35	Cải tạo, sửa chữa nhà hội họp khu dân cư số 3 phường Vĩnh Hưng	1	Vĩnh Hưng		03/NQ-HĐND ngày 27/6/2023	1.301		200	200		200	1.000	1	UBND phường Vĩnh Hưng	
36	Xây dựng nhà hội họp số 7 phường Vĩnh Hưng	1	Vĩnh Hưng	2024-2027	6032/QĐ-UBND ngày 13/12/2024	24.265		919	919	219	700	20.000	1	UBND phường Vĩnh Hưng	
37	Cải tạo, mở rộng nhà văn hóa phường Phạm Đình Hổ, tại số 3 Hàng Chuối	1	Ph.HBT	2025-2026	3577; 29/12/2023	6.204		2.025	2.025		2.025	3.500	1	UBND phường Hai Bà Trưng	
38	Xây mới Nhà văn hóa tổ dân phố số 2 xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì	1	Ngọc Hồi	2024-2026	8849/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 và 6697/QĐ-UBND ngày 29/11/2022; 635/QĐ ngày 02/10/25	7.980		4.320	4.320	1.320	3.000	3.000	1	UBND xã Ngọc Hồi	
39	Xây mới nhà văn hóa thôn Phương Nhị, xã Liên Ninh, huyện Thanh Trì	1	Ngọc Hồi	2023-2026	272/QĐ-UBND ngày 16/01/2025, 1491/QĐ ngày 15/10/25	12.431		2.058	2.058		2.058	9.000	1	UBND xã Ngọc Hồi	
40	Xây mới Nhà văn hóa thôn Yên Phú, xã Liên Ninh, huyện Thanh Trì	1	Ngọc Hồi	2024-2026	1553/QĐ-UBND ngày 06/5/2024; 653/QĐ ngày 06/10/25	11.580		3.400	3.400		3.400	7.700	1	UBND xã Ngọc Hồi	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lấy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lấy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025				KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lấy kế giải ngân (gồm cả NS cấp xã)	Trong đó: Lấy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025 (phần Ngân sách TP hỗ trợ)						
									Tổng lấy kế giải ngân	Lấy kế giải ngân 2021-2024	KHV năm 2025				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
41	Xây dựng nhà văn hóa thôn 3 xã Hương Ngải	1	xã Tây Phương	2023-2026	20/NQ-HĐND ngày 21/10/2022; 02/NQ-HĐND ngày 14/3/2023 (ĐC CTĐT); 172/QĐ-UBND ngày 18/01/2024 (PD BCKTKT)	7.500		5.500	5.500	5.500		1.500	1	UBND xã Tây Phương	
42	Xây mới nhà hội hợp khu dân cư số 2 (ngách 345/69 phố Khương Trung), phường Khương Đình	1	phường Khương Đình	2023-2026	1332/QĐ-UBND ngày 22/5/2025	4.203		1.328	1.328		1.328	1.300	1	UBND phường Khương Đình	
43	Mua sắm thiết chế văn hóa thôn xã Yên Bình, Bình Yên, Kim Quan, Phú Kim, Tiến Xuân, Thạch Hòa	1	các xã: Thạch Thất, Hạ Bằng, Hòa Lạc, Yên Xuân	2022-2025	46/NQ-HĐND ngày 16/12/2021; 12/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 (ĐC CTĐT); 4689/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 (BCKTKT)	12.299		7.500	7.500		7.500	3.000	1	UBND xã Thạch Thất	
44	Cải tạo nhà văn hóa, sân thể thao, phụ trợ thôn 84, Mờ Nông, Kim Trung, Cốc Trại xã Kim Quan	1	xã Thạch Thất	2024-2026	20/NQ-HĐND ngày 21/10/2022; 06/NQ-HĐND ngày 10/4/2024 (ĐC CTĐT); 5711/QĐ-UBND ngày 09/12/2024; 1235/QĐ-UBND ngày 17/10/2025	14.762		6.000	6.000		6.000	7.400	1	UBND xã Thạch Thất	
45	Xây dựng khu văn hóa cộng đồng thôn Lại Đà	1	xã Đông Anh	2025-2027	ĐA-10969/QĐ-UBND ngày 31/10/2024	280.369		92.818	92.818	37.146	55.672	50.000	1	UBND xã Đông Anh	
46	Xây dựng khu cây xanh, nhà văn hóa thôn Lại Đà	1	xã Đông Anh	2023-2026	số 9426/QĐ-UBND ngày 11/9/2024	23.244		9.082	9.082	7.882	1.200	8.600	1	UBND xã Đông Anh	
47	Cải tạo nhà văn hóa cụm 13 xã Tân Lập	1	Xã Ô Diên	2025-2027	8671, ngày 20/12/2024	1.908		1.200	1.200		1.200	400	1	UBND xã Ô Diên	
48	Xây dựng điểm sinh hoạt cộng đồng phía Tây thôn Thượng Phúc, xã Bắc Hồng	1	Xã Phúc Thịnh	2025-2027	7526/QĐ-UBND ngày 19/05/2025	17.057		14.000	14.000		14.000	2.800	1	UBND Xã Phúc Thịnh	
49	Đầu tư xây dựng một số điểm sinh hoạt cộng đồng thôn Thụy Hà, xã Bắc Hồng	1	Xã Phúc Thịnh	2025-2027	7594/QĐ-UBND ngày 20/05/2025	3.400		1.550	1.550		1.550	1.650	1	UBND Xã Phúc Thịnh	
50	Xây dựng điểm sinh hoạt cộng đồng khu vực sân bóng xóm Côi thôn Trung Oai, xã Tiên Dương	1	Xã Phúc Thịnh	2025-2027	7435/QĐ-UBND ngày 19/05/2025	13.249		5.040	5.040		5.040	6.500	1	UBND Xã Phúc Thịnh	
51	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố số 2 kết hợp cây xanh, phường Phúc Diễn	1	Phú Diễn	2024-2026	5329/QĐ-UBND ngày 13/12/2024	6.519		326	326		326	1.000	1	UBND phường Phú Diễn	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lấy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lấy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025			KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú	
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân (gồm cả NS cấp xã)	Trong đó: Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025 (phần Ngân sách TP hỗ trợ)						
									Tổng lũy kế giải ngân	Lũy kế giải ngân 2021-2024					KHV năm 2025
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
52	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố số 14, phường Phúc Diễn	1	Phường Xuân Phương	2024-2026	4994/QĐ-UBND ngày 02/12/2024	5.851		4.500	4.500		4.500	500	1	UBND Phường Xuân Phương	
53	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố Cáo Đình 1, phường Xuân Đình	1	Phường Xuân Đình	2024-2026	04/NQ-HĐND ngày 16/4/2024; 5328/QĐ-UBND ngày 13/12/2024 của UBND quận Bắc Từ Liêm	4.117		1.185	1.185		1.185	2.500	1	UBND phường Xuân Đình	
54	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố Cáo Đình 2, phường Xuân Đình	1	Phường Xuân Đình	2024-2026	04/NQ-HĐND ngày 16/4/2024; 5330/QĐ-UBND ngày 13/12/2024 của UBND quận Bắc Từ Liêm	7.687		277	277		277	4.400	1	UBND phường Xuân Đình	
55	Nhà Văn hóa thôn Triều Khúc, xã Đội Bình, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	1	xã Hòa Xá	2024-2025	6129-07/8/2024	4.950		2.119	2.119	1.419	700	1.500	1	UBND xã Hòa Xá	
56	Xây dựng tường rào, cổng phụ, sân vườn, dịch chuyển đường điện hạ thế và các hạng mục phụ trợ nhà văn hóa, thể thao phố Quang Trung, thị trấn Văn Đình	1	X Văn Đình		8512-09/12/2024	1.500		1.000	1.000		1.000	300	1	UBND xã Văn Đình	
57	Phụ trợ nhà văn hóa thôn Giang Láng, xã Đồng Tiến, huyện Ứng Hòa, TP.Hà Nội	1	X Văn Đình		8719-10/12/2024	1.500		450	450		450	1.000	1	UBND xã Văn Đình	
58	Xây dựng Nhà văn hóa - khu thể thao thôn 5 xã Hát Môn	1	xã Hát Môn	2023-2026	14/NQ-HĐND ngày 29/9/2023; 4566/QĐ-UBND ngày 13/9/2024; 3326 ngày 20/6/2025	12.687		8.100	8.100	2.200	5.900	2.000	1	UBND xã Hát Môn	
59	Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn 8 xã Hát Môn	1	xã Hát Môn	2024-2026	4434; 10/9/2024; 6069 ngày 12/12/2024	13.114		7.300	7.300	2.300	5.000	3.000	1	UBND xã Hát Môn	
IV	Lĩnh vực xã hội (hoạt động thương binh và xã hội)	17				303.297		94.916	94.916	5.780	89.136	159.280	17		
1	Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ xã Hương Sơn	1	X Hương Sơn	2022-2026	1585/QĐ-UBND ngày 28/01/2022; đề thời gian thực hiện 1292/QĐ-UBND ngày 23/10/2025	14.730		5.000	5.000		5.000	8.000	1	UBND xã Hương Sơn	
2	Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang nhân dân Mái Sáo - Đồng Sơn - Gò Cà	1	xã Phúc Sơn	2024-2026	5187 24/9/2024	9.998		5.700	5.700	1.200	4.500	2.000	1	UBND xã Phúc Sơn	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025				KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân (gồm cả NS cấp xã)	Trong đó: Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025 (phần Ngân sách TP hỗ trợ)						
									Tổng lũy kế giải ngân	Trong đó					
				Lũy kế giải ngân 2021-2024	KHV năm 2025										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3	Mở rộng nghĩa trang nhân dân huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội	1	Quốc Oai	2025-2028	04/NQ-HĐND ngày 30/3/2023; 2376/QĐ-UBND ngày 11/10/2025; 4019/QĐ-UBND ngày 18/11/2025	53.166		400	400	400		44.000	1	UBND xã Quốc Oai	
4	Cải tạo, nâng cấp Nghĩa trang Liệt sỹ huyện Quốc Oai	1	Quốc Oai	2024-2026	458/QĐ-UBND ngày 22/01/2025	11.610		7.860	7.860		7.860	3.500	1	UBND xã Quốc Oai	
5	Cải tạo, chỉnh trang nghĩa trang liệt sỹ và đường vào nghĩa trang liệt sỹ thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín, TP Hà Nội	1	X Thường Tín	2024-2025	118/QĐ-UBND ngày 20/9/2024	8.366		1.358	1.358		1.358	5.700	1	UBND xã Thường Tín	
6	Cải tạo, chỉnh trang nghĩa trang nhân dân xã Lê Lợi, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Chương Dương	2023-2027	01/NQ-HĐND ngày 12/4/2023; QĐ số 1804/QĐ-UBND ngày 28/5/2024	28.332		300	300		300	23.700	1	UBND xã Chương Dương	
7	Cải tạo, chỉnh trang nghĩa trang nhân dân xã Nghiêm Xuyên, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Thượng Phúc		8696/QĐ-UBND ngày 18/12/2023; 1283/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	20.058		6.000	6.000	2.000	4.000	11.000	1	UBND xã Thượng Phúc	
8	Cải tạo nghĩa trang nhân dân xã Tân Minh, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội	1	Thượng Phúc		4663/QĐ-UBND ngày 10/08/2023; 1302/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	32.913		14.400	14.400	2.000	12.400	12.000	1	UBND xã Thượng Phúc	
9	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ Liên Trì	1	Xã Ô Diên	2025-2027	7824, ngày 29/11/2024	5.475		4.000	4.000		4.000	880	1	UBND xã Ô Diên	
10	Cải tạo, chỉnh trang nghĩa trang thôn Đồng, xã Nguyễn Khê	1	Xã Phúc Thịnh	2025-2027	7501/QĐ-UBND ngày 19/05/2025	12.751		6.990	6.990		6.990	4.000	1	UBND Xã Phúc Thịnh	
11	Cải tạo, chỉnh trang nghĩa trang xóm Bãi, thôn Lương Nổ, xã Tiên Dương	1	Xã Phúc Thịnh	2024-2026	15818/QĐ-UBND ngày 30/12/2024	9.336		5.808	5.808	180	5.628	2.500	1	UBND Xã Phúc Thịnh	
12	Cải tạo, chỉnh trang nghĩa trang nhân dân thôn Đông Tây, xã Văn Nội	1	Xã Phúc Thịnh	2025-2027	3582/QĐ-UBND ngày 21/03/2025	14.251		7.031	7.031		7.031	5.000	1	UBND Xã Phúc Thịnh	
13	Cải tạo, chỉnh trang nghĩa trang nhân dân thôn Viên Nội, xã Văn Nội	1	Xã Phúc Thịnh	2025-2027	3994/QĐ-UBND ngày 21/03/2025	14.454		8.639	8.639		8.639	4.000	1	UBND Xã Phúc Thịnh	
14	Cải tạo, chỉnh trang nghĩa trang nhân dân thôn Nguyễn Khê, xã Nguyễn Khê	1	Xã Phúc Thịnh	2024-2027	7388/QĐ-UBND ngày 19/05/2025	8.246		2.200	2.200		2.200	6.000	1	UBND Xã Phúc Thịnh	
15	Cải tạo, chỉnh trang nghĩa trang nhân dân thôn Cấn Khê và Lâm Tiên, xã Nguyễn Khê	1	Xã Phúc Thịnh	2024-2027	6769/QĐ-UBND ngày 12/05/2025	10.476		5.030	5.030		5.030	4.000	1	UBND Xã Phúc Thịnh	
16	Tu bổ, mở rộng, sửa chữa nghĩa trang liệt sỹ xã Hoa Sơn, huyện Ứng Hòa, TP.Hà Nội	1	xã Ứng Thiên	2025-2026	8540/QĐ-UBND ngày 9/12/2024	4.634		1.000	1.000		1.000	3.000	1	UBND xã Ứng Thiên	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025				KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân (gồm cả NS cấp xã)	Trong đó: Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025 (phần Ngân sách TP hỗ trợ)						
									Tổng lũy kế giải ngân	Lũy kế giải ngân 2021-2024	KHV năm 2025				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
17	Mở rộng, nâng cấp nghĩa trang nhân dân Độc lập xã Vĩnh Xuyên	1	Xã Phúc Lộc	2024-2026	21/NQ-HĐND ngày 15/12/2023; 1500/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	44.501	-	13.200	13.200		13.200	20.000	1	UBND xã Phúc Lộc	
V	Lĩnh vực thể dục, thể thao	7				1.137.685	600	447.366	447.366	290.305	157.061	456.800	7		
1	Cải tạo, nâng cấp sân vận động xã Phú Lưu Tế, huyện Mỹ Đức	1	xã Mỹ Đức	2023-2026	3938* 22/11/2023; đ/c thời gian 3170/QĐ-UBND ngày 10/12/2025	14.950		7.435	7.435		7.435	3.000	1	UBND xã Mỹ Đức	
2	Xây dựng hạng mục chức năng hoàn thiện khu liên hợp Cung thể thao tổng hợp Quận Ngừa	1	P Ngọc Hà	2022-2027	690/QĐ-UBND ngày 04.4.23; 475/QĐ-UBND ngày 13.11.25	542.668		372.936	372.936	283.965	88.971	22.700	1	UBND phường Ngọc Hà	
3	Xây dựng sân thể thao xã Lại Thượng	1	xã Thạch Thất	2024-2026	17/NQ-HĐND ngày 25/10/2023; 8459/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 (Phê duyệt DA)	42.000		23.700	23.700	700	23.000	16.000	1	UBND xã Thạch Thất	
4	Xây dựng sân bóng đá kết hợp trồng cây xanh thôn Đoài, xã Nam Hồng	1	Xã Phúc Thịnh	2024-2026	6190/QĐ-UBND ngày 24/6/2024	8.777		7.540	7.540	2.540	5.000	1.100	1	UBND Xã Phúc Thịnh	
5	Xây dựng khu cây xanh thể dục thể thao xã Tiên Dương, huyện Đông Anh	1	Xã Phúc Thịnh	2023-2026	DA-12063/QĐ-UBND ngày 08/12/2023	275.427	600	30.856	30.856	2.203	28.653	203.000	1	UBND Xã Phúc Thịnh	
6	Sân vận động trung tâm xã Trường Thịnh	1	xã Ứng Thiện	2025-2026	3011/QĐ-UBND ngày 2/6/2025	4.995		1.588	1.588		1.588	3.000	1	UBND xã Ứng Thiện	
7	Xây dựng Trung tâm Thể dục Thể thao quận Hoàn Kiếm tại địa điểm 225 đường Hồng Hà	1	Hồng Hà	2024-2027	2863/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	248.788		3.311	3.311	897	2.414	208.000	1	UBND phường Hồng Hà	
VỊ	Lĩnh vực văn hóa thông tin (du lịch) - Lĩnh vực văn hóa thông tin khác	9				646.880	2.000	249.911	249.911	112.842	137.069	259.500	9		
1	Trung tâm văn hóa thể thao xã Chuyên Mỹ	1	Xã Chuyên Mỹ	2022-2027	1182/QĐ-UBND 14/4/2023; 1023/QĐ-UBND 22/11/2025	44.120		17.000	17.000		17.000	21.000	1	UBND xã Chuyên Mỹ	
2	Trung tâm văn hóa thể dục thể thao xã Di Trạch	1	Hoài Đức	2018-2026	4701; 09/8/2018 7167; 25/12/2019	8.347	2.000	1.260	1.260	180	1.080	4.000	1	UBND xã Hoài Đức	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025				KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân (gồm cả NS cấp xã)	Trong đó: Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025 (phần Ngân sách TP hỗ trợ)						
									Tổng lũy kế giải ngân	Trong đó					
										Lũy kế giải ngân 2021-2024	KHV năm 2025				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3	Xây dựng trung tâm văn hóa thể thao xã Đại Áng, huyện Thanh Trì	1	Ngọc Hồi	2024-2027	6386/QĐ-UBND ngày 18/11/2022; 6474/QĐ ngày 23/12/24	54.948		728	728	382	346	46.000	1	UBND xã Ngọc Hồi	
4	Xây dựng trung tâm văn hóa - thể thao xã Cấn Hữu, huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội (Nay đổi tên thành Xây dựng nhà văn hóa - khu thể thao thôn Cấn thượng, xã Kiều Phú, thành phố Hà Nội)	1	Kiều Phú	2024-2026	04/NQ-HĐND 08/4/2024; 7164/QĐ-UBND 14/11/2024; 3118/QĐ-UBND ngày 19/11/2025	29.253		1.700	1.700	200	1.500	5.400	1	UBND xã Kiều Phú	
5	Xây dựng Trung tâm Văn hóa đa năng quận Hoàn Kiếm tại địa điểm 46 Hàng Cột, phường Hàng Mã	1	46 Hàng Cột	Quý IV/2022-2026	802 26/9/22; 279 17/9/25	135.922		55.468	55.468	26.969	28.500	25.000	1	UBND phường Hoàn Kiếm	
6	Sửa chữa, chống xuống cấp Trung tâm giao lưu văn hóa khu phố cổ Hà Nội tại số 50 Đào Duy Từ, quận Hoàn Kiếm	1	50 Đào Duy Từ	2024-2026	924 21/4/25	10.581		7.380	7.380	380	7.000	1.600	1	UBND phường Hoàn Kiếm	
7	Xây dựng Khu trung tâm văn hóa - thể thao huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội (Giai đoạn 2)	1	xã Vân Đình	2022-2027	998/QĐ-UBND ngày 07/10/2022; 650-06/11/2025	120.311		1.000	1.000	1.000		101.500	1	UBND xã Vân Đình	
8	Nâng cấp Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện Phúc Thọ	1	xã Phúc Thọ	2022-2026	3304-31/8/2022; 1815/QĐ-UBND ngày 19/4/2024; đc tg 1261/QĐ-UBND ngày 07/11/2025; 3111/QĐ-BQLDA ngày 03/12/2025	234.621		162.774	162.774	83.631	79.143	50.000	1	UBND xã Phúc Thọ	
9	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm văn hóa thể thao và nhà sinh hoạt tổ dân phố số 3, phường Yên Phụ	1	Hồng Hà	2024-2026	404/QĐ-UBND ngày 10/3/2025	8.777		2.600	2.600	100	2.500	5.000	1	UBND phường Hồng Hà	
VII	Lĩnh vực y tế, dân số và gia đình	10				255.362		81.322	81.322	43.350	37.972	91.900	10		
1	Cải tạo, nâng cấp trạm y tế xã Hòa Thạch, huyện Quốc Oai	1	Phù Cát	2024-2026	15/NQ-HĐND 27/6/2024; 7188/QĐ-UBND 16/11/2024 2584/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	8.038		3.500	3.500		3.500	4.000	1	UBND xã Phù Cát	
2	Cải tạo, nâng cấp Trạm y tế xã Nam Phương Tiến - khu A	1	Xã Xuân Mai	2024-2026	6886/QĐ-UBND ngày 22/11/2024	12.027		4.000	4.000		4.000	6.500	1	UBND xã Xuân Mai	
3	Mua sắm, bổ sung trang thiết bị tại các Trạm y tế và phòng khám đa khoa trực thuộc	1	Tây hồ	2023-2026	1933/QĐ-UBND ngày 20/11/2024	14.819		221	221	121	100	1.400	1	UBND phường Tây Hồ	
4	Trạm Y tế xã Song Phương	1	Sơn Đồng	2017-2026	9519; 31/10/2017	11.899		8.649	8.649	8.649		1.500	1	UBND xã Sơn Đồng	

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025			KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú	
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng lũy kế giải ngân (gồm cả NS cấp xã)	Trong đó: Lũy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025 (phần Ngân sách TP hỗ trợ)						
									Tổng lũy kế giải ngân	Lũy kế giải ngân 2021-2024					KHV năm 2025
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
5	Xây mới Trạm y tế phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân	1	Phường Thanh Liệt	2024-2026	326/QĐ-UBND ngày 30/01/2024; 854/QĐ-UBND ngày 08/11/2025	7.210		3.125	3.125		3.125	3.000	1	UBND phường Thanh Liệt	
6	Xây dựng trạm y tế xã Bắc Hồng	1	Xã Phúc Thịnh	2025-2027	ĐA-3540/QĐ-UBND ngày 20/3/2025	14.982		3.042	3.042	100	2.942	10.000	1	UBND Xã Phúc Thịnh	
7	Sửa chữa, chống xuống cấp phòng khám tại 36 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm	1	36 Ngô Quyền	2024-2026	2864 ngày 29/11/2024; 2100 ngày 11/11/2025	13.323		4.155	4.155		4.155	7.500	1	UBND phường Cửa Nam	
8	Xây dựng trạm y tế xã Trung Giã	1	xã Trung Giã	2024-2026	2099 10/4/2025	11.000		3.200	3.200	200	3.000	7.000	1	UBND xã Trung Giã	
9	Xây dựng phòng khám đa khoa quận tại 26 Lương Ngọc Quyền, quận Hoàn Kiếm	1	26 Lương Ngọc Quyền	2024-2027	1657 11/11/24	148.565		50.780	50.780	34.280	16.500	40.000	1	UBND phường Hoàn Kiếm	
10	Cải tạo, nâng cấp Trạm y tế xã Vĩnh Quỳnh, huyện Thanh Trì	1	Đài Thanh	2024-2026	2355/QĐ-UBND ngày 16/05/2025	13.499		650	650		650	11.000	1	UBND xã Đại Thanh	
VIII	Lĩnh vực phát thanh, truyền hình, thông tin	3				44.411		16.349	16.349		16.349	22.306	3		
1	Nâng cấp trang thiết bị phát thanh của Trung tâm VH&TT và hệ thống đài truyền thanh trên địa bàn xã Hoài Đức	1	Hoài Đức	2022-2026	4379; 30/9/2024 2270; 12/11/2025	12.077		329	329		329	10.000	1	UBND xã Hoài Đức	
2	Nâng cấp hệ thống đài truyền thanh trên địa bàn xã Hải Bối	1	xã Vĩnh Thanh	2024-2026	4999/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	3.826		1.020	1.020		1.020	2.806	1	UBND xã Vĩnh Thanh	
3	Dự án Cải tạo, nâng cấp hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin-viễn thông quận Bắc Từ Liêm	1	Tây Tựu	2024-11/2026	699/QĐ-UBND ngày 25/2/2025	28.508		15.000	15.000		15.000	9.500	1	UBND phường Tây Tựu	
IX	Lĩnh vực khác – HTKT tái định cư	1				184.332		139.068				45.000	1		
1	Xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư X5 (xã Phú Sơn) phục vụ dự án đầu tư xây dựng công viên nghỉ dưỡng Yên Kỳ (giai đoạn 1), xã Phú Sơn, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội	1	Vật Lại	2019-2027	3918/QĐ-UBND ngày 27/6/2017; 3357/QĐ-UBND ngày 8/7/2024 868/QĐ-UBND ngày 30/10/2025	184.332		139.068				45.000	1	UBND xã Vật Lại	

12

Phụ lục 12

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2026-2030
VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CỦA XÃ, PHƯỜNG

(Kèm theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 28 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	KHỐI XÃ, PHƯỜNG (126 XÃ, PHƯỜNG)	NGUỒN VỐN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2026-2030			GHI CHÚ
		Tổng số KHV trung hạn giai đoạn 2026-2030	Nguồn tiền sử dụng đất	Nguồn xây dựng cơ bản tập trung	
1	2	3=4+5	4	5	6
	Tổng số	172.923.000	96.515.043	76.407.957	
1	UBND Phường Hoàng Mai	2.792.943	2.199.527	593.416	
2	UBND Phường Hoàn Kiếm	1.068.561	60.000	1.008.561	
3	UBND Xã Hòa Phú	628.323	188.111	440.212	
4	UBND Xã Phù Đồng	1.701.857	980.174	721.683	
5	UBND Xã Văn Đình	917.864	361.990	555.874	
6	UBND Xã Thanh Oai	927.738	467.157	460.581	
7	UBND Xã Cổ Đô	784.078	221.165	562.913	
8	UBND Xã Thạch Thất	1.134.480	620.996	513.484	
9	UBND Phường Khương Đình	820.559	91.000	729.559	
10	UBND Xã Bình Minh	937.391	415.822	521.569	
11	UBND Xã Phúc Thịnh	5.573.416	4.823.780	749.636	
12	UBND Phường Tây Mỗ	1.025.412	424.670	600.742	
13	UBND Xã Sóc Sơn	3.688.437	2.860.661	827.776	
14	UBND Xã Xuân Mai	1.352.178	644.471	707.707	
15	UBND Phường Hồng Hà	702.394	127.294	575.100	
16	UBND Phường Bồ Đề	1.106.773	433.380	673.393	
17	UBND Phường Long Biên	2.114.423	1.613.805	500.618	
18	UBND Xã Phú Cát	950.455	341.217	609.238	
19	UBND Xã Đại Xuyên	911.333	335.765	575.568	
20	UBND Phường Phú Diễn	1.448.013	783.168	664.845	
21	UBND Xã Phú Nghĩa	901.174	320.524	580.650	
22	UBND Xã Thiên Lộc	2.373.499	1.874.800	498.699	
23	UBND Xã Hưng Đạo	1.266.682	811.818	454.864	
24	UBND Xã Vĩnh Thanh	621.574	117.158	504.416	
25	UBND Xã Ứng Hòa	809.768	124.154	685.614	
26	UBND Xã Trung Giã	2.664.834	1.873.905	790.929	
27	UBND Xã Quốc Oai	1.014.927	556.887	458.040	
28	UBND Xã Hương Sơn	619.697	70.741	548.956	
29	UBND Xã Ứng Thiên	933.741	464.266	469.475	
30	UBND Xã Thư Lâm	4.190.339	3.408.303	782.036	
31	UBND Xã Đông Anh	3.918.834	3.147.760	771.074	
32	UBND Phường Giảng Võ	1.097.086	262.519	834.567	
33	UBND Phường Thượng Cát	1.324.842	828.049	496.793	

STT	KHỐI XÃ, PHƯỜNG (126 XÃ, PHƯỜNG)	NGUỒN VỐN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2026-2030			GHI CHÚ
		Tổng số KHV trung hạn giai đoạn 2026-2030	Nguồn tiền sử dụng đất	Nguồn xây dựng cơ bản tập trung	
34	UBND Phường Đông Ngạc	669.096	30.000	639.096	
35	UBND Phường Cầu Giấy	1.604.889	924.170	680.719	
36	UBND Phường Vĩnh Hưng	1.855.241	1.227.580	627.661	
37	UBND Xã Thường Tín	1.548.154	1.050.726	497.428	
38	UBND Xã Nam Phú	573.476	102.730	470.746	
39	UBND Xã Hòa Xá	831.832	293.924	537.908	
40	UBND Phường Ba Đình	728.122	175.000	553.122	
41	UBND Xã Quảng Oai	940.135	363.296	576.839	
42	UBND Phường Phương Liệt	772.202	75.000	697.202	
43	UBND Xã Yên Lãng	2.122.538	1.538.711	583.827	
44	UBND Xã Hạ Bằng	948.547	480.977	467.570	
45	UBND Phường Thanh Xuân	1.009.691	75.000	934.691	
46	UBND Xã Bất Bạt	1.108.550	556.104	552.446	
47	UBND Phường Chương Mỹ	964.291	368.394	595.897	
48	UBND Xã Thượng Phúc	1.662.154	1.189.502	472.652	
49	UBND Xã Hát Môn	2.280.485	1.709.364	571.121	
50	UBND Xã Thuận An	1.634.638	1.080.670	553.968	
51	UBND Phường Cửa Nam	990.136	61.550	928.586	
52	UBND Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám	1.061.622	142.365	919.257	
53	UBND Phường Hai Bà Trưng	889.938	150.000	739.938	
54	UBND Phường Hà Đông	1.201.256	377.678	823.578	
55	UBND Phường Việt Hưng	1.878.229	1.248.183	630.046	
56	UBND Xã An Khánh	2.004.328	1.393.184	611.144	
57	UBND Phường Thanh Liệt	807.684	250.288	557.396	
58	UBND Phường Sơn Tây	1.839.902	1.260.522	579.380	
59	UBND Phường Bạch Mai	877.473	60.000	817.473	
60	UBND Xã Sơn Đồng	974.001	427.595	546.406	
61	UBND Phường Vĩnh Tuy	1.024.189	200.000	824.189	
62	UBND Xã Phú Xuyên	2.858.819	2.129.512	729.307	
63	UBND Xã Đa Phúc	3.098.481	2.475.267	623.214	
64	UBND Xã Bát Tràng	936.397	483.439	452.958	
65	UBND Xã Dương Hòa	1.412.532	906.210	506.322	
66	UBND Xã Phúc Sơn	1.230.369	653.500	576.869	
67	UBND Phường Phúc Lợi	1.052.274	489.384	562.890	
68	UBND Xã Hồng Vân	2.352.645	1.864.746	487.899	
69	UBND Phường Ngọc Hà	846.456	181.000	665.456	
70	UBND Xã Tiến Thắng	1.625.368	1.059.329	566.039	
71	UBND Xã Thanh Trì	976.801	464.126	512.675	
72	UBND Phường Từ Liêm	1.188.943	494.183	694.760	
73	UBND Xã Tam Hưng	1.208.703	747.486	461.217	

STT	KHỐI XÃ, PHƯỜNG (126 XÃ, PHƯỜNG)	NGUỒN VỐN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2026-2030			GHI CHÚ
		Tổng số KHV trung hạn giai đoạn 2026-2030	Nguồn tiền sử dụng đất	Nguồn xây dựng cơ bản tập trung	
74	UBND Phường Phú Lương	744.664	288.530	456.134	
75	UBND Xã Chương Dương	2.345.008	1.844.404	500.604	
76	UBND Phường Yên Sở	1.479.220	998.309	480.911	
77	UBND Phường Đồng Đa	753.699	41.844	711.855	
78	UBND Phường Dương Nội	1.144.132	664.882	479.250	
79	UBND Xã Liên Minh	1.176.077	730.107	445.970	
80	UBND Phường Tây Hồ	1.077.989	402.154	675.835	
81	UBND Phường Tùng Thiện	1.187.925	682.874	505.051	
82	UBND Xã Đại Thanh	1.087.931	497.751	590.180	
83	UBND Xã Quang Minh	2.507.460	1.943.327	564.133	
84	UBND Xã Kiêu Phú	1.716.554	1.224.208	492.346	
85	UBND Xã Quảng Bị	968.743	455.259	513.484	
86	UBND Phường Xuân Đình	752.025	100.000	652.025	
87	UBND Xã Nội Bài	2.434.426	1.712.107	722.319	
88	UBND Xã Đoài Phương	1.853.022	1.236.796	616.226	
89	UBND Xã Kim Anh	2.937.520	2.310.494	627.026	
90	UBND Xã Suối Hai	684.985	60.500	624.485	
91	UBND Xã Trần Phú	574.678	57.124	517.554	
92	UBND Xã Phúc Thọ	1.638.040	1.093.601	544.439	
93	UBND Xã Dân Hòa	998.415	440.000	558.415	
94	UBND Xã Đan Phượng	1.411.740	905.418	506.322	
95	UBND Xã Chuyên Mỹ	706.104	222.017	484.087	
96	UBND Xã Ô Diên	1.512.043	922.499	589.544	
97	UBND Phường Phú Thượng	544.892	40.000	504.892	
98	UBND Phường Nghĩa Đô	807.643	50.000	757.643	
99	UBND Xã Hoài Đức	1.450.106	903.126	546.980	
100	UBND Xã Gia Lâm	3.149.005	2.465.234	683.771	
101	UBND Phường Đại Mỗ	1.524.810	900.258	624.552	
102	UBND Phường Tây Tựu	595.522	100.000	495.522	
103	UBND Xã Ngọc Hồi	864.980	399.316	465.664	
104	UBND Phường Yên Hòa	998.951	94.175	904.776	
105	UBND Phường Hoàng Liệt	731.495	6.000	725.495	
106	UBND Xã Vật Lại	977.259	409.112	568.147	
107	UBND Phường Định Công	687.635	35.000	652.635	
108	UBND Xã Yên Xuân	969.721	281.072	688.649	
109	UBND Xã Tây Phương	1.417.717	786.879	630.838	
110	UBND Phường Kiến Hưng	1.055.626	440.035	615.591	
111	UBND Phường Kim Liên	834.042	30.000	804.042	
112	UBND Phường Láng	855.201	100.000	755.201	
113	UBND Phường Lĩnh Nam	749.333	302.093	447.240	

STT	KHỐI XÃ, PHƯỜNG (126 XÃ, PHƯỜNG)	NGUỒN VỐN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2026-2030			GHI CHÚ
		Tổng số KHV trung hạn giai đoạn 2026-2030	Nguồn tiền sử dụng đất	Nguồn xây dựng cơ bản tập trung	
114	UBND Phường Ô Chợ Dừa	828.119	33.845	794.274	
115	UBND Phường Tương Mai	812.442	20.000	792.442	
116	UBND Phường Xuân Phương	1.717.054	1.232.309	484.745	
117	UBND Phường Yên Nghĩa	1.077.622	613.864	463.758	
118	UBND Xã Ba Vì	716.919	23.164	693.755	
119	UBND Xã Hòa Lạc	825.464	344.993	480.471	
120	UBND Xã Hồng Sơn	2.515.597	1.877.771	637.826	
121	UBND Xã Mê Linh	2.054.854	1.598.084	456.770	
122	UBND Xã Minh Châu	475.249	67.602	407.647	
123	UBND Xã Mỹ Đức	849.800	304.333	545.467	
124	UBND Xã Phúc Lộc	2.494.233	1.958.053	536.180	
125	UBND Xã Phương Dục	1.853.523	1.310.355	543.168	
126	UBND Xã Yên Bài	881.574	338.433	543.141	

Ghi chú: Các xã, phường thực hiện phân bổ Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2026-2030 ngân sách cấp xã đảm bảo các tỷ lệ đầu tư của một số ngành, lĩnh vực theo chỉ đạo của Trung ương và Thành phố như: văn hoá - thể thao trên 4% tổng chi đầu tư ngân sách cấp xã; giáo dục và đào tạo tối thiểu 5% tổng chi đầu tư ngân sách cấp xã;...



Phụ lục 8.4

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2026-2030 NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ HỖ TRỢ MỤC TIÊU ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP CẤP XÃ

Kèm theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 28 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố

CÁC DỰ ÁN HỖ TRỢ NGÀNH DỤC KHÁC

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		Lấy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KHV năm 2020 (nếu có)	Lấy kế giải ngân giai đoạn 2021-2025			KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	Công trình hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng tỷ lệ giải ngân	Trong đó					
									Lấy kế giải ngân 2021-2024	KHV năm 2025				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	Dự án chuyển tiếp cân bố trí vốn để hoàn thành	1				14.954		5.000	-	5.000	9.000	1		
1	Dự án xây dựng Trụ sở Ban chỉ huy quân sự phường Đại Kim	1	phường Định Công	2024-2026	6000/QĐ-UBND ngày 11/12/2024	14.954		5.000		5.000	9.000	1	UBND phường Định Công	

PHỤ LỤC 9

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2026-2030 NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ HỖ TRỢ MỤC TIÊU ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN MỚI CẤP XÃ

(Kèm theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 28 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố)

KHỐI KHOA GIÁO VĂN XÃ

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	CTHT giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG CỘNG	41				4.255.167	1.355.980	41		
1	Lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục dạy nghề	14				2.114.513	845.500	14		
a	Dự án đã phê duyệt dự án	14				2.114.513	845.500	14		
1	Cải tạo, sửa chữa trường THCS Song Phượng	1	xã Đan Phượng	2024-2026	QĐ 4286, ngày 18/6/2025	5.039	3.300	1	UBND xã Đan Phượng	
2	Trường mầm non trung tâm xã Viên An đạt chuẩn mức độ 2, Huyện Ứng Hòa	1	xã Ứng Thiên	2023-2026	3273/QĐ-UBND ngày 30/5/2024; 1524/QĐ-UBND ngày 17/11/2025	32.206	22.900	1	UBND xã Ứng Thiên	
3	Cải tạo, sửa chữa trường Mầm non Phú Minh	1	Xã Nội Bài	2024-2026	872 31/10/2025	14.997	12.000	1	UBND xã Nội Bài	
4	Xây dựng trường THCS tại ô quy hoạch A.8/THCS phường Ngọc Thụy	1	P Bồ Đề	2023-2028	2667 23/6/2023; QĐ điều chỉnh TG 1929/QĐ UBND ngày 13/11/2025	166.098	126.000	1	UBND P Bồ Đề	
5	Cải tạo, nâng cấp hệ thống PCCC các trường học, cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn quận Long Biên	1	P Bồ Đề	2025-2026	QĐ 3459 27/6/2025	10.900	9.000	1	UBND P Bồ Đề	
6	Cải tạo, sửa chữa Trường tiểu học Đại Kim	1	Phường Định công	2025-2027	1721/QĐ-UBND ngày 08/5/2025	13.429	8.000	1	UBND phường Định Công	

TT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	CTHT giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
7	Cải tạo sửa chữa Trường Tiểu học Chu Văn An	1	Phường Hoàng Liệt	2025-2027	1734/QĐ-UBND ngày 09/5/2025	40.487	34.000	1	UBND phường Hoàng Liệt	
8	Nâng cấp mở rộng trường Tiểu học Ngọc Hồi	1	xã Ngọc Hồi	2026-2030	6030/QĐ-UBND ngày 28/11/2024	123.081	105.600	1	UBND xã Ngọc Hồi	
9	Trường THCS Đông Sơn	1	xã Phú Nghĩa	2026-2030	5720/QĐ-UBND ngày 16/9/2024	147.925	125.700	1	UBND xã Phú Nghĩa	
10	Đầu tư, nâng cấp trường THCS Xuân Mai B	1	xã Xuân Mai	2026-2030	09/NQ-HĐND ngày 30/6/2023 8195/QĐ-UBND ngày 07/12/2023	41.262	25.000	1	UBND xã Xuân Mai	
11	Trường mầm non Tân Tiến	1	xã Xuân Mai	2026-2030	6618/QĐ-UBND ngày 14/11/2024	80.282	69.000	1	UBND xã Xuân Mai	
12	Cải tạo, nâng cấp trường Tiểu học Xuy Xá	1	xã Hồng Sơn	2026-2030	2971/QĐ-UBND ngày 13/6/2024	56.700	48.000	1	UBND xã Hồng Sơn	
13	Cải tạo, nâng cấp trường THCS xã Hùng Tiến	1	xã Hương Sơn	2026-2030	6830/QĐ-UBND ngày 28/11/2024	27.869	23.000	1	UBND xã Hương Sơn	
14	Xây dựng Trường tiểu học tại ô đất B2/TH3, thuộc khu đô thị Ao Sáo phường Thịnh Liệt	1	phường Hoàng Mai	2026-2030	6010/QĐ-UBND ngày 11/12/2024	275.209	234.000	1	UBND phường Hoàng Mai	
II	Lĩnh vực văn hóa thông tin (du lịch) - Lĩnh vực di tích	16				1.483.176	306.000	16		
a	<i>Dự án đã phê duyệt dự án</i>	16				1.483.176	306.000	16		

TT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	CTHT giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Tu bổ tôn tạo đình Thanh Trì, xã Kim Anh	1	xã Kim Anh	2026-2028	Số 2019/QĐ-UBND ngày 01/12/2025; Số 76/QĐ-UBND ngày 16/01/2026	19.774	16.700	1	UBND xã Kim Anh	
2	Tu bổ tôn tạo chùa Thanh Vân, thôn Thăng Trì, xã Kim Anh	1	xã Kim Anh	2026-2028	Số 2019/QĐ-UBND ngày 01/12/2025; Số 77/QĐ-UBND ngày 16/01/2026	33.285	28.600	1	UBND xã Kim Anh	
3	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử Đình Tăng Phúc (Thượng Cát), phường Thượng Thanh, quận Long Biên	1		2025-2027	827 27/10/2025 856 03/11/2025	46.342	35.200	1	UBND phường Việt Hưng	
4	Tu bổ, tôn tạo di tích đình, đền Phú Duy, xã An Tiến	1		2024-2026	2738 30/5/2024	23.197	19.300	1	UBND xã Hương Sơn	
5	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Văn Giang, thị trấn Đại Nghĩa, huyện Mỹ Đức	1	xã Mỹ Đức	2025-2027	4151/QĐ-UBND ngày 13/6/2025	31.176	23.800	1	UBND xã Mỹ Đức	
6	Tu bổ, tôn tạo di tích Đền Hà Xá, xã Đại Hưng	1	xã Mỹ Đức	2024-2026	3159/QĐ-UBND ngày 24/6/2024	44.689	34.000	1	UBND xã Mỹ Đức	
7	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Thụy Phiêu	1	xã Quảng Oai	2025-2027	691/QĐ-UBND ngày 24/02/2025	35.000	22.900	1	UBND xã Quảng Oai	
8	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Thịnh thôn, xã Cam Thượng	1	xã Quảng Oai	2025-2027	739/QĐ-UBND ngày 11/10/2025	45.000	37.000	1	UBND xã Quảng Oai	
9	Tu bổ tôn tạo di tích chùa thôn Bắc	1	xã Quảng Oai	2023-2026	6157/QĐ-UBND ngày 12/11/2024; 1994/QĐ-UBND ngày 30/10/2025	20.000	14.000	1	UBND xã Quảng Oai	
10	Tu bổ tôn tạo di tích đền Cao	1	xã Quảng Oai	2023-2026	6158/QĐ-UBND ngày 12/11/2024; 1995/QĐ-UBND ngày 30/10/2025	25.000	16.000	1	UBND xã Quảng Oai	

12

TT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	CTHT giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
11	Tu bổ tôn tạo di tích Nhà thờ họ Lê, xã Đông Quang	1	xã Quảng Oai	2023-2026	5862/QĐ-UBND ngày 04/11/2024; 1996/QĐ-UBND ngày 30/10/2025	9.300	6.000	1	UBND xã Quảng Oai	
12	Tu bổ tôn tạo di tích Nhà thờ họ Trần, xã Đông Quang	1	xã Quảng Oai	2023-2026	2541/QĐ-UBND ngày 28/4/2025; 1997/QĐ-UBND ngày 30/10/2025	9.000	5.000	1	UBND xã Quảng Oai	
13	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Phố, thị trấn Tây Đằng	1	xã Quảng Oai	2025-2027	828/QĐ-UBND ngày 20/10/2025	23.120	19.700	1	UBND xã Quảng Oai	
14	Tu bổ, tôn tạo chùa Thụy Hương, xã Phú Cường	1	Xã Nội Bài	2024-2026	857 31/10/2025	18.971	15.300	1	UBND xã Nội Bài	
15	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa An Định, xã Tô Hiệu, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	Xã Phú Xuyên	2024-2026	1245/QĐ-UBND ngày 25/4/2024	9.977	2.500	1	UBND xã Phú Xuyên	
16	Tu bổ, tôn tạo di tích Chùa Nhận Tháp, xã Song Phượng	1	xã Đan Phượng	2025-2027	1609, ngày 13/3/2025	17.799	10.000	1	UBND xã Đan Phượng	
III	Lĩnh vực thể dục, thể thao	2				474.285	58.000	2		
a	<i>Dự án đã phê duyệt dự án</i>	<i>2</i>				<i>474.285</i>	<i>58.000</i>	<i>2</i>		
1	Xây dựng khu cây xanh kết hợp thể dục thể thao và văn hóa xã Tam Hiệp, huyện Thanh Trì	1	Đại Thanh	2024-2026	6806/QĐ-UBND ngày 06/12/2022	30.789	25.000	1	UBND xã Đại Thanh	
2	Xây dựng trung tâm thể thao xã Lại Yên	1	Sơn Đồng	2021-2027	6008; 12/11/2021; 99/QĐ-UBND ngày 16/1/2026	39.399	33.000	1	UBND xã Sơn Đồng	
IV	Lĩnh vực y tế, dân số và gia đình	1				8.074	6.600	1		
a	<i>Dự án đã phê duyệt dự án</i>	<i>1</i>				<i>8.074</i>	<i>6.600</i>	<i>1</i>		
1	Xây dựng Trung tâm y tế huyện Thạch Thất	1	xã Tây Phương	2025-2027	855/QĐ-UBND 21/02/2024, 2165/QĐ-UBND ngày 24/10/2025	8.074	6.600	1	UBND xã Tây Phương	
VI	Lĩnh vực văn hóa thông tin (du lịch) - Nhà văn hóa thôn	3				84.053	64.580	3		

TT	Tên dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định dự án đầu tư được duyệt		KHV trung hạn 5 năm 2026-2030	CTHT giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
a	Dự án đã phê duyệt dự án	3				84.053	64.580	3		
1	Xây dựng nhà văn hóa trung tâm, sân thể thao xã Chàng Sơn	1	xã Tây Phương	2026-2028	20/NQ-HĐND 21/10/2022 (CT), 2171/QĐ_UBND ngày 24/10/2025	61.033	51.680	1	UBND xã Tây Phương	
2	Nhà văn hoá thôn Xám Thị, xã Hồng Vân, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1	xã Hồng Vân	2024-2026	21/QĐ-UBND ngày 16/3/2022; 162/QĐ-UBND ngày 03/12/2024	6.408	5.700	1	UBND xã Hồng Vân	
3	Xây dựng nhà văn hóa thôn 4 xã Lại Yên	1	Sơn Đồng	2023-2026	5043; 29/11/2024	8.773	7.200	1	UBND xã Sơn Đồng	
VIII	Lĩnh vực phát thanh, truyền hình, thông tin	2				55.614	46.800	2		
a	Dự án đã phê duyệt dự án	2				55.614	46.800	2		
1	Nâng cấp hệ thống đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin – viễn thông trên địa bàn xã Kim Anh	1	Xã Kim Anh	2025-2028	Số 2019/QĐ-UBND ngày 01/12/2025; Số 70/QĐ-UBND ngày 15/01/2026	13.672	11.500	1	UBND xã Kim Anh	
2	Đầu tư phát triển lĩnh vực thông tin cơ sở trên địa bàn quận Đống Đa	1	phường Đống Đa	2024-2026	4309/QĐ-UBND ngày 30/9/2024	41.942	35.300	1	UBND phường Đống Đa	
IX	Lĩnh vực xã hội (lao động thương binh và xã hội)	3				35.453	28.500	3		
a	Dự án đã phê duyệt dự án	3				35.453	28.500	3		
1	Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ xã Tiến Xuân, Yên Bình	1		2025-2027	874/QĐ-UBND ngày 14/11/2025	9.500	7.000	1	UBND xã Yên Xuân	
2	Xây dựng, mở rộng nghĩa trang khu đồng Mép xã Chàng Sơn	1	xã Tây Phương	2025-2027	9049/QĐ-UBND 25/11/2022, 1399/QĐ-UBND ngày 20/10/2024	16.957	14.000	1	UBND xã Tây Phương	
3	Xây dựng, mở rộng nghĩa trang thôn Phú Ô xã Bình Phú	1	xã Tây Phương	2023-2026	9051/QĐ-UBND 25/11/2022, 1399/QĐ-UBND ngày 20/10/2025	8.996	7.500	1	UBND xã Tây Phương	



Phụ lục 10

CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ (CHO CÁC DỰ ÁN PPP, DỰ ÁN SỬ DỤNG XDCB ĐẦU TƯ CÔNG CẤP THÀNH PHỐ)

(Kèm theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 28 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Số DA	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt dự toán chuẩn bị đầu tư		Kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2026-2030	KHV năm 2026 đã bố trí	Đơn vị được giao nhiệm vụ lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày tháng	TMDT				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Tổng số kế hoạch vốn						2.000.000	1.000.000		
I	Kế hoạch vốn phân bổ chi tiết	5				2.337.849	594.000	594.000		
1	Dự án đầu tư xây dựng ĐSĐT, ĐSĐT theo mô hình TOD thành phố HN, tuyến số 2A kéo dài (Hà Đông - Xuân Mai)	1	Hà Nội	2025-2030	2955/QĐ-UBND ngày 14/6/2025; 205/QĐ-ĐSĐT-KTTĐ	436.614	179.000	179.000	Ban Quản lý đường sắt đô thị Hà Nội	
2	Dự án đầu tư xây dựng ĐSĐT, ĐSĐT theo mô hình TOD thành phố HN, tuyến số 2.2 (Trần Hưng Đạo - Thượng Đình)	1	Hà Nội	2025-2030	2955/QĐ-UBND ngày 14/6/2025; 205/QĐ-ĐSĐT-KTTĐ	270.608	67.000	67.000	Ban Quản lý đường sắt đô thị Hà Nội	
3	Dự án đầu tư xây dựng ĐSĐT, ĐSĐT theo mô hình TOD thành phố HN, tuyến số 2.3 (Nam Thăng Long - Nội Bài)	1	Hà Nội	2025-2030	2955/QĐ-UBND ngày 14/6/2025; 205/QĐ-ĐSĐT-KTTĐ	512.334	124.000	124.000	Ban Quản lý đường sắt đô thị Hà Nội	
4	Dự án đầu tư xây dựng ĐSĐT, ĐSĐT theo mô hình TOD thành phố HN, Tuyến số 3.3 (Trôi - Nhôn và kéo dài đi Sơn Tây)	1	Hà Nội	2025-2035	2955/QĐ-UBND ngày 14/6/2025; 205/QĐ-ĐSĐT-KTTĐ	586.192	99.000	99.000	Ban Quản lý đường sắt đô thị Hà Nội	
5	Dự án đầu tư xây dựng đường sắt đô thị thành phố Hà Nội, tuyến số 5, Văn Cao - Ngọc Khánh - Láng - Hòa Lạc	1	Hà Nội	2025-2030	1301/QĐ-UBND ngày 06/3/2025; 219/QĐ-ĐSĐT-KTTĐ ngày 03/10/2025	532.101	125.000	125.000	Ban Quản lý đường sắt đô thị Hà Nội	
II	Kế hoạch vốn chưa phân bổ chi tiết						1.406.000	406.000		

✓



Phụ lục 11

GHỊ THU CHI NGUỒN TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT ĐỐI ỨNG CÁC DỰ ÁN BT ĐANG TRIỂN KHAI

(Kèm theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 28 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Danh mục dự án BT	Số DA	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Giá trị HD, PLHD BT	Giá trị HD, để nghị thẩm tra hoặc Giá trị phê duyệt QT	Dự án đối ứng		Kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2026-2030	Kế hoạch năm 2026 đã bố trí	Ghi chú
							Nghĩa vụ tài chính tương ứng các lần giao đất	Số tiền sử dụng đất đã nộp ngân sách (chênh lệch)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Tổng số								3.000.000		
I	Phân bổ chi tiết	2			11.067.027	11.067.027	8.401.936	510.120	1.200.000	1.200.000	
1	Xây dựng đường trục phía Nam tỉnh Hà Tây	1	Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 5, Công ty cổ phần phát triển địa ốc Cienco 5	Hoàn thành Quý IV/2025	5.566.046	5.566.046	6.586.130	510.120	933.000	933.000	
2	Xây dựng tuyến đường từ đê Ngọc Thụy đi khu đô thị mới Thượng Thanh	1	CTCP Khai Sơn	Quý 2/2016-Quý IV/2026)	1.069.154	1.069.154	801.738		267.000	267.000	
II	Kế hoạch vốn chưa phân bổ								1.800.000		